

KHTN-SINH 7- HK I

Tuần: 1,2. 3

Ngày soạn: 03/9/2023

Tiết 1,2,3

BÀI 21: KHÁI QUÁT VỀ TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 03 tiết

Mục tiêu:

Kiến thức:

- Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng.
- Nêu được vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong cơ thể.

Năng lực:

Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, sơ đồ sự sinh trưởng và phát triển của thực vật và động vật.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, hợp tác cùng nhau trong thực hiện hoạt động quan sát và phân tích sơ đồ sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: đưa ra câu trả lời của mình cho tình huống thực tế sau khi xem xong video quảng cáo nước giải khát bù nước, bổ sung các chất điện giải cho cơ thể.

Năng lực khoa học tự nhiên :

- Năng lực nhận biết KHTN: Nhận biết, phân biệt được sự sinh trưởng, phát triển của sinh vật qua quan sát và phân tích sơ đồ.
- Năng lực tìm hiểu tự nhiên: Tìm hiểu về sự sinh trưởng và phát triển của thực vật, động vật.
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Xác định được cơ chế của các hiện tượng thực tế như toát mồ hôi, thở nhanh, nhịp tim tăng...khi vận động hay lao động nặng. Xác định được cơ chế của việc bổ sung các chất cần thiết cho cơ thể...

Phẩm chất: Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.

Thiết bị dạy học và học liệu

Giáo viên:

- Hình ảnh minh họa cho sự sinh trưởng và phát triển của cây khoai tây và con gà.
- Hình ảnh các sản phẩm bù nước, các hoạt động như vận động, lao động nặng...
- Video quảng cáo nước uống bù nước, bổ sung các chất điện giải...

Học sinh:

- Bài mới ở nhà.
- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Mở đầu: (Xác định vấn đề học tập là xem video quảng cáo nước uống bù nước, bổ sung các chất điện giải)

Mục tiêu:

- Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập vì sao cần phải bù nước, bổ sung các chất điện giải cho cơ thể sau khi vận động nhiều, lao động nặng.

Nội dung:

- Học sinh thực hiện thảo luận nhóm 4, đưa ra câu trả lời cho tình huống quảng cáo đề cập đến.

Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh ghi trên phiếu học tập KWL. HS làm rõ 2 vấn đề:
 - + Hiện tượng gì xảy ra sau khi vận động nhiều hoặc lao động nặng?
 - + Việc uống nhiều nước hay các loại nước giải khác có tác dụng gì? Cơ chế?
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập Chiếu video quảng cáo https://www.youtube.com/watch?v=Vv3wCEFN78s GV phát phiếu học tập KWL và yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 4 theo yêu cầu viết trên phiếu trong 5 phút. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV. Hoàn thành phiếu học tập. - Giáo viên: Theo dõi và bổ sung khi cần. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên nhóm trình bày, mỗi nhóm trình bày 1 nội dung trong phiếu. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá: - Giáo viên nhận xét, đánh giá: ->Giáo viên vào bài thông qua tình huống được đề cập trong video quảng cáo và qua phần thảo luận của HS đã trình bày: Đề trả lời câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay. ->Giáo viên nêu mục tiêu bài học: theo mục tiêu SGK.	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm của trao đổi chất.
- Nêu được khái niệm của chuyển hóa năng lượng.
- Nêu được mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng.

Nội dung:

Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, hình ảnh minh họa và trả lời các câu hỏi sau:

H1. Theo các em, sơ đồ ở hình 1, 2 mô tả điều gì?

H2. Ở hình 3, 4 là trao đổi chất hay là chuyển hóa năng lượng?

H3. Xác định dạng năng lượng chuyển hóa ở hình 3, 4.

- HS hoạt động nhóm đôi và xung phong trả lời qua trò chơi “Cặp đôi hoàn hảo nhất”

- HS hoạt động cá nhân nghiên cứu tài liệu và qua hoạt động trên, HS trả lời câu hỏi:

H4. Phát biểu khái niệm trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng.

Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về sơ đồ sự trao đổi chất và quá trình chuyển hóa năng lượng ở thực vật và động vật	

*Chuyên giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong SGK trả lời câu hỏi H1,H2, H3. - GV yêu cầu HS lấy giấy A3/bảng nhóm để trả lời câu hỏi.	I. Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng - Trao đổi chất là quá trình cơ thể lấy các chất từ môi trường , biến đổi chúng thành các chất cần thiết cho cơ thể và tạo năng lượng
--	---

*Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động ra giấy A3/bảng nhóm. *Báo cáo kết quả và thảo luận HS tham gia trò chơi “Cặp đôi hoàn hảo”. GV cho HS nhanh tay giơ bảng, chọn 3 cặp nhanh nhất để tham gia “Cặp đôi hoàn hảo”. Các cặp đôi mang bảng lên bảng, lần lượt trình bày. Cặp đôi trả lời đúng nhất sẽ trở thành cặp đôi hoàn hảo nhất. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. GV nhận xét và chốt nội dung Khái niệm Sự trao đổi chất và mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng.	cung cấp cho các hoạt động sống , đồng thời trả lại môi trường các chất thải. - Chuyển hóa năng lượng là sự biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác.
Hoạt động 2.2: Vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng.	
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV đưa ra câu hỏi tình huống giả định: Nếu chúng ta nhịn ăn, nhịn uống hoặc cây xanh không được tưới nước...thì điều gì sẽ xảy ra? Từ đây cho thấy giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng có mối quan hệ như thế nào với nhau? Gv chiếu hình 21.1, 21.2 . Yêu cầu HS quan sát , đọc thông tin mục II , nêu được vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng đối với sự sinh trưởng của cây khoai tây và con gà. Lấy thêm được VD về vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoạt động cá nhân, đưa ra quan điểm của mình. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một vài HS trả lời. Câu 1. Mọi cơ thể sống đều không ngừng trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng với môi trường, khi trao đổi chất dừng lại thì sinh vật sẽ chết. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng có vai trò đảm bảo cho sinh vật tồn tại. - Ở cây khoai tây (Hình 21.1): trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng giúp cơ thể sinh trưởng, phát	II. Vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng - Mọi cơ thể sống đều không ngừng trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng với môi trường, khi trao đổi chất dừng lại thì sinh vật sẽ chết. à Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng có vai trò đảm bảo cho sinh vật tồn tại.

triển, cảm ứng, sinh sản.	
---------------------------	--

Ổ con gà (Hình 21.2): trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng giúp cơ thể sinh trưởng, phát triển, cảm ứng, vận động và sinh sản. Câu 2. Ví dụ Hạt nảy mầm và phát triển được ở cây con là nhờ trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng giúp tế bào lớn lên và phân chia. Sau khi chúng ta ăn vào, cơ thể sẽ phân hủy các năng lượng chứa trong phân tử thức ăn, gọi là glucose và chuyển hóa thành glycogen, đây là nguồn dự trữ năng lượng của cơ thể. Ngược lại khi chúng ta đói, cơ thể thiếu năng lượng, cơ thể phân giải glycogen thành đường giúp cung cấp năng lượng cho cơ thể. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. GV nhận xét và chốt nội dung về mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng. * Lồng ghép giáo dục về chăm sóc sức khỏe (đặc biệt trong cách giảm cân) hay bảo vệ chăm sóc cây cối....	
--	--

Hoạt động 3: Luyện tập

Mục tiêu:

Củng cố cho HS kiến thức về các nhóm thực vật và vai trò của thực vật

Nội dung: Câu hỏi luyện tập

1, Chọn từ, cụm từ phù hợp hoàn thành đoạn thông tin sau

Trao đổi chất là quá trình cơ thể lấy các chất từ môi trường , ...(1).. chúng thành các chất ...(2)... cho cơ thể và tạo ...(3)... cung cấp cho các hoạt động sống, đồng thời trả lại môi trường các ...(4).

Chuyển hóa năng lượng là sự biến đổi ...(5) ...từ dạng này sang dạng khác

2, Cho các yếu tố nước uống, carbon dioxide, Oxygen, năng lượng nhiệt, chất thải, thức ăn. Xác định những yếu tố mà cơ thể lấy vào, thải ra

Sản phẩm:

Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập do học sinh thực hiện

Câu 1 :

- 1, biến đổi
- 2, cần thiết
- 3, năng lượng
- 4, chất thải

5, năng lượng

Câu 2 : Lấy vào : nước uống, Oxygen, thức ăn

Thải ra : carbon dioxide, năng lượng nhiệt, chất thải

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Gv chiếu bài tập, yêu cầu HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi ra vở bài tập * Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thực hiện theo yêu cầu của GV. * Báo cáo kết quả - GV có thể hỏi theo từng câu, hoặc nhận xét vở 1 số HS. * Kết luận, đánh giá - Đánh giá qua Rubrics theo các mức độ nhận thức.	

Phiếu đánh giá mức độ thực hiện Luyện tập

Mức ĐG	Mức biết	Mức hiểu	Mức vận dụng
Tiêu chí	Trả lời được Câu 1- Phần luyện tập.	Hoàn thành bài tập điền từ ở Câu 1 Trả lời được Câu 2- Phần luyện tập.	Hoàn thành bài tập điền từ ở Câu 1. Trả lời được Câu 2- Phần luyện tập.

Hoạt động 4: Vận dụng

Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

Nội dung:

- Dựa vào kiến thức đã học hoàn thành sơ đồ tư duy tổng kết bài học
- Yêu cầu HS tìm hiểu để trả lời câu hỏi: Tại sao trời nắng nóng cây có hiện tượng bị héo lá, người cảm thấy nhanh khát nước?

Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy và câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập Yêu cầu HS: + Khái quát lại nội dung trọng tâm của bài đã học bằng sơ đồ tư duy vào vở học. + Trả lời câu hỏi: Tại sao trời nắng nóng một số cây có hiện tượng bị héo lá, người cảm thấy nhanh khát nước? *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện theo nhóm làm ra sản phẩm và trả lời câu hỏi. *Báo cáo kết quả và thảo luận Câu trả lời của HS. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, góp ý.	
--	--

PHIẾU HỌC TẬP

Bài 21: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG

Họ và tên:

Lớp: Nhóm: H1.

Theo các em, sơ đồ ở hình 1, 2 mô tả điều gì?

.....
.....
.....
.....

H2. Ở hình 3, 4 là trao đổi chất hay là chuyển hóa năng lượng?

.....
.....
.....
.....

H3. Xác định dạng năng lượng chuyển hóa ở hình 3, 4.

.....
.....
.....
.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TỪNG HỌC SINH TRONG NHÓM

Nhóm

T T	Tên học sinh	Chức vụ trong nhóm	Các tiêu chí đánh giá			Điểm
			Tích cực (10 điểm)	Chưa tích cực (5 điểm)	Không tham gia hoạt động (0 điểm)	
1						
2						
3						
4						
5						
6						

Tuần: 4,5,6 Ngày soạn: 21/9/2023
Tiết 4,5,6
BÀI 22: QUANG HỢP Ở THỰC VẬT

Môn học: Khoa học tự nhiên – Lớp 7. Thời gian thực hiện: 03 tiết.

MỤC TIÊU

Kiến thức

Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp.

Viết được phương trình quang hợp.

Nêu được mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong quang hợp.

Nêu được vai trò của lá cây với chức năng quang hợp.

*** Đối với HS khuyết tật: Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp.**

Năng lực

Năng lực chung

Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, nhận xét, quan sát tranh ảnh để thực hiện các nhiệm vụ học tập khi tìm hiểu về quang hợp.

Giao tiếp và hợp tác: Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự. Xác định nội dung hợp tác nhóm. Thảo luận nhóm nêu được khái niệm quang hợp, viết phương trình tổng quát quang hợp, phân tích được vai trò của lá cây với chức năng quang hợp. đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo.

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức về quang hợp ở cây vào giải thích 1 số hiện tượng trong thực tiễn. Vận dụng được những hiểu biết về vai trò của lá cây đối với quang hợp để có biện pháp chăm sóc và bảo vệ lá cây nói riêng và cây trồng nói chung.

*** Đối với HS khuyết tật: Biết tham gia hoạt động nhóm, giúp đỡ các bạn trong nhóm.**

Năng lực khoa học tự nhiên

Nhận thức khoa học tự nhiên: Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp; Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp; Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ); Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.

Tìm hiểu tự nhiên: Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp; phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về vai trò của quang hợp đối với tự nhiên và các sinh vật khác.

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.

Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm tìm hiểu về quang hợp ở thực vật. Có niềm tin khoa học, luôn cố gắng vươn lên trong học tập.

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Trung thực báo cáo chính xác, nhận xét khách quan kết quả thực hiện.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của các bạn trong lớp.
- Yêu thiên nhiên, có ý thức để bảo vệ cây xanh, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sống.

THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo viên**
- Máy chiếu
 - Tranh ảnh về hình thái, giải phẫu của lá, cấu tạo của lục lạp.
- Học sinh**

- Học bài cũ.
- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài mới.

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Tổ chức lớp**
- Hoạt động 1: Mở đầu** (Xác định vấn đề học tập là tìm hiểu quang hợp ở thực vật)

Mục tiêu: HS xác định được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

Nội dung: GV yêu cầu HS xem video và trả lời câu hỏi.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV cho HS xem video về quá trình lớn lên của cây xanh. Nêu vấn đề: ?1. Cây xanh chỉ cần trồng ở nơi có ánh sáng, được tưới nước là có thể sống và lớn lên, hầu hết các loài sinh vật khác như động vật hay con người có làm được như vậy không? <i>* Đối với HS khuyết tật: Biết theo dõi video nghe bạn trả lời, ghi nhớ.</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập: Học sinh xem video và suy nghĩ tìm trả lời câu hỏi. GV có thể chiếu lại video lần 2 để HS hiểu rõ hơn. <i>* Báo cáo kết quả và thảo luận:</i> GV gọi 1 HS bắt	

kì trả lời câu hỏi. HS khác bổ sung, nhận xét, đánh giá. * Kết luận, nhận định: GV dẫn dắt vào bài Thực vật có khả năng kì diệu mà các sinh vật khác không có, vậy khả năng đó thực chất là gì? Diễn ra ở đâu và diễn ra như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài 20. Quang hợp ở thực vật.	
---	--

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu khái niệm và phương trình quang hợp

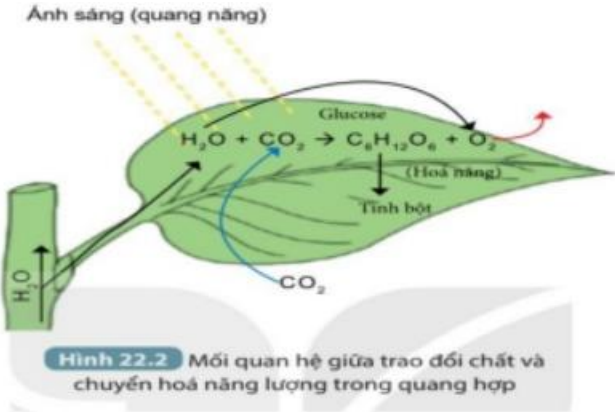
Mục tiêu: HS nêu được khái niệm và viết được phương trình tổng quát về quang hợp. Nêu được mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong quang hợp.

*** Đối với HS khuyết tật:** Nêu được khái niệm quang hợp. Biết được nguyên liệu, sản phẩm của quá trình quang hợp

b.Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học, đọc thông tin sách giáo khoa mục I, quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: * Đối với HS khuyết tật: Nêu được khái niệm quang hợp. Trả lời được nguyên liệu, sản phẩm của quá trình quang hợp GV giới thiệu tranh minh họa quá trình quang hợp ở thực vật.  Yêu cầu HS quan sát tranh bức tranh trả lời tiếp câu hỏi sau:	Khái quát về quang hợp Khái niệm quang hợp Quang hợp là quá trình lá cây sử dụng nước và khí carbon dioxide nhờ năng lượng ánh sáng đã được diệp lục hấp thu để tổng hợp chất hữu cơ và giải phóng oxygen. Phương trình tổng quát $\text{Nước} + \text{carbon dioxide} \rightarrow \text{Glucose} + \text{Oxygen}$

?1. Cho biết nguyên liệu (chất lấy vào), sản phẩm (chất tạo ra), các yếu tố tham gia trong quá trình quang hợp ?2. Lá cây lấy các nguyên liệu để thực hiện quá trình quang hợp ở đâu	
?3. Viết phương trình quang hợp. ?4. Từ phương trình tổng quát phát biểu khái niệm quang hợp. Thực hiện nhiệm vụ học tập: Cá nhân quan sát hình, thảo luận trong đội chơi, phân công nhiệm vụ thành viên. Báo cáo kết quả và thảo luận: Yêu cầu đại diện lần lượt các đội chơi trò chơi „Tiếp sức” và trả lời câu hỏi. * Kết luận, nhận định: - GV nhận xét, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đưa đáp án ?1. Nguyên liệu: Carbon dioxide, nước. Sản phẩm tạo thành: oxygen, chất hữu cơ. Các yếu tố tham gia: Ánh sáng, diệp lục. ?2. Lá cây lấy các nguyên liệu để thực hiện quá trình quang hợp từ đâu Carbon dioxide: lá lấy từ không khí. Nước: rễ hút từ đất, sau đó được vận chuyển lên lá. Năng lượng: ánh sáng mặt trời (hoặc nhân tạo). Chất diệp lục: trong bào quan lục lạp. - Kết luận	

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong quang hợp

Mục tiêu: HS nêu được cơ quan sinh sản ở thực vật có hoa. Mối quan hệ giữa TĐC và chuyển hóa năng lượng.

*** Đối với HS khuyết tật: Không yêu cầu**

Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học, đọc thông tin sách giáo khoa, quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

* Chuyển giao nhiệm vụ học tập: * Đối với HS khuyết tật: Không yêu cầu - GV giới thiệu, hướng dẫn HS quan sát hình 22.2. Mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong quang hợp - GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, quan sát hình 22.2, vận dụng hiểu biết bản thân cho biết:	3. Mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong quang hợp Trong quang hợp, trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng luôn diễn ra đồng thời, nước và
?1. Nguồn cung cấp năng lượng cho thực vật thực hiện quá trình quang hợp. ?2. Các chất vô cơ nào đã được lá cây sử dụng để tổng hợp nên glucose trong quá trình quang hợp. ?3. Dạng năng lượng đã được chuyển hoá trong quá trình quang hợp. ?3. Tại sao nói “Trong quá trình quang hợp, trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng luôn diễn ra đồng thời” ?4. Tại sao khi trời nắng, đứng dưới bóng cây thường có cảm giác dễ chịu hơn khi sử dụng ô để che? Thực hiện nhiệm vụ học tập: Cá nhân quan sát hình, đọc thông tin SGK suy nghĩ tìm câu trả lời. Báo cáo kết quả và thảo luận: GV gọi 1 HS bất kì trả lời câu hỏi. HS khác bổ sung, nhận xét, đánh giá. * Kết luận, nhận định: - GV nhận xét, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đưa đáp án. ?1. Ánh sáng mặt trời (quang năng). ?2. Các chất vô cơ đã được lá cây sử dụng để tổng hợp nên glucose trong quá trình quang hợp là nước, carbon dioxide. ?3. Dạng năng lượng đã được chuyển hoá trong quá trình quang hợp là hoá năng (tích trữ trong các hợp chất hữu cơ: glucose, tinh bột). ?3. Nước và khí carbon dioxide từ môi trường được chuyển đến lục lạp ở lá cây để tổng hợp thành chất hữu cơ (glucose hoặc tinh bột) và giải phóng khí oxygen. Năng lượng từ ánh sáng mặt trời (quang năng) được chuyển hoá thành năng lượng hoá học (hoá năng) tích lũy trong các chất	carbon dioxide được lấy từ môi trường ngoài để tổng hợp chất hữu cơ và giải phóng khí oxygen, trong quá trình đó quang năng được biến đổi thành năng lượng (Năng lượng ánh sáng được biến đổi thành năng lượng hóa học tích lũy trong các hợp chất hữu cơ (chủ yếu là glucose).

hữu cơ. ?4. Trong quá trình quang hợp, lá cây hấp thụ ánh sáng mặt trời, thải ra khí oxygen. Khi đứng	
--	--

dưới tán cây lúc trời nắng cảm giác dễ chịu hơn vì nhiệt độ dưới tán cây thấp hơn so với nhiệt độ môi trường nơi không có cây, ngoài ra, khí oxygen do cây tạo ra cần thiết cho sự hô hấp. - Kết luận, chốt kiến thức.	
---	--

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu vai trò của lá cây với chức năng quang hợp

Mục tiêu: Nêu được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật.

*** Đối với HS khuyết tật: Biết lá cây thực hiện nhiệm vụ quang hợp chủ yếu ở cây.**

Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học, đọc thông tin sách giáo khoa, quan sát hình ảnh, hoạt động nhóm/bàn hoàn thành phiếu học tập.

Sản phẩm: Phiếu học tập.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập: * Đối với HS khuyết tật: Biết lá cây thực hiện nhiệm vụ quang hợp chủ yếu ở cây. -GV giới thiệu, hướng dẫn HS quan sát Hình 22.3. Sơ đồ mô tả vai trò của lá với chức năng quang hợp. -Yêu cầu học sinh đọc thông tin SGK, quan sát hình thảo luận nhóm (2 HS trong 1 bàn là 1 nhóm), hoàn thành phiếu học tập sau	II. Vai trò của lá cây với chức năng quang hợp: Lá là cơ quan chủ yếu thực hiện quá trình quang hợp Phiến lá có dạng bản mỏng, diện tích bề mặt lớn. Trên phiến lá có nhiều gân giúp vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm quang hợp

PHIẾU HỌC TẬP

BÀI 22: QUANG HỢP

Họ và tên:

Lớp: Nhóm:

Câu 1. Đọc thông tin SGK mục II và quan sát Hình 22.3 rồi hoàn thành nội dung bảng 22.2 sau:

Câu 2. Ở các loài cây có lá biến đổi như xương rồng, cành giao, ... bộ phận nào trên cây sẽ thực hiện quá trình quang hợp?

Lớp biểu bì lá có nhiều khí khổng (là nơi carbon dioxide đi từ bên ngoài vào bên trong lá và khí oxygen đi từ trong lá ra ngoài môi trường).

Lá chứa nhiều lục lạp (bào quan quang hợp) chứa diệp lục có khả năng hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng. Chất hữu cơ được tổng hợp tại lục lạp.

* Thực hiện nhiệm vụ học tập:

Cá nhân quan sát hình. Thảo luận cặp đôi thống nhất ý kiến

Báo cáo kết quả và thảo luận: Yêu cầu đại diện nhóm báo cáo. HS nhóm khác bổ sung, nhận xét, đánh giá.

* Kết luận, nhận định:

- Nhận xét, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đưa đáp án phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP

BÀI 22: QUANG HỢP Ở THỰC VẬT

Họ và tên:

Lớp: Nhóm:

Câu 1. Đọc thông tin SGK mục II và quan sát Hình 22.3 rồi hoàn thành nội dung bảng 22.2 sau:

Bộ phận	Đặc điểm	Vai trò trong quang hợp
Phiến lá	Có dạng bản mỏng, diện tích bề mặt lớn.	Phiến lá dạng bản mỏng thuận lợi cho sự trao đổi khí CO ₂ và O ₂ ; diện tích bề mặt lớn làm tăng

		diện tích tiếp xúc và khả năng hấp thụ ánh sáng.
Lục lạp	Phân bố nhiều	Gân lá giúp vận

	trên phiến lá	chuyển nguyên liệu và sản phẩm của quang hợp.
Gân lá	Chứa nhiều diệp lục	Diệp lục hấp thụ ánh sáng để quang hợp.
Khí khổng	Phân bố nhiều trên lớp biểu bì.	Khí khổng là nơi khí CO ₂ đi từ bên ngoài vào bên trong lá và khí O ₂ đi từ trong lá ra ngoài môi trường.
Câu 2. Ở các loài cây có lá biến đổi như xương rồng, cành giao, ... phần thân non màu xanh thực hiện quang hợp. Các phần xanh của cây (thân) có sắc tố diệp lục nên vẫn thực hiện được quang hợp. - GV nêu câu hỏi mở rộng: ?. Mật độ trung bình khí khổng của lá là bao nhiêu? Nhận xét số lượng khí khổng ở mặt trên và mặt dưới của lá ở 1 số loài cây khác nhau - Kết luận		

Hoạt động 3: Luyện tập

a. **Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học.

* **Đối với HS khuyết tật:** Theo dõi bạn trả lời, ghi nhớ.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi TNKQ để củng cố kiến thức đã học và tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS + Sản phẩm là sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức cơ bản của loài.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS trả lời 1 số câu hỏi sau: Câu 1: Trong quá trình quang hợp, nước được lấy từ đâu? Nước được lá lấy từ đất lên. Nước được rễ hút từ đất lên thân và đến lá. Nước được tổng hợp từ quá trình quang hợp. Nước từ không khí hấp thụ vào lá qua các lỗ khí. Câu 2: Sản phẩm của quang hợp là A. nước, carbondioxide.	
--	--

ánh sáng, diệp lục. oxygen, glucose. glucose, nước. Câu 3: Trong các phát biểu sau đây về quang hợp, có bao nhiêu phát biểu đúng Chỉ có lá mới có khả năng thực hiện quang hợp. Nước là nguyên liệu của quang hợp, được rễ cây hút từ môi trường bên ngoài vào vận chuyển qua thân lên lá. Không có ánh sáng, cây vẫn quang hợp được. Trong quang hợp, năng lượng được biến đổi từ quang năng thành hóa năng. Trong lá cây, lục lạp tập chung nhiều ở tế bào lá. A. 1. B. 2. C. 3. D. 4. 2. GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy hệ thống lại kiến thức đã học trong bài. * Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. Báo cáo kết quả và thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. * Kết luận, nhận định: GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	
---	--

Hoạt động 4: Vận dụng

Mục tiêu: Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức kĩ năng vào thực tế đời sống hàng ngày.

*** Đối với HS khuyết tật: Trả lời được câu hỏi đơn giản**

b.Nội dung: HS vận dụng kiến thức trả lời 1 số câu hỏi và sưu tầm tranh ảnh về thành tựu lai tạo chọn giống vận nuôi và cây trồng.

Sản phẩm:

Câu trả lời ghi vào vở của HS .

HS sưu tầm tài liệu, tranh ảnh về thành tựu lai tạo chọn giống vật nuôi, cây trồng.

d.Tổ chức thực hiện: Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập: 1. Về nhà tìm hiểu trả lời 1 số câu hỏi sau vào vở: Câu 1: Vì sao ở đa số các loài thực vật, mặt trên của lá có màu	
xanh đậm hơn mặt dưới của lá? Câu 2: Kể tên các loại cây cảnh trồng trong nhà mà vẫn tươi tốt? Em hãy giải thích cơ sở khoa học của hiện tượng đó. Nêu ý nghĩa của việc để cây xanh trong phòng khách. Câu 3: Bà ngoại của Mai có một mảnh vườn nhỏ trước nhà. Bà đã gieo hạt rau cải ở vườn. Sau một tuần, cây cải đã lớn và chen chúc nhau. Mai thấy bà nhổ bớt những cây cải mọc gần nhau, Mai không hiểu được tại sao bà lại làm thế. Em hãy giải thích cho bạn Mai hiểu ý nghĩa việc làm của bà. 2. GV yêu cầu HS làm áp phích, ... tuyên truyền trồng và bảo vệ cây.(Theo nhóm) * Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. Báo cáo kết quả và thảo luận: Sản phẩm tranh ảnh sưu tầm được và câu trả lời ghi vào vở của HS * Kết luận, nhận định: Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.	<i>Lồng ghép nội dung tuyên truyền và bảo vệ cây xanh</i>

PHIẾU HỌC TẬP
BÀI 22: QUANG HỢP Ở THỰC VẬT

Họ và tên:

Lớp: Nhóm:

Câu 1. Đọc thông tin SGK mục II và quan sát Hình 22.3 rồi hoàn thành nội dung bảng 22.2 sau:

Câu 2. Ở các loài cây có lá biến đổi như xương rồng, cành giao, ... bộ phận nào trên cây sẽ thực hiện quá trình quang hợp?

Bảng 22.2

Bộ phận	Đặc điểm	Vai trò trong quang hợp
Phiến lá		
Lục lạp		
Gân lá		
Khí khổng		

Ngày soạn: 14/10/2023

Ngày dạy: 17/10/2023

Tiết: 7,8 Tuần 7,8

BÀI 23: MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUANG HỢP

Môn học: KHTN - Lớp: 7 Thời
gian thực hiện: 02 tiết

Mục tiêu:

Kiến thức: Sau khi học bài này, học sinh có khả năng:

- Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp.
- Vận dụng được những hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.

*** Đối với học sinh khuyết tật: Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp.
Biết bảo vệ cây xanh**

Năng lực:

Năng lực chung:

- **Năng lực tự chủ và tự học:** tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** thảo luận nhóm để tìm ra các yếu tố : Ánh sáng, nước, khí carbon dioxide, nhiệt độ ảnh hưởng đến quang hợp như thế nào.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Giải thích được của việc trồng và bảo vệ cây xanh và đưa ra được các biện pháp bảo vệ cây xanh.

Năng lực khoa học tự nhiên :

- **Năng lực nhận biết KHTN:** biết được một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp.
- **Năng lực tìm hiểu tự nhiên:** kể tên được những loài cây ưa sáng và ưa bóng
- **Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** Vận dụng được những hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh, giải thích các hiện tượng thực tiễn.

Phẩm chất:

***Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:**

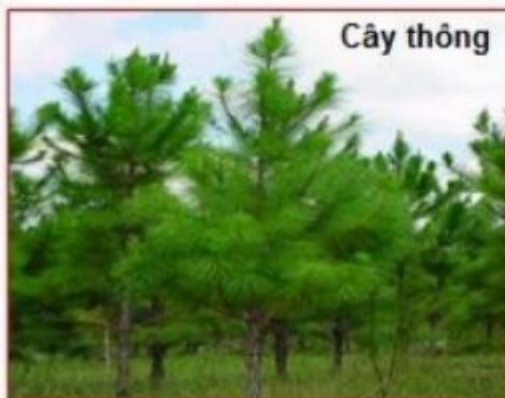
- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp .
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ tìm ra các yếu tố : Ánh sáng, nước, khí carbon dioxide, nhiệt độ ảnh hưởng đến quang hợp như thế nào.
- Trung thực, cẩn thận trong ghi chép kết quả thảo luận nhóm, làm bài tập trong vở bài tập và phiếu học tập.

Thiết bị dạy học và học liệu

Giáo viên:

- Máy chiếu.
- Các tranh hình 23.1.

Cây ưa sáng



- Hình ảnh về tác hại của việc phá rừng, không bảo vệ cây xanh.

- Phiếu học tập :

Học sinh:

Bài cũ ở nhà.

Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà, tìm hiểu ý nghĩa của cây xanh.

Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Mở đầu:

Mục tiêu:

- Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp và giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.

***Đối với HS khuyết tật: Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp**

Nội dung: Học sinh tham gia trò chơi: Bức tranh bí ẩn và trả lời các câu hỏi.

Sản phẩm:

- Học sinh tìm ra câu trả lời hình ảnh bí ẩn đó là: Hai học sinh đang chăm sóc cây xanh và trả lời các câu hỏi.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV phổ biến luật chơi : lấy 2 đội chơi, mỗi đội 3 HS, chiếu hình ảnh bị che bởi các miếng ghép. Bốc thăm, đội nào được lật ô trước sẽ trả lời câu hỏi “Hình ảnh đó là gì?” Nếu đội đó không trả lời được thì đội thứ 2 sẽ giành quyền trả lời. Đội nào đưa ra được đáp án thì đội đó sẽ thắng cuộc.

Sau khi trả lời đúng hình ảnh thì tiếp tục trả lời câu hỏi:

- + Việc làm của hai bạn có ý nghĩa gì?
- + Quang hợp ở cây xanh có ý nghĩa gì?
- + Những yếu tố nào ảnh hưởng đến quang hợp?

***Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi.

***Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời hình ảnh đó là hai hoặc sinh đang chăm sóc cây xanh.

Ý nghĩa của việc làm đó là giúp cây xanh sinh trưởng, phát triển tốt, năng suất cao.

Dự kiến ý nghĩa của quang hợp: Tạo ra sản phẩm là glucose và oxygen.

- Dự kiến các yếu tố nào ảnh hưởng đến quang hợp

***Đối với HS khuyết tật: Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp**

-

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV sẽ nhận xét, đánh giá hoạt động của 2 đội, chốt kết quả đội chiến thắng và nhận xét bổ sung các câu trả lời.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp.

Mục tiêu:

- Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp.
- Giải thích, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- ***Đối với HS khuyết tật: Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp**

Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK trang 104,105, 106, quan sát hình ảnh trên máy chiếu, trả lời các câu hỏi:

H1. Nêu các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp?

H2. Hãy kể tên những loài cây ưa bóng và ưa sáng mà em biết ?

H3. Cho biết ảnh hưởng của nồng độ khí CO₂ đến quang hợp có giống nhau ở các loài cây không? Giải thích?

- HS hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập.

Sản phẩm:

- HS qua hoạt động trả lời các câu hỏi H1,H2,H3 và phiếu học tập.

H1. Các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp: Ánh sáng, nước, khí carbon dioxide, nhiệt

độ.

H2. Một số cây ưa sáng: bàng, nhãn, dâu tây, vải, bưởi, cam, quýt, mít, dừa, mai, đào, ...

Một số cây ưa bóng : tú cầu, phát lộc, thường xuân, môn nước, xương rồng, trúc mây, lưỡi hổ, lan như ý, lá lốt, trầu không, ..

H3. Ảnh hưởng của nồng độ khí CO₂ đến quang hợp không giống nhau ở các loài cây. Vì khả năng hấp thụ CO₂ phụ thuộc vào số lượng khí khổng ở lá, điều kiện môi trường sống (độ ẩm, gió, ánh sáng), điều kiện môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến độ mở khí khổng, khả năng khuếch tán khí vào khí khổng.

- Phiếu học tập: 1.

Yếu tố	Ảnh hưởng đến quang hợp
Ánh sáng	- Trong giới hạn cho phép, khi cường độ ánh sáng tăng thì hiệu quả quang hợp sẽ tăng. Nhưng ánh sáng quá mạnh sẽ làm lá cây bị “đốt nóng”, làm giảm hiệu quả quang hợp.
Nước	Nước vừa là nguyên liệu của quang hợp, vừa là yếu tố tham gia vào việc đóng, mở khí khổng, liên quan đến sự trao đổi khí. Khi cây hấp thụ đủ nước, quang hợp diễn ra bình thường. Khi cây thiếu nước, khí khổng đóng lại, lượng khí CO ₂ khuếch tán vào lá cây giảm khiến quang hợp giảm.

Khí carbon dioxide	Trong giới hạn cho phép, khi cường độ khí carbon dioxide tăng thì hiệu quả quang hợp sẽ tăng. Khi hàm nồng độ khí carbon dioxide tăng quá cao (khoảng 0,2%) hoặc giảm xuống quá thấp (thấp hơn 0,008% - 0,01%), cây sẽ không quang hợp được.
Nhiệt độ	Nhiệt độ thuận lợi nhất cho hầu hết các loài cây quang hợp là từ 25°C – 35°C. Khi nhiệt độ giảm xuống quá thấp (thường dưới 10°C) hoặc tăng lên quá cao (trên 40°C) sẽ làm ức chế hoạt động của các enzyme quang hợp khiến quá trình quang hợp sẽ giảm dần, thậm trí là dừng hẳn.

2.- Mỗi loài cây khác nhau lại thích nghi với những điều kiện khí hậu (nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm,...) khác nhau, điều kiện khí hậu không thích hợp sẽ khiến hoạt động quang hợp của cây bị ức chế . Do đó, phải trồng cây đúng thời vụ để có nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm,... phù hợp nhất giúp cây quang hợp tốt, sinh trưởng nhanh, năng suất cao.

- Mật độ cây trồng quá dày sẽ dẫn đến tình trạng thiếu nước, ánh sáng, các

nguyên tố dinh dưỡng khoáng thiết yếu nên quá trình quang hợp của các cây bị hạn chế. Do đó, cây trồng với mật độ quá dày thường còi cọc, năng suất thấp. Ngược lại, cây trồng quá thưa sẽ dẫn đến tình trạng lãng phí các nguồn sống được cung cấp khiến hiệu quả kinh tế thu được không cao. Vì vậy nên trồng cây với mật độ thích hợp để cây sinh trưởng và phát triển tốt nhất, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Ở những khu công nghiệp hay nơi có nhiều nhà máy, nồng độ khí carbon dioxide thường tăng cao. Nếu nồng độ khí carbon dioxide tăng quá cao, hiệu quả quang hợp của cây trồng tại đó thường giảm đi hoặc cây có thể chết vì ngộ độc CO₂.

Vào những ngày nắng nóng hoặc trời rét đậm, người làm vườn thường che nắng hoặc chống rét (ủ ẩm gốc) cho cây. Việc làm đó nhằm mục đích giữ cho nhiệt độ xung quanh cây trồng không quá nóng hoặc cây quá lạnh, quá trình quang hợp sẽ chậm hoặc có thể ngừng lại hẳn. Điều đó thuận lợi cho quang hợp, tạo nhiều chất hữu cơ cho cây sinh trưởng tốt, năng suất cao.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, nghiên cứu thông tin trong SGK trang 104,105, 106, quan sát hình ảnh trên máy chiếu trả lời câu hỏi H1,H2,H3 - Thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp và trả lời câu hỏi. HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung. *Đối với HS khuyết tật: Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung.	I/ Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp. <i>Các yếu tố đã ảnh hưởng đến quang hợp là: ánh sáng, nhiệt độ, hàm lượng khí carbon dioxide, nước.</i> <i>Các loài cây khác nhau đòi hỏi các yếu tố đó khác nhau.</i>

Hoạt động 2.2: Vận dụng những hiểu biết về quang hợp trong việc trồng và bảo vệ cây xanh.

Mục tiêu: Vận dụng được những hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.

***Đối với HS khuyết tật: Biết bảo vệ cây xanh**

Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm nghiên cứu thông tin trong SGK trang 106, quan sát hình ảnh trên máy chiếu, trả lời các câu hỏi:
H4. Quang hợp ở cây xanh có ý nghĩa gì?

H5. Hãy trình bày các biện pháp bảo vệ cây xanh tại nhà, trong trường học của em hoặc nơi em sinh sống?

H6. Tại sao ở các thành phố hoặc nơi đông dân cư sinh sống lại cần trồng nhiều cây xanh?

Sản phẩm:

- HS qua hoạt động nhóm trả lời các câu hỏi H4,H5,H6:

H4. Quá trình quang hợp tạo ra sản phẩm là khí oxygen và các chất hữu cơ cần cho sự sống của tất cả các sinh vật. Ngoài ra còn cân bằng, điều hòa không khí,...

H5. Biện pháp bảo vệ cây xanh như:

- Trồng cây đúng mật độ.
- Thường xuyên tưới nước, bón phân, nhổ sạch cỏ dại cho cây
- Tuyên truyền cho học sinh, mọi người ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ cây xanh, không bẻ cây, giẫm lên cây, hoa.
- Không vứt rác bừa bãi xung quang bồn cây,...

H6. Việc trồng cây xanh ở các thành phố hoặc nơi đông dân cư sinh sống đem lại nhiều lợi ích:

- Điều hòa lượng khí CO₂ và O₂ trong không khí.
- Góp phần làm sạch không khí: Tán cây giúp cản bụi bẩn, có thể có khả năng hấp thụ một số khí độc.
- Góp phần ổn định nhiệt độ môi trường: Cây có quá trình thoát hơi nước giúp điều hòa nhiệt độ không khí.
- Góp phần giảm ô nhiễm tiếng ồn.
- Giúp tạo cảnh quan giúp con người thư giãn,...

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ thảo luận nhóm, nghiên cứu thông tin trong SGK trang 106, quan sát hình ảnh trên máy chiếu trả lời câu hỏi H4,H5,H6. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thảo luận nhóm, thống nhất đáp và trả lời câu hỏi. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một vài HS đại diện cho các nhóm lần lượt trình bày, các nhóm khác bổ sung. Đối với HS khuyết tật: Biết bảo vệ cây xanh *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung.	II/ Vận dụng những hiểu biết về quang hợp trong việc trồng và bảo vệ cây xanh. -Quá trình quang hợp tạo ra sản phẩm là khí oxygen và các chất hữu cơ cần cho sự sống của tất cả các sinh vật kể cả con người. -Con người có thể vận dụng những hiểu biết về quang hợp trong việc trồng và bảo vệ cây xanh nhằm giúp cây sinh trưởng nhanh, phát triển tốt, nâng cao năng suất cây trồng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ môi trường.

Hoạt động 3: Luyện tập

Mục tiêu: Củng cố, hệ thống được một số kiến thức đã học.

***Đối với HS khuyết tật: Theo dõi các bạn trả lời**

Nội dung:

- HS thực hiện cá nhân trả lời các câu hỏi và bài tập:

H7. Các yếu tố chủ yếu ngoài môi trường ảnh hưởng đến quang hợp là

A. Nước, hàm lượng khí carbon dioxide, hàm lượng khí oxygen.

Nước, hàm lượng khí carbon dioxide, ánh sáng, nhiệt độ.

Nước, hàm lượng khí oxygen, ánh sáng.

Nước, hàm lượng khí oxygen, nhiệt độ. H8. Các

khẳng định sau đây đúng hay sai?

TT	Khẳng định	Đúng/Sai
1	Cây ưa sáng có nhu cầu ánh sáng thấp	
2	Cường độ quang hợp tỉ lệ thuận với cường độ ánh sáng	
3	Khi tế bào khí khổng mất nước thì khí khổng mở để CO_2 khuếch tán vào trong lá	
4	Đa số thực vật bậc cao ở vùng nhiệt đới, khi nhiệt độ thấp (dưới 10°C) sẽ làm giảm hoặc ngừng quá trình quang hợp	
5	Không có quang hợp thì không có sự sống trên Trái Đất	

Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS .

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân trả lời các câu hỏi và bài tập số 1,2. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên, đọc và trả lời. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên các HS lần lượt trình bày ý	

kiến cá nhân, lớp nhận xét, bổ sung. *Đối với HS khuyết tật: Theo dõi các bạn trả lời	
---	--

*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án đúng. H7.B H8. 1.Sai; 2. Sai; 3. Sai; 4. Đúng; 5. Đúng.	
---	--

Hoạt động 4: Vận dụng

Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học và năng lực vận dụng kiến thức vào đời sống.

Nội dung: HS vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi và bài tập trong thực tế:

H9. Tại sao lúa và một số cây trồng khác bị thiếu nước vào giai đoạn ra hoa, trổ bông thì khi thu hoạch hạt thường bị lép, quả nhỏ, năng suất thấp? Từ đó em rút ra được kinh nghiệm gì?

H10. Ông bà của Hoa có một mảnh vườn, ông bà đang trồng các cây ăn quả như vải, nhãn, dứa. Hoa và mẹ muốn trồng thêm các loại cây rau, cây gia vị phù hợp mùa vụ như mướp, bầu, bí ngô, mồng tơi, lá lếp,... để cung cấp cho các bữa ăn hàng ngày. Ông bà khuyên Hoa và mẹ không nên trồng vì sợ cây bị thiếu ánh sáng, không phát triển được. Theo em ông bà của Hoa nói vậy có đúng không? Em hãy giúp bạn Hoa lựa chọn những loại cây có thể trồng trong vườn mà vẫn phát triển tốt.

Sản phẩm:

- Các câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập Yêu cầu HS vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi và bài tập trong thực tế H9, H1. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS: Cá nhân đọc và tìm câu trả lời. *Báo cáo kết quả và thảo luận Cá nhân đưa ra các câu trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án đúng.	H9. Trong suốt quá trình sinh trưởng cây trồng đều cần nước, đặc biệt cho quá trình quang hợp tổng hợp chất hữu cơ. Nếu cây thiếu nước quá trình quang hợp giảm, chất hữu cơ tạo ra thấp. Hơn nữa giai đoạn ra hoa cần huy động chất hữu cơ đó để tạo ra quả, hạt,... Vì vậy thiếu nước hạt sẽ lép, quả bé, năng suất thấp. Từ đó ta cần cung cấp đủ nước cho cây, đặc biệt lúc cây ra hoa, tạo quả. H.10. Ông bà của Hoa nói không đúng vì mỗi loài cây có nhu cầu ánh sáng khác nhau, các cây ưa sáng trồng ở nơi quang đãng ánh sáng mạnh; cây

	ưa bóng trồng ở tầng dưới ánh sáng yếu hơn. Các loại cây phù hợp trồng dưới tán cây: lá lót, mỏng tơ, tía tô, diếp cá,...
--	--

PHIẾU HỌC TẬP

Bài 23:

Họ và tên:

Lớp: Nhóm:

Đọc thông tin trong mục I, thảo luận nhóm và hoàn thành theo mẫu Bảng 23.1. Bảng 23.1

Yếu tố	Ảnh hưởng đến quang hợp
Ánh sáng	?
Nước	?
Khí carbon dioxide	?
Nhiệt độ	?

Giải thích vì sao nên trồng cây đúng thời vụ và đảm bảo mật độ phù hợp?

Ở những khu công nghiệp hay nơi có nhiều nhà máy, nồng độ khí carbon dioxide thường tăng cao. Quang hợp của cây trồng tại đó bị ảnh hưởng như thế nào?

Vào những ngày nắng nóng hoặc trời rét đậm, người làm vườn thường che nắng hoặc chống rét (ủ ẩm gốc) cho cây. Em hãy giải thích ý nghĩa của việc làm đó?

Ngày soạn: 18/10/2023

Tuần 9. Tiết 9, 10 (chuyển sang tuần 10)

KIỂM TRA GIỮA KỲ I. MÔN KHTN 7

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

a. Phân môn Sinh

- Khái quát về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng
- Quang hợp ở thực vật

- Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp

+ Đối với HS khuyết tật: Trả lời được các câu trắc nghiệm dạng nhận biết 4, 5, 6

b. Phân môn Hóa, lý:

- Trình bày được một số phương pháp và kỹ năng học tập môn KHTN.
- Biết được các kỹ năng tiến trình: quan sát và phân loại, liên kết, đo, dự đoán.
- Trình bày được mô hình nguyên tử Ru-dơ-pho – Bo.
- Biết được cấu tạo của hạt nhân nguyên tử.
- Xác định được số proton, electron, neutron và số lớp electron của nguyên tử.

HSKT: Trả lời được câu hỏi 1, 2, 3 trắc nghiệm

2. Kỹ năng:

- Chọn được đáp án đúng khi làm trắc nghiệm khách quan.
- Xác định các câu trả lời phù hợp cho nội dung tự luận.
- Vận dụng kiến thức để giải thích những vấn đề thực tế có liên quan hoặc áp dụng trong cuộc sống

3. Thái độ:

- Xây dựng lòng tin và tính quyết đoán của học sinh khi giải quyết vấn đề.
- Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc trong kiểm tra

4. Năng lực cần hướng tới:

- Nhóm năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, sáng tạo, năng lực tự quản lí. năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Nhóm năng lực, kỹ năng
 - Năng lực sử dụng ngôn ngữ, tư duy độc lập
 - Năng lực vận dụng kiến thức vào cuộc sống

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

PHÒNG GD&ĐT NÚI THÀNH

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

Môn: KHTN. Thời gian: 60 phút

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA
HKI

1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra giữa kì I môn Khoa học tự nhiên, lớp 7

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa kì 1
- Thời gian làm bài: 60 phút.
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).
- Cấu trúc: - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, (gồm 12 câu hỏi mức độ nhận biết, mỗi câu 0.33điểm);
- Phần tự luận: 6,0 điểm gồm 7 câu (Thông hiểu: 4 câu – 3 điểm; Vận dụng: 2 câu 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Câu TN/TL Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Phương pháp và kỹ năng học tập môn KHTN (5 tiết)		Câu 1 0.33đ	Câu 13 0.5đ						
2. Nguyên tử		Câu 2, 3 0.66đ			Câu 14 1đ				
3. Tốc độ chuyển động		Câu 7,8 0.66đ							
4. Đo tốc độ		câu 9 0.33đ	Câu 17 1 điểm						
5. Đồ thị quãng đường và thời gian							Câu 19 1 đ		
6. Thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông		Câu 10,11 0.66đ	Câu 18 1 điểm						
7. Sóng âm		Câu 12 0.33đ							
9. Khái quát về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng		Câu 4 0.33đ							
10. Quang hợp ở thực vật		Câu 5	Câu 16						

		0.33đ	0.5 điểm						
11. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp		Câu 6			Câu 15				
		0.33đ			1đ				
Số câu		12 câu	4 câu		2 câu		1 Câu		
Điểm số		4 điểm	3 điểm		2 điểm		1 điểm		
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm

b) Bảng đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
<i>Phương pháp và kỹ năng học tập môn KHTN</i>	Nhận biết	<i>Trình bày được một số phương pháp và kỹ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên</i>		1		C1
	Thông hiểu	<i>- Thực hiện được các kỹ năng tiến trình: quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo.</i>	1		C13	
		<i>- Sử dụng được một số dụng cụ đo (trong nội dung môn Khoa học tự nhiên 7).</i>				
	Vận dụng bậc thấp	<i>Làm được báo cáo, thuyết trình.</i>				
	<i>Nguyên tử</i>					
<i>Nguyên tử</i>	Nhận biết	<i>- Trình bày được mô hình nguyên tử Ru-dơ-pho – Bo.</i>		2		C2,C3
		<i>- Biết được cấu tạo của hạt nhân nguyên tử.</i>				
	Thông hiểu	<i>- Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu.</i>				
		<i>So sánh được số p,n,e và số lớp electron giữa hai nguyên tử.</i>				
	Vận dụng bậc thấp	<i>- Vẽ được sơ đồ cấu tạo nguyên tử khi biết số e, số lớp e.</i> <i>- Tính được số p,n,e và số lớp electron của nguyên tử.</i>	1		C14	
	<i>Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật</i>					
<i>- Khái quát về trao đổi chất và</i>	Nhận biết	<i>– Khái niệm trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng</i> <i>– Hiểu được vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng</i>		1		C4

chuyển hóa năng lượng		– Khái niệm quang hợp		1		C5
		– Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, biết nhiệt độ thích hợp cho quang hợp là 25-35 ⁰ C.		1		C6
	– Quang hợp ở thực vật	Thông hiểu – Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. . Các nguyên liệu lấy vào và thải ra trong quá trình quang hợp của cây xanh?	1		C16	
	- Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp	Vận dụng – Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. Giải thích được muốn tăng sản phẩm quang hợp thì phải tăng thời gian quang hợp. Liên hệ thực tế giải thích được ích lợi của cây xanh quang hợp đối với môi trường và con người	1		C15	
	Tốc độ					
- Tốc độ chuyển động	Nhận biết	- Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng.		1		C7
		- Nhận biết các thiết bị đo tốc độ		1		C8
		- Nhận biết được khi tham gia giao thông cần tuân thủ luật giao thông - Nhận biết được sử dụng quy tắc “3 giây” để ước lượng khoảng cách an toàn so với xe trước.		1		C10
- Đo tốc độ	Thông hiểu	Tốc độ = quãng đường vật đi/thời gian đi quãng đường đó và $s = v.t$, $v = s/t$		1		C9
- Đồ thị quãng đường – thời gian		- Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây và công quang điện trong dụng cụ thực hành ở nhà trường cũng như trong giờ học Giáo dục thể chất	1		C17	
- Thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong		- Hiểu được khi tham gia giao thông ta cần đảm bảo tốc độ quy định - Hiểu được khi tham gia GT phải hiểu biết về ảnh hưởng của tốc độ trong ATGT - Hiểu được ý nghĩa của biển báo tốc độ và khoảng cách an toàn.	1	1	C18	C11

an toàn giao thông	Vận dụng cao	- Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng. - Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật).	1		C19	
	Âm thanh					
Sóng âm	Nhận biết	Nêu được khái niệm sóng âm. Nhận biết được bộ phận dao động khi vật phát ra âm.	1		C12	

c) Đề kiểm tra
PHÒNG GD&ĐT NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
Môn: KHTN. Thời gian: 60 phút

(Không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ: 1

A. TRẮC NGHIỆM: 4,0 điểm

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1. “Trên cơ sở các số liệu và phân tích số liệu, con người có thể đưa ra các dự báo hay dự đoán tính chất của sự vật, hiện tượng, nguyên nhân của hiện tượng!” Đó là kĩ năng nào?

- A. Kĩ năng quan sát, phân loại. B. Kĩ năng liên kết tri thức.
C. Kĩ năng dự báo. D. Kĩ năng đo.

Câu 2. Kĩ năng nào không phải là kĩ năng cần vận dụng vào phương pháp tìm hiểu tự nhiên?

- A. Kĩ năng chiến đấu đặc biệt. B. Kĩ năng quan sát.
C. Kĩ năng dự báo. D. Kĩ năng đo đạc.

Câu 3. Nguyên tử X có 20 proton. Số hạt electron của X là

- A. 20. B. 21. C. 22 D. 23.

Câu 4. là quá trình cơ thể lấy các chất từ môi trường, biến đổi chúng thành các chất cần thiết cho cơ thể và tạo năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống, đồng thời trả lại cho môi trường các chất thải:

- Phát triển B. Trao đổi chất
C. Quang hợp D. Chuyển hóa năng lượng

Câu 5. Cây Xương rồng quang hợp chủ yếu diễn ra ở.....

- thân cây B. rễ cây
C. gai D. lá cây

Câu 6. Nhiệt độ thích hợp cho cây quang hợp là:

- 20-25⁰C B. 25-35⁰C C. 30-40⁰C D. 35-45⁰C

Câu 7. Tốc độ chuyển động của vật có thể cung cấp cho ta thông tin gì về chuyển động của vật?

- A. Cho biết hướng chuyển động của vật.
B. Cho biết vật chuyển động theo quỹ đạo nào.
C. Cho biết vật chuyển động nhanh hay chậm.
D. Cho biết nguyên nhân vì sao vật lại chuyển động được.

Câu 8. Ba bạn An, Bình, Đông học cùng lớp. Khi tan học, ba bạn đi cùng chiều trên đường về nhà. Tốc độ của An là 6,2 km/h, của Bình là 1,5 m/s, của Đông là 72 m/min. Kết luận nào sau đây là đúng?

- A. Bạn An đi nhanh nhất. B. Bạn Bình đi nhanh nhất.
C. Bạn Đông đi nhanh nhất. D. Ba bạn đi nhanh như nhau.

Câu 9. Để đo tốc độ của một người chạy cự li ngắn, ta cần những dụng cụ đo nào?

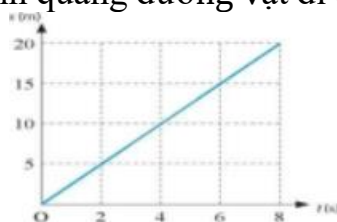
- A. Thước cuộn và đồng hồ bấm giây.
- B. Thước thẳng và đồng hồ treo tường.
- C. Đồng hồ đo thời gian hiện số kết nối với cổng quang điện.
- D. Cổng quang điện và đồng hồ bấm giây.

Câu 10. Khi đánh trống, bộ phận nào phát ra âm thanh:

- A. Dùi trống
- B. Thân trống
- C. Mặt trống
- D. Giá treo

Câu 11. Hình vẽ dưới đây biểu diễn đồ thị quãng đường thời gian của một vật chuyển động trong khoảng thời gian 8s. Tính quãng đường vật đi được sau 3 giây:

- A. 8 m
- B. 7,5 m
- C. 8,5 m
- D. 2,5 m

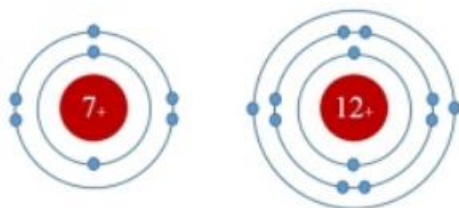


Câu 12. Dùng quy tắc “3 giây” để ước tính khoảng cách an toàn khi xe chạy với tốc độ 68 km/h.

- A. 56.67 m
- B. 68m
- C. 32m
- D. 46.6m

II. TỰ LUẬN: 6,0 điểm

Câu 13. (1,5 điểm) Cho sơ đồ một số nguyên tử sau:



Nitrogen

Magnesium

a. Hãy chỉ ra: Số p trong hạt nhân, số e trong nguyên tử, số lớp electron và số e lớp ngoài cùng của mỗi nguyên tử.

b. Khi đo chiều cao của một người ở các thời điểm khác nhau trong ngày, kết quả đo được ghi lại trong **Bảng 1**. Em hãy nhận xét và giải thích về kết quả thu được.

Bảng 1. Kết quả đo chiều cao của người ở các thời điểm trong ngày

Lần đo	Thời gian	Kết quả thu được
1	6 giờ	162,4 cm
2	12 giờ	161,8 cm
3	18 giờ	161,1 cm

Câu 14. (1.0đ) Giải thích vì sao khi trồng hoa, cây chậm ra hoa, người ta thả thêm bóng đèn sợi đốt vào ban đêm để làm gì?

Câu 15. (0,5đ) Lá cây có đặc điểm nào để lấy được nhiều ánh sáng cho cây quang hợp?

Câu 16. (2,0 điểm)

Một người đi xe đạp từ nhà đến trường, trong đoạn đường đầu 8km đi với tốc độ 12km/h, đoạn đường 12km tiếp theo đi với tốc độ 9km/h.

a. Hãy vẽ đồ thị quãng đường – thời gian của người đi xe đạp trong đoạn đường đầu.

b. Xác định tốc độ trung bình của người đi xe đạp trên cả quãng đường.

Câu 17. (1 điểm) Trên đoạn đường có biển báo trên hình sau, các phương tiện tham gia giao thông được đi trong khoảng tốc độ nào?



Đáp án Đề 1:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐA	C	A	A	B	A	B	C	A	A	C	B	A

Câu 13: 1,5 đ

a. (1đ)

	Số p trong hạt nhân	số e trong nguyên tử	số lớp electron	số e lớp ngoài cùng
Nitrogen	7	7	2	5
Magnesium	12	12	3	2

b, (0,5 đ)

- Lần đo 1: Cao nhất do mới ngủ dậy, đĩa sụn ở cột sống chưa bị nén bởi trọng lực cơ thể.

- Lần đo 2: Thấp hơn do đĩa sụn ở cột sống bị nén bởi trọng lực cơ thể sau 6 giờ.

- Lần đo 3: Thấp hơn nữa do đĩa sụn ở cột sống bị nén bởi trọng lực cơ thể sau 12 giờ.

Câu 14. (1đ) Cây chậm ra hoa người ta thắp bóng đèn sợi đốt vào ban đêm để cây tăng cường quang hợp giúp cho cây nhanh ra hoa.

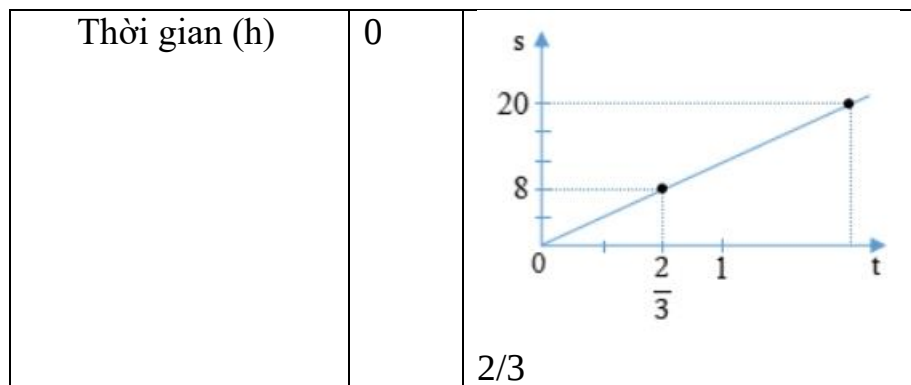
Câu 15. (0,5đ) Lá cây có đặc điểm hình bản dẹt, mỏng, diện tích bề mặt lớn.

Câu 16. (2 điểm)

a. (1 điểm)

Thời gian đi 8km đầu: $t = s/v = 8/12 = 2/3\text{h}$ (0,25đ)

Quãng đường (km)	0	8
------------------	---	---



- Vẽ đúng đồ thị được 0,75đ

b. 1 điểm

Độ dài cả quãng đường đi được là

$$s = s_1 + s_2 = 8 + 12 = 20 \text{ km (0,25đ)}$$

Thời gian đi hết quãng đường

$$t = t_1 + t_2 = s_1 / v_1 + s_2 / v_2 = 2/3 + 12/9 = 2 \text{ h (0,25đ)}$$

Tốc độ của người xe đạp trên cả quãng đường là

$$v = s/t = 20/2 = 10 \text{ km/h (0,5đ)}$$

Câu 17. (1 điểm) Xe được đi với tốc độ từ 60km/h đến 100km/h

PHÒNG GD&ĐT NÚI THÀNH

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

Môn: KHTN. Thời gian: 60 phút

(Không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ: 2

A. TRẮC NGHIỆM: 4,0 điểm

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1. Khẳng định nào dưới đây là **không** đúng?

- A. Dự báo là kỹ năng cần thiết trong nghiên cứu khoa học tự nhiên.
- B. Dự báo là kỹ năng không cần thiết của người làm nghiên cứu.
- C. Dự báo là kỹ năng dự đoán điều gì sẽ xảy ra dựa vào quan sát, kiến thức, suy luận của con người,... về các sự vật, hiện tượng.
- D. Kỹ năng dự báo thường được sử dụng trong bước dự đoán của phương pháp tìm hiểu tự nhiên.

Câu 2. Con người có thể định lượng được các sự vật và hiện tượng tự nhiên dựa trên kỹ năng nào?

- A. Kỹ năng quan sát, phân loại.
- B. Kỹ năng liên kết tri thức.
- C. Kỹ năng dự báo.
- D. Kỹ năng đo.

Câu 3. Nguyên tử X có 19 proton. Số hạt electron của X là

- A. 17.
- B. 18.
- C. 19.
- D. 20.

Câu 4. Chất hữu cơ được hình thành ở...

- A. Biểu bì
- B. Mặt dưới của lá
- C. mặt trên của lá
- D. lục lạp

Câu 5. Cây xanh quang hợp kém về mùa hè là do thiếu...

- A. khí carbon dioxide. B. nhiệt độ.
C. nước. D. ánh sáng.

Câu 6. Quang hợp ở cây xanh là quá trình chuyển hoá năng lượng từ...

- A. hoá năng thành quang năng. B. quang năng thành hóa năng.
C. hoá năng thành nhiệt năng. D. quang năng thành nhiệt năng.

Câu 7. Dùng quy tắc “3 giây” để ước tính khoảng cách an toàn khi xe chạy với tốc độ 72 km/h.

- A. 60m B. 68m C. 777,6m D. 216m

Câu 8. Công thức tính tốc độ là:

- A. $v = s \cdot t$ B. $v = \frac{s}{t}$ C. $v = \frac{t}{s}$ D. $v = \frac{s}{t^2}$

Câu 9. Ba bạn An, Bình, Đông học cùng lớp. Khi tan học, ba bạn đi bằng xe đạp, cùng chiều trên đường về nhà. Tốc độ của An là 14,4km/h, của Bình là 3m/s, của Đông là 180m/min. Kết luận nào sau đây là đúng?

- A. Bạn Đông đi nhanh nhất, bạn An và bạn Bình đi bằng nhau.
B. Bạn Bình đi nhanh nhất, bạn Đông và bạn An đi bằng nhau
C. Bạn An đi nhanh nhất, bạn Bình và bạn Đông đi bằng nhau.
D. Ba bạn đi nhanh như nhau.

Câu 10. Để đo tốc độ của vật chuyển động lăn trên máng trượt trong thí nghiệm, ta cần những dụng cụ đo nào?

- A. Thước cuộn và đồng hồ bấm giây.
B. Thước thẳng và đồng hồ treo tường.
C. Đồng hồ đo thời gian hiện số kết nối với cổng quang điện.

D. Cổng quang điện và đồng hồ bấm giây.

Câu 11. Hình vẽ dưới đây biểu diễn đồ thị quãng đường thời gian của một vật chuyển động trong khoảng thời gian 8s. Tính quãng đường vật đi được sau 5 giây:

A. 40 m

B. 11 m

C. 12,5 m

D. 18 m



Câu 12. Khi gảy đàn guitar, bộ phận nào của đàn phát ra âm thanh:

A. Móng tay

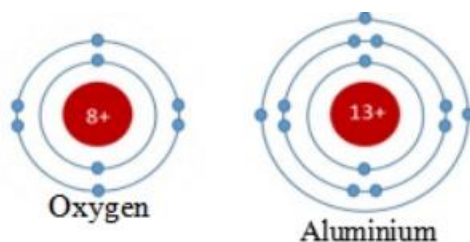
B. Dây đàn

C. Thân đàn

D. Thùng đàn

II. TỰ LUẬN: 6,0 điểm

Câu 13. (1,5 điểm) Cho sơ đồ một số nguyên tử sau:



a. Hãy chỉ ra: Số p trong hạt nhân, số e trong nguyên tử, số lớp electron và số e lớp ngoài cùng của mỗi nguyên tử.

b. Khi đo chiều cao của một người ở các thời điểm khác nhau trong ngày, kết quả đo được ghi lại trong **bảng 1**. Em hãy nhận xét và giải thích về kết quả thu được?

Bảng 1. Kết quả đo chiều cao của người ở các thời điểm trong ngày

Lần đo	Thời gian	Kết quả thu được
1	6 giờ	163,4 cm
2	12 giờ	162,8 cm
3	18 giờ	162,1 cm

Câu 14. (1đ) Quang hợp mang lại lợi ích gì cho môi trường và con người?

Câu 15. (0,5 đ) Vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng đối với cơ thể?

Câu 16. (2,0 điểm)

Một ô tô chuyển động trên đoạn đường đầu 60km đi với tốc độ 40km/h, đoạn đường 60km tiếp theo đi với tốc độ 60km/h.

a. Hãy vẽ đồ thị quãng đường – thời gian của ô tô trong *đoạn đường đầu*.

b. Xác định tốc độ trung bình của ô tô trên cả quãng đường.

Câu 17. (1 điểm) Trên đoạn đường có biển báo trên hình sau, các phương tiện tham gia giao thông được đi trong khoảng tốc độ nào?



Đáp án Đề 2:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐA	D	B	C	D	C	B	A	B	C	C	C	B

Câu 13. (1.5đ)

a. (1đ)

	<i>Số p trong hạt nhân</i>	<i>số e trong nguyên tử</i>	<i>số lớp electron</i>	<i>số e lớp ngoài cùng</i>
Oxygen	8	8	2	6
Aluminium	13	13	3	3

b, (0,5đ)

- Lần đo 1: Cao nhất do mới ngủ dậy, đĩa sụn ở cột sống chưa bị nén bởi trọng lực cơ thể.

- Lần đo 2: Thấp hơn do đĩa sụn ở cột sống bị nén bởi trọng lực cơ thể sau 6 giờ.

- Lần đo 3: Thấp hơn nữa do đĩa sụn ở cột sống bị nén bởi trọng lực cơ thể sau 12 giờ.

Câu 14. (1đ)

Lợi ích của quang hợp đối với môi trường và con người:

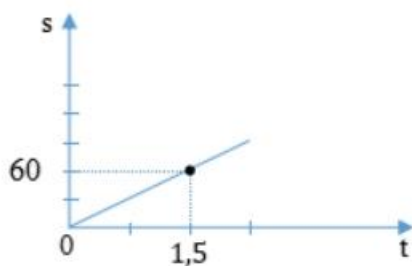
- Cung cấp chất hữu cơ cho mọi sinh vật (0,25 đ)
- Điều hòa khí trong không khí làm môi trường trong lành. (0,25 đ)
- Cung cấp khí oxygen cho người, động vật hô hấp. (0,25 đ)
- Duy trì sự sống, sự cháy. (0,25 đ)

Câu 15. (0,5đ)

Vai trò: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng giúp cho cơ thể tồn tại, sinh trưởng, phát triển, sinh sản, cảm ứng và vận động

Câu 16. (2 điểm)

a. (1 điểm)



b. Thời gian đi 60km đầu: $t = s/v = 60:40 = 1,5h$
(0,25đ)

Quãng đường (km)	0	60
Thời gian (h)	0	1,5

- Vẽ đúng đồ thị được 0,75đ

b. (1 điểm)

Độ dài cả quãng đường đi được là

$$s = s_1 + s_2 = 60 + 60 = 120(km)$$

Thời gian đi hết quãng đường

$$t = t_1 + t_2 = \frac{s_1}{v_1} + \frac{s_2}{v_2} = 1,5 + \frac{60}{60} = 2,5(h)$$

Tốc độ của người xe đạp trên cả quãng đường là

$$v = \frac{s}{t} = \frac{120}{2,5} = 48(km/h) \quad (0,5đ)$$

Câu 17. (1 điểm) Xe được đi với tốc độ từ 60km/h đến 100km/h

TUẦN 10

TIẾT 11. 12. (Chuyển sang tuần 9)

BÀI 24: THỰC HÀNH

CHỨNG MINH QUANG HỢP Ở CÂY XANH

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu

1. Kiến thức Khi kết thúc bài học, HS

- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị, mẫu vật của bài thực hành.
- Tiến hành thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh.

+ Đối với HS khuyết tật: Quan sát được thí nghiệm. Phụ giúp các bạn thực hiện hoạt động. Theo dõi các bạn trả lời.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Tự tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh, đoạn video, mẫu vật để trình bày được các bước thí nghiệm; nêu được hiện tượng, kết quả của thí nghiệm; giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ thực vật

- Thảo luận nhóm để làm thí nghiệm chứng minh tinh bột được tạo thành trong quang hợp và thí nghiệm chứng minh quang hợp giải phóng khí oxygen; trả lời câu hỏi hoàn thành bài thu hoạch của nhóm.

- GVGD trong làm và quay video thí nghiệm chứng minh quang hợp giải phóng khí oxygen.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Mô tả được các bước thực hành. Chứng minh tinh bột được tạo thành trong quang hợp và quang hợp giải phóng khí oxygen.

- Nêu được Thực vật có khả năng quang hợp trong các điều kiện ánh sáng khác nhau (ngoài trời, trong nhà hoặc dưới ánh sáng đèn LED..) để tổng hợp chất hữu cơ (tinh bột) cung cấp cho cơ thể và giải phóng oxygen ra ngoài môi trường.

- Vận dụng được kiến thức đã học để giải thích 1 số hiện tượng thực tế trong tự nhiên.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, chịu khó trong việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm.

- Trung thực cẩn thận trong thực hành, ghi chép số liệu trung thực, rõ ràng khi làm thí nghiệm.

- Tích cực tuyên truyền bảo vệ trồng cây xanh.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- Giá thí nghiệm, băng keo đen, nước ấm (khoảng 40°C), cốc thủy tinh, nhiệt kế, panh, đĩa Petri, đèn cồn, ống nghiệm...

- Hóa chất: Cồn 90°; dung dịch iodine (iodine là thuốc thử tinh bột, khi nhỏ vào tinh bột, tinh bột sẽ thành màu xanh tím).

- Mẫu vật (chuẩn bị ở nhà): cây khoai lang (Đã để trong bóng tối 2 ngày, dùng băng keo bịt kín 1 phần lá ở cả 2 mặt để ra chỗ nắng hoặc để dưới đèn điện từ 4 đến 6 giờ).

- Phiếu học tập.

- Mẫu phiếu đánh giá và thang đánh giá (để phát cho các nhóm).
- Video: Thí nghiệm chứng minh tinh bột được tạo thành trong quang hợp và thí nghiệm chứng minh quang hợp giải phóng khí oxygen:

<https://www.youtube.com/watch?v=zcPimDimRaI>

2. Học sinh:

- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.
- Mẫu vật (chuẩn bị ở nhà): cây khoai lang (Đã để trong bóng tối 2 ngày, dùng băng keo bịt kín 1 phần lá ở cả 2 mặt để ra chỗ nắng hoặc để dưới đèn điện từ 4 đến 6 giờ).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động: Xác định vấn đề học tập là tìm hiểu về quang hợp.

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh có tâm thế vui vẻ trước khi vào bài học và biết được nội dung tìm hiểu liên quan đến các thí nghiệm về quá trình quang hợp ở cây xanh.

+ Đối với HS khuyết tật: Theo dõi các bạn trả lời

b) Nội dung:

- Học sinh tham gia trò chơi “Ngôi sao may mắn”:

Nội dung các ngôi sao:

Câu 1. Trong quá trình quang hợp, lá nhả ra loại khí nào ?

A. Khí hiđrogen B. Khí nitrogen **C. Khí oxygen** D. Khí carbodioxide

Câu 2. Trong cơ thể thực vật, bộ phận nào chuyên hoá với chức năng chế tạo tinh bột ?

A. Hoa B. Rễ **C. Lá** D. Thân

Câu 3. Thành phần nào dưới đây không tham gia trực tiếp vào quá trình quang hợp của thực vật ?

A. Không bào B. Lục lạp C. Nước D. Khí cacbôníc

Câu 4. Điều kiện cần để lá cây có thể quang hợp được khi có đầy đủ các nguyên liệu là gì ?

A. Nhiệt độ thấp **B. Có ánh sáng** C. Độ ẩm thấp D. Nền nhiệt cao

Câu 5. Chất nào dưới đây là nguyên liệu của quá trình quang hợp ở thực vật ?

A. Khí cacbonic B. Khí Oxygen C. Tinh bột D. Vitamin

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập + Đối với HS khuyết tật: Theo dõi các bạn trả lời - GV thông báo luật chơi: HS hoạt động cá nhân tham gia trò chơi: Trong mỗi ngôi sao sẽ có 1 câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến nội dung bài đã học. Các em sẽ lựa chọn các ngôi sao mà mình thích để trả lời câu hỏi. Bạn nào trả lời đúng sẽ được 1 phần thưởng. * Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. *Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV, hoàn thành nhiệm vụ. - Giáo viên: Theo dõi và hỗ trợ các em khi cần. *Báo cáo kết quả - GV chiếu đáp án cho các em theo dõi. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét, đánh giá cuộc chơi. ->Giáo viên nêu vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Chúng ta đã biết, quang hợp là một quá trình rất quan trọng của cây xanh, nhờ quá trình	

quang hợp, cây chế tạo được tinh bột và giải phóng khí oxygen ra ngoài môi trường. Để kiểm chứng điều đó, chúng ta sẽ tìm hiểu vào nội dung bài học hôm nay.	
--	--

-> *Giáo viên nêu mục tiêu bài học:*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Thực hành thí nghiệm chứng minh tinh bột được tạo thành trong quang hợp.

a) Mục tiêu:

- HS làm được thí nghiệm chứng minh và nhận biết được sự tạo thành của tinh bột trong quang hợp.
- Giải thích được mục đích của các bước khi tiến hành thí nghiệm.

+ **Đối với HS khuyết tật: Quan sát được thí nghiệm**

b) Nội dung:

- HS nghiên cứu thông tin SGK để : Nêu thiết bị, dụng cụ, mẫu vật, hóa chất để tiến hành thí nghiệm.
- HS theo dõi video hướng dẫn các bước khi làm thí nghiệm.
- HS kiểm tra lại thiết bị, dụng cụ, mẫu vật và hóa chất của nhóm mình.
- HS tiến hành làm thí nghiệm và hoàn thành nội dung số 1 trong phiếu thu hoạch nhóm.

c) Sản phẩm:

- HS nghiên cứu thông tin SGK để trả lời câu hỏi. Đáp án có thể là:
 - + Thiết bị, dụng cụ: Cốc thủy tinh, ống nghiệm, đĩa Petri, đèn cồn, nước ấm (khoảng 40⁰), giá thí nghiệm (hoặc kiềng sắt, lưới ami-ăng).

+ Mẫu vật (chuẩn bị ở nhà): cây khoai lang (Đã để trong bóng tối 2 ngày, dùng băng keo bịt kín 1 phần lá ở cả 2 mặt để ra chỗ nắng hoặc để dưới đèn điện từ 4 đến 6 giờ).

+ Hóa chất: Cồn 90⁰; dung dịch iodine.

- Bảng thu hoạch nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, nghiên cứu thông tin SGK cho biết: Nêu thiết bị, dụng cụ, mẫu vật, hóa chất để tiến hành thí nghiệm? - GV chiếu video thí nghiệm chứng minh tinh bột được tạo thành trong quang hợp. - GV yêu cầu các nhóm kiểm tra lại thiết bị, dụng cụ, mẫu vật và hóa chất của nhóm mình. - GV yêu cầu các nhóm làm thí nghiệm và hoàn thành nội dung số 1 trong bảng thu hoạch nhóm + Đối với HS khuyết tật: Theo dõi các bạn thực hiện *Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghiên cứu thông tin SGK để trả lời. - HS theo dõi video, ghi nhớ các bước tiến hành; vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ của nhóm. - Trong quá trình làm thí nghiệm, nhóm trưởng tổng hợp phân công việc đã làm ở nhà để đánh giá và cho điểm các thành viên theo mẫu phiếu đánh giá.	- Thiết bị, dụng cụ, hóa chất của thí nghiệm: + Thiết bị, dụng cụ: Cốc thủy tinh, ống nghiệm, đĩa Petri, đèn cồn, nước ấm (khoảng 40⁰), giá thí nghiệm (hoặc kiềng sắt, lưới ami-ăng). + Mẫu vật (chuẩn bị ở nhà): cây khoai lang (Đã để trong bóng tối 2 ngày, dùng băng keo bịt kín 1 phần lá ở cả 2 mặt để ra chỗ nắng hoặc để dưới đèn điện từ 4 đến 6 giờ). + Hóa chất: Cồn 90⁰; dung dịch iodine. - Hiện tượng / kết quả: Phần lá bị bịt kín bởi băng giấy đen không có màu xanh tím khi nhúng lá vào dung dịch iodine; các phần lá không bị bịt băng giấy đen thì có màu xanh tím. - Trả lời câu hỏi: + Mục đích của việc sử dụng băng giấy đen bịt kín một phần lá ở cả

<i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung số 1 trong bảng thu hoạch nhóm.	hai mặt là để phần lá bị kín không nhận được ánh sáng như vậy diệp lục sẽ không hấp thụ được ánh sáng. + Cho chiếc lá đã bỏ băng giấy đen vào cốc có cồn 90° đun sôi cách thủy có tác dụng phá hủy cấu trúc và tính chất của diệp lục. + Tinh bột được tạo thành ở phần lá không bị bịt bằng giấy đen vì khi nhúng lá thí nghiệm vào dung dịch iodine thì phần đó có màu xanh tím. * Kết luận: Tinh bột là sản phẩm của quang hợp.
--	---

Hoạt động 2.2: Thực hành thí nghiệm chứng minh quang hợp giải phóng khí oxygen.

a) Mục tiêu:

- HS làm được thí nghiệm và chứng minh được trong quá trình quang hợp cây xanh giải phóng ra khí oxygen.

+ Đối với HS khuyết tật: Biết được lý do người ta thả rong vào chậu cá cảnh

b) Nội dung:

- HS nghiên cứu thông tin SGK để: Nêu thiết bị, dụng cụ, mẫu vật để tiến hành thí nghiệm?

- HS theo dõi video thí nghiệm; thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi ở nội dung số 2 trong phiếu thu hoạch nhóm:

+ Nêu các bước tiến hành thí nghiệm?

+ Điều kiện tiến hành thí nghiệm ở hai cốc khác nhau như thế nào?

+ Hiện tượng nào chứng tỏ cành rong đuôi chó thải chất khí? Chất khí đó là gì? Hiện tượng gì xảy ra khi đưa quay đóm (còn toàn đỏ) vào miệng ống nghiệm?

+ Nêu hiện tượng, kết quả của thí nghiệm?

+ Khi nuôi cá cảnh trong bể kính người ta thường thả vào bể một số cành rong và cây thủy sinh. Em hãy giải thích ý nghĩa của việc làm đó?

c) Sản phẩm:

- HS nghiên cứu thông tin SGK để trả lời câu hỏi. Đáp án có thể là:

+ Thiết bị, dụng cụ: Cốc thủy tinh, ống nghiệm, giấy đen, que đóm.

+ Mẫu vật: 2 cành rong đuôi chó.

- Bảng thu hoạch nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK cho biết: Nêu thiết bị, dụng cụ và mẫu vật để tiến hành thí nghiệm. - GV chiếu video thí nghiệm chứng minh quang hợp giải phóng khí oxygen. - GV yêu cầu các nhóm , thảo luận và hoàn thành nội dung số 2 trong bảng thu hoạch nhóm. + Đối với HS khuyết tật: Quan sát được thí nghiệm	- Thiết bị, dụng cụ, hóa chất của thí nghiệm: + Thiết bị, dụng cụ: Cốc thủy tinh, ống nghiệm, giấy đen, que đóm. + Mẫu vật: 2 cành rong đuôi chó. - Trả lời câu hỏi: + Để làm TN thực hiện theo 4 bước (SGK). + Hai cốc trong thí nghiệm chứng minh quang hợp giải phóng khí Oxygen khác nhau về điều kiện tiến hành thí nghiệm là ánh sáng. + Khi đưa que đóm còn tàn đỏ vào gần miệng ống nghiệm đặt ngoài
*Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghiên cứu thông tin SGK để trả lời. - HS theo dõi video, ghi nhớ các bước tiến hành; vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ của nhóm.	

<i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung số 2 trong bảng thu hoạch nhóm.	ánh sáng thì que đóm cháy, điều đó chứng tỏ có oxygen (chất khí duy trì sự cháy) được tạo thành trong ống nghiệm thông qua quá trình quang hợp, nhờ có sự có mặt của diệp lục trong lá rong và ánh sáng. + Hiện tượng / kết quả: Khi đưa que đóm còn tàn đỏ vào gần ống nghiệm thì que đóm cháy. + Khi nuôi cá cảnh trong bể kính người ta thường hay thả vào bể một số loại rong và cây thủy sinh để các loài cây đó thực hiện quang hợp giải phóng oxygen cung cấp cho quá trình trao đổi khí ở cá. * Kết luận: Sản phẩm của quá trình quang hợp có khí oxygen.
--	--

3. Hoạt động 3: Thu hoạch- Luyện tập.

a) Mục tiêu: Hệ thống được kiến thức trong bài thực hành và hoàn thành được báo cáo thực hành..

+ Đối với HS khuyết tật: Biết tinh bột được hình thành ở lá

b) Nội dung:

- HS nêu lại nội dung của bài thực hành.
- Các nhóm hoàn thiện bảng thu hoạch nhóm

c) Sản phẩm:

- Bài thu hoạch của nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung đã làm trong bài thực hành. + GV yêu cầu các nhóm hoàn thiện và nộp bài thu hoạch nhóm. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. *Báo cáo kết quả và thảo luận + Các nhóm nộp lại bản thu hoạch của nhóm. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét phần thực hành của các nhóm.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học và năng lực thực hành.

b) Nội dung:

- Làm và quay lại video thí nghiệm chứng minh quang hợp giải phóng khí oxygen.

c) Sản phẩm:

- Video làm thí nghiệm của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu mỗi nhóm HS tự làm và quay lại video thí nghiệm chứng minh quang hợp giải phóng khí oxygen.	

+ Đối với HS khuyết tật: Không yêu cầu <i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> Các nhóm HS thực hiện theo nhóm làm ra sản phẩm. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> Sản phẩm của các nhóm <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.	
--	--

MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Tên học sinh	Mức hoàn thành công việc được giao (tính theo thang đánh giá)

Thang đánh giá

Tiêu chí	Mức 1 (Chưa đạt)	Mức 2 (Trung bình)	Mức 3 (Khá)	Mức 4 (Tốt)
Nội dung công việc	Không tham gia	Có tham gia nhưng hời hợt, chưa nghiêm túc	Tham gia tích cực nhưng hoàn thành công việc chậm	Tham gia tích cực, hoàn thành xuất sắc

PHIẾU HỌC TẬP

Lớp: Nhóm:

Họ và tên các thành viên :

.....

Nội dung 1:

- H1. Nêu hiện tượng, kết quả của thí nghiệm?

<i>Thí nghiệm 1</i>	<i>Hiện tượng/kết quả</i>
Thí nghiệm chứng minh tinh bột được tạo thành trong quang hợp.	

- H2. Trả lời các câu hỏi:

1. Mục đích của việc sử dụng băng giấy đen bịt kín một phần lá ở cả hai mặt là gì?
2. Cho chiếc lá đã bỏ băng giấy đen vào cốc có cồn 90^0 , đun sôi cách thủy có tác dụng gì?
3. Tinh bột được tạo thành ở phần nào của lá trong thí nghiệm trên? Vì sao em biết?

.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....

Nội dung 2:

- H1. Nêu hiện tượng, kết quả của thí nghiệm?

<i>Thí nghiệm 2</i>	<i>Hiện tượng/kết quả</i>
Thí nghiệm chứng minh quang hợp giải phóng khí oxygen.	

- H2. Trả lời các câu hỏi:

1. Điều kiện tiến hành thí nghiệm ở hai cốc khác nhau như thế nào?

2. Hiện tượng nào chứng tỏ cành rong đuôi chó thải chất khí? Chất khí đó là gì? Hiện tượng gì xảy ra khi đưa quay đóm (còn toàn đỏ) vào miệng ống nghiệm?

3. Khi nuôi cá cảnh trong bể kính người ta thường thả vào bể một số cành rong và cây thủy sinh. Em hãy giải thích ý nghĩa của việc làm đó

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 11. Tiết 13, 14

Soạn ngày: 9/11/2023

MÔN HỌC: KHTN 7
Thời gian thực hiện: 2 tiết
BÀI 25: HÔ HẤP TẾ BÀO

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp tế bào (ở thực vật và động vật):
 - + Nêu được khái niệm.
 - + Viết được phương trình hô hấp dạng chữ.
 - + Thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào.
- Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô, ...).

+Đối với HS khuyết tật: Biết được tế bào cũng hô hấp. Biết nguyên liệu tham gia và sản phẩm của quá trình hô hấp tế bào. Biết lắng nghe theo dõi các bạn trả lời.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về ...

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra ...
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết vấn đề trong thực tiễn ...

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp tế bào (ở thực vật và động vật) gồm: nêu được khái niệm, viết được phương trình hô hấp dạng chữ thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào; Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào.
- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát sơ đồ mô tả quá trình hô hấp tế bào cũng như mối quan hệ hai chiều giữa tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào; Nêu được tác động của một số yếu tố chủ yếu đến hô hấp tế bào.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô...)

3. Phẩm chất:

- * Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:
- Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.
- Chăm thận, trung thực và thực hiện các yêu cầu trong bài học.
- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá về quá trình hô hấp tế bào.

II. Phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học:

III. Thiết bị dạy học và học liệu

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, Ti vi, bảng phụ, nam châm; Tranh SGK H 25.1, H 25.2, H 25.3, H 25.4, H 25.5

2. **Học liệu:** Phiếu học tập - KHBD, SGK, KGV, SBT

- Phiếu học tập số 1

Phiếu học tập số 1	
Quan sát Hình 25.1, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:	
1. Nguyên liệu tham gia và sản phẩm của quá trình hô hấp tế bào:	
2. Viết phương trình hô hấp tế bào dưới dạng chữ.	
3. Hô hấp tế bào diễn ra ở	đâu?.....
4. Hô hấp tế bào có vai trò gì đối với cơ thể sinh vật?	

- Phiếu học tập 2

Phiếu học tập số 2

Hãy tìm hiểu và cho biết tác dụng của một số chất gây ức chế quá trình hô hấp tế bào ở người.

Chất ức chế hô hấp	Tác dụng
Nitrogen oxides (NO)	
2,4-Dinitrophenol (DNP)	
Carbon monoxide (CO)	
Cyanide	

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1

KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập cho học sinh, tạo tình huống có vấn đề.

b) Nội dung: GV sử dụng câu hỏi tình huống mở, cho học sinh làm việc cá nhân để trả lời câu

hỏi của GV.

c) Sản phẩm: HS hứng thú học tập, câu trả lời của HS,

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV cho tình huống: 1. Khi chúng ta vận động nặng, chơi thể thao (học thể dục...) thì cơ thể chúng ta có những biểu hiện, thay đổi, trạng thái như thế nào? 2. Con người, động vật thở (hít vào và thở ra) có phải hô hấp không? 3. Thực vật có quá trình Quang hợp, vậy thực vật có Hô hấp không? - Hướng dẫn HS nghe rõ tình huống và trả lời cá nhân	- HS Nhận nhiệm vụ, làm việc cá nhân. Nội dung: 1. Tim đập mạnh, thở (hô hấp) mạnh, mồ hôi nhiều, cơ thể nóng... 2. Hít vào thở ra là hô hấp 3. Có hoặc không
Chốt lại và đặt vấn đề mở để vào bài: 1. Khi chúng ta vận động nặng, chơi thể thao thì tim đập mạnh, tăng nhịp thở... là do chúng ta cần cung cấp năng lượng cho các hoạt động cơ thể. Đây là sản phẩm của quá trình Hô hấp (Đây là hoạt động tương đối phức tạp) 2. Thực ra hít thở chỉ là một giai đoạn của quá trình Hô hấp 3. Cây cũng cần năng lượng để hoạt động (hút nước, muối khoáng...) nên cây vẫn có Hô hấp Tất cả các vấn đề trên sẽ được giải thích sau khi chúng ta học xong bài Hô hấp tế bào (3 tiết) và bài Thực hành hô hấp ở tế bào TV (2 tiết) Biểu dương các HS có các đáp án đúng	Chuẩn bị sách vở học bài mới

Hoạt động 1

HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. HÔ HẤP Ở TẾ BÀO.

Mục 1. Tìm hiểu khái niệm hô hấp tế bào.

a) Mục tiêu: Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp tế bào (ở thực vật và động vật):

- Nêu được khái niệm.
- Viết được phương trình hô hấp dạng chữ.

Đối với HS KT: Theo dõi các bạn thực hiện biết được nguyên liệu và sản phẩm của hô hấp tế bào

b) Nội dung: HS phát biểu được khái niệm hô hấp tế bào và viết được phương trình hô hấp dạng chữ.

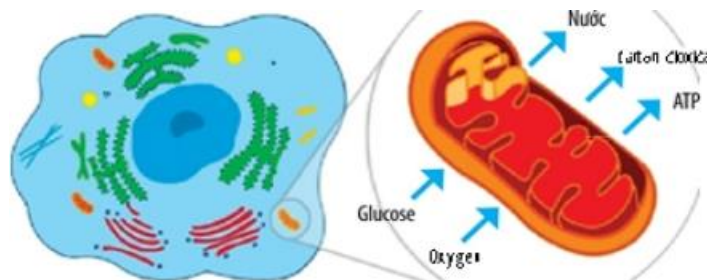
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS, kết luận

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
B1.Giao nhiệm vụ: HS thành lập nhóm (4 - 6 học sinh) thảo luận hoàn thành PHT số 1 (Chuẩn bị ở bảng phụ) Đối với HS KT: Theo dõi các bạn thực hiện biết được nguyên liệu và sản phẩm của hô hấp tế bào	B2.Thực hiện nhiệm vụ Thảo luận nghiêm túc

Phiếu học tập 1

Quan sát Hình 25.1, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:



1. Nguyên liệu tham gia và sản phẩm của quá trình hô hấp tế bào:

2. Viết phương trình hô hấp tế bào dưới dạng chữ.

3. Hô hấp tế bào diễn ra ở đâu?

4. Hô hấp tế bào có vai trò gì đối với cơ thể sinh vật?

5. Hãy xác định quá trình chuyển hoá năng lượng trong hô hấp tế bào.

B3. Báo cáo kết quả: Gv yêu cầu hs báo cáo sản phẩm.

Đại diện HS các nhóm báo cáo

Phiếu học tập 1 (Phần nội dung)

1. Nguyên liệu tham gia và sản phẩm của quá trình hô hấp tế bào

- Nguyên liệu: glucose, oxygen.
- Sản phẩm: carbon dioxide, nước, ATP.

2. Viết phương trình hô hấp tế bào dưới dạng chữ.

Glucose + Oxygen → Nước + Carbon dioxide + Năng lượng (ATP + nhiệt).

3. Hô hấp tế bào diễn ra ở đâu? ở ti thể.

4. Hô hấp tế bào có vai trò gì đối với cơ thể sinh vật.

Hô hấp tế bào giải phóng năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống của tế bào và cơ thể.

5. Hãy xác định quá trình chuyển hoá năng lượng trong hô hấp tế bào.....
hoá năng → nhiệt năng.

B4. Đánh giá/ nhận xét: GV nhận xét câu trả lời của các nhóm, có lời khen các nhóm trả lời tốt, động viên bổ sung các nhóm làm chưa tốt.
- Nêu câu hỏi cá nhân:

1 vài nhóm nhận xét và bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.
HS suy nghĩ cá nhân, phát biểu

6. So sánh tốc độ hô hấp của một vận động viên đang thi đấu và một nhân viên văn phòng. Giải thích sự khác nhau đó.  GV chốt Kt giải thích thêm cho HS	6. Cường độ hô hấp của một vận động viên đang thi đấu nhanh hơn so với một nhân viên văn phòng vì vận động viên đang hoạt động mạnh, cần được cung cấp nhiều năng lượng hơn, nhịp hô hấp và nhịp tim tăng để tăng cường vận chuyển oxygen đến các tế bào cơ cường độ hô hấp mạnh hơn.
Tổng kết: GV rút ra kết luận chốt lại kiến thức	HS tự rút ra kết luận ghi bài
Nội dung	
1. Hô hấp tế bào - Hô hấp tế bào là quá trình tế bào phân giải chất hữu cơ tạo thành carbon dioxide, nước, đồng thời giải phóng năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống của tế bào và cơ thể. - Phương trình hô hấp tế bào: $\text{Glucose} + \text{Oxygen} \rightarrow \text{Nước} + \text{Carbon dioxide} + \text{Năng lượng (ATP + nhiệt)}.$	

*** Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Học thuộc khái niệm hô hấp tế bào và phương trình hô hấp tế bào.
- Nghiên cứu mối quan hệ hai chiều giữa tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào.

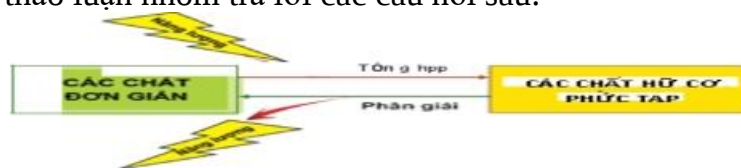
Mục 2: Tìm hiểu mối quan hệ hai chiều giữa tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào

- a) **Mục tiêu:** Hiểu được mối quan hệ hai chiều tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào.
Đối với HS KT: Theo dõi các bạn thực hiện, lắng nghe các bạn trả lời
- b) **Nội dung:** Mối quan hệ hai chiều tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, kết luận
- d) **Tổ chức thực hiện.**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
B1. Giao nhiệm vụ: HS thành lập nhóm (4 - 6 học sinh) thảo luận hoàn thành PHT số 2 Đối với HS KT: Theo dõi các bạn thực hiện, lắng nghe các bạn trả lời	B2.Thực hiện nhiệm vụ Thảo luận nhóm nghiêm túc.

Phiếu học tập 1

Quan sát Hình 25.2, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:



1. Hãy cho biết quá trình tổng hợp và phân giải chất hữu cơ trong tế bào có mối quan hệ với nhau như thế nào?

2. Dựa vào kiến thức đã học, hãy phân tích mối quan hệ giữa quá trình quang hợp và quá trình hô hấp tế bào?.....

3. Tại sao nói quá trình tổng hợp và phân giải các chất hữu cơ trong tế bào có mối quan hệ mật thiết với nhau?.....

B3. Báo cáo kết quả:

Hướng dẫn HS báo cáo PHT

Đại diện HS các nhóm báo cáo sản phẩm.

B4. Đánh giá/ nhận xét: GV nhận xét câu trả lời của các nhóm, có lời khen các nhóm trả lời tốt, động viên bổ sung các nhóm làm chưa tốt.
- Nêu câu hỏi cá nhân:

1. Hãy cho biết quá trình tổng hợp và phân giải chất hữu cơ trong tế bào có mối quan hệ với nhau như thế nào?

GV chốt lại giải thích thêm cho HS

2. Dựa vào kiến thức đã học, hãy phân tích mối quan hệ giữa quá trình quang hợp và quá trình hô hấp tế bào?

3. Tại sao nói quá trình tổng hợp và phân giải các chất hữu cơ trong tế bào có mối quan hệ mật thiết với nhau?

1 vài nhóm nhận xét và bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

HS suy nghĩ cá nhân, phát biểu

1. Quá trình tổng hợp cung cấp nguyên liệu cho quá trình phân giải, ngược lại, quá trình phân giải cung cấp năng lượng và nguyên liệu cho quá trình tổng hợp.

2. Quang hợp và hô hấp tế bào có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó, sản phẩm của quá trình này là nguồn nguyên liệu cho quá trình kia và ngược lại.

3. Trong các phản ứng chuyển hoá của tế bào, sản phẩm của quá trình tổng hợp cung cấp nguyên liệu cho quá trình phân giải; ngược lại, quá trình phân giải cung cấp năng lượng và nguyên liệu cho quá trình tổng hợp.

Nội dung

2. Mối quan hệ hai chiều giữa tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào

- Quá trình tổng hợp và phân giải các chất hữu cơ trong tế bào là hai quá trình trái ngược nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau đảm bảo duy trì các hoạt động sống của tế bào.

Mục 3: Vận dụng hiểu biết hô hấp trong thực tiễn.

4 a. Mối quan hệ giữa hô hấp tế bào và bảo quản lương thực, thực phẩm.

a) Mục tiêu: Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo

quản hạt cần phơi khô, ...).

Đối với HS KT: Lắng nghe theo dõi các bạn trả lời

b) Nội dung: vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS, kết luận

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Tìm hiểu mối quan hệ giữa hô hấp tế bào và bảo quản lương thực, thực phẩm	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức trò chơi: Chia lớp thành 2 nhóm, tổ chức trò chơi “Đôi mắt”: Mỗi nhóm đại diện trả lời bằng giơ tay, mỗi lần là một đáp án đúng. Trò chơi kết thúc khi nhóm còn lại không còn câu trả lời: 1. Hãy kể ra một số phương pháp bảo quản lương thực, thực phẩm tại nhà mà em biết? 2. Dự đoán cơ sở khoa học của các biện pháp bảo quản trên? 3. Vì sao hô hấp tế bào gây ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình bảo quản lương thực, thực phẩm? 4. Vì sao các loại hạt được đem phơi khô trước khi đưa vào kho bảo quản? 5. Em hãy cho biết cơ sở khoa học của việc bảo quản lương thực, thực phẩm ở nồng độ carbon dioxide cao và nồng độ oxygen thấp. 4. Em hãy chọn biện pháp bảo quản phù hợp cho các loại lương thực, thực phẩm sau: rau lang, quả nho, củ cà rốt, hạt thóc, hạt ngô, thịt heo, quả táo, thịt bò, hạt lạc. Đối với HS KT: Lắng nghe theo dõi các bạn trả lời	B2. Thực nhiệm vụ. Nhận nhiệm vụ Thảo luận nghiêm túc B3. Báo cáo thảo luận. Các nhóm thi nhau ai giơ tay trước được trả lời đáp án. 1. Phơi khô, sấy khô, bỏ tủ lạnh, ướp đá, muối, hút chân không... 2. HS đưa ra các dự đoán: mất nước, nhiệt độ thấp hô hấp không được... 3. Hô hấp tế bào là quá trình phân giải các chất hữu cơ, điều này sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng của lương thực, thực phẩm nếu điều kiện bảo quản không phù hợp hoặc bảo quản trong thời gian quá dài. 4. Nhằm làm giảm hàm lượng nước trong hạt để giảm cường độ hô hấp tế bào, giúp bảo quản hạt được lâu hơn. 5a. Bảo quản trong điều kiện nồng độ carbon dioxide cao: khi nồng độ carbon dioxide tăng sẽ ức chế quá trình hô hấp, nhờ đó, tăng hiệu quả của quá trình bảo quản. 5b. Bảo quản trong điều kiện nồng độ oxygen thấp: làm giảm nồng độ oxygen có tác dụng làm giảm hô hấp, nhờ đó, tăng hiệu quả của quá trình bảo quản. 6a. Bảo quản lạnh: rau lang, quả nho, củ cà rốt, thịt heo, quả táo, thịt bò. 6b. Bảo quản khô: hạt thóc, hạt ngô, hạt lạc. 6d. Bảo quản trong điều kiện nồng độ oxygen thấp: hạt thóc, hạt ngô, thịt heo, thịt bò.

B1. Đánh giá/ nhận xét: GV nhận xét câu trả lời của học sinh, có lời khen các nhóm trả lời tốt, động viên bổ sung các học sinh làm chưa tốt. Tổng kết: GV rút ra kết luận chốt lại kiến thức	6e. Bảo quản trong điều kiện nồng độ carbon dioxide cao: quả nhỏ, hạt thóc, hạt ngô, hạt lạc.
---	---

Nội dung

4. Vận dụng hiểu biết hô hấp trong thực tiễn

4a. Mối quan hệ giữa hô hấp tế bào và bảo quản lương thực, thực phẩm

- Vận dụng hiểu biết về quá trình hô hấp tế bào, người ta có thể dùng các biện pháp để làm giảm cường độ của quá trình hô hấp nhằm tăng hiệu quả bảo quản lương thực, thực phẩm.
- Một số biện pháp được dùng để bảo quản lương thực, thực phẩm như: bảo quản lạnh, bảo quản khô, bảo quản trong điều kiện nồng độ carbon dioxide cao và nồng độ oxygen thấp.

Mục 4: Vận dụng hiểu biết hô hấp trong thực tiễn.

4b. Tìm hiểu mối quan hệ giữa hô hấp tế bào và bảo vệ sức khỏe con người

a) Mục tiêu: Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào để bảo vệ sức khỏe con người.

Đối với HS KT: Lắng nghe theo dõi các bạn trả lời

b) Nội dung: vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS, kết luận

d) Tổ chức thực hiện

Tìm hiểu mối quan hệ giữa hô hấp tế bào và bảo vệ sức khỏe con người	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK trả lời các câu hỏi 1. Có những biện pháp nào giúp quá trình hô hấp tế bào ở người diễn ra bình thường? 2. Chế độ dinh dưỡng hợp lý và trồng nhiều cây xanh có ý nghĩa gì đối với hô hấp tế bào? Đối với HS KT: Lắng nghe theo dõi các bạn trả lời B4. Đánh giá/ nhận xét: GV nhận xét câu trả lời của học sinh, có lời khen HS trả lời tốt, động viên bổ sung các học trả lời chưa đúng. Tổng kết: GV rút ra kết luận chốt lại kiến thức	B2. Thực nhiệm vụ. Học sinh làm việc cá nhân hoàn thành đáp án. B3. Báo cáo thảo luận. Đại diện trả lời – nhận xét – bổ sung. 1. Có chế độ lao động hoặc chơi thể thao vừa sức, tránh thiếu hụt oxygen. - Có chế độ dinh dưỡng hợp lý; trồng nhiều cây xanh. - Không sử dụng hoặc tiếp xúc với các chất có tác dụng ức chế quá trình hô hấp... 2. Chế độ dinh dưỡng hợp lý nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu chất hữu cơ, còn việc trồng nhiều cây xanh sẽ đảm bảo được nguồn oxygen để cung cấp cho quá trình hô hấp tế bào.
Nội dung	
4. Vận dụng hiểu biết hô hấp trong thực tiễn b. Mối quan hệ giữa hô hấp tế bào và bảo vệ sức khỏe con người	

Các biện pháp đảm bảo điều kiện thuận lợi cho quá trình hô hấp tế bào cũng góp phần bảo vệ sức khoẻ con người.

Hoạt động 3 **LUYỆN TẬP**

a. **Mục tiêu:** củng cố, luyện tập, khắc sâu kiến thức vừa học.

HS khuyết tật: lắng nghe, theo dõi

b. **Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

c. **Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

d. **Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
B1. Chuyển giao nhiệm vụ. - Chiếu các câu hỏi trắc nghiệm, tự luận, yêu cầu học sinh làm việc cá nhân trả lời đáp án Câu 1: Hô hấp tế bào là quá trình: a. Tổng hợp chất hữu cơ và tích lũy năng lượng b. Tổng hợp chất hữu cơ và giải phóng năng lượng c. Phân giải chất hữu cơ và giải phóng năng lượng d. Phân giải chất hữu cơ và tích lũy năng lượng Câu 2: Trong quá trình hô hấp tế bào có những phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng: 1. Nguyên liệu là: Glucose, Oxygen. 2. Sản phẩm của quá trình hô hấp là: Oxygen, Carbon dioxide, ATP. 3. Hô hấp tế bào là quá trình tế bào tổng hợp các chất. 4. Hô hấp ở tế bào chỉ xảy ra ở thực vật. a. 1 b. 2 c. 3 d. 4 GV cho điểm nếu HS giải thích được các đáp án đúng.	B2. Thực nhiệm vụ. Học sinh làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận. Đại diện trả lời – nhận xét. Câu 1: c Câu 2: b
- Từ kết quả nghiên cứu trên, em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa nhiệt độ môi trường và cường độ hô hấp của loài thực vật nói trên? B4. Đánh giá/ nhận xét: GV nhận xét câu trả lời của học sinh, có lời khen các nhóm trả lời tốt, động viên bổ sung các học sinh làm chưa tốt. Tổng kết: GV rút ra kết luận chốt lại kiến thức	- Nhiệt độ ảnh hưởng đến quá trình hô hấp tế bào thông qua sự tác động đến các enzyme xúc tác phản ứng hoá học. Khi nhiệt độ tăng dần từ 5 °C đến 40 °C thì cường độ hô hấp tăng và đạt cao nhất ở 35 - 40 °C. Tuy nhiên, nếu nhiệt độ tiếp tục tăng sẽ gây ức chế quá trình hô hấp, làm cường độ hô hấp giảm mạnh.

Hoạt động 4 **VẬN DỤNG**

a. **Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

HS khuyết tật: lắng nghe, theo dõi

b. Nội dung: Làm bài tập hoạt động cá nhân ở nhà.

c. Sản phẩm: HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
B1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV trình chiếu câu hỏi vận dụng cho học sinh ghi vào vở và yêu cầu học sinh về nhà hoàn thành đáp án và báo cáo tiết học tới. Câu 1: Khi trồng cây trong nhà lưới phủ nilon, vì sao người ta thường “bón” carbon dioxide sau khi mặt trời mọc và ngừng “bón” sau khi mặt trời lặn từ 1 – 2 giờ? Câu 2: Khi trồng cây trong phòng ngủ, vì sao cần phải để phòng ngủ được thông thoáng vào ban đêm?	B2. Thực nhiệm vụ. Gi bài tập vào vở, làm việc cá nhân ở nhà hoàn thành đáp án. 1. Trong khu vực có che phủ nilon mỏng, sự lưu thông khí bị cản trở, lượng carbon dioxide bị hao hụt sau khi cây quang hợp. Do đó, nồng độ carbon dioxide sẽ giảm xuống thấp. Vì vậy, để tăng cường độ quang hợp cần bón thêm carbon dioxide sau khi mặt trời mọc. Ban đêm cây không quang hợp, quá trình hô hấp ở cây lấy oxygen, thải carbon dioxide. Nhưng khi nồng độ carbon dioxide quá cao sẽ làm ức chế hô hấp vì vậy ban đêm không bón carbon dioxide.
B4. Đánh giá/ nhận xét: GV nhận xét câu trả lời của học sinh, có lời khen các nhóm trả lời tốt, động viên bổ sung các học sinh làm chưa tốt. Tổng kết: GV rút ra kết luận chốt lại kiến thức	HS chỉnh sửa đáp án nếu sai.

Tuần 12. Soạn ngày 18/11/2023

Tiết 15. 16. BÀI 26: MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÔ HẤP TẾ BÀO

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào.
- Vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn

+ Đối với HS khuyết tật: Biết các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào. Biết bảo quản một số thực phẩm.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- **Năng lực tự chủ và tự học:** tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** thảo luận nhóm để giải quyết các tình huống ứng dụng hiểu biết về hô hấp tế bào vào thực tiễn cuộc sống.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** tìm tòi, phát hiện, phân tích để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :

- **Năng lực nhận biết KHTN:** Nhận biết, kể tên các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào.
- **Năng lực tìm hiểu tự nhiên:** Nêu được vai trò của các yếu tố và giải thích được ảnh hưởng của các yếu tố đến tế bào
- **Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** Vận dụng kiến thức vào bảo quản lương thực, thực phẩm.

3. Phẩm chất:

- Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:
- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ được giáo viên phân công.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Giáo viên:

- Tranh ảnh, hình ảnh các nông sản bị hỏng do không được bảo quản đúng cách.
- Ảnh minh họa các biện pháp bảo quản nông sản.
- Dụng cụ để chiếu tranh ảnh

Học sinh:

- Bài cũ ở nhà.
- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là ảnh hưởng của các yếu tố đến hô hấp tế bào. **HS khuyết tật theo dõi, ghi nhớ**

b) Nội dung:

- Học sinh quan sát hình ảnh, làm việc cá nhân, làm việc nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh , PHT.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chiếu hình ảnh về rau, củ, quả bảo quản không đúng cách. - GV đưa ra vấn đề cho học sinh: Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng rau, củ, quả bị hỏng như vậy? Các yếu tố nào ảnh hưởng đến hiện tượng đó? Làm cách nào để bảo quản rau, củ, quả được lâu? HS khuyết tật: Theo dõi phát biểu *Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV. - Giáo viên: Theo dõi và bổ sung khi cần. *Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, những HS khác tham gia nhận xét và phản biện từ đó tạo ra được mâu thuẫn của vấn đề *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá: - Giáo viên nhận xét, đánh giá:	

-> <i>Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học để trả lời câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay.</i>	
-> <i>Giáo viên nêu mục tiêu bài học:</i>	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu:

- Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào.

+ HS khuyết tật theo dõi ghi nhớ

b) Nội dung:

- GV cho HS trả lời câu hỏi tình huống

- GV cho học sinh trả lời các câu hỏi ở SGK

- HS hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm đôi

c) Sản phẩm:

- HS qua hoạt động nhóm quan sát vật qua kính lúp, thảo luận nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: Tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào	
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV đưa ra câu hỏi tình huống để học sinh nghiên cứu trả lời: Hô hấp tế bào ở hạt đậu cung cấp năng lượng cho hạt đậu nảy mầm. Theo em, những yếu tố nào đã ảnh hưởng đến hô hấp tế bào ở hạt đậu trong những tình huống sau: - Hạt đậu được ngâm nước, để ở nhiệt độ phòng thì nảy mầm tốt.	I. Tìm hiểu về một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào Các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào gồm: - Nhiệt độ. - Độ ẩm và nước. - Hàm lượng khí O₂ và khí CO₂.

- Hạt đậu khô, để ở nhiệt độ phòng thì không nảy mầm.

- Hạt đậu ngâm nước và hạt đậu khô để ở nhiệt độ 10 °C thì đều không nảy mầm.

⇒ Từ 3 câu hỏi trên HS sẽ rút ra được các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào

- GV cho HS đọc thông tin mục I, GV cùng HS phân tích đặc điểm và sự ảnh hưởng của mỗi yếu tố đến từng loại nông sản. GV đặt vấn đề: Có phải tất cả các loại nông sản đều chịu ảnh hưởng của bốn yếu tố trên không?

- GV cho học sinh trả lời các câu hỏi ở mục I SGK.

Ở mục I.4:

Gv bổ sung câu hỏi :

Vì sao khi bị sốt cao, nhịp thở lại tăng lên?

****Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS nghiên cứu, tìm hiểu để trả lời câu hỏi đặt vấn đề của giáo viên.

HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án các câu hỏi trong SGK.

HS khuyết tật theo dõi, ghi nhớ

****Báo cáo kết quả và thảo luận***

GV gọi ngẫu nhiên một HS trả lời câu hỏi đặt vấn đề (yêu cầu học sinh giải thích nếu được).

GV gọi ngẫu nhiên các nhóm trả lời các câu hỏi ở SGK, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét và chốt nội dung.

Hô hấp tế bào chịu ảnh hưởng của các yếu tố chủ yếu như: nhiệt độ, độ ẩm và nước, khí carbon dioxide, khí oxygen,...

❖ CH mục 1.1

Hàm lượng nước trong hạt ảnh hưởng đến cường độ hô hấp của hạt. Hàm lượng nước tăng thì cường độ hô hấp tăng và ngược lại. Vì nước trong hạt là dung môi cho các phản ứng xảy ra, hoạt hoá các enzyme thực hiện hô hấp.

❖ CH mục 1.2

Trong trồng trọt, người ta thường làm đấtơi xới trước khi gieo hạt và tháo nước để tránh ngập úng giúp đất trồng được thoáng khí, cung cấp O_2 , tạo điều kiện thuận lợi cho rễ cây hô hấp.

❖ CH mục 1.3

Không để nhiều hoa hoặc cây xanh trong phòng kín vì ban đêm hoa hoặc cây xanh hô hấp mạnh sẽ lấy O_2 trong không khí và thải rất nhiều CO_2 . Nếu đóng kín cửa phòng thì không khí trong phòng sẽ bị thiếu O_2 , và rất nhiều CO_2 , nên người trong phòng thiếu dưỡng khí, dễ bị ngạt, có thể nguy hiểm tới tính mạng.

❖ CH mục 1.4

Cơ thể cần tạo ra nhiệt để tiêu diệt sinh vật gây bệnh nên tăng cường hô hấp tế bào

Hoạt động 2.2: Vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào vào thực tiễn

Hô hấp tế bào và vấn đề bảo quản nông sản

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS tìm hiểu nội dung “Hô hấp tế bào và vấn đề bảo quản nông sản”. GV cho câu hỏi tình huống mâu thuẫn

- Điều gì xảy ra nếu các tế bào ngừng hô hấp?
- Theo em cần điều chỉnh các yếu tố như thế nào để có thể bảo quản được nông sản?

***Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS hoạt động cá nhân đưa ra đáp án cho hai câu hỏi.

***Báo cáo kết quả và thảo luận**

GV gọi ngẫu nhiên HS trình bày, các HS khác bổ sung, phản biện.

HS khuyết tật theo dõi, lắng nghe

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét và chốt nội dung

2. Các biện pháp bảo quản nông sản sau thu hoạch

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Dựa vào thông tin trong SGK mục II, các nhóm sẽ tìm hiểu về một nhóm đối tượng được bảo quản, và hoàn thành thông tin vào phiếu học tập theo mẫu:

Nhóm nông sản	Biện pháp bảo quản	Lí do chọn biện pháp
Rau xanh		
Củ, quả		
Hạt		

- HS dựa vào kiến thức đã tìm hiểu để thực hiện hoạt động trong SGK mục II.

II. Vận dụng hiểu biết về hô hấp vào thực tiễn

1. Hô hấp tế bào và vấn đề bảo quản nông sản

Để bảo vệ nông sản cần đưa hô hấp ở nông sản về mức tối thiểu bằng cách điều chỉnh các yếu tố môi trường như nước, nhiệt độ, nồng độ khí carbon dioxide.

Các biện pháp bảo quản nông sản sau thu hoạch

- Bảo quản khô
- Bảo quản lạnh
- Bảo quản trong điều kiện nồng độ khí carbon dioxide

****Thực hiện nhiệm vụ học tập***

HS hoạt động nhóm hoàn thành PHT

HS khuyết tật theo dõi, ghi nhớ

****Báo cáo kết quả và thảo luận***

GV gọi ngẫu nhiên 1 nhóm HS trình bày, các nhóm HS khác bổ sung, phản biện.

****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét và chốt nội dung

Đáp án câu hỏi SGK:

1. Khi vào phòng kín có nồng độ khí carbon dioxide cao thì cần mở cửa để giảm nồng độ khí carbon dioxide rồi mới bước vào phòng để tránh ngộ độc. Trong trường hợp vào phòng kín có nồng độ khí carbon dioxide cao để bảo quản nông sản thì cần đeo kính, đeo mặt nạ thở có van.

2. Không nên bảo quản nông sản ở nhiệt độ bằng hoặc thấp hơn 0 °C vì ở nhiệt độ đó, các tế bào bị phá vỡ cấu trúc, các enzyme bị bất hoạt dẫn đến các hoạt động trao đổi chất dừng lại. Tế bào chết và biểu hiện bên ngoài là nông sản bị nát và hỏng

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Hệ thống được một số kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- HS thực hiện cá nhân phần “Con đã học được trong giờ học” trên phiếu học tập KWL.

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

c) Sản phẩm:

- HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập KWL.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần “Con đã học được trong giờ học” trên phiếu học tập KWL và tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. HS khuyết tật theo dõi kể được các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp rế bào, kể được ít nhất 2 phương pháp bảo quản nông sản, ghi nhớ kiến thức. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

b) Nội dung:

GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> GV cho HS trả lời các câu hỏi liên quan đến thực tiễn Câu 1. Giải thích hiện tượng tượng quả, rau vừa thu hoạch được đựng trong túi nylon buộc kín, sau vài giờ, quan sát thấy có nước đọng ở mặt trong của túi. Câu 2. Tại sao rau trong siêu thị lại được đóng gói trong túi nylon có đục lỗ và bảo quản trong ngăn mát? - GV cho HS làm các thí nghiệm liên quan đến câu hỏi tại nhà, chụp hình sản phẩm minh chứng. Các nhóm làm slide ngắn nộp sản phẩm cho GV. <i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> Học sinh trả lời các câu hỏi, làm thí nghiệm tại nhà, hoàn thành PPT. HS khuyết tật theo dõi, ghi nhớ <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> HS báo cáo sản phẩm ở trên lớp <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.	

Soạn ngày 25/11/2023

TUẦN 13 - TIẾT 17, 18

BÀI 27: THỰC HÀNH HÔ HẤP Ở THỰC VẬT

Môn học: Khoa học tự nhiên lớp 7

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt.

HS Khuyết tật theo dõi, lắng nghe, tham gia các hoạt động của nhóm.

2. Về năng lực

a) Năng lực chung

Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ được GV yêu cầu trong giờ thực hành.

Giao tiếp và hợp tác: Chia sẻ và thực hiện được đúng nhiệm vụ được phân công trong nhóm để tiến hành thí nghiệm chứng minh về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt.

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua các thí nghiệm rút ra được kết luận về hiện tượng hô hấp ở thực vật.

b) Năng lực khoa học tự nhiên

- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát, phát hiện sản phẩm được tạo ra trong quá trình hô hấp.

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Trình bày được cách tiến hành thí nghiệm phát hiện hiện tượng hô hấp ở hạt nảy mầm.

3. Về phẩm chất

Chăm chỉ: Tham gia tích cực hoạt động học tập, hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.

Trung thực: Trung thực trong quá trình thực hành và báo cáo kết quả thực hành của cá nhân và nhóm.

Trách nhiệm: Sử dụng hợp lý thời gian học tập; cẩn thận trong thao tác thực hành.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Các hình ảnh theo sách giáo khoa.

Mẫu vật thí nghiệm: 100g đậu nảy mầm, mùn cưa hoặc xơ dừa.

Dụng cụ thí nghiệm: Bình thủy tinh 500ml, bông gòn, dây kim loại, nến, nhiệt kế có vạch chia độ, hộp nhựa/thùng xốp, bình xốp, bình tam giác có nút và ống dẫn, cốc, bình đựng nước cất, ống nghiệm, ấm đun nước siêu tốc, xoong, bếp đun....

Máy chiếu, bảng nhóm;

Phiếu báo cáo thí nghiệm

BÁO CÁO THỰC HÀNH	
Ngày.....tháng.....năm.....	
Nội dung thực hành:.....	
Tên học sinh/nhóm:.....Lớp.....	
Kết quả thực hiện:	
Thí nghiệm	Hiện tượng/kết quả
Chuông A	
Chuông B	
Giải thích kết quả thí nghiệm và rút ra kết luận	
.....	
.....	

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

A. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

Phương pháp thí nghiệm

Phương pháp trực quan

Phương pháp dạy học theo nhóm

Phương pháp vấn đáp

B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

A. CHUẨN BỊ

Hoạt động 1: Gv giới thiệu các dụng cụ thực hành, chuẩn bị trước buổi thực hành

Mục tiêu: Giúp HS biết được các dụng cụ thực hành

- HS khuyết tật: **Biết cách làm cho hạt nảy mầm**

b) Nội dung: GV giới thiệu tóm tắt về nội dung, cho HS nhận dụng cụ thực hành của các nhóm.

c) Sản phẩm: Các nhóm nhận dụng cụ thực hành.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giao nhiệm vụ 1 - Chia nhóm HS (5-6 HS/1 nhóm). - Giới thiệu dụng cụ thực hành. Giao nhiệm vụ 2: GV hướng dẫn cho học sinh thực hành thí nghiệm bước 1 theo nhóm tại nhà, học sinh quay video ghi lại những bước làm và chụp ảnh kết quả nảy mầm. + GV lưu ý bước 1 cần ngâm hạt trong khoảng 2 giờ và ủ để hạt nảy mầm. Hướng dẫn học sinh thực hiện các bước trong SGK, quan sát, nhận biết các hiện tượng thí nghiệm	Nhận nhiệm vụ
Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ - Hướng dẫn các nhóm nhận dụng cụ thực hành. - Giải đáp thắc mắc của HS về các dụng cụ.	- Nhận dụng cụ thực hành; - Đưa ra các câu hỏi nếu có.

Báo cáo kết quả - Các nhóm báo cáo việc nhận dụng cụ thực hành. - GV kiểm tra dụng cụ của từng nhóm. HS khuyết tật: Theo dõi các bạn trả lời	Các nhóm báo cáo việc nhận dụng cụ thực hành.
Tổng kết: - GV nhận xét là rút ra kết luận phân thảo luận và làm thí nghiệm tại nhà bước 1 của học sinh	

B. CÁCH TIẾN HÀNH

Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh tiến hành thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt

Mục tiêu: GV hướng dẫn các bước tiến hành thí nghiệm để HS thực hiện và thiết kế thí nghiệm. **HS khuyết tật cùng tham gia với nhóm**

Nội dung: GV hướng dẫn các bước tiến hành thí nghiệm để HS thực hiện Bước 1 đến 3 trước khi thực hành 1 ngày theo Hình 27.1 SGK. Sau đó, HS sẽ mang mẫu thực hành và làm nhật kí theo dõi nhiệt độ.

Sản phẩm:

Mục đích của việc ngâm hạt trong nước ấm là để làm nhanh mềm vỏ hạt, hạt hút nước phá vỡ trạng thái ngủ nghỉ của hạt để chuẩn bị cho quá trình hô hấp xảy ra, hạt sẽ nảy mầm.

Lót bông hoặc giấy có tác dụng cung cấp độ ẩm cho hạt.

Hạt được ngâm nước để trong tủ ấm để tạo môi trường thích hợp, kích thích hạt nảy mầm.

Hạt giống để lâu sức nảy mầm giảm vì mặc dù được bảo quản làm giống nhưng hạt vẫn xảy ra quá trình hô hấp, phân giải chất dự trữ. Bảo quản trong thời gian dài, chất dự trữ giảm mạnh, giảm hoạt tính của các enzyme hô hấp nên hạt mất sức nảy mầm hay tỉ lệ nảy mầm thấp

Ý nghĩa của bước làm giá đỗ

+ Bước 1: Giúp lựa chọn các hạt giống tốt

+ Bước 2: Làm cho vỏ nứt nhẹ, thuận lợi cho hạt hút nước và nảy mầm

+ Bước 3: đánh thức hạt khỏi trạng thái ngủ, hạt trương nước để nảy mầm

+ Bước 4: cung cấp nước giúp giá sinh trưởng tốt

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
------------------	------------------

Giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn cho học sinh thực hành thí nghiệm bước 1 theo nhóm tại nhà, học sinh quay video ghi lại những bước làm và chụp ảnh kết quả nảy mầm. + Bước 2. Tiến hành thí nghiệm: Sử dụng 2 chuông thủy tinh, đặt đĩa có hạt nảy mầm cùng cốc nước vôi trong vào chuông A và đặt 1 cốc nước vôi trong khác vào chuông B và để trong điều kiện ánh sáng PTN + Bước 3: Quan sát hiện tượng, kết quả thí nghiệm - Thực hiện thảo luận các câu hỏi sau: Trong bước chuẩn bị hạt nảy mầm: + Mục đích của việc ngâm hạt trong nước là gì? + Lót bông hoặc giấy đã thấm nước rồi đặt trong đĩa Petri có tác dụng gì? + Tại sao sau khi hạt được ngâm nước lại để trong tủ ẩm nhiệt độ khoảng 30⁰C đến 35⁰C hoặc điều kiện nhiệt độ phòng. Tại sao hạt giống để lâu sau khi thu hoạch thì sức nảy mầm giảm? Vào kì nghỉ hè, Lan thường được mẹ hướng dẫn làm giá đỗ từ hạt đậu xanh để có thêm nguồn rau sạch, các bước Lan được hướng dẫn như sau: + Bước 1: Lọc bỏ các hạt lép, mọt hoặc bị vỡ + Bước 2: Bỏ đậu vào trong vỏ rồi chà xát + Bước 3: Ngâm đậu trong nước ấm 40⁰C đến 45⁰C khoảng 2 - 3 giờ. + Bước 4: Cho hạt vào dụng cụ làm giá, để trong chỗ tối và cho hạt đậu “uống nước” mỗi ngày 2 lần. - Giáo viên yêu cầu học sinh giải thích mục đích của từng bước.	- Học sinh: tiếp nhận nhiệm vụ.
Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS tiến hành các thí nghiệm theo các bước; - Hướng dẫn HS chuẩn bị dụng cụ, hoá chất; - Hướng dẫn HS cách tiến hành thí nghiệm;	- HS hình thành nhóm, thực hiện thí nghiệm, thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

- Hướng dẫn HS cách quan sát quá trình thí nghiệm; - Hướng dẫn HS cách ghi chép kết quả thí nghiệm; - GV hướng dẫn HS thảo luận câu hỏi trong SGK.	
Báo cáo kết quả - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, hoàn thành phiếu báo cáo kết quả thí nghiệm. - Mời các nhóm khác nhận xét; HS khuyết tật lắng nghe - GV nhận xét sau khi các nhóm khác bổ sung và chốt kiến thức	- Nhóm được chọn trình bày kết quả phiếu học tập; - Các nhóm khác nhận xét trình bày của nhóm bạn.
Tổng kết - GV nhận xét các thao tác làm - GV nhận xét là rút ra kết luận phần thảo luận.	

Hoạt động 3: Hướng dẫn học sinh báo cáo kết quả thí nghiệm

Mục tiêu: GV hướng dẫn HS viết và trình bày báo cáo theo mẫu trong SGK

HS khuyết tật lắng nghe

Nội dung: GV cho học sinh làm việc nhóm viết và trình bày báo cáo kết quả thí nghiệm. Giải thích kết quả thí nghiệm và rút ra kết luận

Sản phẩm: Bài báo cáo HS theo mẫu.

BÁO CÁO THỰC HÀNH	
Ngày.....tháng.....năm.....	
Nội dung thực hành:.....	
Tên học sinh/nhóm:.....Lớp.....	
Kết quả thực hiện:	
Thí nghiệm	Hiện tượng/kết quả
Chuông A	Cốc nước vôi trong ở trong chuông có xuất hiện vẩn
Chuông B	Cốc nước vôi trong ở trong chuông không có xuất hiện vẩn
Giải thích kết quả thí nghiệm và rút ra kết luận	

Trong chuông A có khí CO_2 , khí này sẽ kết hợp với nước vôi trong tạo thành kết tủa CaCO_3 (váng trên mặt cốc), còn chuông B không có khí CO_2 nên không có xuất hiện váng
 Kết luận: Khi hạt nảy mầm, quá trình hô hấp tạo ra khí CO_2

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS kẻ sẵn bản báo cáo theo mẫu.	HS chuẩn bị mẫu báo cáo ở nhà.
Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ: GV Hướng dẫn HS viết báo cáo.	HS viết báo cáo.
Báo cáo kết quả: GV thu bài báo cáo.	HS hoàn thành báo cáo và nộp lại cho GV.
Tổng kết: GV chấm bài báo cáo.	

C. DẶN DÒ

- HS hoàn thành bài báo cáo thực hành.
- Chuẩn bị bài tiếp theo: đọc bài trước ở nhà.

D. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN

Các tiêu chí đánh giá bài thực hành:

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH THÍ NGHIỆM

(DÀNH CHO HỌC SINH)

Các tiêu chí	Có	Không
Chuẩn bị mẫu vật: chậu khoai lang, rong đuôi chó		
Thực hiện được theo các bước hướng dẫn		
Có sự hợp tác giữa các thành viên trong nhóm		
Vẽ được hình tế bào đã quan sát		

BẢNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

(DÀNH CHO GIÁO VIÊN)

Phẩm chất – Năng lực	Tiêu chí	Mức độ đạt được		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Giao tiếp và hợp tác	Chuẩn bị mẫu vật			
Tìm hiểu tự nhiên	Thực hiện được theo các bước làm thực hành			
Giao tiếp và hợp tác	Có sự hợp tác giữa các thành viên trong nhóm			
Trung thực	Báo cáo kết quả thí nghiệm đã quan sát			

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THÍ NGHIỆM

Kĩ năng	Mức độ biểu hiện		
	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Chuẩn bị mẫu vật	Chuẩn bị đầy đủ các nguyên vật liệu, dụng cụ thực hành thí nghiệm	Chuẩn bị được hầu hết các nguyên vật liệu, dụng cụ thực hành thí nghiệm	Không chuẩn bị hoặc có chuẩn bị nhưng còn thiếu nhiều nguyên vật liệu, dụng cụ thực hành thí nghiệm
Thực hiện được theo các bước hướng dẫn	Thực hiện chính xác và nhanh toàn bộ các bước trong quy trình thí nghiệm	Thực hiện đúng phần lớn các bước trong quy trình thí nghiệm	Không thực hiện được hoặc thực hiện không đúng nhiều bước trong quy trình thí nghiệm
Có sự hợp tác giữa các thành viên trong nhóm	Tất cả thành viên trong nhóm có sự trao đổi, thống nhất với nhau, giúp đỡ lẫn nhau khi thực hành.	Các thành viên trong nhóm chưa có sự thống nhất, chưa giúp đỡ lẫn nhau khi thực hành.	Các thành viên trong nhóm chưa có sự thống nhất, chưa giúp đỡ nhau thực hành, còn học sinh chỉ quan sát mà không thực hiện.
Làm thí nghiệm, báo cáo kết quả thí nghiệm và trả lời câu hỏi thảo luận và vận dụng	Làm thí nghiệm, báo cáo kết quả thí nghiệm và trả lời câu hỏi thảo luận và vận dụng một cách chính xác	Làm được thí nghiệm, báo cáo kết quả thí nghiệm một cách chính xác và trả lời câu hỏi thảo luận và vận dụng đúng 80%	Làm được thí nghiệm, báo cáo kết quả thí nghiệm một cách còn sai sót và trả lời câu hỏi thảo luận và vận dụng đúng 50%

Tuần 14, 15

Tiết 19, 20, 21

BÀI 28: TRAO ĐỔI KHÍ Ở SINH VẬT

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nêu được khái niệm trao đổi khí ở sinh vật.
- Sử dụng hình ảnh để mô tả được cấu tạo và chức năng của khí khổng.
- Dựa vào hình ảnh, mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng ở lá.
- Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở người, động vật và quá trình trao đổi khí ở người.
- Vận dụng được những kiến thức về trao đổi khí ở thực vật, động vật và con người trong trồng trọt, bảo vệ cơ thể và môi trường sống để có hệ hô hấp khỏe mạnh.

+ HS khuyết tật: Biết được khái niệm trao đổi khí. Biết lắng nghe, theo dõi.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- **Năng lực tự chủ và tự học:** tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để mô tả được cấu tạo và chức năng của khí khổng, quá trình trao đổi khí qua khí khổng ở lá, đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở người, động vật và quá trình trao đổi khí ở người.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** thảo luận nhóm để xác định quá trình trao đổi khí qua khí khổng ở lá, đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở người, động vật và quá trình trao đổi khí ở người.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** GQVĐ trong thực hiện quan sát hình ảnh, phân tích thông tin để tìm hiểu về trao đổi khí ở sinh vật.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :

- **Năng lực nhận biết KHTN:** Nêu được khái niệm trao đổi khí ở sinh vật, cấu tạo của khí khổng, cấu tạo của cơ quan trao đổi khí ở động vật.
- **Năng lực tìm hiểu tự nhiên:** Phân tích, xác định được quá trình trao đổi khí qua khí khổng ở lá, đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở người, động vật và quá trình trao đổi khí ở người.

- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* Vận dụng được những kiến thức về trao đổi khí ở thực vật, động vật và người trong trồng trọt, bảo vệ cơ thể và môi trường sống để có hệ hô hấp khỏe mạnh.

3. Phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về sự trao đổi khí ở sinh vật.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu quá trình trao đổi khí qua khí khổng ở lá, đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở người, động vật và quá trình trao đổi khí ở người.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Giáo viên:

Hình ảnh về cấu tạo, sơ đồ trao đổi khí của sinh vật.

Phiếu học tập.

Học sinh:

Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu: (Xác định vấn đề học tập là tìm hiểu về sự trao đổi khí ở cơ thể động vật và thực vật)

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là tìm hiểu về sự trao đổi khí ở cơ thể động vật và thực vật.

+ HS khuyết tật: *Biết được khái niệm trao đổi khí*

b) Nội dung:

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân:

+ Thực hiện động tác hít vào sâu, thở ra thật chậm và trả lời câu hỏi: *Hãy cho biết loại khí khi ta hít vào và thở ra?*

+ *Trao đổi khí là gì? Quá trình trao đổi khí diễn ra như thế nào ở cơ thể động vật và thực vật?*

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh về tìm hiểu về sự trao đổi khí ở cơ thể động vật và thực vật.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập + Thực hiện động tác hít vào sâu, thở ra thật chậm và trả lời các câu hỏi tìm hiểu về sự trao đổi khí ở cơ thể động vật và thực vật. * Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV, trả lời các câu hỏi nêu ở phần Nội dung. - Giáo viên: Theo dõi và hướng dẫn khi cần. * Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi một vài học sinh trình bày đáp án của cá nhân. GV ghi tóm tắt đáp án của HS trên bảng. + HS khuyết tật: Biết được khái niệm trao đổi khí * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -> Giáo viên nêu vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Để trả lời câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu sự trao đổi khí ở sinh vật:

a) Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm trao đổi khí ở sinh vật.
- Phân biệt được quá trình trao đổi khí giữa động vật với thực vật.

+ HS khuyết tật: Biết được khái niệm trao đổi khí

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm 4 HS nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát hình ảnh về trao đổi khí và trả lời các câu hỏi sau:

H1. Trao đổi khí là gì?

H2. Hoàn thành nội dung bảng:

Trao đổi khí		Khí lấy vào	Khí thải ra
Ở thực vật	Quang hợp	?	?
	Hô hấp	?	?
Ở động vật	Hô hấp	?	?

H3. Trao đổi khí có liên quan gì với hô hấp tế bào?

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời các câu hỏi và nội dung bảng của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: Tìm hiểu sự trao đổi khí ở sinh vật:	
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ học tập: làm việc nhóm 4 HS nghiên cứu thông tin trong SGK trả lời các câu hỏi đã nêu trong phần Nội dung. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS nghiên cứu thông tin trong SGK và dựa vào những kiến thức đã học thảo luận nhóm 4 HS, thống nhất đáp án và ghi chép câu trả lời. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi 2 HS đại diện cho 2 nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. + HS khuyết tật: Biết được khái niệm trao đổi khí *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét và chính xác hóa kiến thức.	<u>I. Sự trao đổi khí ở sinh vật:</u> - Trao đổi khí là quá trình sinh vật lấy oxi hoặc CO₂ từ môi trường vào cơ thể, đồng thời thải ra môi trường khí CO₂ hoặc O₂. - Ở cơ thể động vật trao đổi khí được thực hiện qua quá trình hô hấp. - Ở thực vật, trao đổi khí được thực hiện ở cả quá trình quang hợp và hô hấp.
Đáp án: H1: Trao đổi khí là quá trình sinh vật lấy oxi hoặc CO₂ từ môi trường vào cơ thể, đồng thời thải ra môi trường khí CO₂ hoặc O₂.	

H2:

Trao đổi khí		Khí lấy vào	Khí thải ra
Ở thực vật	Quang hợp	CO ₂	O ₂
	Hô hấp	O ₂	CO ₂
Ở động vật	Hô hấp	O ₂	CO ₂

H3: Trao đổi khí cung cấp khí O₂ làm nguyên liệu cho quá trình hô hấp và thải sản phẩm của hô hấp là khí CO₂ ra ngoài môi trường.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu sự trao đổi khí ở thực vật

a) Mục tiêu:

- Sử dụng hình ảnh để mô tả được cấu tạo và chức năng của khí khổng.
- Dựa vào hình ảnh, mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng ở lá.

+ HS khuyến khích: Lắng nghe và ghi nhớ

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm 4 HS nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát hình ảnh về cấu tạo khí khổng và quá trình trao đổi khí qua khí khổng và hoàn thành phiếu học tập số 1.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh về trao đổi khí ở thực vật.

d) Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4 HS nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát hình ảnh về cấu tạo khí khổng và quá trình trao đổi khí qua khí khổng và hoàn thành phiếu học tập số 1.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS hoạt động nhóm 4 HS nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát hình ảnh hoàn thành phiếu học tập số 1.

***Báo cáo kết quả và thảo luận**

II. Trao đổi khí ở thực vật

Cấu tạo của khí khổng

Mỗi khí khổng gồm hai tế bào hình hạt đậu nằm áp sát nhau, thành ngoài mỏng, thành trong dày.

Chức năng của khí khổng:

GV gọi một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). + HS khuyết tật: Lắng nghe và ghi nhớ *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét và chính xác hóa kiến thức	- Thực vật trao đổi khí với môi trường chủ yếu thông qua khí khổng ở lá: + Trong quá trình hô hấp, các khí khổng mở cho O_2 từ môi trường khuếch tán vào lá và O_2 từ lá khuếch tán ra môi trường. + Trong quá trình quang hợp, các khí khổng mở cho CO_2 từ môi trường khuếch tán vào lá và O_2 từ lá khuếch tán ra môi trường.
--	---

Đáp án:

Câu 1: Mỗi khí khổng gồm hai tế bào hình hạt đậu nằm áp sát nhau, thành ngoài mỏng, thành trong dày.

Khi tế bào hạt đậu hút nước, không bào lớn lên, thành mỏng hết căng và thành dày duỗi thẳng làm khí khổng mở rộng.

Khi tế bào hạt đậu mất nước, không bào mỏng đi, thành mỏng hết căng và thành dày duỗi thẳng làm khí khổng đóng lại.

Câu 2: Sự khác nhau giữa quá trình trao đổi khí qua khí khổng trong hô hấp và quang hợp:

- Trong quá trình hô hấp, các khí khổng thu nhận O_2 từ môi trường và thải ra môi trường khí CO_2 .

- Trong quá trình quang hợp, các khí khổng thu nhận CO_2 từ môi trường và thải ra môi trường khí O_2 .

Câu 3:

- Các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến quá trình trao đổi khí ở thực vật:

+ Nhiệt độ: Khi nhiệt độ tăng, thoát hơi nước tăng, nên sự trao đổi khí trong quá trình quang hợp tăng và ngược lại.

+ Cường độ ánh sáng: Khi cường độ ánh sáng tăng, cường độ quang hợp tăng nên quá trình trao đổi khí cũng tăng.

+ Nồng độ khí CO₂: Khi nồng độ khí CO₂ tăng, quá trình quang hợp cũng tăng dẫn đến sự trao đổi khí tăng.

+ Nồng độ các chất khoáng trong đất: Các chất khoáng cũng ảnh hưởng đến quá trình quang hợp nên cũng làm thay đổi tốc độ và tần suất trao đổi khí ở lá.

+ Hàm lượng nước trong đất: Khi lượng nước trong đất giảm, trao đổi khí ở cây cũng giảm do quang hợp giảm.

- Cây bị thiếu nước sẽ làm khí khổng không thể thực hiện được chức năng của nó, do đó khi cây bị thiếu nước, quá trình trao đổi khí ở thực vật sẽ bị ức chế.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu sự trao đổi khí ở động vật

Mục tiêu:

- Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở người, động vật và quá trình trao đổi khí ở người.
- Vận dụng được những kiến thức về trao đổi khí ở thực vật, động vật và con người trong trồng trọt, bảo vệ cơ thể và môi trường sống để có hệ hô hấp khỏe mạnh.

+ HS khuyết tật: Lắng nghe và ghi nhớ

b) Nội dung:

- Học sinh quan sát hình 28.2 trả lời câu hỏi: Hãy cho biết tên cơ quan trao đổi khí ở giun đất, cá, châu chấu và mèo?
- Học sinh làm việc nhóm 4 HS quan sát hình 28.3, 28.4 và hoàn thành phiếu học tập số 2.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh về trao đổi khí ở động vật.

d) Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh 28.2, 28.3, 28.4 trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập số 2.

II. Trao đổi khí ở thực vật

1. Cơ quan trao đổi khí của động vật

Cơ quan trao đổi khí của:

*Thực hiện nhiệm vụ học tập HS quan sát hình ảnh 28.2, 28.3, 28.4 trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập số 2. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi một vài HS đại diện trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có). + HS khuyết tật: Lắng nghe và ghi nhớ *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét và chính xác hóa kiến thức.	- Giun đất: Qua da - Châu chấu: Qua hệ thống ống khí. - Cá: Qua mang. - Mèo: Qua phổi. 2. Quá trình trao đổi khí ở động vật (ví dụ ở người): Ở người, khi hít vào, không khí đi qua đường dẫn khí vào đến phổi sẽ cung cấp oxi cho các tế bào; khí CO₂ từ tế bào được máu chuyển tới phổi để thải ra môi trường qua động tác thở ra.
--	--

Đáp án:

Câu 1: Cơ quan trao đổi khí của:

- Giun đất: Qua da
- Châu chấu: Qua hệ thống ống khí
- Cá: Qua mang
- Mèo: Qua phổi.

Câu 2: Trao đổi khí ở động vật được diễn ra:

- Khí O₂ được cơ thể động vật hấp thu qua các cơ quan trao đổi khí như da, hệ thống ống khí, mang, phổi rồi đưa đến các tế bào khác trong cơ thể; đồng thời khí CO₂ từ các tế bào đó vận chuyển đến các cơ quan trao đổi khí để thải ra môi trường.

Câu 3: Đường đi của khí Oxygen và carbon dioxide qua các cơ quan hô hấp ở người:

Khi hít vào, không khí ở môi trường ngoài đi qua khoang mũi, khí quản, phế quản để vào phổi và đến tận các phế nang trong phổi. Ở các phế nang, oxygen khuếch tán vào máu và được vận chuyển đến để cung cấp cho các tế bào trong cơ thể đồng thời carbon dioxide từ các tế bào sẽ khuếch tán vào mạch máu đến các phế nang và được đưa ra ngoài qua việc thở ra.

Câu 4: Nếu đường dẫn khí bị tắc nghẽn, lượng khí được vận chuyển vào cơ thể sẽ bị giảm, nên sẽ làm giảm hiệu suất trao đổi khí ở động vật.

Một số việc làm có lợi cho quá trình trao đổi khí ở người: Tập thể dục, hít thở sâu, thường xuyên kiểm tra sức khỏe đặc biệt là hệ hô hấp, không hút thuốc lá,...

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Hệ thống được một số kiến thức đã học.

+ HS K/Tật: Lắng nghe và ghi nhớ

b) Nội dung:

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

c) Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy lên bảng. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi một vài HS nhận xét, bổ sung sơ đồ tư duy. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	

GV nhận xét, nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực vận dụng kiến thức về bảo vệ cơ quan hô hấp vào đời sống thực vật và động vật.

+ **HS K/Tật:** Lắng nghe và ghi nhớ

b) Nội dung:

HS liên hệ thực tế trả lời câu hỏi: Giải thích tại sao khi sưởi ấm bằng than hoặc củi trong phòng kín, người trong phòng có thể bị ngạt hoặc nguy hiểm đến tính mạng? Em hãy đề xuất biện pháp giúp hạn chế nguy hiểm trong trường hợp sưởi ấm bằng than hoặc củi.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS về nguyên nhân gây ngạt thở khi sưởi ấm bằng than hoặc củi và biện pháp phòng tránh nguy hiểm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi nêu trong phần Nội dung. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS trả lời câu hỏi. *Báo cáo kết quả và thảo luận Một vài HS trả lời, lớp nhận xét, bổ sung HS K/Tật: Lắng nghe và ghi nhớ *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét.	Đáp án: Sưởi ấm bằng cách đốt than trong phòng kín, lượng khí O₂ trong phòng tiêu hao dần, đồng thời sinh ra khí CO và CO₂ trong quá trình cháy. Khi hít vào cơ thể, CO và CO₂ sẽ thay thế O₂ liên kết với các TB hồng cầu dẫn đến tình trạng cơ thể thiếu O₂, gây nguy hiểm đến tính mạng.

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập số 1: Quan sát hình 28.1 và trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Cấu tạo của khí khổng phù hợp với chức năng trao đổi khí của thực vật như thế nào?

Câu 2: Quan sát Hình 28.1, cho biết sự khác nhau giữa quá trình trao đổi khí qua khí khổng trong hô hấp và quang hợp.

Câu 3: Quá trình trao đổi khí chịu ảnh hưởng của những yếu tố nào? Cây bị thiếu nước ảnh hưởng như thế nào đến quá trình trao đổi khí?

Phiếu học tập số 2: Em hãy trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Quan sát Hình 28.3, mô tả đường đi của khí qua cơ quan trao đổi khí ở động vật.

Câu 2: Quan sát Hình 28.4, mô tả đường đi của khí O_2 và CO_2 qua các cơ quan của hệ hô hấp ở người.

Câu 3: Điều gì xảy ra nếu đường dẫn khí bị tắc nghẽn? Nêu những việc làm có lợi cho quá trình trao đổi khí ở người.

Tuần 15

Ngày soạn: 9/12/2023

Tiết 22. BÀI 29: VAI TRÒ CỦA NƯỚC VÀ CHẤT DINH DƯỠNG

ĐỐI VỚI SINH VẬT

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 03 tiết

(Tiết 23, 24 ôn tập tuần 16, 2 tiết còn lại, tiết 25, 26 của bài này chuyển đến tuần 17)

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nêu được thành phần hóa học, cấu trúc và tính chất của nước.
- Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật
- + HS Khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học*: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về vai trò, thành phần hóa học, cấu trúc của nước.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận nhóm, hợp tác để trả lời các câu hỏi, hoạt động thí nghiệm về vai trò của nước, các chất dinh dưỡng.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: GQVĐ trong thực hiện quan sát vai trò, thành phần hóa học của nước.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :

- *Năng lực nhận biết KHTN*: Nhận biết, kể tên, và phân loại các nguyên tử cấu tạo lên phân tử nước. Vai trò của các chất dinh dưỡng.
- *Năng lực tìm hiểu tự nhiên*: Nêu được vai trò của nước, các chất dinh dưỡng đối với sinh vật và đời sống con người
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học*: trình bày được cách sử dụng nước và các chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của các loài sinh vật.

3. Phẩm chất:

- Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:
- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về nước và các chất dinh dưỡng.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm
- Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Giáo viên:

- ☐ Phiếu học tập KWL
- ☐ Tranh in hình cây và phiếu dán trả lời câu hỏi

- ☐ Mô hình cấu tạo phân tử nước.
- ☐ Máy tính, máy chiếu, video đời sống của sinh vật.
- ☐ Hình ảnh SGK phóng to, hình ảnh về vai trò của nước và chất dinh dưỡng trong đời sống sinh vật.
- ☐ Thí nghiệm: vai trò của nước đối với sự nảy mầm của hạt (<https://openclassroom.edu.vn/biologylab/germination/>)
- ☐ Phần mềm tạo mô hình phân tử: <http://openclassroom.edu.vn/molecules/?cid=962>

Học sinh:

- Bài cũ ở nhà.
- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu: (Xác định vấn đề học tập là xác định được sự cần thiết của nước và chất dinh dưỡng đối với sự phát triển của sinh vật)

a) Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với sinh vật

+ HS Khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ

b) Nội dung: Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên phiếu học tập KWL

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh ghi trên phiếu học tập KWL, có thể: cây sử dụng chất dinh dưỡng, nước,..bổ sung chất dinh dưỡng bằng phân bón,...

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chiếu hình ảnh cây con và cây trưởng thành. Yêu cầu HS cho biết khi chăm sóc cây trồng người nông dân phải thường xuyên bổ sung yếu tố nào để cây có phát triển được? - GV phát phiếu học tập KWL và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân theo yêu cầu viết trên phiếu trong 2 phút. *Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV. Hoàn thành phiếu học tập.	

- <i>Giáo viên:</i> Theo dõi và bổ sung khi cần. *<i>Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, mỗi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu, những HS trình bày sau không trùng nội dung với HS trình bày trước. GV liệt kê đáp án của HS trên bảng + HS Khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ *<i>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - <i>Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá:</i> - <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá:</i> -> <i>Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học</i> Để trả lời câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay. -> <i>Giáo viên nêu mục tiêu bài học:</i>	
--	--

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về thành phần hóa học, tính chất và cấu trúc của nước

a) Mục tiêu:

- Nêu được thành phần hóa học, cấu trúc và tính chất của nước.

+ HS Khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát tìm hiểu về thành phần hóa học, cấu tạo và tính chất của nước
- HS nêu được kiểu liên kết trong phân tử nước

c) Sản phẩm: HS qua hoạt động nhóm quan sát mô hình, thảo luận nhóm,

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> GV chiếu mô hình ảo cấu tạo phân tử.	I. Thành phần hóa học, tính chất và cấu trúc của nước

YC HS lên lắp ghép mô hình phân tử nước <i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động ra phiếu học tập 1. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). + HS Khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung về thành phần hóa học, tính chất, cấu trúc của nước	- Nước được cấu tạo từ hai nguyên tố là oxygen và hydrogen. Nước có tính phân cực nên là dung môi hòa tan nhiều chất cho cơ thể. - Liên kết hóa học của nước là liên kết cộng hóa trị.
--	--

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về vai trò của nước đối với sinh vật

a) Mục tiêu:

- Nêu được vai trò của nước đối với sinh vật.

+ HS Khuyết tật lắng nghe, biết được vai trò của nước đối với sinh vật.

b) Nội dung:

- GV chiếu thí nghiệm về sự nảy mầm của hạt
- HS quan sát thí nghiệm và nêu ra kết quả, từ đó rút ra kết luận về vai trò của nước đối với sinh vật.
- HS nêu ra các ví dụ về tầm quan trọng của nước đối với đời sống sinh vật và sự ô nhiễm nguồn nước.

c) Sản phẩm: HS qua hoạt động nhóm quan sát thí nghiệm thảo luận nhóm, nêu ra được các ví dụ

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chiếu thí nghiệm về sự nảy mầm của hạt. YC HS quan sát và nêu ra kết quả của TN về 2 trường hợp đất quá ẩm và quá khô. Quan sát SGK và liên hệ thực tế về vai trò của nước *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động ra phiếu học tập 2. + HS Khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung về vai trò của nước đối với sinh vật.	II. Vai trò của nước đối với sinh vật Nước: - Là thành phần cấu tạo chủ yếu của tế bào và cơ thể. - Là nguyên liệu để tổng hợp chất hữu cơ trong quang hợp - Là dung môi hòa tan nhiều chất góp phần vận chuyển các chất và điều hòa thân nhiệt.

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về vai trò của chất dinh dưỡng đối với sinh vật

a) Mục tiêu:

- Nêu được vai trò của chất dinh dưỡng đối với sinh vật.

- Nêu được các biện pháp đảm bảo nguồn dinh dưỡng cho sinh vật, cải tạo đất.
+ HS Khuyết tật lắng nghe biết được tác dụng của chất dinh dưỡng đối với sinh vật.

b) Nội dung:

- GV chia lớp thành 2 nhóm lớn, mỗi nhóm chia thành các nhóm nhỏ gồm 4 thành viên.
- Học sinh làm việc nhóm nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát hình ảnh nêu ra vai trò của chất dinh dưỡng.
- Nêu ra các biện pháp giúp cải tạo đất trồng, bổ sung nguồn dinh dưỡng cho sinh vật.

c) Sản phẩm: HS qua hoạt động nhóm quan sát hình ảnh, thảo luận nhóm,

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
GV chiếu thí nghiệm H29.4 YC HS quan sát và chỉ ra sự khác nhau ở 2 cây thí nghiệm. HS chỉ ra được sự ảnh hưởng của chất dinh dưỡng tới sự phát triển của 2 cây. *Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 2 nhóm nội dung lớn mỗi nhóm hoạt động theo các nhóm nhỏ gồm 4 thành viên. (3p) – Nhóm 1: tìm hiểu về vai trò của dinh dưỡng đối với thực vật. (nhóm 1, 2, 3, 4) – Nhóm 2: tìm hiểu về vai trò của dinh dưỡng đối với động vật (nhóm 5, 6, 7, 8) HS quan sát thông tin, hình ảnh SGK và hình ảnh trên màn chiếu để thảo luận. *Thực hiện nhiệm vụ học tập	III. Vai trò của chất dinh dưỡng đối với sinh vật – Chất dinh dưỡng cung cấp nguyên liệu và năng lượng để sinh vật thực hiện các quá trình sống. – Thực vật: dinh dưỡng là các chất khoáng lấy từ đất, các nguồn phân bón – Động vật: dinh dưỡng là protein, carbohydrate, lipid, vitamin và chất khoáng lấy từ nguồn thức ăn – Có thể sử dụng 1 số loại cây để biến đổi khí nitrogen để cải tạo đất.

HS thảo luận thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động ra phiếu học tập 3, 4. Các nhóm ghép cặp 1 – 5, 2 – 6, 3 – 7, 4 – 8 trao đổi thông tin mà mình đã tìm hiểu vào phiếu học tập số 5. (3p) <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác đặt câu hỏi và nhận xét bổ sung. + HS Khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung về vai trò của chất dinh dưỡng đối với thực vật và động vật	
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Hệ thống được một số kiến thức đã học.

+ HS Khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ

b) Nội dung: HS thực hiện cá nhân phần “Con đã học được trong giờ học” trên phiếu học tập KWL.

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

c) Sản phẩm:

- HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập KWL.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

<i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần “Em đã học được trong giờ học” trên phiếu học tập KWL và tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi. <i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	
HS làm bài tập trong sách bài tập KHTN 7	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.
- + HS Khuyết tật lắng nghe, làm theo yêu cầu của GV khi về nhà.

b) Nội dung:

- HS trồng 1 loại cây tại nhà

c) Sản phẩm:

- HS ươm mầm cây thành công

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	

Yêu cầu nhóm HS hãy ươm mầm 1 loại cây bất kỳ, tái sử dụng các vỏ chai nhựa làm chậu cây <i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> Các nhóm HS thực hiện theo nhóm làm ra sản phẩm. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> Sản phẩm của các nhóm, trưng bày trang trí tại phòng học của lớp <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.	

PHIẾU HỌC TẬP: Cây lớn lên nhờ đâu?

GV chiếu/treo hình ảnh cây con và cây lúc trưởng thành, phiếu dán/ô chữ về các yếu tố: nước, gió, ánh sáng, nhiệt độ, phân bón,...

- Cho biết nhờ các yếu tố nào mà cây có sự thay đổi như vậy? Em hãy dán các phiếu chứa các yếu tố vào vị trí thích hợp cho sự phát triển của cây.

PHIẾU HỌC TẬP 1

Nhóm:**Lớp:**.....

Phân tử nước được cấu tạo từ những nguyên tử nào?

Trong phân tử nước các nguyên tử liên kết với nhau bằng liên kết gì?

Tính phân cực của phân tử nước được thể hiện như thế nào?

PHIẾU HỌC TẬP 2

Nhóm: Lớp:
Nêu kết quả thí nghiệm về sự nảy mầm của hạt trong thí nghiệm?
Nêu vai trò của nước đối với sinh vật. Điều gì sẽ xảy ra nếu sinh vật bị thiếu nước?
Ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng như thế nào tới đời sống sinh vật?
Khi bị nôn, sốt cao hoặc tiêu chảy, cơ thể bị mất nước. Trong trường hợp đó em cần làm gì?

PHIẾU HỌC TẬP 3
Nhóm: Lớp:
Chất dinh dưỡng có vai trò gì đối với thực vật?
Nêu 1 số biểu hiện ở thực vật khi thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng?
Giải thích tại sao trong trồng trọt, người ta thường trồng thay đổi các loài cây khác nhau trên cùng một diện tích đất trồng ở các mùa vụ khác nhau trong một năm?

PHIẾU HỌC TẬP 4
Nhóm: Lớp:
Chất dinh dưỡng có vai trò gì đối với thực vật?
Hoàn thành bảng 29.1

PHIẾU HỌC TẬP 5
Nhóm: Lớp:
Nêu vai trò của chất dinh dưỡng đối với sinh vật.
Nguồn dinh dưỡng của động vật và thực vật lấy từ đâu?

Phát hiện sớm tình trạng thừa/thiếu chất dinh dưỡng ở sinh vật có ích gì đối với người nông dân?

Tuần: 16 Tiết: 23, 24
Ngày soạn: 16/12/2023

ÔN TẬP HỌC KÌ I

KHTN 7-SINH HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

-Hệ thống được kiến thức đã học trong chương VII về nội dung trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng

2. Kỹ năng

-Rèn luyện cho học sinh có kỹ năng giải thích, suy luận. Kỹ năng làm việc tập thể...

3. Thái độ: Nhiệt tình, hợp tác, chia sẻ với các bạn. Có ý thức kỷ luật.

II. CHUẨN BỊ

GV chuẩn bị nội dung ôn tập

HS chuẩn bị bảng nhóm, ôn đề cương cho trước

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

- Vấn đáp, quan sát, vấn đáp, tìm tòi., so sánh, gợi mở

IV. CHUỖI CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động khởi động –

- GV giao nhiệm vụ, nêu một số vấn đề sau: Chúng ta học những nội dung nào?

Để tiến hành kiểm tra học kì I tốt hơn, tiết học này các em sẽ được ôn tập về một số kiến thức đã học qua chương VII

Hoạt động của GV – HS	Nội dung ôn tập																		
Hoạt động 1: Ôn các khái niệm	<u>Hoạt động 1:</u> Ôn lại 1 số khái niệm cơ bản																		
+ GV giao N/VỤ:	Trao đổi chất, chuyển hóa năng lượng, Quang hợp, hô hấp																		
- Nhắc lại các khái niệm: Trao đổi chất, chuyển hóa năng lượng, Quang hợp, hô hấp																			
+ HS thực hiện nhiệm vụ: Nhớ lại kiến thức trả lời	<u>Hoạt động 2:</u> Ôn tập dạng câu hỏi trắc nghiệm																		
+ HS báo cáo: Trả lời các khái niệm	Đáp án:																		
+ HS khuyết tật: theo dõi ghi nhớ	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Câu</th><th>1</th><th>2</th><th>3</th><th>4</th><th>5</th><th>6</th><th>7</th><th>8</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <th>Đáp án</th><td>D</td><td>D</td><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>B</td><td>C</td><td>C</td></tr> </tbody> </table>	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Đáp án	D	D	A	B	C	B	C	C
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8											
Đáp án	D	D	A	B	C	B	C	C											
+ GV kết luận: Nhận xét, có thể cho điểm																			
* Hoạt động 2: Ôn tập dạng câu hỏi trắc nghiệm																			
+ GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm lên màn hình và yêu cầu HS chọn đáp án đúng																			
Câu 1: Sinh vật lấy các chất từ môi trường và biến đổi chúng thành chất cần thiết cho cơ thể và tạo năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống đồng thời trả lại cho môi trường các chất thải, quá trình đó gọi là: Hô hấp B. Sinh trưởng C. Phát triển D. Trao đổi chất																			
Câu 2: Chuyển hóa năng lượng là sự biến đổi.....từ dạng này sang dạng khác chất thái B. các chất C. thức ăn D. năng lượng	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Câu</th><th>9</th><th>10</th><th>11</th><th>12</th><th>13</th><th>14</th><th>15</th><th>16</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <th>Đáp án</th><td>A</td><td>B</td><td>B</td><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>A</td><td>D</td></tr> </tbody> </table>	Câu	9	10	11	12	13	14	15	16	Đáp án	A	B	B	A	B	C	A	D
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16											
Đáp án	A	B	B	A	B	C	A	D											

Câu 3: Quang hợp chủ yếu diễn ra ở.....

- lá cây** B. thân cây C. rễ cây
D. cây ăn quả

Câu 4: Các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp:

Nước, ánh sáng, nhiệt độ

B. Khí carbon dioxide, nước, ánh sáng, nhiệt độ

C. Khí carbon dioxide, nước, ánh sáng

D. Khí oxygen, nước, nhiệt độ, ánh sáng

Câu 5: Cây quang hợp tạo thành sản phẩm là:

Khí carbon dioxide, chất hữu cơ

Khí oxygen, nước

Khí oxygen, chất hữu cơ

Khí oxygen, năng lượng

Câu 6: Hô hấp tế bào là quá trình phân giải các chất hữu cơ tạo thành nước và carbon dioxide đồng thời giải phóng ra.....

- Nhiệt **B. năng lượng**
C. carbon dioxide D. oxygen

Câu 7: Hô hấp tế bào diễn ra ở nhân **C. ti thể**

D. không bào D. Màng tế bào

C. Tăng quá trình hô hấp
D. làm mát, ẩm thức ăn

Câu 8: Trao đổi khí ở **thực** vật diễn ra ở quá trình:

- Hô hấp B. Quang hợp

C. Hô hấp và quang hợp

D. Thoát hơi nước

Câu 9: Năng lượng ánh sáng được gọi là.....

quang năng B. cơ năng C.
nhiệt năng D. hóa năng

Câu 10: Nấu chín nồi cơm bằng điện, tức là biến điện năng thành.....

A. cơ năng B. nhiệt năng

C. hóa năng D. quang năng

Câu 11: Trong quá trình quang hợp nước được lấy từ....

không khí chuyển qua thân
B. đất được rễ hút lên thân, lá
không khí vào lá
D. quá trình quang hợp

Câu 12: Nhiệt độ thích hợp cho cây quang hợp là:

25 đến 35 độ C
B. 15 đến 25 độ C

C. 20 đến 40 độ C

D. 30 đến 45 độ C

Câu 13: Nguyên liệu của quá trình quang hợp là:

Nước và khí oxygen

B. Nước và carbon dioxide

C. Nước và glucose

D. Oxygen và glucose

Câu 14: Hô hấp tế bào là quá trình phân giải các chất hữu cơ tạo thành

nước vàđồng thời
giải phóng ra năng lượng

- A. Nhiệt B. năng lượng
C. carbon dioxide D. oxygen

Câu 15: Bảo quản thức ăn lâu hỏng
bằng cách cho vào tủ lạnh, là mục
đích:

- Làm chậm quá trình hô hấp B.
Ngừng quá trình hô hấp
C. Tăng quá trình hô hấp
D. Thức ăn mát, giữ độ
 ẩm

Câu 16: Trao đổi khí ở thực vật diễn
ra vào lúc:

- A. Ban ngày
B. Ban đêm
C. Sáng sớm và chiều tối
D. Cả ngày lẫn đêm

+ HS thực hiện nhiệm vụ:

Theo dõi trên màn hình, chọn đáp án
đúng

+ HS khuyết tật: theo dõi ghi nhớ

+ HS báo cáo, trình bày: HS ghi đáp
án lên bảng con đưa lên, Gv quan sát

+ GV kết luận: Nhận xét chung, chiếu đáp án đúng lên màn hình

+ Hoạt động 3: Ôn tập bằng câu hỏi tự luận

+ GV giao N/Vụ:

HS đọc câu hỏi trên màn hình và suy nghĩ trả lời.

Câu 1: Cho biết mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong quang hợp?

Câu 2: Tại sao không nên để nhiều cây xanh trong phòng ngủ đóng kín cửa vào ban đêm?

Câu 3: Cho biết vai trò của nước đối với quang hợp?

Câu 4: Vì sao khi trời mưa to, giun đất thường bò lên khỏi mặt đất?

+ HS thực hiện N/vụ: Suy nghĩ trả lời

+ HS trình bày: Trình bày tại chỗ, HS khác nhận xét bổ sung+ HS khuyết tật: theo dõi ghi nhớ

+ GV kết luận: Chiếu đáp án để HS theo dõi

+ Hoạt động 3: Ôn tập bằng câu hỏi tự luận

Câu 1: Mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong quang hợp:

	Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng luôn diễn ra đồng thời Sản phẩm của quá trình quang hợp là nguyên liệu của quá trình hô hấp và ngược lại. Câu 2: Không để nhiều cây xanh trong phòng ngủ đóng kín cửa vào ban đêm vì: Ban đêm cây hô hấp lấy khí oxygen và thải khí carbon dioxide làm cho người thiếu oxygen dễ hô hấp dẫn đến ngạt thở Câu 3: Vai trò của nước đối với quang hợp: Nước có ảnh hưởng kép tới quá trình quang hợp vì nước là nguyên liệu của quang hợp vừa là yếu tố tham gia việc đóng, mở khí khổng liên quan đến sự trao đổi khí Câu 4: Trời mưa to nước ngập lên nơi ở của giun đất, làm thiếu khí oxygen giun đất không hô hấp được nên phải chui lên khỏi mặt đất.
--	---

3. Hoạt động luyện tập: Nhận xét việc chuẩn bị của học sinh, thái độ học tập của học sinh.

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng

- Dặn dò học bài để kiểm tra HKI

V. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

TUẦN 17

TIẾT 25, 26 (ĐÃ GỎI LÊN Ở TUẦN 15)

KHTN 7- SINH HỌC

BÀI 29.

VAI TRÒ CỦA NƯỚC VÀ CHẤT DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI SINH VẬT

Ngày soạn 2/1/2024

Tuần 18, 19

Tiết 27, 28, 29, 30

BÀI 30: TRAO ĐỔI NƯỚC VÀ CÁC CHẤT DINH DƯỠNG

Ở THỰC VẬT

Môn học: KHTN phân môn Sinh học – Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 4 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và chất khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây.
- Dựa vào sơ đồ h/ả, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ qua trong mạch rây (dòng đi xuống).
- Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước.
- Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.

HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe, biết được con đường vận chuyển nước , muối khoáng cũng như con đường vận chuyển chất hữu cơ.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- **Năng lực tự chủ và tự học:** tìm kiếm thông tin, đọc sgk, quan sát thí nghiệm để tìm hiểu về quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** thảo luận nhóm để tìm ra con đường vận chuyển, hấp thụ nước và chất khoáng ở khắp các bộ phận của cây.

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** GQVĐ trong các thí nghiệm: vận chuyển nước ở thân cây, thoát hơi nước ở lá cây.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- **Năng lực nhận biết KHTN:** Nhận biết, kể tên các loại mạch, các bộ phận của cây và vai trò của chúng.

- **Năng lực tìm hiểu tự nhiên:** Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước;

- **Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** biết cách áp dụng kiến thức vào thực tiễn trồng trọt: tưới nước và bón phân hợp lí, chăm sóc cây cối...

3. Phẩm chất

- Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

+ Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về con đường vận chuyển nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.

+ Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm.

+ Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Kính lúp.

- Làm TN chứng minh sự vận chuyển nước

- Video đóng - mở khí khổng.

2. Học sinh: Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

- Tìm hiểu mạch gỗ - mạch rây ở thực vật.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là tìm hiểu về động lực và con đường vận chuyển nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.

b. Nội dung: Học sinh thảo luận nhóm nhỏ để đưa ra ý kiến của mình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

- **GV:** Cây xanh không có một “trái tim” để bơm máu đi nuôi cơ thể như ở hầu hết động vật, vậy theo em: các chất cần thiết cho cơ thể thực vật (nước, chất khoáng và chất hữu cơ) được vận chuyển như thế nào trong cây?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

*** Hoạt động 1: Sự hấp thụ nước và chất khoáng từ môi trường bên ngoài vào rễ.**

a. Mục tiêu

- Mô tả con đường nước và chất khoáng từ đất đi vào mạch gỗ của cây.

HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe, ghi nhớ.

b. Nội dung: Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát H.30.1 và trả lời các câu hỏi sau:

1. Vì sao cây cần nước và chất khoáng?

2. Rễ cây hút nước và muối khoáng được nhờ đâu?

3. Con đường nước và chất khoáng từ đất đi vào mạch gỗ của cây ntn?

4. Tại sao sự hút nước và muối khoáng không thể tách rời?

- HS hoạt động nhóm 2 học sinh, quan sát H 30.1 và sử dụng kiến thức thực tiễn của mình để trả lời.

- Học sinh tổ 1,2 làm TN theo nhóm trước ở nhà:

+ Chuẩn bị 2 cốc thủy tinh, nước sạch, 2 bông hồng trắng, lọ mực màu hồng (Đỏ).

+ Cắt và cắm hai bông hoa hồng trắng vào 1 cốc nước màu hồng, 1 cốc nước trắng.

+ Đặt cả hai cốc ra chỗ thoáng gió. Thực hiện trước buổi học từ 5 - 6 tiếng.

+ Đem sản phẩm đến lớp, quan sát màu sắc của hoa sau thời gian cắm => nhận xét. Dùng dao cắt ngang hai cuống bông hoa hồng và quan sát bằng kính lúp, nhận xét, rút ra kết luận.

- GV cho HS q.sát hình vẽ sự thay đổi màu sắc trong cuống hoa. Giải thích hiện tượng và kết luận.

- HS hoạt động nhóm lớn, thực hiện nhiệm vụ học tập.



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh: con đường nước và chất khoáng từ đất đi vào mạch gỗ của cây.

d. Tổ chức thực hiện

? Kể tên những yếu tố đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của cây xanh?

Ánh sáng; nhiệt độ; nước; khí CO_2 ...

? Trong quá trình sống, cây xanh phải lấy vào những gì và thải ra những gì từ môi trường?

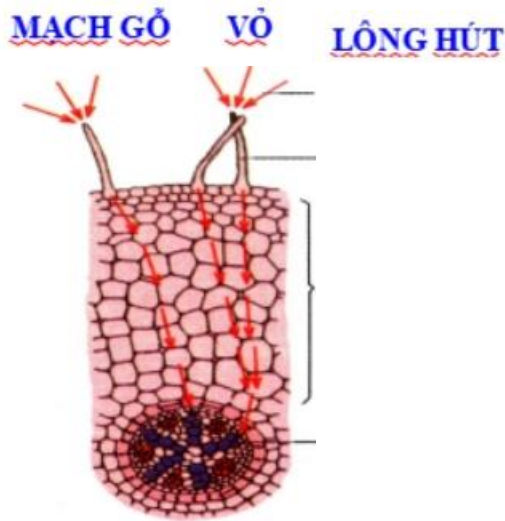
=> Đó là quá trình trao đổi chất của cây. Vậy các quá trình đó diễn ra như thế nào?



Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

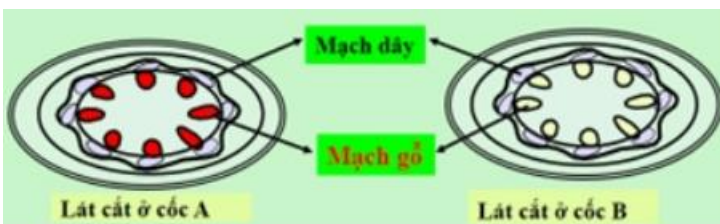
*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ học tập nhóm 2 HS, quan sát H 30.1 SGK trả lời câu hỏi.



*** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận cặp đôi, thống nhất câu trả lời và ghi chép nội dung.



*** Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

I. Sự hấp thụ nước và chất khoáng từ môi trường ngoài vào rễ.

- Nước và chất khoáng hoà tan trong đất được các tế bào lông hút hấp thụ vào rễ rồi vận chuyển lên thân cây và lá nhờ mạch gỗ (dòng đi lên). Chất hữu cơ do lá tổng hợp được vận chuyển đến nơi cần dùng hoặc nơi dự trữ nhờ mạch rây (dòng đi xuống).

- GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có).

HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe

*** Bước 4: *Đ giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét và chốt nội dung.

*** Hoạt động 2: Sự vận chuyển các chất trong cây**

a. Mục tiêu

- Phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ qua trong mạch rây (dòng đi xuống).

- Thực hiện thí nghiệm chứng minh ở thân cây diễn ra sự vận chuyển nước và chất khoáng hòa tan.

HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe

b. Nội dung

- Học sinh quan sát tranh hình cây mô tả con đường vận chuyển chất hữu cơ của cây xanh:

? Các chất trong thân vận chuyển theo con đường nào?

? Mô tả Con đường vận chuyển chất hữu cơ qua mạch rây?

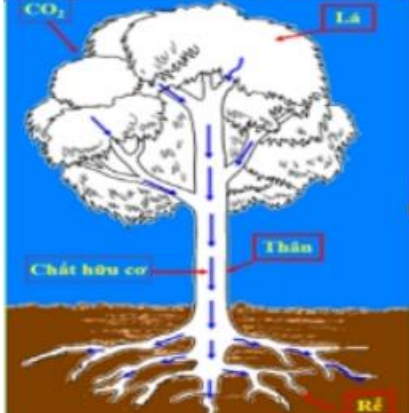
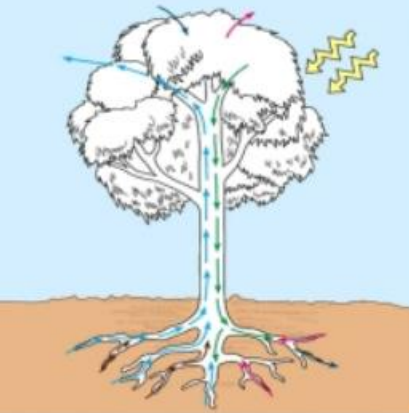
- GV cho HS q.sát hình vẽ con đường vận chuyển các chất trong thân. Giới thiệu, giải thích và kết luận.

- HS hoạt động nhóm lớn, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm: Mẫu vật.

- Câu trả lời của học sinh: con đường vận chuyển các chất trong cây.

d. Tổ chức thực hiện

	? Các chất trong thân vận chuyển theo con đường nào? ? Mô tả Con đường vận chuyển chất hữu cơ qua mạch rây?	
---	---	---

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ học tập: tổ 1, 2 tìm hiểu sự vận chuyển nước và chất khoáng thông qua phân tích kết quả thí nghiệm; tổ 3,4: quan sát hình ảnh và sử dụng kiến thức đã học về quang hợp ở thực vật chỉ ra con đường vận chuyển chất hữu cơ. * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thảo luận, thống nhất câu trả lời và ghi chép nội dung. HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe * Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). * Bước 4: Đánh giá k.quả thực hiện nhiệm vụ	II. Sự vận chuyển các chất trong cây (Bảng kiến thức) - Nước và chất khoáng hoà tan được vận chuyển theo mạch gỗ từ rễ lên các bộ phận khác của cây (dòng đi lên). - Chất hữu cơ do lá tổng hợp được vận chuyển đến nơi cán dùng hoặc nơi dự trữ nhờ mạch rây (dòng đi xuống).

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung nhận biết, cấu tạo, phân loại và công dụng của kính lúp.	
---	--

Bảng kiến thức

Loại mạch	Hướng vận chuyển chủ yếu	Chất được vận chuyển	Nguồn gốc của chất được vận chuyển
Mạch gỗ	Từ dưới (rễ) lên trên (thân....)	Nước và các chất khoáng	Do rễ hút từ ngoài môi trường.
Mạch rây	Từ trên (lá) xuống các cq (thân..)	Chất hữu cơ	Do lá tổng hợp (quang hợp)

*** Hoạt động 3. Quá trình thoát hơi nước ở lá**

a. Mục tiêu: Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước.

HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe, ghi nhớ

b. Nội dung:

- HS quan sát video, hình ảnh đóng mở khí khổng, mô tả quá trình thoát hơi nước qua khí khổng.

- Tìm hiểu ý nghĩa của sự thoát hơi nước qua lá.

? Cơ quan nào của cây đảm nhận chức năng thoát hơi nước cho cây?

=> Lá là cơ quan thực hiện chức năng thoát hơi nước cho cây.

? Hơi nước được thoát qua con đường nào của lá?

=> Hơi nước được thoát qua con đường khí khổng của lá là chủ yếu.

+ Giải thích hiện tượng, kết luận.

c. Sản phẩm: Kết quả thí nghiệm; Câu trả lời của học sinh.

Khoảng 98 % nước
thoát ra ngoài môi

d. Tổ chức thực hiện

100 % nước hút
vào qua rễ

Khoảng 2% nước
được giữ lại

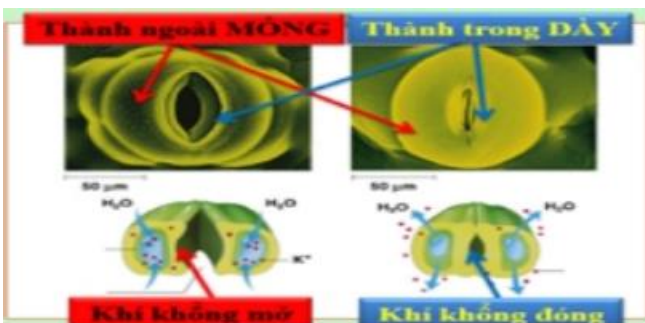
=> Lượng nước thoát ra ngoài 98% lớn hơn rất nhiều so với lượng nước cây giữ lại (2%).

? Lượng nước thoát ra ngoài có vai trò gì đối với đời sống của cây?

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ đại diện tổ 3,4 báo cáo kết quả thí nghiệm đã thực hiện xác định trong quá trình sống, lá cây xảy ra sự thoát hơi nước qua lá và nêu ý nghĩa thoát hơi nước qua lá.	III. Quá trình thoát hơi nước ở lá 1. Ý nghĩa sự thoát hơi nước ở lá. - Thoát hơi nước ở lá góp phần vận chuyển nước và chất khoáng trong cây, giúp khí CO₂ đi vào bên trong lá và giải phóng khí O₂, ra ngoài môi trường. - Bảo vệ lá cây không bị đốt nóng dưới ánh nắng mặt trời.



- Sau đó, GV cho HS quan sát video, hình ảnh: đóng mở khí khổng kết hợp với kênh hình SGK mô tả quá trình.



* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Hs quan sát thí nghiệm các bạn thực hiện, phân tích kết quả, giải thích.

- Quan sát video, nghiên cứu thông tin SGK, thảo luận nhóm nhỏ thực hiện nhiệm vụ học tập.

HS Khuyết tật: Theo dõi video, lắng nghe

* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV gọi đại diện tổ 3,4 báo cáo kết quả thí nghiệm, cả lớp quan sát, thảo luận, phân tích

Phần lớn nước do rễ hút vào được thải ra môi trường ngoài thông qua hiện tượng thoát hơi nước ở lá.

Quá trình thoát hơi nước ở lá cây phụ thuộc vào sự đóng, mở của khí khổng.

2. Hoạt động đóng mở khí khổng.

- Khi cây đủ nước, tế bào khí khổng trương nước làm khí khổng mở rộng tăng cường thoát hơi nước.

- Khi tế bào khí khổng mất nước sẽ xẹp xuống, khí khổng đóng lại => giảm thoát hơi nước.

kết quả thí nghiệm xác định trong quá trình sống, lá cây xảy ra sự thoát hơi nước qua lá. - GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm mô tả quá trình đóng mở khí khổng và nêu ý nghĩa thoát hơi nước qua lá, các nhóm khác bổ sung (nếu có). * Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung nhận biết, cấu tạo, phân loại và công dụng của kính lúp	
--	--

*** Hoạt động 4: Một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật.**

a. Mục tiêu: Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.

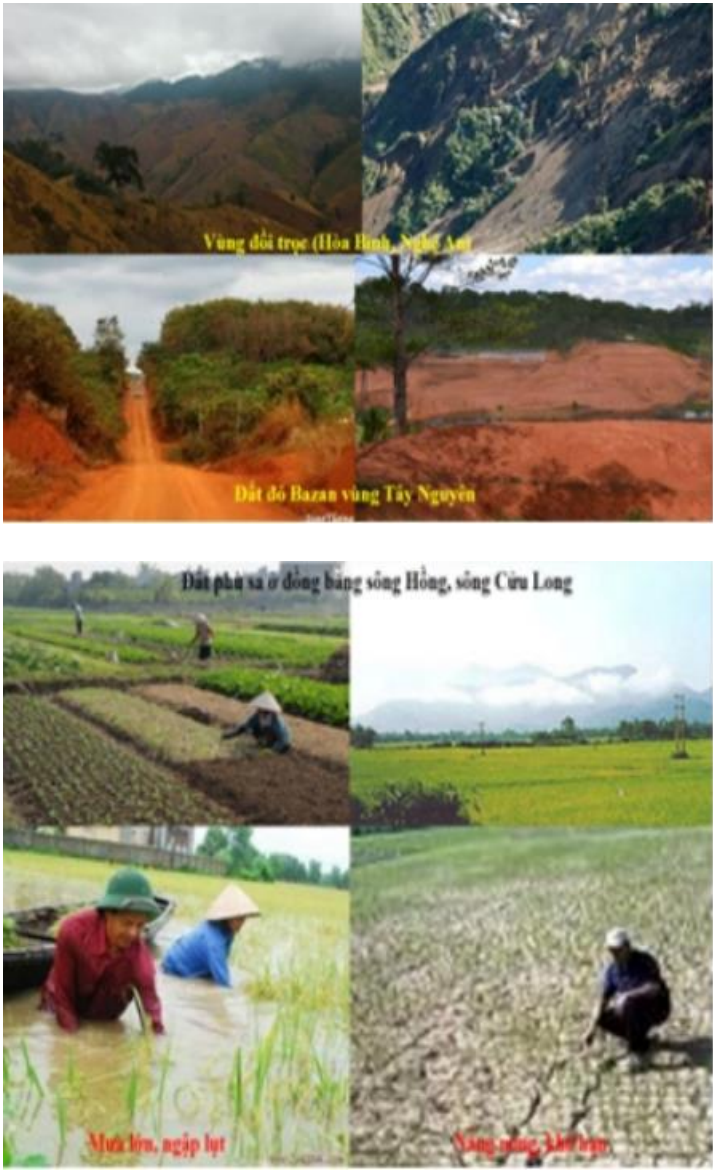
HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe

b. Nội dung: Học sinh làm việc theo nhóm lớn (tổ) quan sát hình ảnh môi trường, nghiên cứu thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi sau:

1. Kể tên các yếu tố ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.
 2. Cho ví dụ minh họa một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.
 3. Vì sao trước khi gieo hạt, người ta thường cày, bừa đất rất kĩ, bón lót một số loại phân?
- HS hoạt động nhóm và sử dụng kiến thức thực tiễn của mình để trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ học tập nhóm quan sát hình ảnh, đọc thông tin SGK trả lời câu hỏi.  * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thảo luận nhóm, thống nhất câu trả lời và ghi chép nội dung.	IV. Một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật. - Các yếu tố bên ngoài như ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm đất và không khí, ... có ảnh hưởng đến sự trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật. Để cây trồng phát triển tốt, cho năng suất cao cần bón phân và tưới nước hợp lí cho cây.

HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe * Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). * Bước 4: Đánh giá kquả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung nhận biết, câu tạo, phân loại và công dụng của kính lúp.	(Bảng kiến thức)
---	------------------

Bảng kiến thức

Điều kiện bên ngoài	Ảnh hưởng đến sự hấp thụ nước và muối khoáng	Ví dụ
1. Đất đồi núi	Mất nước và chất dinh dưỡng nên cây khó hấp thụ được.	Đồi núi ở Hòa Bình, Nghệ An...
2. Đất đỏ bazan	Nước và chất dinh dưỡng khá nhiều nên cây hút được.	Đất đỏ Tây Nguyên..
3. Đất phù sa	Nước và chất dinh dưỡng nhiều nên thuận lợi cho hút nước và chất d.dưỡng của cây.	Đồng bằng sông Cửu Long, sông Hồng, ...
4. Nhiệt độ thấp	Nước đóng băng nên sự hút nước và chất dinh dưỡng của cây bị ngừng trệ.	Mùa đông ở vùng ôn đới...
5. Nhiệt độ cao	Cây thoát nước nhiều, nhu cầu nước của cây tăng (nếu không đủ cây sẽ héo).	Mùa khô hạn...
6. Mưa nhiều	Đất ngập nước nhiều, rễ cây chết nên không hút được nước và muối khoáng.	Lũ lụt, gió bão ...

*** Hoạt động 5: Vận dụng hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn.**

a. Mục tiêu

- Luyện tập - vận dụng hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn.
- Tổng kết nội dung bài học.

HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe

b. Nội dung: Học sinh làm việc nhóm cặp đôi hoàn thành 2 nhiệm vụ:

- Nhóm 1, 2: Nghiên cứu thông tin trong SGK, sử dụng kiến thức đã học giải thích các tình huống thực tiễn sau:

1. Vì sao khi di chuyển cây đi trồng ở nơi khác, người ta thường cắt bớt một phần cành, lá?

Khi bứng cây đem trồng cần phải cắt bớt một số lá và cành vừa phải để giảm bớt sự thoát hơi nước, đảm bảo cân bằng giữa số nước hút vào và số nước mất đi, có thể mới nâng cao được tỷ lệ cây sống.

2. Vì sao vào những ngày khô hanh, độ ẩm không khí thấp hoặc những ngày nắng nóng cần phải tưới nhiều nước cho cây?

Vào những ngày khô hanh, độ ẩm không khí thấp hoặc những ngày nắng nóng, quá trình thoát hơi nước của cây diễn ra mạnh mẽ → Cây mất nước → Cần phải tưới nhiều nước cho cây để bù đắp lại lượng nước đã mất đi, đảm bảo sự cân bằng nước của cây.

- Nhóm 3, 4: Tổng kết kiến thức bài học dưới hình thức sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sơ đồ tư duy.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao n.vụ học tập yêu cầu HS trả lời câu hỏi tình huống và vẽ sơ đồ tư duy vào vở. * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận, thống nhất câu trả lời và ghi chép nội dung. * Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). * Bước 4: Đ.giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung.	V. Vận dụng hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn. - Khi di chuyển cây đi trồng ở nơi khác, hệ rễ chưa hoàn thiện, quá trình hút nước của rễ yếu nên thường cắt bớt một phần cành, lá để giảm sự thoát hơi nước, tăng sức sống cho cây. - Vào những ngày khô hanh, độ ẩm không khí thấp hoặc những ngày nắng nóng cây tăng thoát hơi nước nên cần phải tưới nhiều nước cho cây, bù lượng nước thoát qua lá.
--	--

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: HS giải một số bài tập phát triển năng lực KHTN cho cả chủ đề

b. Nội dung: HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung k.thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập vận dụng kiến thức đã học:

Câu 1: “Ô nhiễm môi trường là nhân tố ảnh hưởng đến đời sống của cây trồng”, lời phát biểu này:

- a. đúng b. sai

Câu 2: “Đề cây trồng phát triển tốt ta nên bón phân thật nhiều và liên tục cho cây”, ý kiến này:

- a. đúng b. sai

Câu 3: Bộ phận của rễ chủ yếu hút nước và muối khoáng:

- a. thân b. lá c. mạch gỗ **d. lông hút**

Câu 4: Sơ đồ con đường đi của nước và muối khoáng hòa tan từ đất vào cây

- a. Rễ→thân→lá.
- b. Lông hút →vỏ→mạch rây của rễ→ mạch rây của thân, lá .
- c. Lông hút →vỏ→mạch gỗ của rễ→ mạch gỗ của thân, lá.
- d. Lông hút →vỏ→trụ giữa của rễ→ trụ giữa của thân, lá.**

Câu 5: Thời tiết, khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến sự hút nước và muối khoáng của cây? Cho ví dụ để minh họa?

Bài làm

→ Thời tiết, khí hậu làm ảnh hưởng đến khả năng hút nước và muối khoáng của cây.

Ví dụ

- a.** Khi nhiệt độ xuống thấp (dưới 0°C nước đóng băng, muối khoáng không hòa tan $\rightarrow$ Rễ cây không hút được.
- b.** Khi trời nắng, nhiệt độ cao, cây thoát nước nhiều $\rightarrow$ nhu cầu nước của cây tăng cao.
- c.** Khi mưa nhiều, đất ngập nước lâu ngày, rễ bị chết, cây mất khả năng hút nước và muối khoáng.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Khuyến khích học sinh tìm hiểu tự nhiên, áp dụng kiến thức đã học giải quyết tình huống thực tiễn.

b. Nội dung: GV hướng dẫn học sinh làm thí nghiệm chứng minh cây thoát hơi nước qua lá tại nhà, quay video trao đổi:

+ Chuẩn bị: bao nilong trong suốt, dây buộc.

+ Tiến hành: Chọn một cây xanh bất kì quanh nhà, dùng bao nilong trùm lên phần lá, ngọn của cây, buộc miệng bao bằng dây. Quan sát hiện tượng xảy ra sau 1 giờ, 3 giờ và một ngày. Viết báo cáo kết quả thí nghiệm.

c. Sản phẩm:

- Báo cáo kết quả thí nghiệm.

- Thí nghiệm chứng minh cây thoát hơi nước qua lá.

BÁO CÁO KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Ngày ... tháng ... năm ...

Tên thí nghiệm: chứng minh cây thoát hơi nước qua lá.

Tên nhóm:

1. Mục đích thí nghiệm:

2. Chuẩn bị thí nghiệm:

• Mẫu vật:

• Dụng cụ:

3. Các bước tiến hành:

4. Giải thích thí nghiệm:

5. Kết luận:

KHBH-KHTN-SINH 7-HK II

Ngày soạn 12/1/2024

Tuần 19.

Tiết 29, 30

BÀI 30: TRAO ĐỔI NƯỚC VÀ CÁC CHẤT DINH DƯỠNG Ở THỰC VẬT

Môn học: KHTN phân môn Sinh học – Lớp 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước.
- Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.

HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe, biết được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- **Năng lực tự chủ và tự học:** tìm kiếm thông tin, đọc sgk, quan sát thí nghiệm để tìm hiểu về quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** thảo luận nhóm để tìm ra con đường vận chuyển, hấp thụ nước và chất khoáng ở khắp các bộ phận của cây.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** GQVĐ trong các thí nghiệm: vận chuyển nước ở thân cây, thoát hơi nước ở lá cây.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- **Năng lực nhận biết KHTN:** Nhận biết, kể tên các loại mạch, các bộ phận của cây và vai trò của chúng.
- **Năng lực tìm hiểu tự nhiên:** Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước;
- **Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** biết cách áp dụng kiến thức vào thực tiễn trồng trọt: tưới nước và bón phân hợp lí, chăm sóc cây cối...

3. Phẩm chất

- Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:
 - + Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về con đường vận chuyển nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật. + Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm.

+ Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm. **II.**

THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Kính lúp.

- Làm TN chứng minh sự vận chuyển nước
- Video đóng - mở khí khổng.

2. Học sinh: Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

- Tìm hiểu mạch gỗ - mạch rây ở thực vật.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC 1. Hoạt động khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu: Một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và chất dinh

dưỡng ở thực vật.

b. Nội dung: Học sinh thảo luận nhóm nhỏ để đưa ra ý kiến của mình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

- **GV:** Cây xanh không có một “trái tim” để bơm máu đi nuôi cơ thể như ở hầu hết động vật, vậy theo em: các chất cần thiết cho cơ thể thực vật (nước, chất khoáng và chất hữu cơ) được vận chuyển như thế nào trong cây? **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**

*** Hoạt động 3. Quá trình thoát hơi nước ở lá**

a. Mục tiêu: Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng

trong quá trình thoát hơi nước.

HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe, ghi nhớ

b. Nội dung:

- HS quan sát video, hình ảnh đóng mở khí khổng, mô tả quá trình thoát hơi nước qua khí khổng.

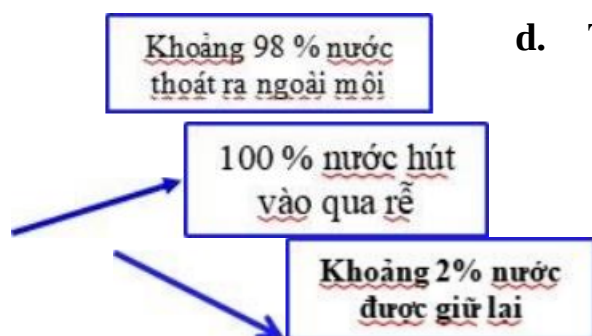
- Tìm hiểu ý nghĩa của sự thoát hơi nước qua lá.

? Cơ quan nào của cây đảm nhận chức năng thoát hơi nước cho cây?

=> Lá là cơ quan thực hiện chức năng thoát hơi nước cho cây.

? Hơi nước được thoát qua con đường nào của lá? => Hơi nước được thoát qua con đường khí khổng của lá là chủ yếu. + Giải thích hiện tượng, kết luận.

c. Sản phẩm: Kết quả thí nghiệm; Câu trả lời của học sinh.



d. Tổ chức thực hiện

=> Lượng nước thoát ra ngoài 98% lớn hơn rất nhiều so với lượng nước cây giữ lại (2%). ? Lượng nước thoát ra ngoài có vai trò gì đối với đời sống của cây?

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ đại diện tổ 3,4 báo cáo kết quả thí nghiệm đã thực hiện xác định trong quá trình sống, lá cây xảy ra sự thoát hơi nước qua lá và nêu ý nghĩa thoát hơi nước qua lá. <pre> graph TD A[1. Là động lực đầu trên để hút nước đi vào] --> D((Vai trò của sự thoát hơi nước)) B[2. Giúp khí khổng mở, khí CO2 đi vào bên trong cung cấp nguyên liệu cho quang hợp] --> D C[3. Hạ nhiệt độ của lá khi gặp nắng nóng] --> D </pre> - Sau đó, GV cho HS quan sát video, hình ảnh: đóng mở khí khổng kết hợp với kênh hình SGK mô tả quá trình.	III. Quá trình thoát hơi nước ở lá 1. Ý nghĩa sự thoát hơi nước ở lá. - Thoát hơi nước ở lá góp phần vận chuyển nước và chất khoáng trong cây, giúp khí CO₂ đi vào bên trong lá và giải phóng khí O₂, ra ngoài môi trường. - Bảo vệ lá cây không bị đốt nóng dưới ánh nắng mặt trời. Phần lớn nước do rễ hút vào được thải ra môi trường ngoài thông qua hiện tượng thoát hơi nước ở lá. Quá trình thoát hơi nước ở lá cây phụ thuộc vào sự đóng, mở của khí khổng. 2. Hoạt động đóng mở khí khổng. - Khi cây đủ nước, tế bào khí khổng trương nước làm khí khổng mở rộng tăng cường thoát hơi nước.

	- Khi tế bào khí khổng mất nước sẽ xẹp xuống, khí khổng đóng lại => giảm thoát hơi nước.
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs quan sát thí nghiệm các bạn thực hiện, phân tích kết quả, giải thích. - Quan sát video, nghiên cứu thông tin SGK, thảo luận nhóm nhỏ thực hiện nhiệm vụ học tập. HS Khuyết tật: Theo dõi video, lắng nghe	
* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi đại diện tổ 3,4 báo cáo kết quả thí nghiệm, cả lớp quan sát, thảo luận, phân tích kết quả thí nghiệm xác định trong quá trình sống, lá cây xảy ra sự thoát hơi nước qua lá. - GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm mô tả quá trình đóng mở khí khổng và nêu ý nghĩa thoát hơi nước qua lá, các nhóm khác bổ sung (nếu có). * Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung nhận biết, cấu tạo, phân loại và công dụng của kính lúp	

*** Hoạt động 4: Một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật.**

a. Mục tiêu: Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.

HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe

b. Nội dung: Học sinh làm việc theo nhóm lớn (tổ) quan sát hình ảnh môi trường, nghiên cứu thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi sau:

1. Kể tên các yếu tố ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.

2. Cho ví dụ minh họa một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.

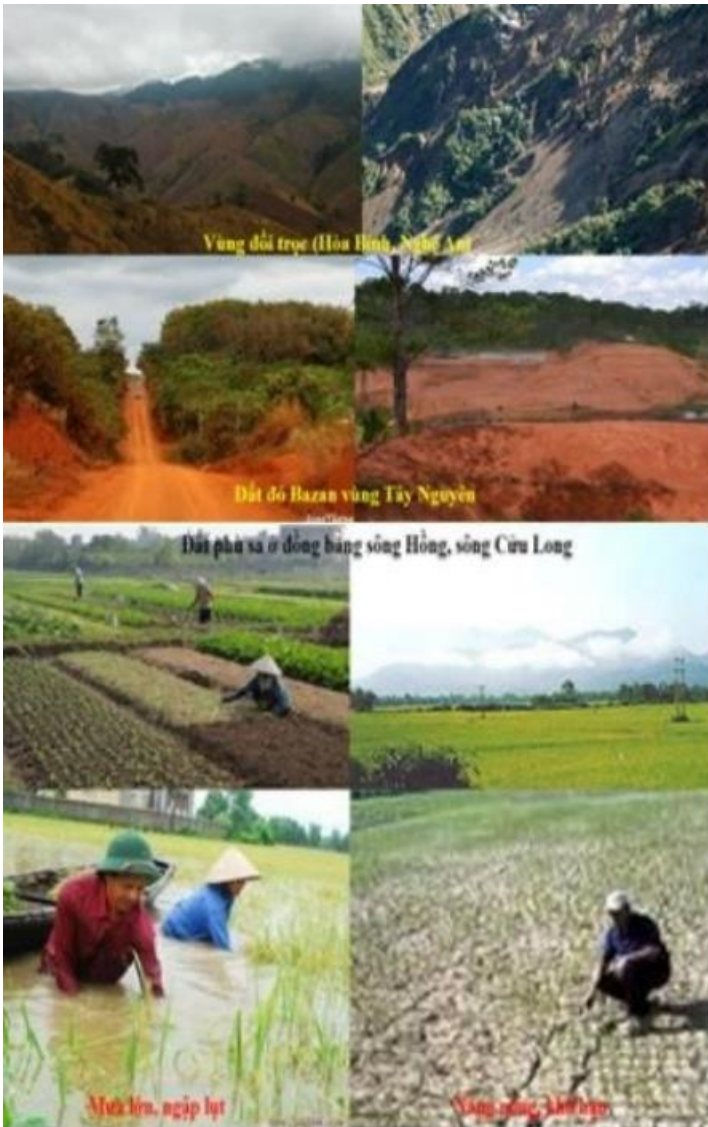
3. Vì sao trước khi gieo hạt, người ta thường cày, bừa đất rất kỹ, bón lót một số loại phân?

- HS hoạt động nhóm và sử dụng kiến thức thực tiễn của mình để trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ học tập nhóm quan sát hình ảnh, đọc thông tin SGK trả lời câu hỏi.	IV. Một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật.



- Các yếu tố bên ngoài như ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm đất và không khí, ... có ảnh hưởng đến sự trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật. Để cây trồng phát triển tốt, cho năng suất cao cần bón phân và tưới nước hợp lý cho cây.

(Bảng kiến thức)

*** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thảo luận nhóm, thống nhất câu trả lời và ghi chép nội dung.

HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe

*** Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có).

*** Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.**

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

- GV nhận xét và chốt nội dung nhận biết, cấu tạo, phân loại và công dụng của kính lúp.	
--	--

--	--

Bảng kiến thức

Điều kiện bên ngoài	Ảnh hưởng đến sự hấp thụ nước muối khoáng	Ví dụ
1. Đất đồi núi	Mất nước và chất dinh dưỡng nên cây khó hấp thụ được.	Đồi núi ở Hòa Bình, Nghệ An...
2. Đất đỏ bazan	Nước và chất dinh dưỡng khá nhiều cây dễ hút được.	Đất đỏ Tây Nguyên..
3. Đất phù sa	Nước và chất dinh dưỡng nhiều nên thuận lợi cho hút nước và chất d.dưỡng của cây.	Đồng bằng sông Cửu Long, sông Hồng, ...
4. Nhiệt độ thấp	Nước đóng băng nên sự hút nước và chất dinh dưỡng của cây bị ngừng trệ.	Mùa đông ở vùng ôn đới...
5. Nhiệt độ cao	Cây thoát nước nhiều, nhu cầu nước của cây tăng (nếu không đủ cây sẽ héo).	Mùa khô hạn...
6. Mưa nhiều	Đất ngập nước nhiều, rễ cây chết nên không hút được nước và muối khoáng.	Lũ lụt, gió bão ...

*** Hoạt động 5: Vận dụng hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn.**

a. Mục tiêu

- Luyện tập - vận dụng hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn.

- Tổng kết nội dung bài học. **HS Khuyết tật: Theo dõi lắng nghe**

b. Nội dung: Học sinh làm việc nhóm cặp đôi hoàn thành 2 nhiệm vụ:

- Nhóm 1, 2: Nghiên cứu thông tin trong SGK, sử dụng kiến thức đã học giải thích các tình huống thực tiễn sau:

1. Vì sao khi di chuyển cây đi trồng ở nơi khác, người ta thường cắt bớt một phần cành, lá?

Khi bứng cây đem trồng cần phải cắt bớt một số lá và cành vừa phải để giảm bớt sự thoát hơi nước, đảm bảo cân bằng giữa số nước hút vào và số nước mất đi, có thể mới nâng cao được tỷ lệ cây sống.

2. Vì sao vào những ngày khô hanh, độ ẩm không khí thấp hoặc những ngày nắng nóng cần phải tưới nhiều nước cho cây?

Vào những ngày khô hanh, độ ẩm không khí thấp hoặc những ngày nắng nóng, quá trình thoát hơi nước của cây diễn ra mạnh mẽ → Cây mất nước → Cần phải tưới nhiều nước cho cây để bù đắp lại lượng nước đã mất đi, đảm bảo sự cân bằng nước của cây.

- Nhóm 3, 4: Tổng kết kiến thức bài học dưới hình thức sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sơ đồ tư duy.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao n.vụ học tập yêu cầu HS trả lời câu hỏi tình huống và vẽ sơ đồ tư duy vào vở. * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận, thống nhất câu trả lời và ghi chép nội dung. HS K/tập theo dõi, lắng nghe * Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). * Bước 4: Đ.giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung.	V. Vận dụng hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn. - Khi di chuyển cây đi trồng ở nơi khác, rễ chưa hoàn thiện, quá trình hút nước của rễ yếu nên thường cắt bớt một phần cành, lá để giảm sự thoát hơi nước, tăng sức sống cho cây. - Vào những ngày khô hanh, độ ẩm không khí thấp hoặc những ngày nắng nóng cây tăng thoát hơi nước nên cần phải tưới nhiều nước cho cây, bù lượng nước thoát qua lá.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: HS giải một số bài tập phát triển năng lực KHTN cho cả chủ đề

b. Nội dung: HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung k.thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập vận dụng kiến thức đã học:

BÁO CÁO KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Ngày ... tháng ... năm ... Tên

thí nghiệm: chứng minh cây thoát hơi nước qua lá.

Tên nhóm:

1. Mục đích thí nghiệm:

.....

2. Chuẩn bị thí nghiệm:

- Mẫu vật:
- Dụng cụ:

3. Các bước tiến hành:

4. Giải thích thí nghiệm:

5. Kết luận:

Soạn ngày 20/01/2024

TUẦN 20, 21

Môn học: KHTN - Lớp: 7

BÀI 31: TRAO ĐỔI NƯỚC VÀ CHẤT DINH DƯỠNG Ở ĐỘNG VẬT

Thời gian thực hiện: 04 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể động vật.
- Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.
- Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở động vật, cụ thể:
 - + Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người);
 - + Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);

- + Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người.
- Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...).

+ HS khuyết tật: Biết theo dõi lắng nghe và ghi nhớ những nội dung đơn giản như: Biết con đường vận chuyển thức ăn trong ống tiêu hóa, biết cơ thể luôn cần nước

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- **Năng lực tự chủ và tự học:** tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở động vật.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** thảo luận nhóm để tìm ra kiến thức về trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở động vật.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** GVĐ trong thảo luận nhóm và sáng tạo trong vận dụng xây dựng chế độ ăn uống nghỉ ngơi hợp lý

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :

- **Năng lực nhận biết KHTN:** Nhận biết về vai trò trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở động vật.
- **Năng lực tìm hiểu tự nhiên:** Nêu được sự chuyển hóa nước và chất dinh dưỡng trong cơ thể động vật.
- **Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** Vận dụng được hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở động vật vào thực tiễn.

3. Phẩm chất:

- Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:
- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân .
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ .
- Trung thực, cẩn thận trong học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- Hình ảnh về các bữa ăn của con người
- Tranh vẽ về sự biến đổi thức ăn ở động vật.
- Video về quá trình thu nhận và tiêu hóa thức ăn ở người; video về nhu cầu nước khác nhau ở động vật.
- Phiếu học tập bài 31: TRAO ĐỔI NƯỚC VÀ CHẤT DINH DƯỠNG Ở ĐỘNG VẬT.

2. Học sinh:

- Bài cũ ở nhà.
- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu (Khởi động): (Xác định vấn đề học tập là quá trình trao đổi nước và chất dinh dưỡng)

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập, kích thích sự tìm hiểu của học sinh về quá trình trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở động vật.

b) Nội dung:

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân thông qua trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”, các từ khóa liên quan đến nội dung bài học.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh về quá trình trao đổi nước và chất dinh dưỡng. **d)**

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chiếu hình ảnh và thông qua thể lệ trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” - Nhìn hình ảnh đoán được từ khóa có nghĩa. *Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV. Hoàn thành phiếu học tập.	

- Giáo viên: Theo dõi và bổ sung khi cần. *Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, mỗi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu, những HS trình bày sau không trùng nội dung với HS trình bày trước. GV liệt kê đáp án của HS trên bảng *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá: - Giáo viên nhận xét, đánh giá: ->GV nêu vấn đề: Khi ăn một miếng bánh mì hay miếng pizza thì chúng biến đổi như thế nào trong ống tiêu hóa để cơ thể hấp thụ chất dinh dưỡng có trong thức ăn đó. Để trả lời câu hỏi	
trên đây đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu:

- Biết được hoạt động lấy thức ăn từ môi trường của động vật.
- Kể tên một số thức ăn chủ yếu của động vật.
- Biết được quá trình con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa.
- Biết được nhu cầu sử dụng nước và con đường trao đổi nước ở động vật.
- Hiểu được sự vận chuyển các chất ở động vật.
- Vận dụng được hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở động vật vào thực tiễn.

+ HS khuyết tật: Biết được con đường vận chuyển thức ăn trong ống tiêu hóa. Biết nước rất cần cho cơ thể

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi sau:

H1. Động vật lấy thức ăn từ môi trường thông qua hoạt động nào?

H2. Kể tên một số thức ăn chủ yếu của động vật?

-HS hoạt động nhóm dưới sự hướng dẫn của GV và đưa ra câu trả lời cho câu hỏi

H3. Sự trao đổi các chất dinh dưỡng ở động vật diễn ra qua các giai đoạn nào? H4. Để hấp thụ được các chất dinh dưỡng trong thức ăn cần được biến đổi ra sao?

H5. Quan sát hình 31.1, hãy mô tả con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa của người.

H.6. Câu hỏi thảo luận trang 133/SGK.

H.7. Nguyên liệu và sản phẩm của quá trình trao đổi chất ở tế bào là gì? Các nguyên liệu này lấy từ đâu và sản phẩm trao đổi chất của tế bào được thải ra khỏi cơ thể như thế nào?

H.8. Hệ cơ quan nào thực hiện sự vận chuyển các chất trong cơ thể động vật?

H.9. Mô tả con đường thực hiện sự vận chuyển các chất trong cơ thể động vật.

H.10. Câu hỏi thảo luận trang 134/SGK.

H.11. Câu hỏi thảo luận bảng 31.1/SGK.

c) Sản phẩm:

- HS qua hoạt động nhóm đôi và trình bày kết quả thảo luận. **d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: Tìm hiểu con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa ở động vật.	
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin trong SGK, hình ảnh 31.1 trả lời câu hỏi H1,H2 HS thảo luận và trả lời câu hỏi. HS quan sát video về con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn và trả lời câu hỏi H3,H4.	I. Con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa ở động vật. - Ăn là hoạt động cần thiết để các động vật đưa chất dinh dưỡng vào cơ thể. - Các dạng thức ăn chủ yếu của động vật:

<i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động ra phiếu học tập bước 1. + HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe, ghi nhớ con đường vận chuyển thức ăn trong ống tiêu hóa <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.</i> - <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá.</i>	+ Động vật ăn cỏ: ăn thực vật. + Động vật ăn thịt: ăn các động vật khác. + Động vật ăn tạp: ăn cả thực vật và động vật. - Sự trao đổi các chất dinh dưỡng ở động vật diễn ra qua các giai đoạn: tiêu hóa thức ăn, hấp thụ chất dinh dưỡng và thải phân. - Để cơ thể hấp thụ được thì chất dinh dưỡng cần được biến đổi thành chất đơn giản. - Con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa của người gồm 3 giai đoạn:
- GV nhận xét và chốt nội dung con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa ở động vật	+ Giai đoạn 1: Thức ăn được đưa vào miệng và bắt đầu tiêu hóa trong ống tiêu hóa. + Giai đoạn 2: Thức ăn được biến đổi để trở thành các chất đơn giản dọc theo ống tiêu hóa (hầu, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già) và được hấp thụ chủ yếu ở ruột non. + Giai đoạn 3: Các chất cặn bã còn lại được thải ra dưới dạng phân qua đường hậu môn.
Hoạt động 2.2: Nhu cầu sử dụng nước và con đường trao đổi nước ở động vật.	

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ: -Quan sát video và làm việc cá nhân: ? Nhận xét về nhu cầu sử dụng nước ở động vật Thảo luận cặp đôi cho HS yêu cầu HS nghiên cứu quan sát hình ảnh về nhu cầu sử dụng nước ở động vật và trả lời câu hỏi H5 và H6 *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoạt động nhóm và điền bảng kết quả trong phiếu học tập nội dung 2. + HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	II. Nhu cầu sử dụng nước và con đường trao đổi nước ở động vật. - Nhu cầu sử dụng nước của các loài động vật khác nhau là khác nhau - Có thể bổ sung nước cho cơ thể bằng những cách: uống nước, ăn các loại quả nhiều nước hoặc truyền nước.. - Nước đào thải ra khỏi cơ thể chủ yếu bằng việc thoát mồ hôi qua da và thải nước tiểu ra ngoài cơ thể nhờ quá trình lọc máu tạo thành nước tiểu ở thận. - Lượng nước mỗi ngày= khối lượng cơ thể x40ml
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung nhu cầu sử dụng nước và con đường trao đổi nước ở động vật.	
Hoạt động 2.3. Tìm hiểu sự vận chuyển các chất ở động vật	

<i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> - GV giao nhiệm vụ cặp đôi cho HS yêu cầu HS nghiên cứu tài liệu và quan sát hoạt động của hệ tuần hoàn và trả lời câu hỏi H7 và H8, H9 <i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> HS hoạt động nhóm đưa ra phương án và ghi kết quả vào bảng kết quả trong phiếu học tập nội dung 3 + HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.</i> GV bổ sung ngoài hệ tuần hoàn các chất còn được vận chuyển thông qua hệ tiêu hóa, bài tiết - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung sự vận chuyển các chất ở động vật.	III. Sự vận chuyển các chất ở động vật - Sự vận chuyển các chất ở động vật chủ yếu nhờ hệ tuần hoàn thông qua vòng tuần hoàn lớn và vòng tuần hoàn nhỏ. - Ngoài ra sự vận chuyển các chất còn thông qua hệ tiêu hóa, bài tiết..
Hoạt động 2.4. Vận dụng hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở động vật vào thực tiễn.	

<i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> - GV giao nhiệm cho HS yêu cầu HS nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi H10 và H11 <i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> HS hoạt động cá nhân đưa ra phương án và ghi kết quả vào bảng kết quả trong phiếu học tập nội dung 4. + HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.</i> - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung vận dụng hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở động vật vào thực tiễn.	IV. Vận dụng hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở động vật vào thực tiễn. - Cần có chế độ dinh dưỡng phù hợp ăn đúng bữa, không khí vui vẻ,... để bảo vệ hệ tiêu hóa cũng như sức khỏe của mình và gia đình.
---	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Hệ thống được một số kiến thức đã học.

+ HS khuyết tật: Theo dõi, lắng nghe

a) Nội dung:

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.
- HS trình bày sơ đồ tư duy.

d) Tổ chức thực hiện:

c) Sản phẩm:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. + HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

+ HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe

b) Nội dung:

- Xây dựng một chế độ ăn uống và nghỉ ngơi hợp lí ở độ tuổi học sinh, đảm bảo đầy đủ nước và chất dinh dưỡng.

a) Sản phẩm:

- HS xây dựng được một chế độ ăn uống và nghỉ ngơi đảm bảo đầy đủ nước và chất dinh dưỡng.

a) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập	

- Yêu cầu mỗi nhóm HS hãy xây dựng được một chế độ ăn uống và nghỉ ngơi đảm bảo đầy đủ nước và chất dinh dưỡng. *Thực hiện nhiệm vụ học tập Các nhóm HS thực hiện theo nhóm làm ra sản phẩm. *Báo cáo kết quả và thảo luận Sản phẩm của các nhóm + HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.	
--	--

PHIẾU HỌC TẬP

Bài 3: TRAO ĐỔI NƯỚC VÀ CHẤT DINH DƯỠNG Ở ĐỘNG VẬT

Họ và tên:

Lớp: Nhóm:

Nội dung I. Con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa ở động vật. Học sinh hoàn thành các câu hỏi sau

H1. Động vật lấy thức ăn từ môi trường thông qua hoạt động nào?

.....

.....

H2. Kể tên một số thức ăn chủ yếu của động vật?

.....

.....

H3. Sự trao đổi các chất dinh dưỡng ở động vật diễn ra qua các giai đoạn nào?

.....

.....

H4. Để hấp thụ được các chất dinh dưỡng trong thức ăn cần được biến đổi ra sao?

.....
.....

H5. Quan sát hình 31.1 và video hãy mô tả con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa của người.

.....
.....

Nội dung II. Nhu cầu sử dụng nước và con đường trao đổi nước ở động vật

Học sinh hoàn thành các câu hỏi sau H.6.

Câu hỏi thảo luận trang 133/SGK.

.....
.....

Nội dung III. Sự vận chuyển các chất ở động vật

H.7. Nguyên liệu và sản phẩm của quá trình trao đổi chất ở tế bào là gì? Các nguyên liệu này lấy từ đâu và sản phẩm trao đổi chất của tế bào được thải ra khỏi cơ thể như thế nào?

.....
.....

H.8. Hệ cơ quan nào thực hiện sự vận chuyển các chất trong cơ thể động vật?

.....
.....

H.9. Mô tả con đường thực hiện sự vận chuyển các chất trong cơ thể động vật.

.....
.....

Nội dung IV. Vận dụng hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở động vật vào thực tiễn.

H.10. Câu hỏi thảo luận trang 134/SGK.

.....
.....

H.11. Câu hỏi thảo luận bảng 31.1/SGK.

.....
.....

Ngày soạn: 15/2/2024

BÀI 32: THỰC HÀNH: CHỨNG MINH THÂN VẬN CHUYỂN NƯỚC VÀ LÁ THOÁT HƠI NƯỚC

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 02 tiết I.

Mục tiêu

1. Kiến thức

- Tiến hành được các bước thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước.
- Biết cách sử dụng các dụng cụ, thiết bị của bài thực hành.

+ HS khuyết tật: Biết thực hiện được các thí nghiệm ở nhà

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- **Năng lực tự chủ và tự học:** tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa để tìm hiểu về sử dụng kính lúp, dao và một số dụng cụ có trong bài thực hành.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** thảo luận nhóm để tiến hành các bước thí nghiệm, hợp tác trong thực hiện hoạt động quan sát phần cắt ngang của cuống lá cần tây bằng kính lúp, và túi ni lông sau khi thí nghiệm.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** GQVĐ trong thực hiện quan sát bằng kính lúp, túi ni lông.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- **Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** trình bày được một số thí nghiệm khác để chứng minh thân vận chuyển nước, lá thoát hơi nước và vận dụng vào việc trồng, chăm sóc cây.

3. Phẩm chất

- Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:
- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu sự vận chuyển nước ở thân và sự thoát hơi nước ở lá.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm, thảo luận về kết quả thí nghiệm.
- Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm quan sát ở cuống lá và túi ni lông.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

- Dụng cụ thực hành cho 4 nhóm: cốc thủy tinh, dao mổ, kính lúp, túi nylon trong suốt, 2 bình mực có màu khác nhau(xanh, đỏ hoặc tím).
- Hoa cúc trắng đã được cắm ở cốc nước màu xanh, đỏ, tím trước khoảng 5 -7 giờ.
- Phiếu học tập.

2. Học sinh

- Xem lại nội dung bài 30.
- Mỗi nhóm chuẩn bị 2 cây cần tây, 2 chậu cây như nhau.
- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài thực hành ở nhà.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định mục tiêu của nhóm trong giờ thực hành, kiểm tra dụng cụ, mẫu vật của mỗi nhóm.

Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được nhiệm vụ của nhóm và kiểm tra được thiết bị, dụng cụ, mẫu vật đầy đủ để tiến hành thực hành.

Nội dung: Học sinh thực hiện

Thảo luận nhóm xác định

+ Mục tiêu nhóm đạt được trong giờ thực hành.

+ Kiểm tra thiết bị, dụng cụ, mẫu vật và các bước tiến hành

Sản phẩm

- Hoàn thành nội dung (I), (II) và (III) trong phiếu học tập nhóm.

(I) Mục tiêu

☐ Thực hiện chính xác các bước thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước.

☐ Quan sát được kết quả thí nghiệm

☐ Hoàn thành bài báo cáo thực hành.

(II) Dụng cụ

(III) Cách tiến hành

TN chứng minh thân vận chuyển nước	TN chứng minh lá thoát hơi nước
Bước 1:	Bước 1:
Bước 2:	Bước 2:
Bước 3:	Bước 3:
	Bước 4:

Tổ chức thực hiện

- Giáo viên yêu cầu các nhóm thực hành (8 học sinh) thảo luận nhóm
- + phân công nhóm trưởng, thư kí....
- + xác định mục tiêu của nhóm, kiểm tra dụng cụ mẫu vật, cách tiến hành.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới a) Mục tiêu

- Tiến hành được các bước thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước.
- Sử dụng thành thạo được các dụng cụ hỗ trợ quan sát(kính lúp), ghi chép kết quả thí nghiệm.

b) Nội dung

- Hs làm việc nhóm nghiên cứu các bước tiến hành thí nghiệm, phân chia nhiệm vụ cho các thành viên.
- Hs tiến hành thí nghiệm theo nhóm và quan sát, ghi lại kết quả thí nghiệm.

c) Sản phẩm

- HS qua hoạt động nhóm hs làm được thí nghiệm đạt kết quả

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

Hoạt động 2.1: Thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước

<i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> - GV giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm, tìm hiểu các bước tiến hành thí nghiệm. - GV phát cho mỗi nhóm HS 2 cốc thủy tinh có đựng 2 màu mực khác nhau, dao mổ, kính lúp, phiếu học tập. - Gv yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm quan sát kết quả ghi vào phiếu học tập. <i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> HS hoạt động nhóm phân chia nhiệm vụ và tiến hành thí nghiệm và ghi kết quả thí nghiệm vào phiếu học tập. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). + HS khuyết tật: Lắng nghe ghi nhớ <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.</i> - Giáo viên nhận xét, đánh giá.	1. Thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước
Hoạt động 2.2: Thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước	
<i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> - GV giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm, tìm hiểu các bước tiến hành thí nghiệm. - GV phát cho mỗi nhóm HS 2 túi nylon trong suốt. - Gv yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm quan sát kết quả ghi vào phiếu học tập.	2. Thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước

<i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> HS hoạt động nhóm phân chia nhiệm vụ và tiến hành thí nghiệm và ghi kết quả thí nghiệm vào phiếu học tập. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). + HS khuyến khích: <i>Lắng nghe ghi nhớ</i> <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -</i> <i>Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.</i> <i>- Giáo viên nhận xét, đánh giá.</i>	
---	--

3. Hoạt động 3: Báo cáo, giới thiệu kết quả thí nghiệm của nhóm a)

Mục tiêu

- Hs trình bày được báo cáo thí nghiệm, giới thiệu kết quả thí nghiệm cho các nhóm quan sát.

b) Nội dung

Đại diện nhóm cử đại diện HS báo cáo, giới thiệu kết quả quan sát, tìm hiểu trước lớp.

c) Sản phẩm

- Phiếu học tập đã hoàn thành theo nhóm. **d)**

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> - GV giao nhiệm vụ học tập: thực hiện theo nhóm: + Đại diện các nhóm báo cáo, giới thiệu kết quả thực hành quan sát của nhóm, nhóm khác theo dõi để cho ý kiến nhận xét.	

+ Mỗi nhóm có tối đa: 4 phút để trình bày. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. *Báo cáo kết quả và thảo luận HS thuyết trình, giới thiệu kết quả của nhóm; HS nhóm khác theo dõi, lắng nghe để nhận xét. + HS khuyết tật: Lắng nghe ghi nhớ *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv nhận xét, đánh giá thí nghiệm của các nhóm.	
--	--

1. 4. Hoạt động 4: nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của các nhóm và mở rộng a) Mục tiêu

- HS tham gia nhận xét, đánh giá được kết quả thực hành của nhóm mình và của các nhóm bạn theo các tiêu chí cụ thể (Phụ lục)® HS hoàn thiện nội dung tiết thực hành, rút ra được kinh nghiệm để học tập hiệu quả hơn.

b) Nội dung

- Các nhóm nhận xét, đánh giá kết quả dựa theo Phiếu đánh giá.
- Từ kết quả nhận xét, HS rút ra được kinh nghiệm để tự điều chỉnh cách quan sát, cách tiến hành thí nghiệm đạt kết quả tốt và hoạt động nhóm hiệu quả hơn.
- HS thảo luận để trả lời một số câu hỏi liên quan đến nội dung bài thực hành.

c) Sản phẩm

- Bài báo cáo thu hoạch đã được trình bày của các nhóm.
- Ý kiến đánh giá của HS được thể hiện trong Phiếu đánh giá.
- Câu trả lời của Hs

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
--	-----------------

****Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

- GV giao nhiệm vụ học tập: thực hiện theo nhóm:

+ Nhận xét, cho ý kiến đánh giá và thống nhất ý kiến đánh giá theo nhóm về kết quả thực hành của nhóm Em và các nhóm bạn theo bảng tiêu chí đánh giá.

+ Trả lời câu hỏi 1, 2 SGK trang 137.

- Gv cho Hs quan sát cành hoa cúc có 3 màu đã chuẩn bị yêu cầu Hs nêu cách tiến hành để tạo đạo bông hoa như vậy và ghi vào bài báo cáo thu hoạch nộp vào tiết học sau.

- Gv có thể cho Hs thử làm hoa cầu vòng với nhiều màu sắc khác nhau.

****Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS theo nhóm thảo luận, thống nhất ý kiến đánh giá, đưa ra câu trả lời cho 2 câu hỏi.

****Báo cáo kết quả và thảo luận***

+ Đại diện nhóm nêu ý kiến tự đánh giá và nhận xét kết quả học tập của nhóm bạn, lắng nghe và rút kinh nghiệm.

+ HS nêu được câu trả lời cho 2 câu hỏi.

+ Hs nêu cách tiến hành để tạo ra hoa cúc có 3 màu.

****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm, động viên, khích lệ HS, rút kinh nghiệm

cho HS về các thao tác, cách thức quan sát, hoạt động nhóm. Gv nhận xét chốt câu trả lời cho 2 câu hỏi.	
--	--

PHIẾU HỌC TẬP

Bài 32: THỰC HÀNH CHỨNG MINH THÂN VẬN CHUYỂN NƯỚC VÀ LÁ THOÁT HƠI NƯỚC

Họ và tên:

Lớp: Nhóm:

Trả lời các câu hỏi sau

- Một cành hoa bị héo sau khi cắm vào nước sau một thời gian thì cành hoa tươi trở lại. Em hãy cho biết cấu trúc nào trong cây có vai trò quan trọng trong hiện tượng trên.

.....

- Khi đưa cây đi trồng nơi khác, người ta thường làm gì để tránh cây không bị mất nước?

.....

I. Mục tiêu

.....

II. Dụng cụ

.....

.....

.....

.....

III. Cách tiến hành

Thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước	Thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước
Bước 1:	Bước 1:
Bước 2:	Bước 2:
Bước 3:	Bước 3:
	Bước 4:

IV. Kết quả

1. Kết quả thí nghiệm

Thí nghiệm	Hiện tượng/ Kết quả
Chứng minh thân vận chuyển nước	
Chứng minh lá thoát hơi nước	

2. Giải thích kết quả của các thí nghiệm và rút ra kết luận.

.....

.....

.....

.....

3. Các bước tiến hành tạo ra hoa cúc 3 màu

.....

.....

.....

.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO CỦA NHÓM

Nhóm:..... Lớp:.....

Hãy cho ý kiến đánh giá đã được thống nhất về kết quả học tập (kết quả quan sát, báo cáo) và ý thức học tập của nhóm Em và của các nhóm bạn trong tiết thực hành theo các tiêu chí dưới đây:

Tiêu chí/ Nội dung đánh giá	Mức độ đạt được				Rút kinh nghiệm (Ghi ý kiến đóng góp)
	Nhóm Em	Nhóm ...	Nhóm ...	Nhóm ...	
Số lượng thí nghiệm đã hoàn thành có kết quả					
Phần chuẩn bị và kết quả thí nghiệm: + Chuẩn bị mẫu vật đầy đủ, đúng yêu cầu + Kết quả thí nghiệm quan sát rõ					
	Mức: Chưa đủ, tốt, rất tốt				
Phần thuyết trình giới thiệu ngắn gọn, hấp dẫn.					
	Mức: Tiếp tục cố gắng, tốt, rất tốt <i>Tiếp tục cố gắng: thuyết trình còn lộn xộn, chưa gọn, chưa rõ ý, quá thời gian, ...</i> <i>Tốt: thuyết trình to, rõ ý, logic, đúng thời gian, ...</i> <i>Rất tốt: đạt mức tốt + hấp dẫn, sáng tạo, ...</i>				

Ý thức học tập và tinh thần làm việc nhóm				
	Mức: Tiếp tục cố gắng, tốt, rất tốt <i>Căn cứ vào ý thức học tập của các cá nhân, tinh thần trách nhiệm, sự phối hợp giữa các thành viên, ...</i>			

Tuần 23 Soạn ngày 16/2/2024

Tiết: 37, 38

BÀI 33: CẢM ỨNG Ở SINH VẬT VÀ TẬP TÍNH Ở ĐỘNG VẬT

Thời gian thực hiện: (2 tiết) I.

Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

- Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.
- Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật.
- Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được vai trò của cảm ứng đối với sinh vật và tập tính đối với động vật. - **HS khuyết tật: Biết được cảm ứng và một số tập tính ở động vật**

2. Về năng lực:

** Năng lực chung:*

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực tìm hiểu về khái niệm, vai trò và ứng dụng của cảm ứng ở sinh vật, tập tính ở động vật trong thực tiễn.
- Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết một cách khoa học để diễn đạt về khái niệm tập tính, vai trò và ứng dụng của của cảm ứng ở sinh vật, tập tính ở động vật. Hoạt động nhóm một cách hiệu quả theo đúng yêu cầu của GV, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều tham gia và trình bày ý kiến khi thực hiện các nhiệm vụ được giao trong quá trình học tập.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập và thực hành.

* Năng lực KHTN:

- Nhận thức KHTN: phát biểu được các khái niệm, lấy được ví dụ minh họa, nêu được vai trò của của cảm ứng ở sinh vật, tập tính đối với động vật.

- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát, ghi chép và trình bày kết quả quan sát của của cảm ứng ở sinh vật, một số tập tính của động vật.

- Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: vận dụng được các kiến thức của cảm ứng ở sinh vật, tập tính ở động vật vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.

3. Về phẩm chất:

- Tham gia tích cực các hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân

- Chăm thận, trung thực, trách nhiệm trong thực hiện các yêu cầu của giáo viên trong bài học.

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá các dạng tập tính và ứng dụng tập tính trong tự nhiên.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Giáo viên:

Tranh ảnh về các hiện tượng của cảm ứng ở sinh vật, tập tính ở động vật
Dụng cụ để chiếu tranh ảnh.

2. Học sinh:

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

GV cho HS quan sát tranh ảnh (hoặc video) về hiện tượng xảy ra khi chạm tay vào lá cây trinh nữ, hướng mọc của thân cây ở nơi chỉ được chiếu sáng từ một phía,... **a)**

Mục tiêu:

- GV tổ chức cho HS nhận biết các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật thông qua quan sát tranh ảnh hoặc video. Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là quan sát quan sát hiện tượng của các sinh vật

b) Nội dung:

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên phiếu học tập KWL, để kiểm tra kiến thức nền của học sinh về thế giới xung quanh.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh ghi trên phiếu học tập KWL **d)**

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS quan sát tranh ảnh (hoặc video) về hiện tượng xảy ra khi chạm tay vào lá cây trinh nữ, hướng mọc của thân cây ở nơi chỉ được chiếu sáng từ một phía,... Yêu cầu học sinh điền vào phiếu học tập. - GV phát phiếu học tập KWL và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân theo yêu cầu viết trên phiếu trong 2 phút. *Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV. Hoàn thành phiếu học tập. - <i>Giáo viên:</i> Theo dõi và bổ sung khi cần. *Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, mỗi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu, những HS trình bày sau không trùng nội dung với HS trình bày trước. GV liệt kê đáp án của HS trên bảng *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá: - <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá:</i> -> <i>Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học</i> Để trả lời câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay. -> <i>Giáo viên nêu mục tiêu bài học:</i>	
---	--

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu:

- Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.

- Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật).
- Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh họa.
- Nêu được vai trò của cảm ứng đối với sinh vật và tập tính đối với động vật.
- **HS khuyết tật:** Biết được cảm ứng là phản ứng của cơ thể đối với môi trường

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, làm việc nhóm nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát tìm hiểu thông qua tranh ảnh và video và trả lời các câu hỏi (có ở phiếu học tập)

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời có ở phiếu học tập **d) Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: Tìm hiểu cảm ứng và vai trò cảm ứng ở sinh vật	
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1. Giáo viên cho học sinh hoạt động nhóm cặp đôi, yêu cầu các em quan sát Hình 33.1 và hoàn thành theo mẫu Bảng 33.1. 2. Nêu thêm một số ví dụ về hiện tượng cảm ứng ở thực vật và động vật. Chỉ rõ tác nhân kích thích và phản ứng của sinh vật? (có ở phiếu học tập) *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động ra phiếu học tập số 2. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). -HS K/tật nghe và ghi nhớ *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung.	I. Cảm ứng và vai trò cảm ứng ở sinh vật 1. Cảm ứng ở sinh vật là gì? - Cảm ứng là phản ứng của sinh vật đối với các kích thích đến từ môi trường. -Ví dụ: Con người nổi da gà khi trời lạnh, gà chạy đến khi nghe người gọi cho ăn, chó sủa khi gặp người lạ, cây hoa quỳnh nở hoa vào ban đêm,... 2. Vai trò của cảm ứng ở sinh vật: - Cảm ứng giúp sinh vật thích ứng với những thay đổi của môi trường để tồn tại và phát triển.
Hoạt động 2.2: Tìm hiểu tập tính ở động vật	

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn học sinh đọc thông tin và quan sát hình 33.2 trong SGK. Giáo viên chia lớp học thành 4 nhóm, sử dụng kỹ thuật động não kết hợp hỏi đáp để tổ chức cho học sinh trả lời các câu hỏi thảo luận trong bài. *Thực hiện nhiệm vụ học tập	II. Tập tính ở động vật 1. Tập tính là gì? - Tập tính là một chuỗi những phản ứng trả lời các kích thích đến từ môi trường bên trong hoặc bên ngoài cơ thể, đảm bảo cho động vật tồn tại và phát triển.
HS hoạt động nhóm để đưa ra câu trả lời cho các câu hỏi sau: 1. Tập tính động vật là gì? 2. Hãy liệt kê các loại tập tính ở động vật, ở người mà em biết? 3. Đặt tên các tập tính của động vật được thể hiện trong hình 33.2 a, 33.2b, 33.2c, 33.2d và ý nghĩa của các tập tính đó. (Tập tính di cư của chim, tập tính sống bầy đàn của trâu rừng, tập tính kiếm ăn của mèo, tập tính chăm sóc con non của chim) *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các thành viên khác chú ý bổ sung cho câu trả lời của bạn nếu chưa hoàn chỉnh. Các nhóm khác bổ sung (nếu có). - HS K/tật: Cho được ví dụ về tập tính ở động vật *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung.	- Ví dụ: Ve kêu vào mùa hè, chuột bỏ chạy khi nghe tiếng mèo kêu,.. - Phân loại: Tập tính bẩm sinh và tập tính học được 2. Vai trò của tập tính: - Tập tính có vai trò quan trọng đối với động vật, nhờ có tập tính động vật có thể thích ứng với môi trường giúp chúng có thể tồn tại và phát triển.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Hệ thống được một số kiến thức đã học.

- HS K/tập biết được cảm ứng, biết vài tập tính ở động vật b)

Nội dung:

- HS thực hiện cá nhân phần “Con đã học được trong giờ học” trên phiếu học tập

KWL.

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy. c) Sản phẩm:

- HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập KWL. d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần “Con đã học được trong giờ học” trên phiếu học tập KWL và tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. *Báo cáo kết quả và thảo luận	
GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống. -

HS K/tập lắng nghe ghi nhớ b) Nội dung:

Cho học sinh quan sát, tìm hiểu một vài hiện tượng tự nhiên xung quanh. c)

Sản phẩm:

Bắt đầu từ mùa hè, gấu đã bắt đầu dự trữ dinh dưỡng cho kì ngủ đông. Chất dinh dưỡng này đáp ứng đủ nhu cầu cơ thể gấu trong cả quá trình ngủ đông. Nhờ chất dinh dưỡng tích trữ đủ, cơ thể gấu hết mùa đông đến khi các chất dinh dưỡng này cạn thì cũng là lúc kì ngủ đông này kết thúc.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Trước kì ngủ đông gấu có thói quen ăn thật nhiều để cơ thể béo lên nhanh chóng. Em hãy giải thích ý nghĩa của thói quen này ở gấu?

***Thực hiện nhiệm vụ học tập**

Các nhóm thảo luận để có câu trả lời.

***Báo cáo kết quả và thảo luận** Sản phẩm của các nhóm

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Giáo viên cho các nhóm trả lời câu hỏi và hướng dẫn các em tìm hiểu thêm.

Hướng dẫn tự học ở nhà

- Tìm hiểu các hiện tượng cảm ứng có ở các loài sinh vật xung quanh em.
- Em hãy tìm hiểu việc ứng dụng các tập tính của động vật vào trong sản xuất và chăn nuôi.
- Vận dụng các kiến thức về cảm ứng để hình thành các thói quen tốt cho bản thân.

PHIẾU HỌC TẬP

BÀI 33: CẢM ỨNG Ở SINH VẬT VÀ TẬP TÍNH Ở ĐỘNG VẬT

Họ và tên:

Lớp: Nhóm:

PHT1: Học sinh hoàn thành cá nhân các câu hỏi sau

H1. Khi ta chạm tay vào lá cây trinh nữ (xấu hổ), lá cây sẽ cụp lại. Đây là hiện tượng



gì?

.....

.....

.....

.....

.....

H2. Hiện tượng này có ý nghĩa như thế nào đối với sinh vật?

.....
.....
.....
.....
PHT 2: HS trao đổi cặp đôi

- 1. Quan sát Hình 33.1 và hoàn thành theo mẫu Bảng 33.1.

Hình	Kích thích	Phản ứng
a	Ánh sáng	Ngọn cây hướng về phía có ánh sáng ?
b c	?	?
d e	?	?
	?	?
	?	

-> Cảm ứng là gì?

.....
2. Nêu thêm một số ví dụ về hiện tượng cảm ứng ở thực vật và động vật. Chỉ rõ tác nhân kích thích và phản ứng của sinh vật?
.....
.....
.....

.....
3. Nếu các sinh vật không có phản ứng đối với các kích thích đến từ môi trường (ví dụ:
Cây ở Hình 33.1a không có phản ứng hướng về phía có ánh sáng) thì điều gì sẽ xảy ra?
.....
.....
.....
.....

.....
PHT3: Học sinh hoàn thành các câu hỏi sau:

1. Tập tính động vật là gì?

.....
.....
.....
.....
2. Hãy liệt kê các loại tập tính ở động vật, ở người mà em biết?
.....
.....
.....
.....

3. Đặt tên các tập tính của động vật được thể hiện trong hình 33.2 a, 33.2b, 33.2c, 33.2d và ý nghĩa của các tập tính đó?

Hình	Tên tập tính	Ý nghĩa
33.2a		
33.2b		
33.2c		
33.2d		

SƠ ĐỒ HÓA KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

Tuần 24

Ngày soạn 22/02/2024

Tiết 39, 40. BÀI 34: VẬN DỤNG HIỆN TƯỢNG CẢM ỨNG Ở SINH VẬT VÀO THỰC TIỄN

1. MỤC TIÊU

2. Về kiến thức Sau bài học này, HS sẽ:

- Vận dụng được các kiến thức về cảm ứng và giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (học tập, chăn nuôi, trồng trọt). **HS khuyết tật: Lắng nghe và áp dụng**

2. Năng lực

· **Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

· **Năng lực riêng:**

- Hình thành các tập tính tốt cho vật nuôi như ăn đúng giờ, đi vệ sinh đúng chỗ,...đáp ứng yêu cầu thực tiễn của con người
- Vận dụng các kiến thức về cảm ứng ở thực vật vào trồng trọt nhằm nâng cao năng suất cây trồng.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

1. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

2. **Đối với giáo viên** · SGK, SGV, SBT. · Tranh ảnh, video liên quan đến bài học. · Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. **Đối với học sinh**

·

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

2. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.
3. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, quan sát hình ảnh, HS trả lời câu hỏi.
4. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
5. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi: *Vì sao khi trồng các loài cây thân leo như mướp, bầu, bí, thiên lí, ... người trồng thường phải làm giàn cho cây?*

- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ: *Khi trồng các loài cây thân leo như mướp, bầu, bí, thiên lí, ... người trồng thường phải làm giàn cho cây vì: các loại cây này thuộc dạng thân leo, việc làm giàn chắc chắn sẽ giúp cho bộ rễ các loại cây này cố định, nhánh bám vững, cây vươn dài hơn và từ đó cho hoa kết trái.*

- GV dẫn dắt vào bài học: *Nhiều loài cây xanh không có mắt nhưng chúng có thể nhận ra và bám vào giá thể, không có giác quan chúng vẫn nhận ra được ánh sáng và bóng tối. Nhiều động vật có hành vi kiếm mồi và tự vệ vô cùng linh hoạt. Thậm chí, chúng còn có thể dự đoán những thay đổi từ môi trường và có phản ứng đề phòng hay thích ứng từ rất sớm, ... Con người đã ứng dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật vào cuộc sống như thế nào? Để tìm hiểu rõ hơn về vấn đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – **Bài 34: Vận dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật vào thực tiễn.***

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu ứng dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật trong trồng trọt

1. **Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nắm được một số ứng dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật trong trồng trọt. **HS khuyết tật: Lắng nghe và ghi nhớ**
2. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS đọc SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận, trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	D KIẾN SẢN PHẨM
---	------------------------

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giới thiệu kiến thức: *Trong quá trình sống, sinh vật phản ứng với các nhân tố từ môi trường để có thể tồn tại và phát triển.*

Hiện tượng cảm ứng ở động vật bậc cao hình thành nên tập tính, thói quen. Con người đã ứng dụng những hiểu biết về tính cảm ứng ở thực vật vào trồng trọt, ứng dụng hiểu biết về tập tính ở động vật trong chăn nuôi, trong sản xuất và đời sống.

- GV hướng dẫn HS quan sát Hình 34.1 – Làm trụ bám cho cây hồ tiêu, đọc thông tin mục I SGK tr.141, 142 và trả lời câu hỏi:

+ *Nêu một số ứng dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật trong trồng trọt.*

1. Tìm hiểu ứng dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật trong trồng trọt + Thực vật:

ứng dụng tính hướng sáng, hướng nước, hướng chất dinh dưỡng,... để có chế độ chiếu sáng, tưới nước, bón phân, làm giàn,...phù hợp với mỗi loài nhằm tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng nhanh, phát triển tốt, đáp ứng nhu cầu khác của con người.

Ví dụ: Làm trụ cho cây hồ tiêu dựa trên hiện tượng cảm ứng hướng tiếp xúc giúp cho cây sinh trưởng nhanh, phát triển tốt, cho năng suất cao

+ Động vật: lợi dụng tập tính của các động vật gây hại cho cây trồng như bướm,

+ Cho ví dụ cụ thể.
 - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi:
 + Quan sát Hình 34.2 và hoàn thành nội dung theo Bảng mẫu 34.1:

Tên sinh vật	Hiện tượng cảm ứng dụng	Biện pháp ứng dụng	Lợi ích
Côn trùng hại cây trồng (bướm, bọ xít,...)	?	?	?
Chim	?	?	?

+ Lấy thêm các ví dụ về việc ứng dụng hiện tượng cảm ứng trồng trọt.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập -

HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

HS khuyết tật: Lắng nghe và ghi nhớ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

bọ xít, châu chấu,... để tìm cách xua đuổi và tiêu diệt chúng, bảo vệ mùa màng. Ví dụ: Tập tính sinh sống của một số côn trùng rất thích ánh sáng, chúng sẽ bay vào nơi có ánh sáng đèn vào ban đêm. Bẫy đèn thường sử dụng để thu bắt côn trùng (bướm, bọ cánh cứng, rầy) bay đến và tiêu diệt.

Tên sinh vật	Hiện tượng cảm ứng dụng	Biện pháp ứng dụng	Lợi ích
Côn trùng hại cây trồng (bướm, bọ xít,...)	Hướng sáng	Thu hút côn trùng vào bẫy	Tiêu diệt bướm và các loài côn trùng hại cây trồng
Chim	Bỏ chạy khi thấy người	Sử dụng bù nhìn dọa chim	Xua đuổi chim phá hoại mùa màng

- Ví dụ về việc ứng dụng hiện tượng cảm ứng trồng trọt:

+ Trồng cây ở nơi có ánh sáng mọi phía để cây phát triển đều.

+ Làm giàn cho các loại thân leo (mướp, bầu, bí).

Hoạt động 2: Tìm hiểu ứng dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật trong chăn nuôi

1. **Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nắm được một số ứng dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật trong chăn nuôi. **HS khuyết tật: Lắng nghe và ghi nhớ**
2. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS đọc SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận, trả lời câu hỏi.
- 3.

4. c hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS quan sát Hình 34.3 - Ứng dụng hiện tượng cảm ứng trong chăn nuôi, đọc thông tin mục 2 và trả lời câu hỏi: <i>Nêu các ví dụ hiện tượng cảm ứng hoặc tập tính của động vật trong chăn nuôi mà em biết.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. HS khuyết tật: Lắng nghe và ghi nhớ Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	2. Tìm hiểu ứng dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật trong chăn nuôi - Dựa trên những hiểu biết về tập tính học được ở động vật, con người đã huấn luyện cho các vật nuôi trong nhà hình thành được những tập tính tốt như ăn ngủ đúng giờ, đi vệ sinh đúng chỗ, nghe hiệu lệnh (tiếng keng, tiếng gọi, huýt sáo, tiếng vỗ tay,...) - Ví dụ: + Gõ mõ để trâu bò về chuồng đúng giờ. + Dùng đèn để thu hút một số loài hải sản. + Vỗ tay gọi cá đến. + Huấn luyện động vật phục vụ trong chăn nuôi (huấn luyện chó chăn cừu). + Trong chăn nuôi gà, bố trí trong một chuồng nuôi 2 gà trống và nhiều gà mái. Dùng tiếng gọi bập bập khi cho gà ăn. + Dạy hổ, voi, khỉ làm xiếc, dạy cá heo lao qua vòng trên mặt nước (giải trí). + Dạy chó, chim ưng săn mồi (săn bắn). + Sử dụng chó để phát hiện ma túy và bắt kẻ gian (an ninh quốc phòng,...)

Hoạt động 3: Tìm hiểu ứng dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật trong học tập và đời sống

1. **Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được các thói quen của bản thân, nhận biết thói quen tốt hay xấu, định hướng được cách loại bỏ các thói quen không tốt, lập kế hoạch và thực hiện thói quen tốt.

HS khuyết tật: Lắng nghe và ghi nhớ

2. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS đọc SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận, trả lời câu hỏi.

3.

4. **c hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận: <i>Nêu các thói quen (tập tính) của bản thân và cho biết thói quen nào là tốt, thói quen nào là không tốt.</i> - GV dẫn dắt: <i>Các thói quen tốt hay xấu ở người đều là những tập tính học được, được hình thành do lặp đi lặp lại nhiều lần trong quá trình sống. Vì vậy, để thực hiện loại bỏ các thói quen không tốt, cần đưa ra các hoạt động và lập kế hoạch thực hiện.</i> - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + <i>Tập tính được ứng dụng như thế nào trong học tập?</i> + <i>Muốn tạo được thói quen tập thể dục buổi sáng, em cần làm gì?</i> + <i>Hãy nêu những việc em sẽ làm để bỏ được thói quen ngủ dậy muộn?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. HS khuyết tật: Lắng nghe và ghi nhớ Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	3. Tìm hiểu ứng dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật trong học tập và đời sống - Một số thói quen tốt: ngủ sớm và thức dậy đúng giờ, đọc sách, tập thể dục buổi sáng, chấp hành luật an toàn giao thông,... - Một số thói quen không tốt: thức khuya, ngủ dậy muộn, không làm bài tập trước khi đi học, vượt đèn đỏ,... - Tập tính được ứng dụng trong học tập: thường xuyên ôn bài và làm bài tập nhiều lần để nắm chắc kiến thức, ghi nhớ được lâu. - Muốn tạo được thói quen tập thể dục buổi sáng, cần luyện tập thực hiện đều đặn hằng ngày, không nên bỏ buổi nào, tập vào một khung giờ nhất định. - Để bỏ thói quen ngủ dậy muộn, cần đặt báo thức vào thời điểm mong muốn, thực hiện liên tiếp trong nhiều ngày. Sau một thời gian, cơ thể sẽ hình thành thói quen thức dậy đúng giờ ngay cả khi không đặt báo thức.

1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

2. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi.

3. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

4.

5. **c thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS:

Câu 1. Ghép các hiện tượng cảm ứng của vật nuôi (ở cột A) với lợi ích đối với con người (ở cột B) cho phù hợp:

A. Hiện tượng cảm ứng	B. Lợi ích đối với con người
1. Ăn ngủ đúng giờ	a. Giảm công sức kêu gọi, tránh lãng phí và quản lý được nguồn thức ăn.
2. Đi vệ sinh đúng chỗ	b. Giúp vật nuôi hình thành thói quen tốt, nhờ đó chúng sinh trưởng và phát triển tốt hơn.
3. Nghe hiệu lệnh là về chuồng	c. Hạn chế sự mất vệ sinh và giảm sức công sức vệ sinh chuồng trại.
4. Nghe hiệu lệnh là đến ăn	d. Giúp người chăn nuôi giảm công sức lừa vật nuôi về chuồng.

Câu 2. Con người đã vận dụng những hiểu biết về hiện tượng cảm ứng ở sinh vật để có những ứng dụng trong đời sống. Hãy cho biết con người đã ứng dụng các hiện tượng cảm ứng trong bảng vào đời sống như thế nào?

Hiện tượng cảm ứng	Ứng dụng của con người
Tính hướng sáng của côn trùng gây hại	
Tính hướng sáng của cá	
Chim di cư về phương nam tránh rét	
Rễ cây tránh xa hóa chất độc hại với nó	
Chim yến cư trú và làm tổ ở những nơi ánh sáng rất yếu.	

- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Câu 1.

1 – b, 2 – c, 3 – d, 4 – a.

Câu 2.

Hiện tượng cảm ứng	Ứng dụng của con người
Tính hướng sáng của côn trùng gây hại	Dùng đèn để bẫy côn trùng
Tính hướng sáng của cá	Dùng đèn để thu hút cá trong đánh bắt
Chim di cư về phương nam tránh rét	Nhận biết sự thay đổi về thời tiết
Rễ cây tránh xa hóa chất độc hại với nó	Phát hiện vùng đất nhiễm chất độc

Chim yến cư trú và làm tổ ở những nơi ánh sáng rất yếu.	Làm nhà nuôi có ánh sáng rất yếu để chim yến cư trú và làm tổ.
---	--

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.
- 1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**
- 2. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi.
- 3. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, liên hệ thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.
- 4. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- 5. **Tổ chức thực hiện:**
- GV giao nhiệm vụ cho HS:

Câu 1. *Đọc sách là một thói quen tốt, đây là tập tính học được ở người. Em hãy vận dụng kiến thức về cảm ứng ở sinh vật, xây dựng các bước để hình thành thói quen này cho bản thân.*

Câu 2. *Khi nuôi gà, vịt, người nông dân chỉ cần dùng tiếng gọi quen thuộc là gà, vịt từ xa đã chạy về ăn. Tập tính này của vật nuôi có lợi cho sinh vật và cả người chăn nuôi. Em hãy nêu cách thức hình thành tập tính trên cho vật nuôi.* - HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ. **Câu 1.** *Để hình thành thói quen đọc sách, cần lặp đi lặp lại các bước sau:* - *Bước 1: chọn sách mình yêu thích.*

- *Bước 2: Chọn thời gian đọc phù hợp.*
- *Bước 3: Đọc hằng ngày vào thời gian đã chọn.*
- *Bước 4: Tự đánh giá thói quen đọc sách của cá nhân.*

Câu 2. *Để hình thành tập tính nghe hiệu lệnh về ăn, người chăn nuôi nên làm như sau:*

- *Gọi vật nuôi vào những thời điểm nhất định (mỗi lần gọi bằng tiếng gọi giống nhau), khi vật nuôi đến thì cho ăn.*
- *Vào những ngày sau, cũng gọi và cho ăn vào thời điểm đó và chỉ cho cho ăn khi gọi.*
- *Sau nhiều ngày được cho ăn chỉ khi được gọi (bằng một âm thanh quen thuộc), vật nuôi sẽ có tập tính nghe tiếng gọi là chạy về ăn.* - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

1. **Kế hoạch đánh giá**

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên (GV đánh giá HS, HS đánh giá HS)	- Vấn đáp. - Kiểm tra viết, kiểm tra thực hành.	- Các loại câu hỏi vấn đáp, bài tập.	

TUẦN 25. Soạn ngày 1/3/2024
Tết 41, 42. BÀI 35. THỰC HÀNH: CẢM ỨNG Ở SINH VẬT
 Môn học: KHTN - Sinh 7
 Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng (hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc) ở thực vật.
- Quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật.
- + HS khuyết tật: lắng nghe, làm được thí nghiệm cây hướng sáng, hướng nước ở nhà.

2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung:

- **Năng lực tự chủ và tự học:** tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát trong thực tế về một số tập tính của sinh vật.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** thảo luận nhóm để tìm ra các bước tiến hành thí nghiệm.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** GQVĐ phát sinh trong quá trình học.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên:

- **Năng lực nhận biết KHTN:** Nhận biết một số tập tính thường gặp ở sinh vật.
 - **Năng lực tìm hiểu tự nhiên:** Quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật.
 - **Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** Vận dụng các kiến thức về cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt, ...).
- Hình thành các tập tính tốt cho vật nuôi (như ăn đúng giờ, đi vệ sinh đúng chỗ, ...)

3. Phẩm chất: Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về các tập tính của sinh vật.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm, thảo luận về cách thức thực hiện.
- Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm quan sát được.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên: - Hình ảnh về các ứng dụng về hiện tượng cảm ứng ở cây xanh; video về một số tập tính ở động vật (tập tính kiếm ăn, đánh dấu lãnh thổ, chăm sóc con non, ...)

- Dụng cụ để chiếu tranh ảnh, video
- Chậu trồng cây cảnh/khay nhựa; đất/cát trồng cây; que tre hoặc gỗ nhỏ; chậu hoặc chai nhựa đã qua sử dụng; nước; hộp carton

2. Học sinh:

- Đọc, nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.
- Chậu trồng cây cảnh/khay nhựa; đất/cát trồng cây; que tre hoặc gỗ nhỏ; chậu hoặc chai nhựa đã qua sử dụng; nước; hộp carton.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu:

a) **Mục tiêu:** HS nhận biết được một số tập tính của thực vật trong thực tế.

b) **Nội dung:** HS phân loại TV vào 2 nhóm hướng sáng và hướng nước.

c) **Sản phẩm:** HS lập nhóm mang các đặc điểm đặc trưng tương ứng với

các nhóm thực vật.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV phổ biến thể lệ chơi:

Chia lớp thành 2 đội và 2 HS làm thư kí. GV đưa 1 số hình ảnh của thực vật. Trong 1 phút, các thành viên đội 1 và đội 2 phân loại các cây đó vào 2 nhóm hướng nước và hướng sáng. Nhóm nào ghép đúng, đủ và nhanh nhất sẽ dành chiến thắng và được chọn tên cho nhóm mình đồng thời đặt tên cho nhóm còn lại.

- HS lập đội và học luật chơi.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời nhóm trưởng báo cáo kết quả của nhóm mình. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV và thư kí quan sát, đánh giá kết quả của các nhóm chơi. **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

a) Mục tiêu:

- Nêu cách nhận bố trí thí nghiệm chứng minh tính hướng nước, hướng sáng của thực vật.

- Quan sát để nhận biết tính hướng tiếp xúc của cây và một số tập tính của động vật.

- Nêu được ý nghĩa của cảm ứng với đời sống sinh vật và ứng dụng hình thành các tập tính tốt cho vật nuôi.

+ HS khuyết tật: lắng nghe, làm được thí nghiệm cây hướng sáng, hướng nước ở nhà.

b) Nội dung:

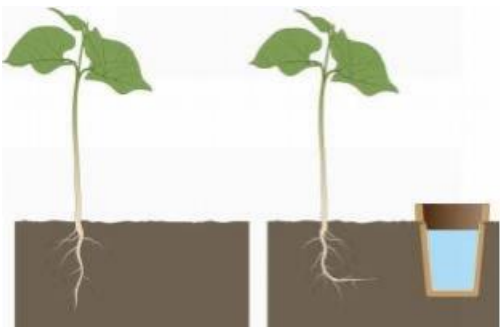
- Học sinh làm việc nhóm, cặp đôi đưa ra cách thiết kế thí nghiệm chứng minh tính hướng nước của cây.

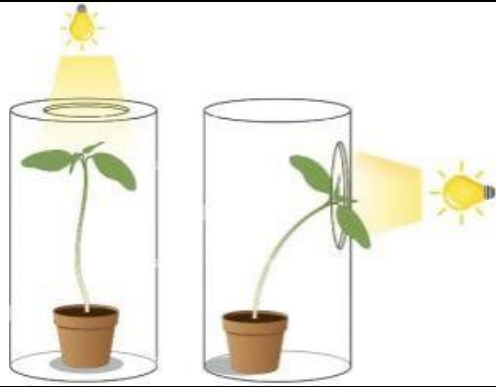
- HS lấy ví dụ và đưa ra cách thiết kế thí nghiệm chứng minh tính hướng nước của cây.

- Quan sát tính hướng tiếp xúc của cây và nêu ý nghĩa của hiện tượng đó. - Quan sát và mô tả một số tập tính ở động vật. **c) Sản phẩm:**

- HS thông qua hoạt động nhóm tiến hành được các thí nghiệm, quan sát và rút ra nhận xét, kết luận.

- Làm được báo cáo kết quả. **d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: Thí nghiệm chứng minh tính hướng nước và hướng sáng của thực vật	
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin về cách bố trí thí nghiệm như SGK; đề xuất phương án thí nghiệm khác để chứng minh. - GV giao cho 2 nhóm lựa chọn phương án thực hiện thí nghiệm tương ứng với tên của nhóm mình (nhóm Hướng nước và Hướng sáng) (Khuyến khích HS làm nhiều thí nghiệm để chứng minh và đối chứng) *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS các nhóm thảo luận, thống nhất chọn phương án thực hiện phù hợp và ghi chép nội dung hoạt động ra phiếu nhóm. Với mỗi thí nghiệm cần chuẩn bị dụng cụ tương ứng. Tiến hành làm thí nghiệm. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên 2 HS đại diện cho 2 nhóm trình bày phương án và sản phẩm. + HS khuyết tật: lắng nghe, ghi nhớ	2.1.1. Thí nghiệm chứng minh tính hướng nước của cây  2.1.2. Thí nghiệm chứng minh tính hướng sáng của cây

*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá chéo phương án của nhóm bạn. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét cách thức tiến hành và giao 2 nhóm theo dõi kết quả, ghi bảng 35.1, giờ sau báo cáo.	
Hoạt động 2.2: Báo cáo sản phẩm thí nghiệm	
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm báo cáo kết quả thu được. *Thực hiện nhiệm vụ học tập Các nhóm nghiệm thu kết quả thực hiện thí nghiệm bằng sản phẩm và nội dung bảng 35.1. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày. Các HS khác theo dõi để ghi nhớ. + HS khuyết tật: lắng nghe, báo cáo được cách làm được thí nghiệm cây hướng sáng, hướng nước ở nhà. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung hướng sáng và hướng nước của thực vật.	2.2.1. Thí nghiệm chứng minh tính hướng nước của cây - Chuẩn bị: 2 chậu đất/ cát giống nhau (nếu sử dụng đất cần lấy đất tơi xốp, nhiều mùn để khi nhổ cây quan sát không bị đứt) - Tiến hành: Bước 1: Gieo hạt đỗ vào 2 chậu, tưới nước đủ ẩm. Bước 2: Theo dõi sự nảy mầm của hạt thành cây có từ 3 đến 5 lá. Bước 3: Đặt chậu nước có lỗ thùng nhỏ vào trong 1 chậu cây sao cho nước ngâm vào đất không gây ngập úng cây. Bước 4: Sau 3 đến 5 ngày (kể từ khi đặt chậu nước), nhẹ nhàng nhổ cây ra khỏi chậu quan sát hướng mọc của rễ cây. - Kết quả: Rễ cây dài ra hướng về phía có nguồn nước. 2.2.2. Thí nghiệm chứng minh tính hướng sáng của cây - Chuẩn bị: 2 chậu đất trồng cây giống nhau; 2 hộp carton không đáy, 1 hộp khoét lỗ phía trên, hộp còn lại khoét phía bên cạnh. - Tiến hành:

	Bước 1: Gieo hạt đỗ vào trong đất, tưới nước đủ ẩm và đợi đến khi hạt nảy mầm. Bước 2: Úp lên mỗi chậu cây 1 hộp carton, đặt trong môi trường ánh sáng tự nhiên. Bước 3: Sau khoảng từ 3 đến 5 ngày, nhấc hộp carton ra khỏi các chậu cây quan sát hướng của thân cây. - Kết quả: Thân cây hướng về phía có ánh sáng.
--	---

Hoạt động 2.3: Quan sát tính hướng tiếp xúc của cây

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS quan sát hình ảnh hoặc video về tính hướng tiếp xúc của 1 số loài cây như: trầu bà, bầu, bí, trầu không, mồng tơi, ... *Thực hiện nhiệm vụ học tập Các nhóm quan sát và ghi chép thông tin vào nội dung bảng 35.2. + HS khuyết tật: lắng nghe, ghi nhớ *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện nhóm trình bày nội dung quan sát được. Các HS khác theo dõi để nhận xét và ghi nhớ. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung.	- Nội dung bảng 35.2
---	-----------------------------

Hoạt động 2.4: Quan sát một số tập tính của động vật

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS quan sát video về tập tính của động vật và yêu cầu HS mô tả các tập tính đó. *Thực hiện nhiệm vụ học tập Các nhóm quan sát và ghi chép thông tin vào nội dung bảng 35.3. + HS khuyết tật: lắng nghe, làm theo các bạn hoàn thành bảng 35.1, 2 *Báo cáo kết quả và thảo luận	- Nội dung bảng 35.3
---	-----------------------------

GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện nhóm trình bày nội dung quan sát được. Các HS khác theo dõi để nhận xét và ghi nhớ. <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -</i> <i>Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.</i> - GV nhận xét và chốt nội dung.	
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu:
- Hệ thống được một số kiến thức đã học.
- b) Nội dung:
- HS thực hiện cá nhân phần câu hỏi trắc nghiệm trên phiếu học tập - HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.
- c) Sản phẩm:
- HS hoàn thành phiếu học tập.
- d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần câu hỏi trắc nghiệm trên phiếu học tập và tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi. <i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. + HS khuyết tật: lắng nghe, ghi nhớ <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu:
- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.
- b) Nội dung:
- Chế tạo kính lúp từ vật liệu tái chế: vỏ chai nhựa trong suốt.
- c) Sản phẩm:
- HS chế tạo được dụng cụ bẫy côn trùng đơn giản bằng vỏ chai nhựa
- d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

****Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

- Yêu cầu mỗi nhóm HS hãy chế tạo 1 chiếc
bầy côn trùng đơn giản từ vật liệu tái chế là vỏ
chai nhựa. ****Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Các nhóm HS thực hiện theo nhóm làm ra sản
phẩm.

****Báo cáo kết quả và thảo luận*** Sản
phẩm của các nhóm

****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên
lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.

PHIẾU BÁO CÁO THỰC HÀNH
Bài 35: THỰC HÀNH: CẢM ỨNG Ở SINH VẬT

Họ và tên:

Lớp: Nhóm:

Bước 1: Học sinh hoàn thành nhóm nội dung sau

1. Hoàn thành bảng:

Bảng 35.1

Thí nghiệm	Kết quả
Chứng minh tính hướng nước	
Chứng minh tính hướng sáng	

Bảng 35.2

Tên cây	Loại giá thể	Mô tả	Ý nghĩa

Bảng 35.3

Loài động vật	Tập tính	Mô tả	Ý nghĩa

2. Nhận xét, kết luận về kết quả của các thí nghiệm chứng minh tính hướng nước, hướng sáng, hướng tiếp xúc của cây?

PHIẾU HỌC TẬP

Bài 35: THỰC HÀNH: CẢM ỨNG Ở SINH VẬT

Họ và tên:

Lớp: Nhóm:

Bước 2: HS trao đổi cặp đôi trong nhóm

Câu 1: Tại sao trong thí nghiệm chứng minh tính hướng nước, người ta lại đặt chậu nước thùng lỗ nhỏ ở một phía của chậu cây và chỉ cho nước ngấm từ từ mà không để nước ngấm nhanh ra khắp chậu?

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Trong thí nghiệm chứng minh tính hướng sáng, nếu thường xuyên xoay chậu theo các hướng khác nhau thì kết quả sẽ như thế nào? Giải thích?

.....
.....
.....
.....

- Câu 3: Khoanh vào các tập tính ở động vật. A. Cá thở bằng mang.
B. Cây bầu và bí có thể sống chung giàn.
C. Chim cú mèo kiếm ăn vào ban đêm.
D. Chim cánh cụt thường sống thành đàn.
E. Ếch đẻ trứng dưới nước.
F. Chuột mang tác nhân gây bệnh hạch

- Câu 4: Hiện tượng nào dưới đây thể hiện tính hướng tiếp xúc của cây?
A. Cây rêu phản tán bào tử khắp nơi.
B. Chạm tay vào lá cây xấu hổ, lá cụp lại.
C. Cây bầu dùng tua cuốn quấn vào giá thể leo lên giàn.
D. Hoa quỳnh nở vào ban đêm.

Soạn ngày 5/3/2024
TUẦN 26.

Tiết 43. 44

CHƯƠNG IX: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT
BÀI 36: KHÁI QUÁT VỀ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT
Môn học: KHTN - Lớp: 7 Thời gian thực

hiện: 02 tiết I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật
- Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển
- Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ lát cắt ngang thân cây 2 lá mầm, trình bày được chức năng mô phân sinh làm cây lớn lên.
- Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó.

+ HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:* tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật, đặc điểm của mô phân sinh.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* thảo luận nhóm và hợp tác để tìm ra các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật và đặc điểm của mô phân sinh

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** giải quyết vấn đề trong thực tiễn nhờ đầu cây lớn lên, rễ dài ra và thân cành to ra được

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :

- **Năng lực nhận biết KHTN:** Nhận biết giai đoạn nào của sinh vật là sinh trưởng, giai đoạn nào là phát triển, nhận biết được mô phân sinh có ở đâu

- **Năng lực tìm hiểu tự nhiên:** Nêu được vai trò của mô phân sinh, quá trình sinh trưởng và phát triển của sinh vật

- **Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** trình bày quá trình sinh trưởng và phát triển của 1 sinh vật; giải thích được vì sao cây lớn lên, thân to ra

3. Phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về đặc điểm của sinh trưởng và phát triển của sinh vật, đặc điểm của mô phân sinh.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ tìm tài liệu, thảo luận phát hiện kiến thức.

II. Thiết bị dạy học và học liệu Giáo viên:

- Hình 36.1 a,b; hình 36.2; hình 36.3
- Phiếu học tập bảng 36.1
- Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: 1 bảng nhóm, 1 bút lông

Học sinh:

- Bài cũ ở nhà.
- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu: (Xác định vấn đề học tập là các giai đoạn trong vòng đời của sinh vật gồm sự sinh trưởng và phát triển)

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là sinh vật trải qua quá trình sinh trưởng và phát triển

b) Nội dung:

- Học sinh thực hiện hoạt động nhóm hoàn thành bài tập đề phát hiện vấn đề **c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh ghi trên bảng nhóm **d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

****Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

- Chơi trò
chơi: Ai nhanh
hơn?

- GV phân mỗi
tổ thành 1 nhóm và
GV chuẩn bị sẵn
hình ảnh 4 động vật
khác nhau, các
nhóm

chọn loài động vật mà mình yêu thích dán vào bảng phụ của nhóm mình.

- GV chiếu hình Hạt cam ☐
Cây cam và hình Trứng ếch ☐ Ếch trưởng thành

- GV yêu cầu 2 nhóm thảo luận nêu các giai đoạn trong vòng đời của cây cam, 2 nhóm thảo luận nêu các giai đoạn trong vòng đời của ếch. Nhóm nào nhanh hơn, đáp án chính xác sẽ chiến thắng và được 1 điểm cộng.



Trứng ếch

Ếch trưởng thành



Hạt cam

Cây cam trưởng thành

****Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Các nhóm phân nhóm trưởng, thư kí và thuyết trình. HS hoạt động theo nhóm hoàn

thành bài tập GV giao. - Nhóm nào hoàn thành xong mang bảng nhóm gắn lên bảng. - Giáo viên: Theo dõi và nhắc nhở HS <i>* Báo cáo kết quả và thảo luận</i>	
---	--

- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác quan sát.
- * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ* - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá: - Giáo viên nhận xét, đánh giá, nhóm nhanh hơn và chính xác sẽ được điểm cộng

--	--

- Giáo viên nêu vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: *Hạt cam nảy mầm thành cây cam, cây cam ra hoa kết quả hay trứng ếch thụ tinh nở thành ếch con, ếch con lớn lên các quá trình đó chính là sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật. Vậy sinh trưởng là gì? Phát triển là gì? thì bài học này sẽ giải thích giúp ta hiểu được.*
- Giáo viên nêu mục tiêu bài học:

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu:

- Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển
- Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó.
- Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển

+ HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát tìm hiểu khái niệm, dấu hiệu của sự sinh trưởng và phát triển và nêu mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển.
 - HS hoạt động nhóm 4 HS quan sát H36.1 a, b trình bày các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật
- c) Sản phẩm:**
- Khái niệm sinh trưởng và phát triển
 - Các giai đoạn sinh trưởng và phát triển ở sinh vật

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT	
Hoạt động 2.1.1: Sinh trưởng và phát triển là gì?	
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chiếu hình hạt cam nảy mầm thành cây cam và giới thiệu cho HS đây gọi là phát triển; tiếp tục chiếu hình ếch con lớn lên, to ra thành ếch trưởng thành và giới thiệu cho HS đây gọi là sự sinh trưởng. - GV giao nhiệm vụ học tập cặp đôi, tìm hiểu thông tin mục I.1 SGK về sinh trưởng và phát triển trả lời câu hỏi: + Sinh trưởng là gì? + Phát triển là gì? - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 HS, quan sát H36.1 a, b trả lời câu hỏi: + Dấu hiệu nào thể hiện sự sinh trưởng; biến đổi nào thể hiện sự phát triển của cây cam và ếch? * Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận cặp đôi, thống nhất đáp án và ghi chép nội dung hoạt động vào giấy nháp. - HS hoạt động nhóm 4 HS quan sát hình 36.1 a, b nêu dấu hiệu của sự sinh trưởng, biến đổi thể hiện sự phát triển của cây cam và ếch * Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). + HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.	I. SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT 1. Sinh trưởng và phát triển là gì? - Sinh trưởng là sự tăng lên về kích thước và khối lượng của cơ thể do sự tăng lên về số lượng và kích thước tế bào, nhờ đó cơ thể lớn lên. Ví dụ: Sự tăng kích thước thân của cây cam - Phát triển là những biến đổi diễn ra trong đời sống của một cá thể bao gồm 3 quá trình liên quan với nhau: sinh trưởng, phân hóa tế bào, phân hóa hình thái cơ quan và cơ thể. Ví dụ: Hạt cam nảy mầm thành cây con

- Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung	
--	--

* Các dấu hiệu thể hiện sự sinh trưởng ở cây cam và con ếch: + Ở cây cam: sự tăng kích thước thân, sự tăng kích thước rễ, sự tăng kích thước lá, sự tăng kích thước quả và hạt,... (Cây con lớn lên thành cây trưởng thành) + Ở con ếch: sự tăng lên về kích thước, khối lượng của cơ thể (Ấu trùng lớn lên thành ếch trưởng thành) * Những biến đổi diễn ra trong đời sống của chúng thể hiện sự phát triển là: + Ở cây cam: sự nảy mầm, sự ra rễ, sự ra lá, sự ra cành, sự ra hoa, sự ra quả, sự ra hạt,... (Hạt nảy mầm thành cây con, cây trưởng thành ra hoa, tạo quả) + Ở con ếch: Trứng nở thành ấu trùng, sự hình thành các cơ quan và phát sinh hình thái của ấu trùng, sự hình thành chân trong giai đoạn chuyển từ giai đoạn ấu trùng sang giai đoạn ếch trưởng thành, sự hình thành các đặc điểm sinh dục ở ếch trưởng thành,...	
Hoạt động 2.1.2: Các giai đoạn sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS dựa vào phần bài tập vừa hoàn thành kết hợp nghiên cứu thông tin mục I.2 và quan sát H36.1 a, b thảo luận nhóm 4 HS trả lời câu hỏi: + Dựa vào hình 36.1a, b trình bày các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây cam và con ếch? + Trong quá trình phát triển của cây cam và con ếch có sự sinh trưởng không? Cho ví dụ? + Sinh trưởng và phát triển có mối quan hệ với nhau như thế nào? - GV nêu ví dụ giai đoạn sinh trưởng của cây cam: Cây con □ cây trưởng thành. * Thực hiện nhiệm vụ học tập	2. Các giai đoạn sinh trưởng và phát triển ở sinh vật - Mỗi sinh vật từ khi sinh ra đến khi trưởng thành đều trải qua những giai đoạn sinh trưởng và phát triển nhất định. - Sinh trưởng gắn với phát triển và phát triển dựa trên cơ sở của sinh trưởng.

- HS nghiên cứu thông tin mục I.2 SGK/149 và quan sát H36.1 a, b thảo luận nhóm hoàn thành bài tập vào bảng nhóm * <i>Đánh giá kết quả và thảo luận</i> - Đại diện 2 nhóm treo bảng nhóm lên bảng trình bày, các nhóm khác nhận xét bổ sung + HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe * <i>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - GV nhận xét phân trình bày của các nhóm và nêu đáp án chuẩn + Giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây cam: Cây con ☐ cây trưởng thành (ST); Cây trưởng thành ra hoa ☐ tạo quả ☐ kết hạt (PT) + Giai đoạn sinh trưởng và phát triển của con ếch: trứng thụ tinh ☐ ấu trùng ☐ ếch con (PT); Ếch con ☐ ếch trưởng thành (ST). + Trong quá trình phát triển của cây cam và con ếch có sự sinh trưởng và ngược lại. Ví dụ trong giai đoạn ấu trùng ☐ ếch con là phát triển có sự sinh trưởng là ấu trùng lớn lên, to ra; giai đoạn sinh trưởng cây con ☐ cây trưởng thành có sự phát triển là sự ra lá non, sự mọc chồi + Sinh trưởng và phát triển có mối quan hệ mật thiết không tách rời trong vòng đời của sinh vật. - GV lưu ý HS: Các giai đoạn sinh trưởng và phát triển không giống nhau ở các loài và đặc trưng cho từng loài. VD: vòng đời châu chấu và vòng đời của người. (GV chiếu hình và giải thích cho HS) - GV nêu kết luận	
Hoạt động 2.2: MÔ PHÂN SINH VÀ CHỨC NĂNG CỦA MÔ PHÂN SINH	
*<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> - GV dẫn dắt: Sinh vật lớn lên nhờ sự sinh trưởng là tăng về kích thước và khối lượng (Tăng về chiều dài và chiều ngang) và sự sinh trưởng này là sự	II. Mô phân sinh và chức năng của mô phân sinh - Thực vật sinh trưởng nhờ hoạt động của mô phân sinh

phân chia và lớn lên của các tế bào. Hầu hết thực vật lớn lên nhờ chúng có mô phân sinh có khả năng phân chia tạo ra các tế bào mới. - GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin mục II SGK/149 - GV yêu cầu cá nhân HS trả lời: + Mô phân sinh là gì? + Ở thực vật có những loại mô phân sinh nào? - GV phát phiếu học tập số 1, chiếu hình 36.2, yêu cầu HS tiếp tục dựa vào thông tin SGK mục II và quan sát hình 36.2 hoạt động nhóm 4 HS hoàn thành phiếu học tập số 1 (Bảng 36.1 SGK/150) * Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghiên cứu thông tin SGK/149 - Cá nhân HS tìm hiểu và trả lời câu hỏi Mô phân sinh là gì?; Ở thực vật có những loại mô phân sinh nào? - HS quan sát H36.2, hoạt động nhóm 4 HS hoàn thành phiếu học tập số 1 nội dung bảng 36.1 * Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, HS khác bổ sung (nếu có). - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung	- Mô phân sinh là nhóm tế bào chưa phân hóa còn duy trì được khả năng phân chia - Có 2 loại mô phân sinh: + Mô phân sinh đỉnh: ở đỉnh rễ và các chồi, giúp thân, cành, rễ tăng trưởng về chiều dài. + Mô phân sinh bên: ở giữa mạch gỗ và mạch rây, giúp thân, cành, rễ tăng trưởng về chiều ngang.
---	---

* <i>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chiếu đáp án phiếu học tập số 1 - GV chiếu H36.3) phân em có biết và hướng dẫn HS + Thực vật 1 lá mầm không có mô phân sinh bên nên đường kính thân không tăng nhiều. Chúng có mô phân sinh lóng nằm ở vị trí mắt thân làm tăng chiều dài của lóng làm chiều cao cây tăng nhanh.	
+ Những cây 1 lá mầm lâu năm (cây dừa, cây cau) có vòng mô phân sinh thứ cấp nằm dưới các mầm lá, phân chia tạo nên những dãy tế bào mô mềm ở phía ngoài làm cho đường kính thân tăng lên, kiểu sinh trưởng này gọi là sinh trưởng thứ cấp phân tán. - GV chốt nội dung	

Đáp án phiếu học tập Bảng 36.2

Loại mô phân sinh	Vị trí	Vai trò
Mô phân sinh đỉnh	ở đỉnh rễ và các chồi	giúp thân, cành, rễ tăng trưởng về chiều dài.
Mô phân sinh bên	ở giữa mạch gỗ và mạch rây.	giúp thân, cành, rễ tăng trưởng về chiều ngang

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu:**
- Hệ thống được một số kiến thức đã học.
- b) Nội dung:**
- HS thực hiện cá nhân phần bài tập trắc nghiệm trên phiếu học tập
- c) Sản phẩm:**
- HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập phần trắc nghiệm
- d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần bài tập trắc nghiệm trên phiếu học tập số 2 *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân. + HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe	
*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét và nêu đáp án: 1- C; 2 – D; 3- A; 4 – B. GV nhấn mạnh nội dung bài học	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu:**
- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.
- b) Nội dung:**
- HS vận dụng kiến thức đã học để giải thích câu hỏi thực tế
- c) Sản phẩm:** - Câu trả lời của HS
- d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

* Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + Tại sao nhiều loài thực vật không ngừng dài ra và to lên? *Thực hiện nhiệm vụ học tập - Cá nhân HS vận dụng kiến thức đã học trả lời câu hỏi * Báo cáo kết quả và thảo luận - Ngẫu nhiên HS trả lời, HS khác nhận xét bổ sung+ HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét và chốt câu trả lời: Thực vật dài và to ra nhờ chúng có mô phân sinh, mô phân sinh phân chia suốt vòng đời của chúng. - GV đánh giá mức độ hiểu kiến thức của HS.	
--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

BẢNG 36.1 Mô phân sinh và chức năng của mô phân sinh

Họ và tên:
Lớp: Nhóm:

Loại mô phân sinh	Vị trí	Vai trò
Mô phân sinh đỉnh		
Mô phân sinh bên		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 LUYỆN TẬP

Họ và tên:
Lớp: Nhóm:

Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất cho mỗi câu sau.
Câu 1: Sinh trưởng là

- A. sự tăng về kích thước của cơ thể.
 - B. sự tăng về khối lượng của cơ thể.
 - C. sự tăng về kích thước và khối lượng của cơ thể.
 - D. sự phát sinh hình thái cơ quan.
- Câu 2: Giai đoạn nào sau đây là sự phát triển của sinh vật?
- A. Cây cam con □ cây cam trưởng thành
 - B. Ếch con □ ếch trưởng thành
 - C. Thân cây cam to ra
 - D. Trứng ếch thụ tinh □ ấu trùng

- Câu 3. Mô phân sinh là
- A. nhóm tế bào có khả năng phân chia
 - B. nhóm tế bào không có khả năng phân chia
 - C. nhóm tế bào màu xanh D. nhóm tế bào màu xám
- Câu 4. Cây cam cao lên nhờ
- A. mô phân sinh lóng
 - B. mô phân sinh đỉnh ngọn
 - C. mô phân sinh bên
 - C. mô phân sinh trụ

Hướng dẫn về nhà: Chuẩn bị kiểm tra giữa HK II

Ngày soạn: 12/3/2024
Tuần 27
KIỂM TRA GIỮA KỲ II. MÔN KHTN 7

I. MỤC TIÊU: 1.

Kiến thức :

a. Phân môn Sinh

- Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở Động vật và thực vật
 - Cảm ứng ở sinh vật
 - + *Đối với HS khuyết tật: Trả lời được các câu trắc nghiệm dạng nhận biết 1,2,3,4 b.*
- Phân môn Hóa, lý:**
- Sơ lược về bảng tuần hoàn các NTHH
 - Phân tử - Đơn chất - Hợp chất
 - Giới thiệu về liên kết hóa học
 - Sự phản xạ ánh sáng
 - Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng
 - Nam châm
 - + *HSKT: Trả lời được câu hỏi 9,11,13,15 trắc nghiệm*

2. Kỹ năng:

- Chọn được đáp án đúng khi làm trắc nghiệm khách quan.
- Xác định các câu trả lời phù hợp cho nội dung tự luận.
- Vận dụng kiến thức để giải thích những vấn đề thực tế có liên quan hoặc áp dụng trong cuộc sống

3. Thái độ:

- a) Xây dựng lòng tin và tính quyết đoán của học sinh khi giải quyết vấn đề.
- b) Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc trong kiểm tra

4. Năng lực cần hướng tới:

- a. Nhóm năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, sáng tạo, năng lực tự quản lí. năng lực sử dụng ngôn ngữ. b. Nhóm năng lực, kĩ năng
 - Năng lực sử dụng ngôn ngữ, tư duy độc lập -
 - Năng lực vận dụng kiến thức vào cuộc sống
- II. MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HKII 1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra giữa kì II môn Khoa học tự nhiên, lớp 7 a)** Khung ma trận
- Thời điểm kiểm tra: *Kiểm tra giữa kì II* - Thời gian làm bài: *90 phút*.
 - Hình thức kiểm tra: *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*
 - Cấu trúc:
 - Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*
 - Phần trắc nghiệm: *4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi mức độ nhận biết, mỗi câu 0,25 điểm);*

Chủ đề	MỨC ĐỘ						
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao
	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	2	3	4	5	6	7	8
1. Sơ lược về bảng tuần hoàn các NTHH		1 Câu 9 0,25đ					
2. Phân tử - Đơn chất - Hợp chất		2 Câu 10, 11 0,5đ	1 Câu 19 0,5 đ		1 Câu 20 1,0đ		
3. Giới thiệu về liên kết hóa học		1 Câu 12 0,25đ					
4. Sự phản xạ ánh sáng		1 Câu 13 0,25đ					
5. Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng		2 Câu 14, 15 0,5đ			1 Câu 17 1,0đ		
6. Nam châm		1 câu 16 0,25đ	1 Câu 18 0,5đ				
7. Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở Động vật và thực vật		4 Câu 1, 2,3,4 1,0đ	1 Câu 21 2,0đ				

8. Cảm ứng ở sinh vật		4 Câu 5,6,7,8 1,0đ					1 Câu 22 1,0đ
Số câu		16	3		2		1
Điểm số		4,0 điểm	3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm
Tổng số điểm		4,0 điểm	3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm

- Phần tự luận: 6,0 điểm gồm 6 câu (Thông hiểu: 4 câu – 3,0 điểm; Vận dụng: 2 câu – 2,0 điểm; Vận dụng cao:1 câu – 1,0 điểm).

b) Bảng đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt
SƠ LƯỢC VỀ BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC		
Sơ lược về bảng bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Nhận biết	- Trình bày được nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học - Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm ô, chu kì, nhóm.
	Thông hiểu	- Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/ nguyên tố kim loại, nguyên tố phi kim, nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn
PHÂN TỬ - ĐƠN CHẤT - HỢP CHẤT		
Phân tử - Đơn chất - Hợp chất	Nhận biết	- Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất.
	Thông hiểu	- Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất.
	Vận dụng	- Tính được khối lượng phân tử của một số chất (amu)
GIỚI THIỆU VỀ LIÊN KẾT HÓA HỌC		
Giới thiệu về liên kết hóa học	Nhận biết	- Nêu được mô hình sắp xếp các electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm

	Vận dụng	- Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình thành liên kết cộng hóa trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản)
--	-----------------	--

ÁNH SÁNG

Sự phản xạ ánh sáng	Nhận biết	- Nêu được ánh sáng là một dạng năng lượng
Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng	Nhận biết	- Nêu được tính chất ảnh tạo bởi gương phẳng - Nêu các cách vẽ ảnh của vật tạo bởi gương phẳng
	Vận dụng	- Vẽ được ảnh của vật tạo bởi gương phẳng và nêu được cách vẽ

TỪ

Nam châm	Nhận biết	- Nam châm là vật có từ tính
	Thông hiểu	- Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.

c) Đề kiểm tra
(File kèm theo) (/ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II KHTN7- 23-24 co dap an.docx)

UBND HUYỆN NÚI THÀNH ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II NĂM HỌC 2023-
2024
MÃ ĐỀ: A Môn: KHTN 7
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao
đề)

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)
Chọn phương án trả lời đúng nhất và ghi vào giấy bài làm

TRAO ĐỔI NƯỚC VÀ CHẤT DINH DƯỠNG Ở ĐỘNG VẬT VÀ THỰC VẬT		
Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở Động vật và thực vật	Nhận biết	- Biết mạch gỗ vận chuyển nước và muối khoáng từ dưới lên, mạch rây vận chuyển chất hữu cơ từ trên lá đi xuống - Khi nhiệt độ tăng thoát hơi nước ở lá tăng - Động vật thu nhận thức ăn chủ yếu qua hoạt động ăn và uống
	Thông hiểu	- Ý nghĩa của thoát hơi nước ở lá. Hiểu được việc cắt bỏ bớt lá để bứng cây đi trồng - Máu giàu oxygen có màu đỏ tươi, máu chứa khí carbon đi oxide có màu đỏ thẫm - Tầm quan trọng của vệ sinh ăn uống
CẢM ỨNG Ở SINH VẬT		
Cảm ứng ở sinh vật	Nhận biết	- Tính cảm ứng của thực vật khi có ánh sáng, có nguồn nước - Tập tính ở động vật như bảo vệ, chăm sóc con non, di cư... - Khái niệm tập tính, vai trò tập tính
	Vận dụng cao	- Liên hệ bản thân nêu một tập tính tốt đã rèn luyện được trong đời sống, trình bày được cách làm để có được tập tính đó

- Câu 1. Cành hoa bị héo sau khi cắm vào cốc nước cành hoa tươi trở lại nhờ sự hút nước của
- A. mạch rây. B. mạch gỗ.
C. biểu bì. D. khí khổng.
- Câu 2. Ở người vòng tuần hoàn lớn có nhiệm vụ vận chuyển
- A. máu đỏ tươi giàu oxygen và chất dinh dưỡng đi nuôi cơ thể.
B. máu đỏ thẫm giàu oxygen và chất dinh dưỡng đi nuôi cơ thể.
C. máu đỏ tươi giàu oxygen đi đến phổi.
D. chất dinh dưỡng đi đến phổi.
- Câu 3. Khi thừa chất dinh dưỡng có thể mắc các bệnh

- #### D. vàng da

Câu 4. Hoạt động nào sau đây để bảo vệ hệ tiêu hóa khỏe mạnh? A.

Ăn tối muộn để cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho cơ thể.

B. Vừa ăn vừa đọc sách để tiết kiệm thời gian.

C. Ăn chín uống sôi, không ăn thức ăn ôi thiu.

D. Ăn thịt, cá tái để đảm bảo chất dinh dưỡng.

Câu 5. Khi trồng cây gần cửa sổ có ánh sáng chiếu vào thì

B. ngọn cây hướng về phía có ánh sáng.

D. ngọn cây hướng xuống đất.

Câu 6. Cảm ứng là phản ứng của sinh vật đối với các kích thích từ

B. động vật.

D. môi trường.

Câu 7. Gà mẹ dùng đôi cánh để che chắn cho gà con khi có kẻ thù, gọi là tập tính

B. bảo vệ con.

D. sản môi.

Câu 8. Trồng và chăm sóc một số cây thân leo cho năng suất cao cần chú ý

C. làm

D. tia càn

Câu 9. Nguyên tố phi kim tồn tại ở dạng lỏng ở nhiệt độ thường là

B. argon.

D. bromine.

Câu 10. Trong các chất sau đây, chất nào là đơn chất?

A. Khí carbon dioxide do 2 nguyên tố tạo nên là C, O.

B. Than chì do nguyên tố C tạo nên.

C. Hydrochloric acid do 2 nguyên tố cấu tạo nên là H, Cl.

D. Water do 2 nguyên tố cấu tạo nên là H, O.

Câu 11. Phân tử khí hydro sulfide gồm 2 nguyên tử H liên kết với 1 nguyên tử sulfur, khối lượng phân tử của hydro sulfide là

B. 33 amu.

D. 35 amu.

Câu 12. Nguyên tử Cl trở thành ion Cl^- khi

B. nhân thêm 2 electron.

D. nhường đi 2 electron.

Câu 13. Khi chiếu một chùm sáng vào gương thì chùm sáng

B. bị hất trở lại theo hướng khác.

D. bị hắt trở lại theo hướng của chùm sáng tới.

Câu 14. Nói về tính chất ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng, *câu phát biểu nào dưới đây không đúng?*

A. Hứng được trên màn và lớn bằng vật.

- B. Không hứng được trên màn và bé hơn vật.
C. Không hứng được trên màn và lớn bằng vật.
D. Hứng được trên màn và lớn hơn vật.

Câu 15. Độ lớn của ảnh của vật qua gương phẳng có kích thước như thế nào so với vật?

- A. Bằng vật. B. Lớn hơn vật.
C. Nhỏ hơn vật. D. Có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn.

Câu 16. Đặt kim nam châm trên giá thẳng đứng như hình sau. Khi đứng cân bằng, kim nam châm nằm dọc theo hướng nào?



- A. Đông – Tây B. Đông bắc - Tây nam
C. Bắc – Nam D. Tây bắc - Đông Nam.

II. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu 17. (1,0đ) Điểm sáng S đặt trước gương phẳng, cách gương một đoạn 5cm và cho ảnh S'. Hãy vẽ ảnh S' và tính khoảng cách SS'.

Câu 18. (0,5đ) Có một thanh nam châm bị gãy tại chính giữa của thanh. Lúc này một nửa của thanh nam châm sẽ như thế nào?

Câu 19. (0,5đ) Trong các chất sau, chất nào là đơn chất, chất nào là hợp chất vô cơ, chất nào

là hợp chất hữu cơ: CH_4 , Al_2O_3 , N_2 , Cl , $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$.

Câu 20. (1,0đ) Trong mật ong có nhiều fructose. Phân tử fructose gồm 6 nguyên tử C, 12 nguyên tử H và 6 nguyên tử O ($\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$). Em hãy cho biết fructose thuộc loại phân tử gì, vì sao? Tính khối lượng phân tử fructose.

Câu 21. (2,0đ)

- a. Ý nghĩa của sự thoát hơi nước ở lá?
b. Vì sao khi trồng cây phải cắt bớt lá?

Câu 22. (1,0đ) Cho ví dụ về tập tính tốt của bản thân em học được trong đời sống. Em làm thế nào để đạt được tập tính đó?

----- HẾT -----

(Lưu ý: HS làm bài trên giấy thi, không được làm bài trên đề thi)

HƯỚNG DẪN CHẤM MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm, mỗi câu đúng tính 0.25đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	A	A	B	C	B	D	B	C	D	B	C	A	B	C	A	C

II. TỰ LUẬN: 6,0 điểm Câu 17. (1,0đ)

- Tính đúng khoảng cách 10cm: **0,5đ**
- Vẽ ảnh đúng: **0,25đ**
- Kí hiệu đối xứng đúng: **0,25đ**

Câu 18. (0,5đ) Sẽ trở thành 2 thanh nam châm mới hoàn chỉnh với 2 cực Nam-Bắc **Câu 19. (0,5đ)**

Đơn chất: Cl_2 , C_2H_2

Hợp chất vô cơ: N_2

Hợp chất hữu cơ: Al_2O_3 , $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$

Câu 20. (1,0đ)

- Phân tử fructose thuộc loại phân tử hợp chất vì được tạo thành từ nhiều nguyên tố hóa học. **(0,5đ)**

- Khối lượng phân tử fructose = $12 \times 6 + 1 \times 12 + 16 \times 6 = 180$ (amu) **(0,5đ)** a. **Câu 21. (2,0đ)**

Sự thoát hơi nước ở lá:

- Giúp hút nước và muối khoáng **(0,5đ)**

- Tạo sự trao đổi khí ở lá **(0,25đ)**

- Làm cho lá dịu mát khi trời nắng **(0,25đ)**

b. Khi trồng cây phải cắt bớt lá vì cây mới trồng chưa hút được nước mặt khác để lá thì sẽ thoát hơi nước nhiều cây dễ chết. **(1,0 đ)**

Câu 22. (1,0đ)

Ví dụ tập tính tốt: Thức dậy lúc 5 giờ sáng để tập thể dục **(0,25 đ)**

Để có tập tính trên cần phải: Đặt báo thức lúc 5 giờ, kiên trì tập luyện và dậy đúng giờ, lặp đi lặp lại nhiều lần để hình thành tập tính. **(0,75đ)**

Ghi chú: Đối với HS khuyết tật phần trắc nghiệm yêu cầu trả lời được 6/16 câu là đạt 4 điểm

Tự luận: trả lời được câu 18, 19 và 21b đạt 6 điểm

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng nhất và ghi vào giấy bài làm Câu

1. Khi chiết cây ta thấy mép vỏ phía trên phình to ra là do A.
chất dinh dưỡng đi từ dưới lên ứ lại.
B. nước từ trên lá đi xuống đọng lại.
C. chất hữu cơ từ lá đi xuống ứ đọng lại.
D. nước đi từ dưới lên đọng lại.

Câu 2. Cây thoát hơi nước ở lá tăng khi

- A. nhiệt độ thấp. B. nhiệt độ cao.
C. độ ẩm không khí cao. D. trời mưa to.

Câu 3. Động vật thu nhận thức ăn từ môi trường ngoài chủ yếu thông qua hoạt động

- A. ăn và thở. B. ăn và thải phân.
C. ăn và thải nhiệt. D. ăn và uống.

Câu 4. Các chất đi nuôi cơ thể là

- A. chất dinh dưỡng và máu đỏ thẫm nghèo oxygen.
B. chất dinh dưỡng và máu đỏ tươi giàu oxygen.
C. chất thải và máu đỏ thẫm nghèo oxygen.
D. chất thải và máu đỏ tươi giàu oxygen.

Câu 5. Khi trồng cây gần nơi có nước thì rễ cây

- A. hướng ra xa nguồn nước. B. mọc ngược lên trên.
C. hướng về phía nguồn nước. D. đâm sâu xuống đất.

Câu 6. Cảm ứng là của sinh vật đối với các kích thích từ môi trường

- A. cảm nhận B. va chạm
C. phản ứng D. hành động

Câu 7. Một số loài chim di cư từ phương Bắc đến phương Nam, đó là tập tính

- A. duy trì nòi giống. B. chăm sóc con.
C. di cư. D. săn mồi.

Câu 8. Cảm ứng giúp sinh vật thích nghi với những thay đổi của môi trường để... và...

- A. lớn lên, sinh sản B. tồn tại, phát triển
C. lớn lên, tăng trưởng D. sinh sản, phát triển

Câu 9. Nguyên tố kim loại duy nhất tồn tại ở thể lỏng ở điều kiện thường là

- A. mercury (thủy ngân). B. sodium (natri).
C. potassium (kali). D. iron (sắt).

Câu 10. Trong các chất sau, chất nào là hợp chất? A.

Kim cương do nguyên tố C tạo nên.

B. Khí chlorine do nguyên tố Cl tạo nên.

C. Sodium chloride do nguyên tố Na và Cl tạo nên.

D. Khí nitrogen do nguyên tố N tạo nên.

Câu 11. Khối lượng phân tử của hợp chất nitrogen dioxide tạo bởi 1 nguyên tử nitrogen và 2 nguyên tử oxygen là

A. 30 amu.

B. 46 amu.

C. 108 amu.

D. 94 amu.

Câu 12. Nguyên tử Mg trở thành ion Mg^{2+} khi

A. nhận thêm 1 electron.

B. nhận thêm 2 electron.

C. nhường đi 1 electron.

D. nhường đi 2 electron.

Câu 13. Khi xảy ra hiện tượng phản xạ ánh sáng thì

A. góc tới nhỏ hơn góc phản xạ.

B. góc tới nhỏ hơn hoặc bằng góc phản xạ.

C. góc tới lớn hơn góc phản xạ.

D. góc tới bằng góc phản xạ.

Câu 14. Khoảng cách từ một điểm của vật đến gương phẳng khoảng cách từ ảnh của điểm đó đến gương

A. bằng.

B. nhỏ hơn.

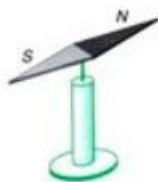
C. lớn hơn.

D. lớn hơn hoặc bằng.

Câu 15. Ảnh của vật qua gương phẳng có đặc điểm gì?

A. Là ảnh ảo, không hứng được trên màn. B. Là ảnh thật, hứng được trên màn.

C. Là ảnh ảo, hứng được trên màn. D. Là ảnh thật, không hứng được trên màn. **Câu 16.** Đặt kim nam châm trên giá thẳng đứng như hình sau. Đặt một nam châm thẳng lại gần kim nam châm, kim nam châm nằm dọc theo hướng nào?



A. Đông – Tây.



B. Dọc theo chiều dài của thanh nam châm.

C. Bắc – Nam.

D. Tây bắc - Đông Nam.

II. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu 17. (1,0đ) Điểm sáng S đặt trước gương phẳng, cách gương một đoạn 15cm và cho ảnh S'. Hãy vẽ ảnh S' và tính khoảng cách SS'.

Câu 18. (0,5đ) Có một thanh nam châm bị gãy tại chính giữa của thanh. Lúc này một nửa của thanh nam châm sẽ như thế nào?

Câu 19. (0,5đ) Trong các chất sau, chất nào là đơn chất, chất nào là hợp chất vô cơ, chất nào

là hợp chất hữu cơ: C_2H_2 , Fe_2O_3 , Cl_2 , Mg, CH_4O .

Câu 20. (1,0đ) Vitamin C có công thức hóa học $C_6H_8O_6$. Em hãy cho biết vitamin C là đơn chất hay hợp chất, giải thích? Tính khối lượng phân tử của vitamin C?

Câu 21. (2,0đ)

- a. Vì sao máu vận chuyển từ tim đến tế bào có màu đỏ tươi, máu vận chuyển từ tế bào về phổi có màu đỏ thẫm?
- b. Cần phải vệ sinh khi ăn uống như thế nào?

Câu 22. (1,0đ) Cho ví dụ về tập tính tốt của bản thân em học được trong đời sống. Em làm thế nào để đạt được tập tính đó?

----- HẾT -----

(Lưu ý: HS làm bài trên giấy thi, không được làm bài trên đề thi)

HƯỚNG DẪN CHẤM MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm, mỗi câu đúng tính 0.25đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	B	D	B	C	C	C	B	A	C	B	D	D	A	A	B

II. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu 17. (1,0đ)

- Tính đúng khoảng cách 30cm: **0,5đ**
- Vẽ ảnh đúng: **0,25đ**
- Kí hiệu đối xứng đúng: **0,25đ**

Câu 18. (0,5đ) Sẽ trở thành 2 thanh nam châm mới hoàn chỉnh với 2 cực Nam-Bắc **Câu 19. (0,5đ)**

Đơn chất: Mg , Mg

Hợp chất vô cơ: Fe_2O_3

Hợp chất hữu cơ: C_2H_2 , CH_4O

Câu 20. (1,0đ)

- Vitamin C là hợp chất, vì được tạo thành từ 3 nguyên tố hóa học **(0,5đ)**
- Khối lượng phân tử vitamin C = $12 \times 6 + 1 \times 8 + 16 \times 6 = 176$ (amu) **(0,5đ)**

Câu 21. (2,0đ)

a. Máu từ tim đến tế bào giàu oxygen nên có màu đỏ tươi (nhận oxygen từ phổi) **(0,5đ)** - Máu từ tế bào về tim chứa nhiều carbon dioxyde thải ra từ tế bào nên có màu đỏ thẫm **(0,5 đ)**

b. Cần phải vệ sinh khi ăn uống: (1.0 đ)

- Ăn chín uống sôi
- Rửa tay trước khi ăn
- Ăn đúng giờ, tạo bầu không khí vui vẻ.
- Không ăn đồ ôi thiu, hết hạn sử dụng **Câu 22. (1,0đ)**

Ví dụ tập tính tốt: Thức dậy lúc 5 giờ sáng để đi tắm biển **(0,25 đ)**

Để có tập tính trên cần phải: Đặt báo thức lúc 5 giờ, kiên trì tập luyện và dậy đúng giờ, lặp đi lặp lại nhiều lần để hình thành tập tính. **(0,75đ)**

Ghi chú: Đối với HS khuyết tật phần trắc nghiệm yêu cầu trả lời được 6/16 câu là đạt 4 điểm
Tự luận: trả lời được câu 18, 19 và 21b đạt 6 điểm

Soạn ngày 29/3/2024

Tuần 28. Tiết 47, 48

BÀI 37: ỨNG DỤNG SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT VÀO THỰC TIỄN

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng).
- Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển (ví dụ: điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kích thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường).
- Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển của sinh vật để giải thích một số hiện tượng thực tiễn (ví dụ: tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi).

+ HS khuyết tật biết được sinh vật cần có nước, ánh sáng, nhiệt độ và chất dinh dưỡng để sinh trưởng và phát triển

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:
 - + Học sinh tự tìm hiểu thiên nhiên xung quanh và áp dụng lấy các ví dụ vào trong bài học.
 - + Học sinh tự tìm hiểu thông tin trong sách giáo khoa để hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh giải quyết các tình huống thực tế liên quan đến nội dung học tập

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :

- *Năng lực nhận biết KHTN* : Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng).

- *Năng lực tìm hiểu tự nhiên:* Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển (ví dụ: điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kích thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường).

- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển của sinh vật để giải thích một số hiện tượng thực tiễn (ví dụ: tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi).

3. Phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học: chịu khó tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa cũng như các thông tin thêm về ứng dụng sinh trưởng và phát triển của sinh vật vào thực tiễn.

- Có trách nhiệm trong các hoạt động học tập: thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập mà Giáo viên giao phó hoặc thực hiện các hoạt động học tập được phân công khi tham gia hoạt động nhóm.

- Trung thực, cẩn thận trong quá trình học tập, trong quá trình hoạt động nhóm.

- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ các loài sinh vật sống quanh mình.

II. Thiết bị dạy học và học liệu 1.

Giáo viên:

- Máy tính, kế hoạch bài dạy, bài giảng power point,...

- Mẫu vật:

2. Học sinh:

- Học bài cũ ở nhà.

- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài mới ở nhà. **III. Tiến**

trình dạy học Tiết 1:

1. Hoạt động 1: Mở đầu:

a) Mục tiêu:

Học sinh được kích thích trí tò mò về thiên nhiên, nảy sinh mong muốn tìm hiểu về chúng.

b) Nội dung:

Giáo viên cho học sinh xem video về sự sinh trưởng và phát triển của cây đậu nành từ khi gieo hạt đến ngày 42.

Yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:

?1: Để sinh trưởng và phát triển tốt như vậy, cây đậu nành cần những điều kiện gì từ môi trường ngoài?

?2: Muốn thúc đẩy quá trình sinh trưởng và phát triển ở vật nuôi, cây trồng để thu được năng suất cao, chúng ta cần làm gì?

c) Sản phẩm:

H1: Nhiệt độ, ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng,....

H2: Biện pháp thúc đẩy quá trình sinh trưởng, phát triển ở vật nuôi và cây trồng để thu được năng suất cao:

- Đưa ra các biện pháp chăm sóc vật nuôi và cây trồng phù hợp.
- Điều khiển các yếu tố bên ngoài như ánh sáng, nước, nhiệt độ, chất dinh dưỡng,... cho phù hợp với sự sinh trưởng và phát triển của cây. - Sử dụng các chất kích thích nhân tạo hợp lí.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

****Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên cho học sinh xem video về sự sinh trưởng và phát triển của cây đậu nành từ khi gieo hạt đến ngày 42.

Yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:

?1: Để sinh trưởng và phát triển tốt như vậy, cây đậu nành cần những điều kiện gì từ môi trường ngoài?

?2: Muốn thúc đẩy quá trình sinh trưởng và phát triển ở vật nuôi, cây trồng để thu được năng suất cao, chúng ta cần làm gì?

****Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh thảo luận nhóm nhỏ (hoặc cá nhân) , trả lời các câu hỏi

****Báo cáo kết quả và thảo luận***

Đại diện các nhóm (hoặc cá nhân) báo cáo kết quả.

+ HS khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ

****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -
Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá:***

H1: Nhiệt độ, ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng,....

H2: Biện pháp thúc đẩy quá trình sinh trưởng, phát triển ở vật nuôi và cây trồng để thu được năng suất cao: - Đưa ra các biện pháp chăm sóc vật nuôi và cây trồng phù hợp. - Điều khiển các yếu tố bên ngoài như ánh sáng, nước, nhiệt độ, chất dinh dưỡng,... cho phù hợp với sự sinh trưởng và phát triển của cây. - Sử dụng các chất kích thích nhân tạo hợp lí.

Các nhóm (hoặc cá nhân) đánh giá lẫn nhau bằng nhận xét trực tiếp hoặc bảng kiểm

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá:*

Nhận xét về mức độ tham gia của các thành viên trong nhóm, kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao.

-> *Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học* Để trả lời các câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay.

-> *Giáo viên nêu mục tiêu bài học:*

--	--

Hôm nay chúng ta sẽ vận dụng những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển để có những tác động phù hợp nhằm đạt kết quả trong trồng trọt và chăn nuôi.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển ở sinh vật.

a) Mục tiêu:

- Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng).

b) Nội dung:

Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận hoàn thành một nhiệm vụ, thi đua giữa các nhóm, thời gian tối đa 10 phút, yêu cầu nhóm trưởng chia nhiệm vụ cụ thể trong nhóm. Một số thành viên hoàn thành một câu, sau đó tập hợp lại để hoàn thành nhiệm vụ chung của cả nhóm.

Nhóm 1:

1. Nhận xét mức độ sinh trưởng và phát triển của cá rô phi ở các mức nhiệt độ khác nhau, từ đó cho biết nhiệt độ có ảnh hưởng như thế nào tới sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật.

2. Nhiệt độ thuận lợi nhất cho sự sinh trưởng và phát triển của cá rô phi là bao nhiêu? Nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp so với nhiệt độ cực thuận có ảnh hưởng như thế nào tới mức độ sinh trưởng và phát triển của sinh vật?

Nhóm 2:

1. Nhiều loài động vật có tập tính phơi nắng (Hình 37.2), tập tính này có tác dụng gì đối với sự sinh trưởng và phát triển của chúng.

2. Giải thích vì sao nên cho trẻ tắm nắng vào sáng sớm hoặc chiều muộn. **Nhóm 3:**

Nước có ảnh hưởng tới quá trình sinh trưởng và phát triển ở sinh vật như thế nào? Vì sao nước có thể ảnh hưởng tới quá trình này?

Nhóm 4:

1. Chất dinh dưỡng có ảnh hưởng tới sinh trưởng và phát triển của sinh vật như thế nào? Cho ví dụ.

2. Giải thích vì sao chế độ dinh dưỡng lại có thể tác động tới sự sinh trưởng và phát triển.

c) Sản phẩm:

1. Nhiệt độ: (nhóm 1) 1. - Mức độ sinh trưởng và phát triển của cá rô phi ở các mức nhiệt khác nhau: + Dưới $5,6^{\circ}\text{C}$ và trên 42°C : Cá rô phi sẽ chết.

+ Từ $5,6^{\circ}\text{C}$ – 23°C và từ 37°C – 42°C : Cá rô phi sinh trưởng chậm (sự sinh trưởng của cá rô phi bị ức chế).

+ Từ 23°C – 37°C : Cá rô phi sinh trưởng và phát triển mạnh mẽ.

- Từ ví dụ trên cho thấy ảnh hưởng của nhiệt độ tới sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật:

+ Nhiệt độ có sự ảnh hưởng đến tốc độ sinh trưởng và phát triển của sinh vật.

+ Mỗi loài sinh vật sinh trưởng và phát triển tốt trong các điều kiện nhiệt độ môi trường thích hợp.

+ Nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp có thể làm chậm quá trình sinh trưởng và phát triển của sinh vật đặc biệt là đối với thực vật và động vật biến nhiệt.

2. - Nhiệt độ thuận lợi nhất cho sự sinh trưởng và phát triển của cá rô phi là 30°C .

- Ở nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp so với nhiệt độ cực thuận có thể làm chậm quá trình sinh trưởng và phát triển của sinh vật, thậm chí có thể khiến sinh vật ngừng sinh trưởng phát triển và chết. Khi trời lạnh, động vật mất nhiều năng lượng để duy trì nhiệt độ cơ thể, dẫn đến sinh trưởng giảm nếu không được bổ sung thêm thức ăn.

2. Ánh sáng (nhóm 2)

1. Tác dụng của tập tính phơi nắng:

+ Ánh nắng mặt trời giúp cơ thể tổng hợp vitamin D để hình thành xương, từ đó kích thích sự sinh trưởng và phát triển.

+ Ánh nắng cung cấp nhiệt cho động vật đặc biệt trong những ngày trời rét, nhờ đó, cơ thể tập trung các chất để xây dựng cơ thể, thúc đẩy sinh trưởng và phát triển.

2. Nên cho trẻ tắm nắng vào sáng sớm hoặc chiều muộn vì: Ánh nắng lúc sáng sớm và chiều muộn giúp cơ thể trẻ tổng hợp vitamin D – chất đóng vai trò quan trọng trong việc hấp thụ calcium để hình thành xương. Như vậy, nếu được tắm nắng thích hợp sẽ có được sự hình thành hệ xương tốt nhất, tạo nên tảng lớn cho sinh trưởng tầm vóc của cơ thể sau này.

3. Nước (nhóm 3)

- Ảnh hưởng của nước tới quá trình sinh trưởng và phát triển ở sinh vật: Nước ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển ở sinh vật thông qua việc ảnh hưởng đến quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng. Nếu thiếu nước, quá trình sinh trưởng và phát triển của sinh vật sẽ bị chậm hoặc ngừng lại, thậm chí là chết.

- Nước có thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển của sinh vật vì:

+ Muốn sinh trưởng và phát triển cần phải có năng lượng và vật chất được tạo ra từ quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng.

+ Mà nước lại là nguyên liệu, là dung môi của quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong cơ thể.

→ Không có nước, quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng bị rối loạn khiến cơ thể không có năng lượng và vật chất để thực hiện sinh trưởng và phát triển.

4. Chất dinh dưỡng (nhóm 4) 1. - Ảnh hưởng của chất dinh dưỡng tới sinh trưởng và phát triển của sinh vật: Chất dinh dưỡng là yếu tố quan trọng tác động đến quá trình sinh trưởng và phát triển của sinh vật. Thiếu chất dinh dưỡng hoặc thừa chất dinh dưỡng đều ảnh hưởng xấu đến quá trình sinh trưởng và phát triển. - Ví dụ:

+ Ở động vật: Nếu thiếu protein, động vật sẽ chậm lớn, gầy yếu, sức đề kháng kém. Ở người, nếu thừa protein gây bệnh béo phì, bệnh tim mạch, táo bón, hôi miệng, bệnh gout,...

+ Ở thực vật: Nếu thiếu N thì quá trình sinh trưởng của cây sẽ bị ức chế, lá có màu vàng, thậm trí còn gây chết. Nếu thừa N, cây sinh trưởng nhanh nhưng phát triển chậm.

2. Chế độ dinh dưỡng lại có thể tác động tới sự sinh trưởng và phát triển vì: Chất dinh dưỡng có vai trò cung cấp nguyên liệu và năng lượng cho các quá trình sống ở cơ thể trong đó của quá trình sinh trưởng và phát triển. Nếu thiếu chất dinh dưỡng, cơ thể không có đủ nguyên liệu và năng lượng để sinh trưởng và phát triển khiến sinh trưởng và phát triển chậm lại. Ngược lại, nếu thừa chất dinh dưỡng cũng khiến sinh trưởng và phát triển bị ảnh hưởng. Bởi vậy, một chế độ dinh dưỡng hợp lí (không thừa, không thiếu) sẽ giúp sinh trưởng và phát triển diễn ra tốt nhất.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận hoàn thành một nhiệm vụ, thi đua giữa các nhóm, thời gian tối đa 10 phút, yêu cầu nhóm trưởng chia nhiệm vụ cụ thể trong nhóm. Một số thành viên hoàn thành một câu, sau đó tập hợp lại để hoàn thành nhiệm vụ chung của cả nhóm. Nhóm 1: 1. Nhận xét mức độ sinh trưởng và phát triển của cá rô phi ở các mức nhiệt độ khác nhau, từ đó cho biết nhiệt độ có ảnh hưởng như thế nào tới sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật. 2. Nhiệt độ thuận lợi nhất cho sự sinh trưởng và phát triển của cá rô phi là bao nhiêu? Nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp so với nhiệt độ cực thuận có ảnh hưởng như thế nào tới mức độ sinh trưởng và phát triển của sinh vật? Nhóm 2: 1. Nhiều loài động vật có tập tính phơi nắng (Hình 37.2), tập tính này có tác dụng gì đối với sự sinh trưởng và phát triển của chúng.	I. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển ở sinh vật 1. Nhiệt độ Mỗi loài sinh vật sinh trưởng và phát triển tốt trong điều kiện nhiệt độ thích hợp. 2. Ánh sáng - Ánh sáng cần cho quá trình quang hợp, ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển, thời gian ra hoa của thực vật. - Ánh sáng mặt trời giúp động vật tổng hợp vitamin D và thu thêm nhiệt trong mùa đông, tập trung các chất để xây dựng cơ thể, thúc đẩy sinh trưởng và phát triển.

2. Giải thích vì sao nên cho trẻ tắm nắng vào sáng sớm hoặc chiều muộn. Nhóm 3: Nước có ảnh hưởng tới quá trình sinh trưởng và phát triển ở sinh vật như thế nào? Vì sao nước có thể ảnh hưởng tới quá trình này? Nhóm 4: 1. Chất dinh dưỡng có ảnh hưởng tới sinh trưởng và phát triển của sinh vật như thế nào? Cho ví dụ. 2. Giải thích vì sao chế độ dinh dưỡng lại có thể tác động tới sự sinh trưởng và phát triển. *Thực hiện nhiệm vụ học tập Các nhóm thực hiện yêu cầu trong 10 phút, ghi nội dung câu trả lời vào vào bảng nhóm + HS khuyết tật lắng nghe ghi nhớ *Báo cáo kết quả và thảo luận Đại diện các nhóm treo kết quả thực hiện lên bảng *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung, HS ghi nội dung vào vở. - GV: Lưu ý học sinh về các yếu tố của môi trường ảnh hưởng đến chính các em và cách tự bảo vệ bản thân tránh các tác động có hại.	3. Nước Nước tham gia vào quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng nên ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển của sinh vật 4. Chất dinh dưỡng Chất dinh dưỡng là nhân tố quan trọng, thiếu hay thừa chất dinh dưỡng đều ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật.
---	--

Tiết 2,3

Hoạt động 2.2: Ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn a)

Mục tiêu:

- Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển (ví dụ: điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kích thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường).

- Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển của sinh vật để giải thích một số hiện tượng thực tiễn (ví dụ: tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi).

b) Nội dung:

1. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong trồng trọt (30p)

Giáo viên hướng dẫn học sinh hoạt động cá nhân, sau đó trao đổi với bạn ngồi cùng bàn để hoàn thành nội dung

?1: Nêu các biện pháp điều khiển sinh trưởng, phát triển ở thực vật trong Hình 37.3 và tác dụng của từng biện pháp. Kể thêm các biện pháp khác mà em biết.

?2: Người trồng rừng đã điều khiển quá trình phát triển của các cây lấy gỗ bằng cách để mật độ dày khi cây còn non và khi cây đã đạt đến chiều cao mong muốn thì tỉa bớt. Giải thích ý nghĩa của việc làm này.

?3: Đọc thông tin trong mục 1b, lựa chọn loại hormone phù hợp cho các đối tượng trong bảng bằng cách đánh dấu X vào ô tương ứng và nêu lợi ích của việc sử dụng loại hormone đó rồi hoàn thành bảng theo mẫu bên. **Bảng 37.1**

Đối tượng thực vật	Hoocmone kích thích	Hoocmone ức chế	Lợi ích
Cây lấy sợi, lấy gỗ	?	?	?
Cây quýt cảnh	?	?	?
Hành, tỏi, hành tây	?	?	?

2. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong chăn nuôi:

Học sinh hoạt động cá nhân, đọc thông tin và liên hệ thực tế, trả lời câu hỏi:

?1. Những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật đã được con người ứng dụng như thế nào trong chăn nuôi? Cho ví dụ.

?2. Khi sử dụng các chất kích thích sinh trưởng trong chăn nuôi, chúng ta cần chú ý điều gì? Vì sao?

3. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển ở sinh vật trong phòng trừ sinh vật gây hại:

Học sinh làm việc theo nhóm, quan sát hình 37.5, thực hiện các yêu cầu sau:

1. Nhận xét về hình thái của muỗi và bướm ở các giai đoạn khác nhau trong vòng đời.

2. Theo em, diệt muỗi ở giai đoạn nào cho hiệu quả nhất? Vì sao? Hãy đề xuất các biện pháp diệt muỗi và ngăn chặn sự phát triển của muỗi.

3. Hãy đề xuất các biện pháp diệt bướm để bảo vệ mùa màng.

Thi đua giữa các nhóm, nhóm nào nhanh hơn sẽ có thưởng c)

Sản phẩm:

1. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong trồng trọt

?1: - Các biện pháp điều khiển sự sinh trưởng và phát triển ở thực vật trong Hình 37.3 và tác dụng của từng biện pháp

Hình 37.3a. Chiều sáng nhân tạo trong nhà kính

- Tạo ra cường độ và thời gian chiếu sáng thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng → Khắc phục được hiện tượng thiếu ánh sáng khi trồng cây trong nhà.

Hình 37.3b. Ủ rơm chống rét cho cây trồng

- Giữ ấm cho cây, giảm hiện tượng mất nhiệt nhằm giúp cây tập trung năng lượng để sinh trưởng và phát triển.

Hình 37.3c. Bón phân cho cây trồng

- Bổ sung thêm các chất dinh dưỡng cho cây trồng.

Hình 37.3d. Tưới nước cho cây trồng

- Bổ sung đủ nước cho cây trồng sinh trưởng và phát triển.

- Một số biện pháp điều khiển sự sinh trưởng và phát triển ở thực vật khác:

+ Tạo độ thoáng khí cho đất bằng các biện pháp như cày, xới đất trước khi gieo trồng.

+ Bấm ngọn su su sẽ cho nhiều cành và nhiều quả.

+ Phun phân bón lá cho cây cam trước nửa tháng để kích thích quả chín đồng loạt.

+ Phun nước ấm cho cây hoa đào để kích thích cây hoa đào ra hoa sớm.

+ Thắp đèn vào ban đêm cho cây thanh long ra hoa và quả.

+ Giảm lượng nước tưới để gây khô hạn cục bộ làm cho cây quất ra hoa đồng loạt.

?2: Mục đích của việc để mật độ dày khi cây còn non và khi cây đã đạt đến chiều cao mong muốn thì tỉa bớt là: Khi cây còn non, để mật độ dày để thúc đẩy cây mọc vống lên nhanh nhờ ánh sáng yếu dưới tán rừng. Khi cây đã đạt đến chiều cao

cần thiết, tùy thuộc đặc điểm từng giống, loài cây và mục đích sử dụng, chặt tỉa bớt, để lại số cây cần thiết nhằm tăng lượng ánh sáng, làm chậm sinh trưởng theo chiều cao, tăng sinh trưởng đường kính, tạo được cây gỗ to, khỏe đáp ứng đòi hỏi của thị trường.

?3:

Đối tượng thực vật	Hoocmone kích thích	Hoocmone ức chế	Lợi ích
Cây lấy sợi, lấy gỗ	x		Giúp cây tăng trưởng chiều dài tối đa nhằm thu được sản lượng và chất lượng gỗ tốt nhất.
Cây quả cảnh	x	?	Giúp cây tạo nhiều quả nhằm tăng giá trị thẩm mỹ và kinh tế của cây.
Hành, tỏi, hành tây		x	Ngăn cản củ tỏi nảy mầm nhằm bảo quản được chất dinh dưỡng có ở trong củ tỏi.

2. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong chăn nuôi:

?1: - Ứng dụng về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật trong chăn nuôi:

+ Điều khiển yếu tố môi trường để làm thay đổi tốc độ sinh trưởng và phát triển của vật nuôi: cho ăn uống đầy đủ; chăm sóc và vệ sinh chuồng trại thường xuyên; chú ý chống nóng, chống rét cho vật nuôi,...

+ Sử dụng chất kích thích sinh trưởng trộn lẫn vào thức ăn giúp vật nuôi lớn nhanh.

- Ví dụ:

+ Khi làm chuồng cho vật nuôi nên làm theo hướng đông nam để đảm bảo mùa đông ấm, mùa hè mát, giúp vật nuôi sinh trưởng, phát triển thuận lợi,...

+ Bổ sung vitamin A, C, D, E,... vào thức ăn cho lợn, trâu, bò,...

+ Thắp đèn giữ ấm cho gà vào mùa đông.

?2:

- Khi sử dụng các chất kích thích sinh trưởng trong chăn nuôi, chúng ta cần chú ý cần tuân thủ những nguyên tắc nhất định về liều lượng, thời điểm, đối tượng.

- Giải thích: Vai trò của chất kích thích sinh trưởng trong chăn nuôi là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, khi sử dụng các chất kích thích sinh trưởng cần tuân thủ các nguyên tắc trên vì các chất kích thích sinh trưởng khi sử dụng không đúng thì chất

kích thích sinh trưởng sẽ tích lũy lại trong thịt của vật nuôi. Điều này vừa khiến vật nuôi bị nguy hại vừa khiến gây mất an toàn thực phẩm cho người sử dụng.

3. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển ở sinh vật trong phòng trừ sinh vật gây hại

1. Hình thái của muỗi và bướm ở các giai đoạn khác nhau trong vòng đời là khác nhau: con non của hai loài này có hình thái khác biệt hoàn toàn so với con trưởng thành.

2. - Tiêu diệt muỗi vào giai đoạn ấu trùng là hiệu quả nhất.

Vì: + Ở giai đoạn này, chúng sống phụ thuộc hoàn toàn vào nước nên dễ tác động tiêu diệt.

+ Đồng thời, đây cũng là giai đoạn con vật chưa có khả năng sinh sản (để trứng) nên tiêu diệt ở giai đoạn này sẽ giúp tiêu diệt hoàn toàn và triệt để (không để lại trứng ở giai đoạn sau). - Các biện pháp diệt muỗi và ngăn chặn sự phát triển của muỗi: + Vệ sinh môi trường sống thoáng mát, sạch sẽ; tránh để các vũng nước đọng.

+ Sử dụng các biện pháp diệt muỗi hiệu quả và an toàn như đuổi muỗi bằng tinh dầu, trồng cây đuổi muỗi, sử dụng đèn bẫy muỗi,...

3. Các biện pháp diệt bướm để bảo vệ mùa màng:

- Dùng lưới che phủ vườn rau nhằm tránh bướm đẻ trứng trên lá.
- Luân canh cây trồng để sâu bướm không thể quay lại chu kì phát triển.
- Tiêu diệt bướm ở giai đoạn sâu non. **d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
1. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong trồng trọt <i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> Giáo viên hướng dẫn học sinh hoạt động cá nhân, sau đó trao đổi với bạn ngồi cùng bàn để hoàn thành nội dung ?1: Nêu các biện pháp điều khiển sinh trưởng, phát triển ở thực vật trong Hình 37.3 và tác dụng của từng biện pháp. Kể thêm các biện pháp khác mà em biết.	II. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn 1. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong trồng trọt a. Điều khiển quá trình sinh trưởng và phát triển bằng các yếu tố bên ngoài: chiếu sáng nhân tạo, bón phân, tưới nước,...

?2: Người trồng rừng đã điều khiển quá trình phát triển của các cây lấy gỗ bằng cách để mật độ dày khi cây còn non và khi cây đã đạt đến chiều cao mong muốn thì tỉa bớt. Giải thích ý nghĩa của việc làm này.

?3: Đọc thông tin trong mục 1b, lựa chọn loại hormone phù hợp cho các đối tượng trong bảng bằng cách đánh dấu X vào ô tương ứng và nêu lợi ích của việc sử dụng loại hormone đó rồi hoàn thành bảng theo mẫu 37.1

****Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh hoạt động cá nhân, sau đó trao đổi với bạn ngồi cùng bàn để hoàn thành nhiệm vụ

****Báo cáo kết quả và thảo luận***

Đại diện báo cáo, học sinh khác nhận xét, bổ sung+ **HS khuyết tật lắng nghe ghi nhớ**

****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -***

Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá.*
- GV nhận xét và chốt nội dung, HS ghi nội dung vào vở.

2. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong chăn nuôi:

****Chuyển giao nhiệm vụ học tập*** Học sinh hoạt động cá nhân, đọc thông tin và liên hệ thực tế, trả lời câu hỏi:

?1. Những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật đã được con người ứng dụng như thế nào trong chăn nuôi? Cho ví dụ.

?2. Khi sử dụng các chất kích thích sinh trưởng trong chăn nuôi, chúng ta cần chú ý điều gì? Vì sao?

****Thực hiện nhiệm vụ học tập***

b. Điều khiển sinh trưởng và phát triển bằng các nhân tố bên trong: Sử dụng hormone kích thích và ức chế quá trình sinh trưởng.

2. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong chăn nuôi:

Để vật nuôi sinh trưởng và phát triển tốt cần cần cho vật nuôi ăn uống đầy đủ, chống nóng, chống rét,....

3. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển ở sinh vật gây hại Việc hiểu biết về các giai đoạn sinh trưởng và phát triển có thể vận dụng để phòng trừ những sinh vật gây hại bằng cách cắt vòng đời của chúng.

Học sinh hoạt động cá nhân, thực hiện nhiệm vụ trong 3 phút

****Báo cáo kết quả và thảo luận***

Học sinh cá nhân trả lời

****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -***

Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá.*

- GV nhận xét và chốt nội dung, HS ghi nội dung vào vở.

3. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển ở sinh vật trong phòng trừ sinh vật gây hại:

****Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Học sinh làm việc theo nhóm, quan sát hình 37.5, thực hiện các yêu cầu sau:

1. Nhận xét về hình thái của muỗi và bướm ở các giai đoạn khác nhau trong vòng đời.

2. Theo em, diệt muỗi ở giai đoạn nào cho hiệu quả nhất? Vì sao? Hãy đề xuất các biện pháp diệt muỗi và ngăn chặn sự phát triển của muỗi.

3. Hãy đề xuất các biện pháp diệt bướm để bảo vệ mùa màng.

Thi đua giữa các nhóm, nhóm nào nhanh hơn sẽ có thưởng

****Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Học sinh hoạt động nhóm, thực hiện nhiệm vụ trong 7 phút

****Báo cáo kết quả và thảo luận***

Đại diện nhóm báo cáo

+ HS khuyết tật lắng nghe ghi nhớ

****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -***

Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.	
- GV nhận xét và chốt nội dung, HS ghi nội dung vào vở.	

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Hệ thống được một số kiến thức đã học. **b)**

Nội dung:

Giáo viên hướng dẫn học sinh hoạt động cá nhân, sau đó trao đổi với bạn ngồi cùng bàn để trả lời câu hỏi TN:

1. Tập tính phơi nắng ở động vật giúp cơ thể động vật tổng hợp

- A. VitaminA B. Vitamin B
C. Vitamin C D. Vitamin D

2. Để chống rét cho thực vật người ta thường

- A. Đốt lửa B. Ủ rơm
C. Che nilon D. Tưới nước ấm

3. Cây sẽ bị héo khi không

- A. đưa ra ngoài B. bón phân
C. tưới nước D. Ủ ấm

4. Tiêu diệt muỗi ở giai đoạn nào là hiệu quả nhất?

- A. Trứng B. Con non C. Ấu trùng D. trưởng thành

4. Nhiệt độ môi trường cực thuận đối với sinh vật là gì? A. Mức nhiệt cao nhất mà sinh vật có thể chịu đựng.

B. Mức nhiệt thích hợp nhất đối với sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật.

C. Mức nhiệt thấp nhất mà sinh vật có thể chịu đựng.

D. Mức nhiệt ngoài khoảng nhiệt độ mà sinh vật có thể sinh trưởng và phát triển.

Câu 5. Hậu quả đối với trẻ em khi thiếu tirôxin là

- A. người nhỏ bé, ở bé trai đặc điểm sinh dục phụ nam kém phát triển
B. người nhỏ bé, ở bé gái đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển
C. người nhỏ bé hoặc khổng lồ
D. chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém

6. Trong quá trình phát triển ở người, các nhân tố môi trường có ảnh hưởng rõ nhất vào giai đoạn

- A. phôi thai B. sơ sinh

C. sau sơ sinh D. trưởng thành

c) Sản phẩm: Kết quả trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập Học sinh hoạt động cá nhân vận dụng kiến thức đã học trả lời câu hỏi: 1. Tập tính phơi nắng ở động vật giúp cơ thể động vật tổng hợp A. Vitamin A B. Vitamin B C. Vitamin C <u>D. Vitamin D</u> 2. Để chống rét cho thực vật người ta thường A. Đốt lửa <u>B. Ủ rơm</u> C. Che nilon D. Tưới nước ấm 3. Cây sẽ bị héo khi không A. đưa ra ngoài B. bón phân <u>C. tưới nước</u> D. Ủ ấm 4. Tiêu diệt muỗi ở giai đoạn nào là hiệu quả nhất? A. Trứng B. Con non C. Ấu trùng D. trưởng thành 4. Nhiệt độ môi trường cực thuận đối với sinh vật là gì? A. Mức nhiệt cao nhất mà sinh vật có thể chịu đựng. B. Mức nhiệt thích hợp nhất đối với sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật. C. Mức nhiệt thấp nhất mà sinh vật có thể chịu đựng. D. Mức nhiệt ngoài khoảng nhiệt độ mà sinh vật có thể sinh trưởng và phát triển. Câu 5. Hậu quả đối với trẻ em khi thiếu tirôxin là A. người nhỏ bé, ở bé trai đặc điểm sinh dục phụ nam kém phát triển B. người nhỏ bé, ở bé gái đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển	

C. người nhỏ bé hoặc khổng lồ D. chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém 6.Trong quá trình phát triển ở người, các nhân tố môi trường có ảnh hưởng rõ nhất vào giai đoạn <u>A.</u> phôi thai B. sơ sinh C. sau sơ sinh D. trưởng thành *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện nhóm đôi trong 3p *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên 6 nhóm đôi lần lượt trả lời, nhóm khác NX và bổ sung *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống. **b)**

Nội dung:

HS hoạt động theo nhóm trả lời câu hỏi sau:

1. Xem video và trả lời câu hỏi: Vì sao uống sữa lại giúp tăng trưởng chiều cao của em? Ngoài uống sữa, theo em cần phải làm gì để đạt chiều cao em mong muốn?
2. Hãy tìm hiểu và cho biết nước chiếm tỉ lệ bao nhiêu trong cơ thể và đóng vai trò gì đối với con người. Từ những kiến thức đó, em rút ra nhận xét gì và ứng dụng như thế nào trong cuộc sống?
3. Vận dụng kiến thức về ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài tác động đến quá trình sinh trưởng và phát triển của thực vật, hãy đề xuất các biện pháp canh tác giúp cây trồng sinh trưởng tốt, cho năng suất cao theo mẫu sau:

Yếu tố bên ngoài	Biện pháp canh tác
Nhiệt độ	
Ánh sáng	
Chất dinh dưỡng	
Độ ẩm	

c) Sản phẩm:

1. Sữa cũng là nguồn thực phẩm giàu canxi, phospho và các khoáng chất cùng vitamin thiết yếu như vitamin D, cần thiết cho sự phát triển, duy trì sự khỏe mạnh của xương và ngăn ngừa loãng xương về sau. Sữa và các chế phẩm từ sữa có lợi cho sự phát triển xương ở trẻ, cung cấp chất dinh dưỡng đảm bảo cho xương có thể phát triển tối đa, có thể đạt được mức chiều cao tiềm năng.

Khuyến khích trẻ vận động cơ thể thường xuyên với các [bài tập phát triển chiều cao](#) như bơi lội, nhảy dây, bóng chuyền, đu xà....

Thực hiện chế độ ăn khoa học cho trẻ, bổ sung đầy đủ các chất dinh dưỡng vào mỗi bữa ăn hàng ngày, nhất là các sản phẩm chứa các dưỡng chất quan trọng đối với sự phát triển của xương như canxi, phospho, vitamin D3, kẽm, mangan, đồng, DHA...

2. Nước chiếm khoảng 70% khối lượng cơ thể người; nước cấu tạo các tế bào sống, là môi trường cho sự trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể người,... Vì vậy, hằng ngày, cần cung cấp đủ nước cho cơ thể thông qua việc uống nước, ăn đồ ăn có chứa nước, không nhịn khát, tuy nhiên cũng không nên uống quá nhiều nước một lúc.

3.

Yếu tố bên ngoài	Biện pháp canh tác
Nhiệt độ	Làm nhà kính trồng cây nhằm ổn định nhiệt độ khi môi trường quá nóng hay quá lạnh; phủ rơm rạ trên mặt đất khi gieo hạt, giữ ẩm giúp sự nảy mầm thuận lợi.
Ánh sáng	Trồng xen cây có nhu cầu ánh sáng khác nhau, làm luống tạo khoảng cách tránh sự che lấp ánh sáng lẫn nhau.
Chất dinh dưỡng	Bón phân hợp lí theo nhu cầu của cây trồng, trồng luân phiên các loại cây khác nhau trên một khu đất.
Độ ẩm	Tưới tiêu chủ động đảm bảo giữ độ ẩm thích hợp với mỗi loại cây trồng.

Video và ảnh của các nhóm đã edit

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập	

GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học hoạt động nhóm trả lời các câu hỏi sau: (GV có thể hướng dẫn HS về nhà làm)

1. Xem video và trả lời câu hỏi: Vì sao uống sữa lại giúp tăng trưởng chiều cao của em? Ngoài uống sữa, theo em cần phải làm gì để đạt chiều cao em mong muốn?

2. Hãy tìm hiểu và cho biết nước chiếm tỉ lệ bao nhiêu trong cơ thể và đóng vai trò gì đối với con người. Từ những kiến thức đó, em rút ra nhận xét gì và ứng dụng như thế nào trong cuộc sống?

3. Vận dụng kiến thức về ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài tác động đến quá trình sinh trưởng và phát triển của thực vật, hãy đề xuất các biện pháp canh tác giúp cây trồng sinh trưởng tốt, cho năng suất cao theo mẫu sau:

Yếu tố bên ngoài	Biện pháp canh tác
Nhiệt độ	
Ánh sáng	
Chất dinh dưỡng	
Độ ẩm	

****Thực hiện nhiệm vụ học tập***

Các nhóm HS thực hiện theo nhóm làm ra sản phẩm.

****Báo cáo kết quả và thảo luận***

Sản phẩm của các nhóm

****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.

BÀI 38: TH: QUAN SÁT, MÔ TẢ SỰ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở MỘT SỐ SINH VẬT

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Biết cách thực hành quan sát, mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số sinh vật..
- Biết cách thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng.

+ HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:* tiến hành thí nghiệm, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, video để tìm hiểu về các đặc điểm của sự sinh trưởng, phát triển ở một số sinh vật.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* thảo luận nhóm để tìm ra mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển của các sinh vật.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* GQVĐ trong thực hiện quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :

- *Năng lực nhận biết KHTN:* Nhận biết các thao tác thực hành thí nghiệm chứng minh sự sinh trưởng có ở sinh vật.
- *Năng lực tìm hiểu tự nhiên:* Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển, phân biệt được các kiểu phát triển qua biến thái ở một số sinh vật.
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* Trình bày được các bước tiến hành gieo trồng 1 hạt cây trồng, vận dụng kiến thức phòng chống sâu bệnh hại cây trồng,....

3. Phẩm chất: -Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

+Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về kính lúp.

+Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm, thảo luận về kính lúp, cách nhận biết, cấu tạo và phân loại kính lúp. +Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm quan sát vật.

II. Thiết bị dạy học và học liệu 1.Giáo viên:

- Hình ảnh , video, powepoint bài giảng.

2.Học sinh:

-Chuẩn bị dụng cụ: Chai nhựa, đất, bình tưới nước, dao hoặc kéo, thước đo

-Các video hoặc tranh ảnh

-Hạt đậu (Đậu xanh, đậu tương,...), hạt ngô hoặc lạc.... **III.**

Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động 1: Mở đầu: Xác định vấn đề học tập là quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển của một số sinh vật. **a) Mục tiêu:**

- Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển của một số sinh vật. **b) Nội dung:**

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân, để kiểm tra kiến thức nền của học sinh về sự sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. **c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh ghi trên phiếu học tập. **d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chiếu hình ảnh về sự sinh trưởng và phát triển của cây ngô.Yêu cầu HS Nêu khái niệm sinh trưởng và phát triển của sinh vật. *Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV. Trả lời câu hỏi. - Giáo viên: Theo dõi và bổ sung khi cần. *Báo cáo kết quả và thảo luận	-ND kết quả HS điền ở phiếu học tập

- GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, mỗi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu, những HS trình bày sau không trùng nội dung với HS trình bày trước. GV liệt kê đáp án của HS trên bảng <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá: - Giáo viên nhận xét, đánh giá: -> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học Để trả lời câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay. -> Giáo viên nêu mục tiêu bài học:	
---	--

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu:

- Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng và phát triển ở một số thực vật, động vật.
 - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng.
- b) Nội dung:**
- Học sinh làm việc nhóm theo gv chia 10 người, nghiên cứu thông tin trong sgk và tiến hành thực hành:

1. Tổ chức: 4 nhóm/lớp

- Nhóm 1: số thứ tự từ 1 đến 11 => nhóm trưởng:
- Nhóm 2: số thứ tự từ 12 đến 21 => nhóm trưởng:
- Nhóm 3: số thứ tự từ 22 đến 31 => nhóm trưởng:
- Nhóm 4: số thứ tự từ 32 đến hết => nhóm trưởng:

2. Yêu cầu thực hiện

- Nhóm trưởng: Điều hành nhóm thực hiện nhiệm vụ của GV giao. Tổng hợp, ghi lại kết quả thực hành thu được của nhóm - Đại diện: Trình bày kết quả thu được của nhóm.
 - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - Nhóm trưởng: đánh giá mức độ hđ nhóm của thành viên.
- +Nhóm 1, 2:** Thực hiện thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng và thực hành quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở thực vật: (Tiến hành theo 5 bước sgk).

Hoàn thiện phiếu học tập 1 sau:

Tên cây trồng	Ngày	Chiều cao cây (cm_	Số lá	Kích thước lá(cm)
	1			
	2			
	 (7)			

+Nhóm 3,4: Tiến hành thực hành quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số động vật.(N3 quan sát con ếch, gà; N4 quan sát con châu chấu, bướm bướm)

Hoàn thiện phiếu học tập 2 sau:

Tên động vật	Các giai đoạn phát triển	Đặc điểm về kích thước, hình thái cơ thể của các giai đoạn.

c) Sản phẩm:

- HS qua hoạt động nhóm quan sát, mô tả được sự sinh trưởng và phát triển của một số nhóm sinh vật, thảo luận nhóm, **d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 2.1: Thực hiện thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng và thực hành quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở thực vật	

<i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> - GV giao nhiệm vụ cho hs hoạt động nhóm ở nhà thực hiện trước 1 tuần gieo trồng hạt theo các bước, và theo dõi ghi kết quả theo bảng 1.	I. Thực hiện thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng và thực hành quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở thực vật: - Sản phẩm của học sinh
- GV yêu cầu đại diện nhóm đứng lên trình bày quy trình nhóm mình thực hiện ở nhà thực hành và sản phẩm gieo trồng được. <i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> HS thảo luận nhóm, thống nhất kết quả theo dõi và ghi chép nội dung hoạt động ra phiếu học tập 1. HS hoạt động nhóm đưa ra phương án làm thí nghiệm và ghi kết quả thí nghiệm vào bảng kết quả. Khi quan sát cây gieo trồng mô tả sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng như lúa, ngô... như thế nào? + HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung (nếu có). <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.</i> - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung nhận biết, nhắc lại đặc điểm của sinh trưởng và phát triển của nhóm thực vật.	
Hoạt động 2.2: Tiến hành thực hành quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số động vật	

<i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> GV yêu cầu HS quan sát tranh ảnh H38.1 hoặc sưu tầm video về sự phát triển và sinh trưởng ở động vật bướm, gà, ếch,... (2 tổ làm powerpoint để trình bày kết quả của nhóm mình.) Yêu cầu quan sát: +Các gđ sinh trưởng, phát triển của mỗi loài? +Hình thái, kích thước cơ thể sv ở mỗi giai đoạn?	II. Tiến hành thực hành quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số động vật -Sản phẩm nội dung của bảng phiếu học tập hs hoàn thiện được. -Nội dung ở phiếu học tập số 3
+Biểu hiện của mối quan hệ giữa sinh trưởng, phát triển.? +Điểm giống và khác nhau giữa sinh trưởng và phát triển? +Ghi ra vở các nội dung quan sát được theo bảng sau: <i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> HS hoạt động nhóm tiến hành thực hành theo yêu cầu và trả lời các câu hỏi, hoàn thiện bảng phiếu học tập số 2. <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày bằng powerpoint hoặc thuyết trình bằng tranh, ảnh, các nhóm khác bổ sung (nếu có).+ HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.</i> - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV nhận xét và chốt nội dung , và giới thiệu cho HS phân biệt các kiểu sinh trưởng, phát triển ở động vật.	
Hoạt động 2. 3: Viết thu hoạch	

<i>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> GV yêu cầu HS Kẻ bảng 38.1 và 38.2 dựa vào kết quả các nhóm đã làm vào vở. <i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> HS hoạt động cá nhân hoàn thiện vào vở + HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe <i>*Báo cáo kết quả và thảo luận</i> GV gọi ngẫu nhiên một HS lên kiểm tra vở <i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> -Nhận xét và rút kinh nghiệm của buổi thực hành.	-Sản phẩm nội dung của bảng phiếu học tập hs hoàn thiện được.
--	--

3. Hoạt động 4: Luyện tập và Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

b) Nội dung:

- Gieo trồng cây sử dụng vỏ chai làm chậu để.

c) Sản phẩm:

- HS biết cách gieo trồng tận dụng chậu để bằng vỏ chai nhựa tránh gây ô nhiễm môi trường

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu mỗi nhóm HS hãy gieo trồng 1 loại cây mà nhóm thích, sử dụng vỏ chai nhựa để làm chậu đựng. *Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm HS thực hiện theo nhóm làm ra sản phẩm. + HS khuyết tật: Theo dõi lắng nghe *Báo cáo kết quả và thảo luận - Sản phẩm của các nhóm *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm bằng cách chụp ảnh gửi vào 1-2 tuần sau.	
--	--

***Phiếu học tập số 3: Phân biệt các kiểu sinh trưởng và phát triển ở động vật.**

Các kiểu sinh trưởng và phát triển		Ví dụ	Khái niệm
Không qua biến thái.		<u>Gà, chó</u>	Là kiểu phát triển con non có hình thái, cấu tạo tương tự với <u>gà</u> trưởng thành
Qua biến thái.	Biến thái hoàn toàn.	<u>Bướm, ếch,</u> ...	Là kiểu phát triển con non, ấu trùng có hình thái, cấu tạo khác hoàn toàn với con TT.
	Biến thái không hoàn toàn.	<u>Châu chấu</u>	Là kiểu phát triển con non có hình thái, cấu tạo, sinh lí gần giống với con trưởng thành

***Hướng dẫn về nhà:**

- Về nhà đọc trước bài sinh sản vô tính ở sinh vật
- Lấy 1 củ gừng hoặc củ khoai lang ươm cho nảy mầm tưới nước cho mầm lên, tiết sau mang đi.

Soạn ngày 10/4/2024

TUẦN 30, 31

BÀI 39: SINH SẢN VÔ TÍNH Ở SINH VẬT

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật.
- Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.
- Phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. lấy được ví dụ minh họa.
- Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. lấy được ví dụ minh họa.
- Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn.
- Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô).

+ HS khuyết tật: Phân biệt được sinh sản vô tính và hữu tính

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

- **Năng lực tự chủ và tự học:** tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về khái niệm sinh sản, sinh sản vô tính ở sinh vật.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** thảo luận nhóm để tìm ra khái niệm sinh sản, sinh sản vô tính, lấy được ví dụ minh họa.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** GQVĐ tìm các đặc trưng của sinh sản vô tính và các ứng dụng của Sinh sản vô tính vào thực tiễn.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Trình bày được một số ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn.
- + Phương pháp tìm hiểu tự nhiên.
- + Thực hiện được các kỹ năng tiến trình : quan sát, phân loại, dự báo. - Biết làm được báo cáo, thuyết trình.

3. Phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về lực.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thảo luận về sinh sản và sinh sản vô tính ở sinh vật.
- Trung thực, cẩn thận trong hoạt động, ghi chép kết quả thảo luận trong các nội dung được giao.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Hình ảnh sinh sản ở một số loài sinh vật.
- Các phiếu học tập cá nhân và nhóm Bài 39: Sinh sản vô tính ở sinh vật (đính kèm).
- Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: bút dạ (xanh, đỏ), nam châm gắn bảng...

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu:**
 - Giúp học sinh hứng thú hơn trước khi vào bài.
 - Xác định được nội dung trọng tâm của bài học
- Nội dung:** Giáo viên đặt vấn đề: Các em hãy cho biết các sinh vật duy trì nòi giống bằng cách nào. Lấy ví dụ?
- Sản phẩm:**
 - HS có thể trả lời: Các sinh vật duy trì nòi giống bằng cách sinh sản, đẻ con...
- Tổ chức thực hiện:**

HD của thầy và trò	Nội dung
--------------------	----------

* Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn học sinh tham gia đoán hình thức sinh sản. - HS lắng nghe hướng dẫn của GV và tham gia trả lời. * Thực hiện nhiệm vụ học tập - GV chiếu hình ảnh sinh sản ở 1 số sinh vật. - HS quan sát và suy nghĩ phương án trả lời nếu chưa trả lời đúng. * Báo cáo kết quả và thảo luận - HS đưa ra các phương án trả lời cho các hình ảnh tương ứng - HS khác lắng nghe, nhận xét hoặc đưa ra phương án khác nếu có. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. - GV chốt các phương án đúng. - GV nói vào bài: Các sinh vật duy trì nòi giống bằng hình thức sinh sản, thế nào là sinh sản và có những hình thức sinh sản nào?	
Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Hoạt động tìm hiểu Sinh sản là gì?

a) Mục tiêu:

- Phát biểu được khái niệm sinh sản và các hình thức sinh sản ở sinh vật.

b) Nội dung:

- GV chiếu một hình ảnh sinh sản ở sinh vật, yêu cầu HS nêu khái niệm sinh sản.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HD của thầy - trò	Nội dung
-------------------	----------

3. Hoạt động 2.2: Tìm hiểu Sinh sản vô tính

a) Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.
- Phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. lấy được ví dụ minh họa.
- Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. lấy được ví dụ minh họa.
- Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn.

- Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô).

+ HS khuyết tật: lắng nghe ghi nhớ biết được vai trò của sinh sản vô tính

b) Nội dung:

- HS đọc thông tin SGK kết hợp quan sát hình ảnh để trả lời các câu hỏi.

c). Sản phẩm. - Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện.

HD của thầy và trò	Nội dung
II. Sinh sản vô tính. 1. Khái niệm sinh sản vô tính. * Chuyển giao nhiệm vụ học tập Yêu cầu HS quan sát H39.2,3,4 SGK/159. Làm việc cá nhân hoàn thành PHT số 1 (Bảng 39.1) * Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát hình ảnh và thực hiện nhiệm vụ được giao - GV có thể hướng dẫn, gợi ý cho học sinh trả lời. * Báo cáo kết quả và thảo luận - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: ? H39.2,4 SGK: Có mấy cá thể tham gia SS.	II. Sinh sản vô tính. 1. Khái niệm sinh sản vô tính.

? Sinh sản ở các sinh vật này có sự kết hợp của *giao tử đực và giao tử cái* không.

GV: Hình thức sinh sản không có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái được gọi là SS vô tính.

Ví dụ sinh sản ở trùng roi, cây gừng...

? Thế nào là sinh sản vô tính.

? Lấy ví dụ về hình thức SS vô tính.

*** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập -**

GV nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức

2. Các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật.

*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập -** Yêu cầu

HS quan sát H39.5 SGK/159.



*** Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát hình ảnh và thực hiện nhiệm vụ được giao

- GV có thể hướng dẫn, gợi ý cho học sinh trả lời. *** Báo cáo kết quả và thảo luận -** GV yêu cầu

HS trả lời câu hỏi:

? Các cây con được hình thành từ bộ phận nào của cơ thể mẹ.

GV: Ở những loài thực vật cây con được sinh ra từ các bộ phận rễ, thân, lá được gọi là ss sinh dưỡng.

? Lấy ví dụ.

- *Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản không có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái. Cơ thể con chỉ nhận được chất di truyền từ cơ thể mẹ nên giống nhau và giống mẹ.*

- *Ví dụ: SS vô tính ở cây chuối, thủy tức...*

2. Các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật.

--	--

* Ngoài ra còn có loài ss bằng bào tử, các em có nhớ lớp 6 chúng ta đã nhắc đến loài nào ss bằng bào tử.

? Vậy ở thực vật có mấy hình thức sinh sản vô tính, kể tên.

? Vì sao các cơ thể con sinh ra giống nhau và giống cơ thể mẹ.

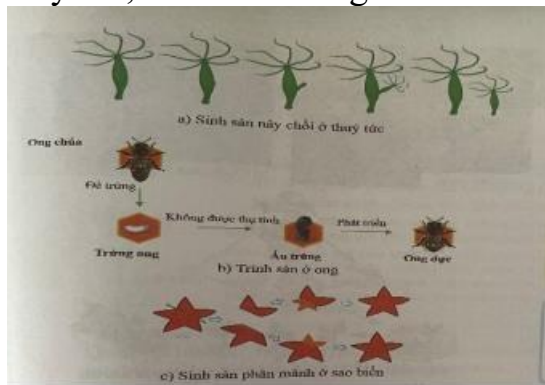
? Vì sao người ta gọi hình thức sinh sản từ rễ, thân, lá là SSSD. + **HS khuyết tật: lắng nghe ghi nhớ ***

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức.

3. Các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. *

Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Yêu cầu quan sát H39.5 SGK//130, SS nảy chồi ở thủy tức, trinh sản ở ong.



* Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh và thực hiện nhiệm vụ được giao

- GV có thể hướng dẫn, gợi ý cho học sinh trả lời. * **Báo cáo kết quả và thảo luận** - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: ? Q.sát hình: Có mấy hình thức SSVT ở động vật. ? Đọc thông tin mục 3 và TLN hoàn thành PHT số

2.

? Các nhóm báo cáo kết quả.

- Ở TV có 2 hình thức sinh sản vô tính: + SS sinh dưỡng: cây bông, cây dâu tây, cây gừng...

+ SS bằng bào tử: cây rêu, dương xỉ..

3. Các hình thức sinh sản vô tính ở động vật.

* Có 3 hình thức SSVT ở động vật:

+ Nảy chồi: Thủy tức...

+ Phân nhánh: Sao biển, giun dẹp...

+ Trinh sản: ong, kiến...

? Nhận xét, bổ sung.	
----------------------	--

? Tóm lại: Có mấy hình thức SSVT ở ĐV, lấy ví dụ.
+ **HS khuyết tật: lắng nghe ghi nhớ**

* **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức.

4. Vai trò và ứng dụng của sinh sản vô tính.

- Yêu cầu đọc thông tin mục 3/160 SGK.

*** Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát hình ảnh và thực hiện nhiệm vụ được giao

- GV có thể hướng dẫn, gợi ý cho học sinh trả lời. * **Báo cáo kết quả và thảo luận** - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Nêu vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn.

? Trong thực tiễn người ta duy trì các đặc điểm tốt của sinh vật bằng các phương pháp nào?

? Quan sát H39.7: Nêu các quy trình giâm cành. Người ta thường giâm cành với những cây nào.

? Quan sát H39.8: Nêu các quy trình chiết cành. Người ta thường giâm cành với những cây nào.

? Quan sát H39.9: Nêu các quy trình ghép cành. Người ta thường ghép cành với những cây nào.

? Tạo sao cành được sử dụng để giâm cần có đủ mắt, chồi.

Sau đó cho HS hoàn thành PHT số 3.

? Báo cáo. ? Nhận xét, bổ sung.

GV: Tùy từng loài mà người ta áp dụng các PP nhân giống cho phù hợp.

? Để khôi phục các loài thực vật quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng, người ta sử dụng PP nào là hiệu quả nhất, vì sao?

+ **HS khuyết tật: lắng nghe ghi nhớ**

* **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

4. Vai trò và ứng dụng của sinh sản vô tính.

- *Sinh sản vô tính có vai trò quan trọng trong việc duy trì các đặc điểm của sinh vật.*

- *Ứng dụng của sinh sản vô tính:*

+ *Giâm cành: Áp dụng với các cây như sắn, mía, rau ngót...*

+ *Chiết cành: Áp dụng với các cây ăn quả lâu năm: Cam, bưởi...*

+ *Ghép cành: Sử dụng mắt/cành/gốc ghép các cây khác nhau của cùng một loài theo mong muốn của con người như: bưởi với phật thủ, táo với táo... + Nuôi cấy tế bào và mô thực vật.*

--	--

- GV nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức.	
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học về phương pháp nhân giống vô tính để phát triển kĩ năng vận dụng cho học sinh.

b) Nội dung:

Bài 1: Chọn câu trả lời đúng nhất trong các đáp án sau.

1. Sinh sản vô tính ở thực vật là cây non được sinh ra mang đặc tính:

- A. Giống cây mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái
- B. Giống cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái
- C. Giống bố mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái
- D. Giống và khác cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.

2. Trong tự nhiên cây rau má sinh sản vô tính bằng:

- A. Rễ B. Thân. C. Lá. D. Hoa.

3. Trong hình thức sinh sản sinh dưỡng tự nhiên, cây con được sinh ra từ bộ phận nào từ cây mẹ:

- A. Rễ, hoa, hạt. B. Rễ, quả, hạt.
- C. Thân, lá, hạt. D. Thân, rễ, lá.

4. Trong các phương pháp sau, phương pháp nhân giống vô tính nào có hiệu quả nhất hiện nay?

- A. Gieo từ hạt B. Chiết cành C. Nuôi cấy mô.
- D. Giâm cành.

5. Đặc điểm không thuộc sinh sản vô tính là

- A. Cơ thể con sinh ra hoàn toàn giống nhau và giống cơ thể mẹ ban đầu
- B. Tạo ra cá thể mới rất đa dạng về các đặc điểm thích nghi
- C. Tạo ra số lượng lớn con cháu trong một thời gian ngắn
- D. Tạo ra các cá thể thích nghi tốt với môi trường sống ổn định

Bài 2: Hãy kể tên các loài cây trồng ở địa phương em được trồng và nhân giống bằng các PP nhân giống vô tính. Giải thích lý do lựa chọn các PP khác nhau trong từng nhóm cây.

c) Sản phẩm:

- Đáp án bài 1.

1B, 2B, 3D, 4C. 5B

d) Tổ chức thực hiện:

HD của thầy - trò	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần Câu hỏi trắc nghiệm. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên HS lần lượt trả lời câu hỏi. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV chốt đáp án.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

b) Nội dung:

- HS làm theo tổ:

Quan sát vết cắt đoạn thân cây hoa hồng (hoặc hoa mười giờ...) đã được cắm trong đất ẩm sau 2 – 3 tuần và mô tả những gì quan sát được. Đoạn thân cây hoa hồng (hoặc hoa mười giờ...) có phát triển thành cây mới không. Vì sao?

c) Sản phẩm:

- Sản phẩm của học sinh

e) Tổ chức thực hiện:

HD của thầy - trò	Nội dung
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu mỗi nhóm HS (4 nhóm đã phân công) tiến hành thảo luận, đề xuất....bài thực hành. * Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm HS thực hiện theo nhóm làm. * Báo cáo kết quả và thảo luận - Sản phẩm của các nhóm. + HS khuyết tật: lắng nghe ghi nhớ * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp bài thuyết trình vào tiết học sau.	

--	--

Phiếu học tập số 1

Nhóm.....

	Con sinh ra có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái	Con sinh ra từ một phần cơ thể mẹ.	Con có các đặc điểm giống hệt cơ thể mẹ.	Con có các đặc điểm khác cơ thể mẹ.
Sinh sản ở trùng roi	?	?	?	?
Sinh sản ở cây gừng	?	?	?	?
Sinh sản ở thủy tức	?	?	?	?

Phiếu học tập số 2

Nhóm.....

Đặc điểm	Giống	Khác
Hình thức Sinh sản		

Nảy chồi		?
Phân mảnh		?
Trình sản	?	?

Phiếu học tập số 3

Nhóm.....

Phương pháp nhân giống	Áp dụng với các cây	Ưu điểm
Giâm cành	?	?
Chiết cành	?	?
Ghép	?	?
Nuôi cấy tế bào, mô	?	?

Soạn ngày 20/4/2024
Tiết 55, 56. ÔN TẬP

Môn học: Khoa học tự nhiên. Lớp 7 Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS hệ thống lại kiến thức đã học về sinh sản của sinh vật - Phân biệt được các hình thức sinh sản ở sinh vật.
- Chứng minh được cơ thể sinh vật là một thể thống nhất.

2. Về năng lực

a) Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện việc ôn tập và hệ thống hóa kiến thức của chủ đề;
- Giao tiếp và hợp tác: lắng nghe, chia sẻ với bạn cùng nhóm để thực hiện nội dung ôn tập;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập. **b) Năng lực chuyên biệt**
- Nhận thức khoa học tự nhiên: hệ thống hóa được kiến thức về sinh sản của sinh vật thông qua đó chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học tham gia giải quyết các nhiệm vụ học tập.

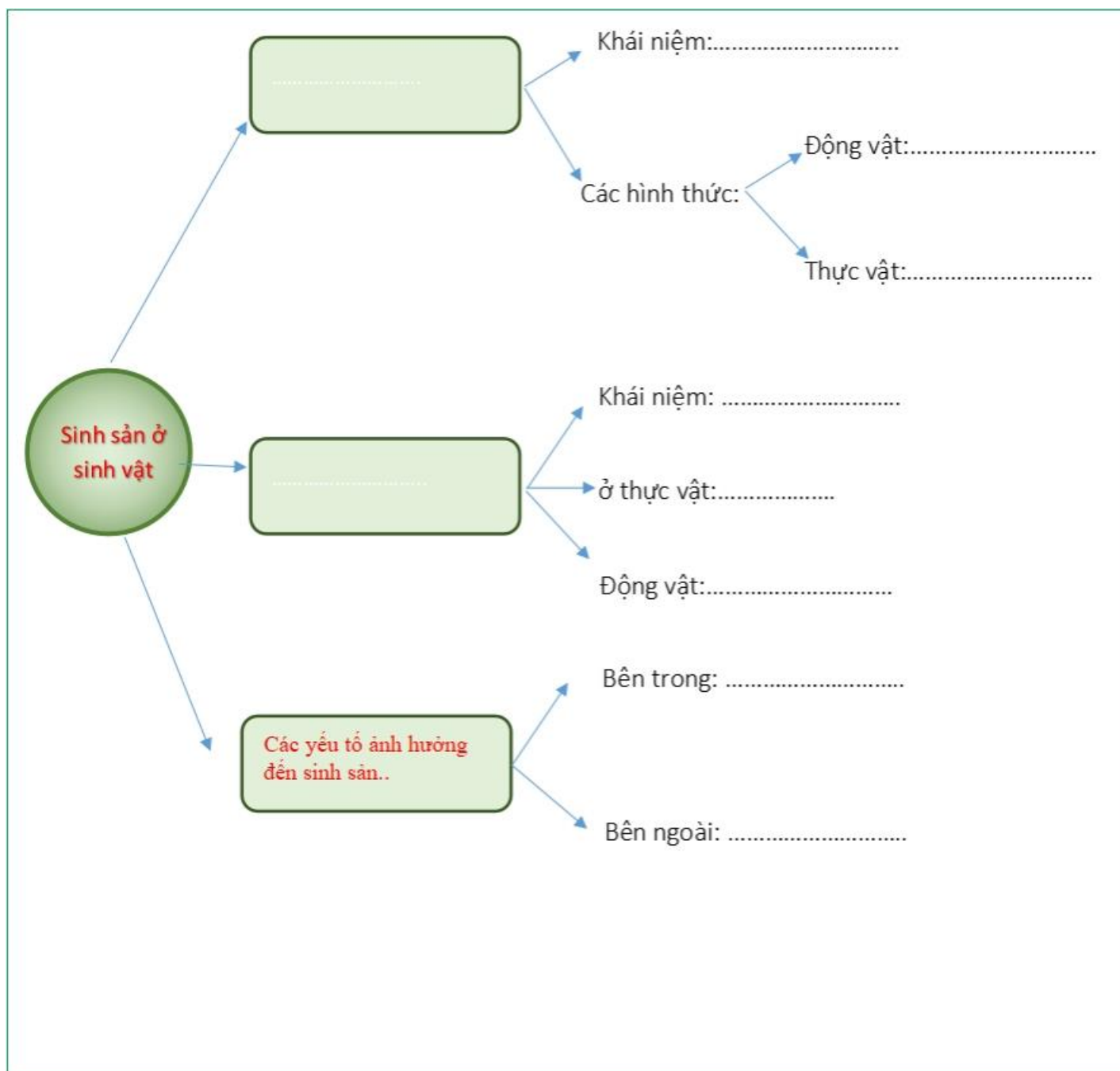
3. Về phẩm chất

Trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và bài tập ôn tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu trả lời câu hỏi của nhóm -
- Máy chiếu, bảng
- nhóm - Phiếu học tập.

Phiếu học tập số 1



Phiếu học tập số 2

Cho các từ/ cụm từ: *sinh sản và cảm ứng, tế bào, thể thống nhất, trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng, sinh trưởng và phát triển*. Hãy chọn các từ/ cụm từ phù hợp để hoàn thiện đoạn thông tin sau:

Mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ (1)... . Cơ thể lấy các chất dinh dưỡng, nước, chất khoáng và oxygen từ môi trường cung cấp cho tế bào thực hiện các hoạt động sống. Các hoạt động sống như (2)... , (3) ..., (4) ... có mỗi

quan hệ qua lại mật thiết với nhau đảm bảo sự thống nhất trong hoạt động của toàn bộ cơ thể như một (5)... .

Nêu mối quan hệ giữa tế bào, cơ thể và môi trường.

Nêu mối quan hệ giữa các hoạt động sống trong cơ thể.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Vẽ sơ đồ tư duy

a) Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về cơ thể đơn bào, đa bào và mối quan hệ từ tế bào đến cơ thể.

b) Nội dung: GV nêu vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập số 1, 2.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Thông báo luật chơi: Chia lớp 6 nhóm, đại diện nhóm nhận phiếu học tập số 1.	Đại diện nhóm nhận phiếu
Giao nhiệm vụ: Các thành viên nhóm tham gia đóng góp, xây dựng và hoàn thành phiếu học tập số 1.	Các thành viên lắng nghe và cùng thực hiện
Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ: Dựa vào kiến thức đã học các nhóm hoàn thành phiếu học tập	HS tiến hành hoàn thành sơ đồ tư duy.
Chốt lại và đặt vấn đề vào bài: Theo nội dung SGK	Đóng góp ý kiến và hoàn thiện

B. BÀI TẬP

Hoạt động 2: Hướng dẫn giải bài tập, trả lời câu hỏi thông qua trò chơi a) Mục tiêu: Hoàn thành câu hỏi, bài tập.

b) Nội dung: Hoàn thành câu hỏi, bài tập SGK dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

c) Sản phẩm: Hệ thống câu hỏi .

d) Tổ chức thực hiện: GV gợi ý, định hướng HS hoạt động nhóm để làm bài tập

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân trả lời lần lượt các câu hỏi thông qua trò chơi “Rung chuông vàng” - GV phổ biến luật chơi, hướng dẫn HS chuẩn bị *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS lần lượt trả lời các câu hỏi *Báo cáo kết quả và thảo luận - HS dựa vào phần trả lời của mình và đáp án để tiếp tục chơi hoặc dừng lại Sau 20 câu hỏi, những HS nào còn lại trên sân sẽ vào chung kết. *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Kết thúc trò chơi tìm ra người thắng cuộc. GV đánh giá phần tham gia của HS - GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trong tiết trước.	HS nhận nhiệm vụ. Hăng hái tham gia trò chơi

Hệ thống câu hỏi **RUNG CHUÔNG VÀNG**

Câu 1. Các hoạt động sống chủ yếu diễn ra ở đâu.

A. Tế bào. B. Mô. C. Cơ quan. D. Cơ thể.

Câu 2. Sinh sản là một trong những đặc trưng cơ bản và cần thiết cho các sinh vật nhằm

A. đảm bảo sự phát triển của sinh vật. B. duy trì sự phát triển của sinh vật.

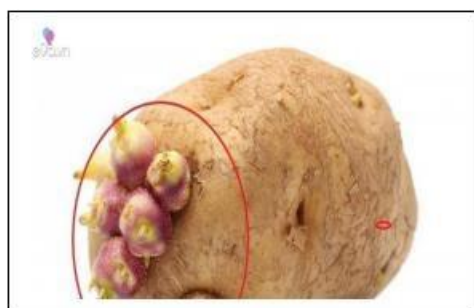
C. đáp ứng nhu cầu năng lượng của sinh vật. D. giữ cho cá thể sinh vật tồn tại.

Câu 3. Sinh sản vô tính là

- A. hình thức sinh sản có sự kết hợp của các tế bào sinh sản chuyên biệt.
- B. hình thức sinh sản ở tất cả các loại sinh vật.
- C. hình thức sinh sản không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.
- D. hình thức sinh sản có nhiều hơn một cá thể tham gia.

Câu 4. Chúng ta có thể nhân giống khoai tây bằng bộ phận nào của cây?

- A. Lá
- B. Rễ
- C. Thân củ
- D. Hạt giống



Câu 5. Bộ phận được khoanh tròn trên củ khoai tây trong hình bên được gọi là gì?

- A. Rễ cây con
- B. Chồi mầm
- C. Chồi hoa
- D. Bao phấn

Câu 6. Ở cóc, mùa sinh sản vào khoảng tháng tư hằng năm. Sau sinh sản, khối lượng hai buồng trứng ở cóc giảm. Sau tháng 4, nếu nguồn sinh dưỡng dồi dào, khối lượng buồng trứng tăng, cóc có thể đẻ lứa thứ hai trong năm. Yếu tố môi trường nào đã ảnh hưởng đến sinh sản của loài cóc trên?

- A. Nhiệt độ.
- B. Mùa sinh sản.
- C. Thức ăn.
- D. Hormone.

Câu 7. Trong sinh sản vô tính, chồi con hình thành được nhìn thấy ở sinh vật nào dưới đây?

- A. Con người.
- B. Amip.
- C. Thủy tức.
- D. Vi khuẩn.

Câu 8. Quá trình sinh sản ở sinh vật được diễn ra định kì ở mỗi loài là do yếu tố nào tham gia quá trình điều hòa sinh sản?

- A. Nhiệt độ.
- B. Thức ăn.
- C. Gió.
- D. Hormone.

Câu 9. Một trùng giày sinh sản bằng cách tự phân chia thành hai tế bào con. Quá trình này được gọi là

A. mọc chồi. B. tái sinh. **C. phân đôi.** D. nhân giống.

Câu 10. Sự thụ phấn là quá trình

- A. chuyển hạt phấn từ bao phấn sang bầu nhụy.
B. chuyển giao tử đực từ bầu phấn sang vòi nhụy.
C. chuyển hạt phấn từ bao phấn sang đầu nhụy.
D. chuyển hạt phấn từ bao phấn sang noãn.

Câu 11. Ở sinh vật, quá trình hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái được gọi là **A. sự thụ tinh.** B. sự thụ phấn. C. tái sản xuất.
D. hình thành hạt.

Câu 12. Nhóm các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến sinh sản của sinh vật là A. Gió, nước, hormone. **B. gió, nước, thức ăn, nhiệt độ, độ ẩm.**

C. gió, nước, thức ăn, hormone. D. thức ăn, nhiệt độ, con người.

Câu 13. Quả được hình thành từ bộ phận nào của hoa?

- A. Đài hoa. B. Tròng hoa. C. Nụ hoa.
D. Bầu nhụy.

Câu 14. Hoa lưỡng tính là

- A. hoa có đài, tràng và nhụy hoa. B. hoa có đài, tràng và nhị hoa.
C. hoa có nhị và nhụy. D. hoa có đài và tràng hoa.

Câu 15. Ý nào sau đây KHÔNG đúng về bản chất của điều khiển sinh sản ở động vật.

- A. Điều khiển tuổi thọ.** B. Điều khiển giới tính.
C. Điều khiển thời điểm sinh sản. D. Điều khiển số con



Câu 16. Quan sát hình bên và cho biết yếu tố nào ảnh hưởng đến sự thụ phấn của chùm hoa phi lao.

- A. Côn trùng.
B. Gió.
C. Nước.
D. Con người

Câu 17. Trong sinh sản sinh dưỡng ở thực vật, cây mới được hình thành **A. từ một phần cơ quan sinh dưỡng của cây.** B.

chỉ từ rễ của cây.

C. chỉ từ một phần thân của cây.

D. chỉ từ lá của cây.

Câu 18. Trong thực tiễn, cây ăn quả lâu năm thường được nhân giống bằng phương pháp chiết cành vì A. dễ trồng và tốn ít công chăm sóc.

B. dễ nhân giống, nhanh và nhiều.

C. dễ tránh sâu bệnh gây hại.

D. rút ngắn thời gian sinh trưởng, sớm thu hoạch và biết trước đặc tính của quả.

Câu 19. Biện pháp nào dưới đây giúp điều khiển thụ tinh ở động vật đạt hiệu quả nhất.

A. Sử dụng hormone.

B. Thay đổi các yếu tố môi trường.

C. Thụ tinh nhân tạo.

D. Sử dụng chất kích thích tổng hợp.

Câu 20. Hoạt động trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng diễn ra chủ yếu ở những cấp độ nào?

A. Tế bào và mô.

B. Mô và cơ quan.

C. Tế bào và cơ thể.

D. Mô và cơ quan.

CÂU HỎI CHUNG KẾT

Câu 1. Nối tên sinh vật ở cột A với các hình thức sinh sản tương ứng ở cột B.

Cột A	Cột B
1. Củ khoai lang	A. sinh sản vô tính bằng phân mảnh
2. Nhánh xương rồng	B. sinh sản vô tính bằng cách phân đôi
3. Thủy tức	C. sinh sản sinh dưỡng bằng lá
4. Sao biển	D. sinh sản vô tính bằng cách mọc chồi
5. Trùng biến hình	E. sinh sản sinh dưỡng bằng rễ
6. Cây sen đá	G. sinh sản sinh dưỡng bằng thân

Đáp án

1-E	2- G	3-D	4-A	5-B	6-C
------------	-------------	------------	------------	------------	------------

Câu 2. Nối nội dung ở cột A với các định nghĩa ở cột B.

Cột A	Cột B
-------	-------

1. Sự thụ tinh	A. Sự kết hợp giao tử đực và giao tử cái
2. Động vật đẻ trứng	B. Giao tử cái
3. Động vật đẻ con	C. Giao tử đực
4. Tình trùng	D. Con non được sinh ra từ trứng
5. Noãn	E. Con non được nuôi trong cơ thể mẹ và đẻ ra ngoài

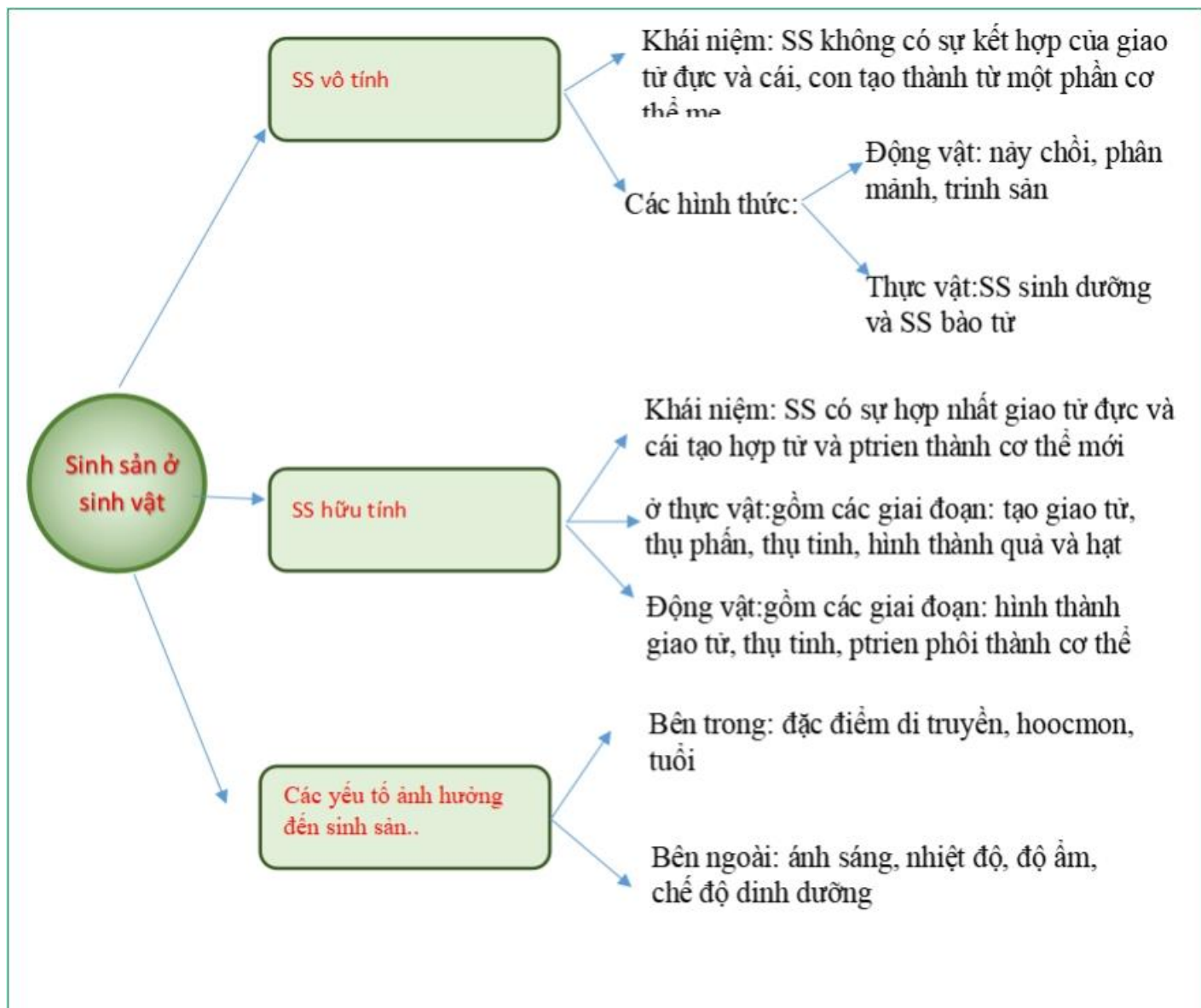
Đáp án:

1-A	2-D	3-E	4-C	5-B
------------	------------	------------	------------	------------

ĐÁP ÁN

Sản phẩm học tập

Phiếu số 1



Phiếu số 2

(1): tế bào; **(2):** trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng,

(3): sinh trưởng và phát triển ; **(4):** sinh sản và cảm ứng, **(5):** thể thống nhất

Mối quan hệ giữa tế bào, cơ thể và môi trường: mọi cơ thể đều được cấu tạo từ tế bào. Cơ thể lấy các chất dinh dưỡng, nước, chất khoáng và oxygen từ môi trường cung cấp cho tế bào thực hiện quá trình trao đổi chất để lớn lên, sinh sản và cảm ứng, từ đó giúp cơ thể thực hiện các hoạt động sống.

Mối quan hệ giữa các hoạt động sống trong cơ thể: Trao đổi chất và năng lượng cung cấp vật chất và năng lượng đảm bảo cơ thể sinh trưởng và phát triển, sinh sản và cảm ứng. Và ngược lại các quá trình sinh trưởng, phát

triển, sinh sản và cảm ứng tác động trở lại quá trình trao đổi chất và năng lượng. Các hoạt động động sống có mối quan hệ qua lại mật thiết n

Soạn ngày 24/4/2024

TUẦN 31+ 33 (Tuần 32 KT HKII)

BÀI 40. SINH SẢN HỮU TÍNH Ở SINH VẬT

Môn học: KHTN- Lớp 7

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. Mục tiêu 1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật
 - Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính
 - Mô tả được cấu tạo của hoa lưỡng tính, phân biệt được hoa đơn tính và hoa lưỡng tính
 - Mô tả được các giai đoạn của sinh sản hữu tính ở thực vật và phân biệt được thụ phấn với thụ tinh
 - Mô tả được các giai đoạn của sinh sản hữu tính ở động vật. Kể tên được một số loài đẻ trứng, đẻ con.
 - Nêu được vai trò và ứng dụng của sinh sản hữu tính ở sinh vật
- + HS khuyết tật: **Biết khái niệm sinh sản hữu tính. Biết phân biệt hoa đơn tính và lưỡng tính.**

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra các giai đoạn của sinh sản hữu tính ở động vật và thực vật
- Năng lực giải quyết vấn đề khi quan sát để phân biệt các loại hoa, nghe câu chuyện về động vật đẻ con và đẻ trứng
- Năng lực tư duy logic khi tìm hiểu về quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: nêu được khái niệm, phân biệt được sinh sản vô tính và hữu tính
- Tìm hiểu thế giới tự nhiên: lấy được VD về sinh sản hữu tính; kể tên các động vật đẻ trứng, đẻ con...
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: ứng dụng sinh sản hữu tính vào thực tế cuộc sống

3. Phẩm chất

- Chịu khó tìm tòi và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về sinh sản hữu tính
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, trong bài tập về nhà. **II.**

Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

- hoa tươi hoa ly, hoa cải, hoa bưởi, hoa bí
- máy tính, máy chiếu

2. Học sinh

- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà
- Làm thí nghiệm ương hạt lạc, đậu và trồng cây từ lá thuốc bỏng trước 1 tuần

III. Tiến trình dạy học 1. Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu Giúp học sinh xác định được vấn đề cần tìm hiểu là sinh sản hữu tính ở sinh vật **b) Nội dung**

GV yêu cầu các nhóm mang sản phẩm các cây con lạc, đậu và thuốc bỏng đã làm ở nhà để trước mặt mỗi nhóm sau đó quan sát sự tạo thành các cây con trên. Chỉ ra điểm khác nhau về sự hình thành cây con. **c) Sản phẩm**

Bản nhận xét sự tạo thành cây con của mỗi nhóm ghi vào giấy nháp. **d)**

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho HS hoạt động theo nhóm trả lời câu hỏi. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoàn thành theo nhóm và viết vào giấy nháp *Báo cáo kết quả và thảo luận Đại diện nhóm báo cáo *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét sự hình thành cây đậu, cây lạc con từ hạt là một ví dụ điển hình của sinh sản hữu tính, vậy SSHT là gì và quá trình đó diễn ra thế nào?	Cây con thuốc bỏng được hình thành từ một phần cơ quan sinh dưỡng của cây mẹ là biện pháp nhân giống vô tính. Cây con lạc, đậu hình thành không phải từ cơ quan sinh dưỡng mà từ một bộ phận đặc biệt là hạt

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm sinh sản hữu tính a) Mục tiêu

Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. Phân biệt được với sinh sản vô tính

b) Nội dung

HS làm việc cá nhân và đoạn thông tin GV cung cấp (chiếu slide) trả lời khái niệm sinh sản hữu tính.

Lấy VD về sinh sản hữu tính ở thực vật và động vật. **c)**

Sản phẩm

Học sinh lấy được ví dụ về sinh sản hữu tính ở động vật, thực vật

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cung cấp thông tin giao tử là 1 tế bào có khả năng thụ tinh để duy trì nòi giống. <i>Sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử. Hạt chứa hợp tử.</i> Hợp tử phát triển thành cơ thể cây con mới. Dựa vào thông tin trên và các từ khóa “cơ thể mới”, “giao tử đực”, “giao tử cái”, “hợp tử”. Hãy phát biểu khái niệm sinh sản hữu tính. Lấy VD về sinh sản hữu tính ở thực vật và động vật *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoàn thành cá nhân nêu khái niệm và lấy VD *Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời cá nhân lấy được VD *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS nhận xét nhau, GV chốt khái niệm sinh sản hữu tính.	I. Tìm hiểu sinh sản hữu tính 1. Khái niệm Sinh sản hữu tính là hình thức cơ thể mới hình thành từ sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành cơ thể mới. 2. VD Thực vật như lúa, ngô, cam, chanh...các thực vật có hoa Động vật: trâu, cá, tôm, cua, bò, gà....

2.2. Tìm hiểu quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật

a) Mục tiêu

- Mô tả được cấu tạo của hoa lưỡng tính, phân biệt được hoa đơn tính và hoa lưỡng tính
- Mô tả được các giai đoạn của sinh sản hữu tính ở thực vật và phân biệt được thụ phấn với thụ tinh

b) Nội dung

HS hoạt động theo nhóm trả lời các câu hỏi sau:

H1. Quan sát H40.1 SGK nêu cấu tạo của hoa và phân biệt hoa đơn tính và hoa lưỡng tính

Mô tả cấu tạo hoa lưỡng tính

H2. Quá trình sinh sản hữu tính gồm mấy giai đoạn? Đặc điểm của mỗi giai đoạn

H3. Phân biệt thụ phấn và thụ tinh từ khái niệm.

H4. Từ các thành phần cấu tạo nên 1 hoa cho biết hạt, phôi, quả do các bộ phận nào của hoa hình thành.

c) Sản phẩm

Câu trả lời mỗi nhóm đều ghi vào giấy d)

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập -GV hỏi HS về cơ quan sinh sản hữu tính ở thực vật là gì? -GV cho HS trả lời các câu hỏi H1 đến H4 theo hoạt động nhóm. Trong mỗi câu hỏi GV giới hạn thời gian. GV quan sát và hướng dẫn các nhóm tổ chức hoàn thành câu hỏi. Hết thời gian mỗi câu GV cho HS báo cáo luôn. -Trả lời H1 GV cho mỗi nhóm quan sát các hoa tươi GV đã chuẩn bị sẵn (hoa ly, hoa cải, hoa dừa chuột, hoa bầu) để quan sát cấu tạo hoa và phân biệt hoa đơn tính và lưỡng tính. Sau khi hoàn thành câu H1GV cho HS hoàn thành cá nhân các câu trong SGK mục II.1 *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoàn thành theo nhóm. Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ và thảo luận với nhau đưa ra phương án *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho 1 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung. + HS khuyết tật trả lời được KN sinh sản hữu tính *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá - GV nhận xét và chốt nội dung quá trình SSHT ở thực vật. Thụ phấn chỉ có ở thực vật có hoa. Thụ tinh xảy ra ở cả động vật và thực vật sinh sản hữu tính.	II. Quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật 1. Cấu tạo của hoa - Hoa là cơ quan sinh sản hữu tính ở thực vật - Hoa lưỡng tính gồm các bộ phận chính: bầu nhụy, cánh hoa, nhị, nhụy Hoa lưỡng tính có cả nhị và nhụy. VD: hoa ly, hoa loa kèn, bưởi, cải - Hoa đơn tính chỉ mang nhị (hoa đực) hoặc mang nhụy (hoa cái) VD: hoa dừa chuột, hoa bầu, bí... 2. Các giai đoạn của quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật. Gồm 5 giai đoạn đó là: Hình thành giao tử Thụ phấn Thụ tinh Tạo quả và hạt Phát triển phôi tạo thành cây con 3. Phân biệt thụ phấn và thụ tinh Thụ phấn là sự chuyển hạt phấn đến đầu nhụy của hoa. Thụ tinh là sự hợp nhất của giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử. hợp tử phát triển thành phôi 4. Hình thành hạt và quả Hạt do noãn phát triển thành, hạt chứa phôi nằm trong quả. Quả do bầu nhụy phát triển thành.

2.3. Tìm hiểu quá trình sinh sản hữu tính ở động vật

a) Mục tiêu

Mô tả được các giai đoạn của sinh sản hữu tính ở động vật. Kể tên được một số loài đẻ trứng, đẻ con. **b) Nội dung**

HS làm việc nhóm trả lời các câu hỏi sau:

H1. Chỉ ra các giai đoạn của sinh sản hữu tính.

H2. Phân biệt sinh sản hữu tính và vô tính

H3. Đọc đoạn thông tin sau (GV chiếu slide) Chỉ ra ưu điểm của đẻ con so với đẻ trứng.

c) Sản phẩm

Các nhóm hoàn thành ra giấy hoạt động của nhóm **d)**

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
-------------------------------	-----------------

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập** GV cho HS làm việc nhóm trả lời các câu hỏi H1 và H2, H3

-Ở câu H1 GV có thể mở rộng về thụ tinh ngoài và thụ tinh trong ở một số động vật

- ở câu H2 Phân biệt sinh sản vô tính và hữu tính qua bảng sau (chiếu slide)

	Sinh sản vô tính	Sinh sản hữu tính
Khái niệm		
Đặc điểm con		

- câu H3. Đoạn thông tin “trong một khu rừng, trên cánh đồng cỏ có 2 bạn Rắn và Khỉ với 2 cái bụng lồ lộ đang rập rình đuổi nhau. Vào thời khắc quyết định sinh tử, 2 bạn đều lâm bôn. Bạn khỉ rất nhanh chóng tiếp đất sinh ra 1 chú khỉ nhỏ nhún nhảy yêu ôm vào lòng cho tú ti, còn bạn rắn tìm chỗ trốn vắng rồi mới cuộn tròn cơ thể mềm mại của mình quanh 1 đàn con trứng- bảo vệ chúng tới khi tự mở vỏ chui ra”. Hãy cho biết con của bạn nào được bảo vệ an toàn hơn và con của

III. Quá trình sinh sản hữu tính ở động vật 1. Các giai đoạn của sinh sản hữu tính. - hình thành trứng và tinh trùng: hình thành trứng trong tế bào trứng, hình thành tinh trùng ở tinh hoàn.

- thụ tinh là sự kết hợp giữa nhân của tinh trùng với nhân của tế bào trứng tạo thành hợp tử.

- phát triển phôi: hợp tử phân chia và phát triển thành phôi, từ phôi phát triển thành cơ thể mới.

2. Phân biệt sinh sản vô tính và hữu tính

	Sinh sản vô tính	Sinh sản hữu tính
Khái niệm	Không có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái	Có...
Đặc điểm con	Giống nhau và giống cơ thể mẹ	Mang đặc điểm di truyền của cả bố và mẹ

3. Đẻ con và đẻ trứng

bạn nào được cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng hơn kể từ thời điểm chúng tách rời khỏi cơ thể mẹ nếu loại trừ thiên tai, khí hậu, dịch bệnh? *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoàn thành từng câu hỏi theo nhóm. *Báo cáo kết quả và thảo luận HS đại diện nhóm báo cáo + HS khuyết tật lắng nghe *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS các nhóm tự nhận xét, đánh giá GV nhận xét đánh giá và chốt kiến thức quá trình sinh sản hữu tính ở động vật.	Để con phôi được cung cấp chất dinh dưỡng và bảo vệ tốt trong tử cung của mẹ nên tỷ lệ sống cao hơn so với loài đẻ trứng
--	---

2.4. Tìm hiểu vai trò và ứng dụng của sinh sản hữu tính

a) Mục tiêu

Nêu được vai trò và ứng dụng của sinh sản hữu tính ở sinh vật. **b)**

Nội dung

HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi

H1. Sinh sản hữu tính có vai trò gì đối với cơ thể sinh vật H2.

Sinh sản hữu tính có vai trò gì đối với con người

H3. Nêu ví dụ ứng dụng của sinh sản hữu tính trong chăn nuôi và trồng trọt **c)**

Sản phẩm

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho HS trả lời các câu hỏi H1, H2, H3. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS suy nghĩ trả lời cá nhân *Báo cáo kết quả và thảo luận HS báo cáo cá nhân + HS khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS nhận xét cá nhân GV chốt kiến thức.	IV. vai trò và ứng dụng của sinh sản hữu tính 1. vai trò Sinh sản hữu tính tạo ra các cá thể con mang đặc điểm di truyền của cả bố và mẹ các cá thể có những đặc điểm di truyền khác nhau nên có khả năng thích nghi trước sự thay đổi của môi trường khác nhau. Đối với con người sự đa dạng di truyền là nguyên liệu cho chọn giống vật nuôi và cây trồng. 2. ứng dụng
	Tạo ra thế hệ con mang đặc điểm tốt của cả bố lẫn mẹ đáp ứng nhu cầu đa dạng của con người. Vd như ngô nếp tím, lợn Ỉ- Đại bạch, vịt xiêm, giống lúa DT17, DT24, DT25...

3. Hoạt động 3. Luyện tập a) Mục tiêu

hệ thống được một số kiến thức đã học b)

Nội dung

- HS hoàn thành cá nhân các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Sinh sản hữu tính là sự kết hợp

- A. của nhiều giao tử đực với một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới
- B. ngẫu nhiên của giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới
- C. có chọn lọc của hai giao tử đực và một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới
- D. có chọn lọc của giao tử cái với nhiều giao tử đực và một tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới

Câu 2. Quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật gồm mấy giai đoạn và thứ tự các giai đoạn lần lượt là:

- A. 5, Hình thành giao tử, Thụ phấn, Thụ tinh, Tạo quả và hạt , Phát triển phôi tạo thành cây con
- B. 4, Thụ phấn, Thụ tinh, Tạo quả và hạt, Phát triển phôi tạo thành cây con
- C. 4, Hình thành giao tử, Thụ phấn, Thụ tinh, Tạo quả và hạt
- D. 5, Hình thành giao tử, Thụ tinh, Thụ phấn, Tạo quả và hạt , Phát triển phôi tạo thành cây con

Câu 3. Sinh sản hữu tính ở hầu hết động vật là 1 quá trình gồm ba giai đoạn nối tiếp là:

- A. Giảm phân hình thành tinh trùng và trứng- thụ tinh tạo thành hợp tử- phát triển phôi và hình thành cơ thể mới
- B. Giảm phân hình thành tinh trùng và trứng- phát triển phôi và hình thành cơ thể mới
- C. Phát triển phôi và hình thành cơ thể mới- thụ tinh tạo thành hợp tử- giảm phân hình thành tinh trùng và trứng
- D. Thụ tinh tạo thành hợp tử- giảm phân hình thành tinh trùng và trứng- phát triển phôi và hình thành cơ thể mới

Câu 4: Nhược điểm của hình thức đẻ con so với đẻ trứng là:

- A. Hiệu suất sinh sản thấp hơn
 - B. Con non yếu nên tỉ lệ sống sót thấp hơn
 - C. Luôn cần phải có 2 cá thể bố và mẹ tham gia vào quá trình sinh sản
 - D. Cơ thể cái chi phối nhiều năng lượng cho sự phát triển của con
- Câu 5: Xét các đặc điểm sau:

1. Tạo ra được nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho quá trình tiến hóa và chọn giống
2. Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền
3. Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi
4. Là hình thức sinh sản phổ biến
5. Thích nghi tốt với môi trường sống ổn định

Những đặc điểm không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở động vật là

- A. (4) và (5)
- B. (2) và (5)
- C. (2) và (3)
- D. (1) và (5)

Câu 6: Xét các phát biểu sau, phát biểu đúng là

- A. Hoa là cơ quan sinh sản hữu tính ở thực vật. Hoa lưỡng tính là hoa có cả nhị và nhụy trên cùng một hoa.
 - B. Hoa đơn tính là hoa có cả nhị và nhụy trên cùng một hoa.
 - C. Hạt do phôi phát triển thành. Bầu nhụy phát thành quả chứa hạt
 - D. Thụ tinh là sự chuyển hạt phấn đến đầu nhụy của hoa. Thụ phấn là sự hợp nhất của giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử. hợp tử phát triển thành phôi
- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy c)

Sản phẩm

HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trong những câu hỏi trên **d)**

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS hoàn thành cá nhân các câu hỏi trắc nghiệm và tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy vào vở ghi. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện theo yêu cầu của GV *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời + HS khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ	1. B 2. A 3. A 4. D 5. A 6. A
*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

4. Hoạt động 4. Vận dụng a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức tìm hiểu đời sống **b)**

Nội dung

HS trả lời các câu hỏi sau:

H1. Chỉ ra các giống vật nuôi mới được các viện chăn nuôi và viện di truyền trong nước thực hiện

H2. Tìm hiểu về đặc tính tốt được di truyền từ bố hoặc mẹ ở các giống dê, bò cừu mà các nhà khoa học lai tạo từ các giống nhập nội với các giống trong nước. **c)**

Sản phẩm

HS tìm hiểu được thông tin **d)**

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho HS trả lời các câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoàn thành cá nhân *Báo cáo kết quả và thảo luận Sản phẩm của cá nhân + HS khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS có thể bổ sung thêm và nộp sản phẩm vào tiết sau. GV có thể giới thiệu một số nghiên cứu: Nghiên cứu ứng dụng các giống bò sữa, bò thịt: Lai bò Vàng Brahman với HF cho năng suất sữa cao từ 2200kg/chu kỳ lên tới 5500kg/chu kỳ tương đương năng suất bò sữa của thái lan. Lai BBB với bò lai Zebu sản xuất bò thịt năng suất cao. Nghiên cứu ứng dụng các giống dê, cừu:	H1. Giống lợn nái VCN-08 chọn lọc nhân thuần từ giống lợn nhập ngoại có năng suất sinh sản rất cao với số lứa đẻ nái trên năm $\geq 2,3$, số con sơ sinh sống/ ổ ≥ 15. Giống gia cầm như gà lông màu được viện chăn nuôi chọn lọc lai tạo như R1, R2, MD1..chất lượng thịt thơm ngon, năng suất trứng và thịt cao hơn giống xuất phát 30-35%. Vịt T5, T6, V2...dòng vịt siêu thịt, siêu trứng cho năng suất trứng tăng 10%, năng suất thịt tăng 7-12% so với dòng vịt trước đây. Vịt biển chăn nuôi hiệu quả tại các tỉnh ven biển hải đảo
Giống dê Boer-VCN có khối lượng trưởng thành 75-80 kg/con đực, 65-75 kg/con cái, thịt xẻ đạt 50-55%. Dê chuyên sữa Saanen nuôi thích nghi và nhân thuần cho năng suất sữa 2,83,2 lít/ngày. Cừu Sufort và Dopper có năng suất cao.	

Soạn ngày 24/4/2024

TUẦN 31+ 33 (Tuần 32 KT HKII)

BÀI 40. SINH SẢN HỮU TÍNH Ở SINH VẬT

Môn học: KHTN- Lớp 7

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. Mục tiêu 1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật

- Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính
 - Mô tả được cấu tạo của hoa lưỡng tính, phân biệt được hoa đơn tính và hoa lưỡng tính
 - Mô tả được các giai đoạn của sinh sản hữu tính ở thực vật và phân biệt được thụ phấn với thụ tinh
 - Mô tả được các giai đoạn của sinh sản hữu tính ở động vật. Kể tên được một số loài đẻ trứng, đẻ con.
 - Nêu được vai trò và ứng dụng của sinh sản hữu tính ở sinh vật
- + HS khuyết tật: **Biết khái niệm sinh sản hữu tính. Biết phân biệt hoa đơn tính và lưỡng tính.**

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra các giai đoạn của sinh sản hữu tính ở động vật và thực vật
- Năng lực giải quyết vấn đề khi quan sát để phân biệt các loại hoa, nghe câu chuyện về động vật đẻ con và đẻ trứng
- Năng lực tư duy logic khi tìm hiểu về quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: nêu được khái niệm, phân biệt được sinh sản vô tính và hữu tính
- Tìm hiểu thế giới tự nhiên: lấy được VD về sinh sản hữu tính; kể tên các động vật đẻ trứng, đẻ con...
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: ứng dụng sinh sản hữu tính vào thực tế cuộc sống

3. Phẩm chất

- Chịu khó tìm tòi và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về sinh sản hữu tính
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, trong bài tập về nhà. **II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. Giáo viên

- hoa tươi hoa ly, hoa cải, hoa bưởi, hoa bí
- máy tính, máy chiếu

2. Học sinh

- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà
- Làm thí nghiệm ương hạt lạc, đậu và trồng cây từ lá thuốc bỏng trước 1 tuần

III. Tiến trình dạy học 1. Hoạt động 1. Mở đầu

- a) Mục tiêu** Giúp học sinh xác định được vấn đề cần tìm hiểu là sinh sản hữu tính ở sinh vật **b) Nội dung**

GV yêu cầu các nhóm mang sản phẩm các cây con lạc, đậu và thuốc bỏng đã làm ở nhà để trước mặt mỗi nhóm sau đó quan sát sự tạo thành các cây con trên. Chỉ ra điểm khác nhau về sự hình thành cây con. **c) Sản phẩm**

Bản nhận xét sự tạo thành cây con của mỗi nhóm ghi vào giấy nháp. **d)**

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho HS hoạt động theo nhóm trả lời câu hỏi. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoàn thành theo nhóm và viết vào giấy nháp *Báo cáo kết quả và thảo luận Đại diện nhóm báo cáo *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét sự hình thành cây đậu, cây lạc con từ hạt là một ví dụ điển hình của sinh sản hữu tính, vậy SSHT là gì và quá trình đó diễn ra thế nào?	Cây con thuốc bỏng được hình thành từ một phần cơ quan sinh dưỡng của cây mẹ là biện pháp nhân giống vô tính. Cây con lạc, đậu hình thành không phải từ cơ quan sinh dưỡng mà từ một bộ phận đặc biệt là hạt

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm sinh sản hữu tính a) Mục tiêu

Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. Phân biệt được với sinh sản vô tính

b) Nội dung

HS làm việc cá nhân và đoạn thông tin GV cung cấp (chiếu slide) trả lời khái niệm sinh sản hữu tính.

Lấy VD về sinh sản hữu tính ở thực vật và động vật. **c)**

Sản phẩm

Học sinh lấy được ví dụ về sinh sản hữu tính ở động vật, thực vật

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cung cấp thông tin giao tử là 1 tế bào có khả năng thụ tinh để duy trì nòi giống. <i>Sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử. Hạt chứa hợp tử.</i> Hợp tử phát triển thành cơ thể cây con mới. Dựa vào thông tin trên và các từ khóa “cơ thể mới”, “giao tử đực”, “giao tử cái”, “hợp tử”. Hãy phát biểu khái niệm sinh sản hữu tính. Lấy VD về sinh sản hữu tính ở thực vật và động vật *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoàn thành cá nhân nêu khái niệm và lấy VD *Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời cá nhân lấy được VD *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS nhận xét nhau, GV chốt khái niệm sinh sản hữu tính.	I. Tìm hiểu sinh sản hữu tính 1. Khái niệm Sinh sản hữu tính là hình thức cơ thể mới hình thành từ sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử Hợp tử phát triển thành cơ thể mới. 2. VD Thực vật như lúa, ngô, cam, chanh...các thực vật có hoa Động vật: trâu, cá, tôm, cua, bò, gà....
---	---

2.2. Tìm hiểu quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật

a) Mục tiêu

- Mô tả được cấu tạo của hoa lưỡng tính, phân biệt được hoa đơn tính và hoa lưỡng tính
- Mô tả được các giai đoạn của sinh sản hữu tính ở thực vật và phân biệt được thụ phấn với thụ tinh

b) Nội dung

HS hoạt động theo nhóm trả lời các câu hỏi sau:

H1. Quan sát H40.1 SGK nêu cấu tạo của hoa và phân biệt hoa đơn tính và hoa lưỡng tính

Mô tả cấu tạo hoa lưỡng tính

H2. Quá trình sinh sản hữu tính gồm mấy giai đoạn? Đặc điểm của mỗi giai đoạn

H3. Phân biệt thụ phấn và thụ tinh từ khái niệm.

H4. Từ các thành phần cấu tạo nên 1 hoa cho biết hạt, phôi, quả do các bộ phận nào của hoa hình thành.

c) Sản phẩm

Câu trả lời mỗi nhóm đều ghi vào giấy d)

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Chuyên giao nhiệm vụ học tập -GV hỏi HS về cơ quan sinh sản hữu tính ở thực vật là gì? -GV cho HS trả lời các câu hỏi H1 đến H4 theo hoạt động nhóm. Trong mỗi câu hỏi GV giới hạn thời gian. GV quan sát và hướng dẫn các nhóm tổ chức hoàn thành câu hỏi. Hết thời gian mỗi câu GV cho HS báo cáo luôn. -Trả lời H1 GV cho mỗi nhóm quan sát các hoa tươi GV đã chuẩn bị sẵn (hoa ly, hoa cải, hoa dừa chuột, hoa bầu) để quan sát cấu tạo hoa và phân biệt hoa đơn tính và lưỡng tính. Sau khi hoàn thành câu H1GV cho HS hoàn thành cá nhân các câu trong SGK mục II.1 *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoàn thành theo nhóm. Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ và thảo luận với nhau đưa ra phương án *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho 1 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung. + HS khuyết tật trả lời được KN sinh sản hữu tính *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá - GV nhận xét và chốt nội dung quá trình SSHT ở thực vật. Thụ phấn chỉ có ở thực vật có hoa. Thụ tinh xảy ra ở cả động vật và thực vật sinh sản hữu tính.	II. Quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật 1. Cấu tạo của hoa - Hoa là cơ quan sinh sản hữu tính ở thực vật - Hoa lưỡng tính gồm các bộ phận chính: bầu nhụy, cánh hoa, nhị, nhụy Hoa lưỡng tính có cả nhị và nhụy. VD: hoa ly, hoa loa kèn, bưởi, cải - Hoa đơn tính chỉ mang nhị (hoa đực) hoặc mang nhụy (hoa cái) VD: hoa dừa chuột, hoa bầu, bí... 2. Các giai đoạn của quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật. Gồm 5 giai đoạn đó là: Hình thành giao tử Thụ phấn Thụ tinh Tạo quả và hạt Phát triển phôi tạo thành cây con 3. Phân biệt thụ phấn và thụ tinh Thụ phấn là sự chuyển hạt phấn đến đầu nhụy của hoa. Thụ tinh là sự hợp nhất của giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử. hợp tử phát triển thành phôi 4. Hình thành hạt và quả Hạt do noãn phát triển thành, hạt chứa phôi nằm trong quả. Quả do bầu nhụy phát triển thành.

2.3. Tìm hiểu quá trình sinh sản hữu tính ở động vật

a) Mục tiêu

Mô tả được các giai đoạn của sinh sản hữu tính ở động vật. Kể tên được một số loài đẻ trứng, đẻ con. **b) Nội dung**

HS làm việc nhóm trả lời các câu hỏi sau:

H1. Chỉ ra các giai đoạn của sinh sản hữu tính.

H2. Phân biệt sinh sản hữu tính và vô tính

H3. Đọc đoạn thông tin sau (GV chiếu slide) Chỉ ra ưu điểm của đẻ con so với đẻ trứng.

c) Sản phẩm

Các nhóm hoàn thành ra giấy hoạt động của nhóm **d)**

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập** GV cho HS làm việc nhóm trả lời các câu hỏi H1 và H2, H3

- Ở câu H1 GV có thể mở rộng về thụ tinh ngoài và thụ tinh trong ở một số động vật

- ở câu H2 Phân biệt sinh sản vô tính và hữu tính qua bảng sau (chiếu slide)

	Sinh sản vô tính	Sinh sản hữu tính
Khái niệm		
Đặc điểm con		

- câu H3. Đoạn thông tin “trong một khu rừng, trên cánh đồng cỏ có 2 bạn Rắn và Khỉ với 2 cái bụng lồ lộ đang rập rình đuổi nhau. Vào thời khắc quyết định sinh tử, 2 bạn đều lâm bôn. Bạn khỉ rất nhanh chóng tiếp đất sinh ra 1 chú khỉ nhỏ nhắn đáng yêu ôm vào lòng cho tú ti, còn bạn rắn tìm chỗ trốn vắng rồi mới cuộn tròn cơ thể mềm mại của mình quanh 1 đàn con trứng- bảo vệ chúng tới khi tự mở vỏ chui ra”. Hãy cho biết con của bạn nào được bảo vệ an toàn hơn và con của

III. Quá trình sinh sản hữu tính ở động vật 1. Các giai đoạn của sinh sản hữu tính. - hình thành trứng và tinh trùng: hình thành trứng trong tế bào trứng, hình thành tinh trùng ở tinh hoàn.

- thụ tinh là sự kết hợp giữa nhân của tinh trùng với nhân của tế bào trứng tạo thành hợp tử.

- phát triển phôi: hợp tử phân chia và phát triển thành phôi, từ phôi phát triển thành cơ thể mới.

2. Phân biệt sinh sản vô tính và hữu tính

	Sinh sản vô tính	Sinh sản hữu tính
Khái niệm	Không có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái	Có...
Đặc điểm con	Giống nhau và giống cơ thể mẹ	Mang đặc điểm di truyền của cả bố và mẹ

3. Đẻ con và đẻ trứng

bạn nào được cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng hơn kể từ thời điểm chúng tách rời khỏi cơ thể mẹ nếu loại trừ thiên tai, khí hậu, dịch bệnh? *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoàn thành từng câu hỏi theo nhóm. *Báo cáo kết quả và thảo luận HS đại diện nhóm báo cáo + HS khuyết tật lắng nghe *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS các nhóm tự nhận xét, đánh giá GV nhận xét đánh giá và chốt kiến thức quá trình sinh sản hữu tính ở động vật.	Để con phôi được cung cấp chất dinh dưỡng và bảo vệ tốt trong tử cung của mẹ nên tỷ lệ sống cao hơn so với loài đẻ trứng
---	---

2.4. Tìm hiểu vai trò và ứng dụng của sinh sản hữu tính

a) Mục tiêu

Nêu được vai trò và ứng dụng của sinh sản hữu tính ở sinh vật. **b)**

Nội dung

HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi

H1. Sinh sản hữu tính có vai trò gì đối với cơ thể sinh vật H2.

Sinh sản hữu tính có vai trò gì đối với con người

H3. Nêu ví dụ ứng dụng của sinh sản hữu tính trong chăn nuôi và trồng trọt **c)**

Sản phẩm

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho HS trả lời các câu hỏi H1, H2, H3. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS suy nghĩ trả lời cá nhân *Báo cáo kết quả và thảo luận HS báo cáo cá nhân + HS khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS nhận xét cá nhân GV chốt kiến thức.	IV. vai trò và ứng dụng của sinh sản hữu tính 1. vai trò Sinh sản hữu tính tạo ra các cá thể con mang đặc điểm di truyền của cả bố và mẹ các cá thể có những đặc điểm di truyền khác nhau nên có khả năng thích nghi trước sự thay đổi của môi trường khác nhau. Đối với con người sự đa dạng di truyền là nguyên liệu cho chọn giống vật nuôi và cây trồng. 2. ứng dụng
	Tạo ra thế hệ con mang đặc điểm tốt của cả bố lẫn mẹ đáp ứng nhu cầu đa dạng của con người. Vd như ngô nếp tím, lợn Ỉ- Đại bạch, vịt xiêm, giống lúa DT17, DT24, DT25...

3. Hoạt động 3. Luyện tập a) Mục tiêu

hệ thống được một số kiến thức đã học **b)**

Nội dung

- HS hoàn thành cá nhân các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Sinh sản hữu tính là sự kết hợp

- A. của nhiều giao tử đực với một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới
- B. ngẫu nhiên của giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới
- C. có chọn lọc của hai giao tử đực và một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới
- D. có chọn lọc của giao tử cái với nhiều giao tử đực và một tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới

Câu 2. Quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật gồm mấy giai đoạn và thứ tự các giai đoạn lần lượt là:

- A. 5, Hình thành giao tử, Thụ phấn, Thụ tinh, Tạo quả và hạt , Phát triển phôi tạo thành cây con
- B. 4, Thụ phấn, Thụ tinh, Tạo quả và hạt, Phát triển phôi tạo thành cây con
- C. 4, Hình thành giao tử, Thụ phấn, Thụ tinh, Tạo quả và hạt
- D. 5, Hình thành giao tử, Thụ tinh, Thụ phấn, Tạo quả và hạt , Phát triển phôi tạo thành cây con

Câu 3. Sinh sản hữu tính ở hầu hết động vật là 1 quá trình gồm ba giai đoạn nối tiếp là:

- A. Giảm phân hình thành tinh trùng và trứng- thụ tinh tạo thành hợp tử- phát triển phôi và hình thành cơ thể mới
- B. Giảm phân hình thành tinh trùng và trứng- phát triển phôi và hình thành cơ thể mới
- C. Phát triển phôi và hình thành cơ thể mới- thụ tinh tạo thành hợp tử- giảm phân hình thành tinh trùng và trứng
- D. Thụ tinh tạo thành hợp tử- giảm phân hình thành tinh trùng và trứng- phát triển phôi và hình thành cơ thể mới

Câu 4: Nhược điểm của hình thức đẻ con so với đẻ trứng là:

- A. Hiệu suất sinh sản thấp hơn
 - B. Con non yếu nên tỉ lệ sống sót thấp hơn
 - C. Luôn cần phải có 2 cá thể bố và mẹ tham gia vào quá trình sinh sản
 - D. Cơ thể cái chi phối nhiều năng lượng cho sự phát triển của con
- Câu 5: Xét các đặc điểm sau:
- 1. Tạo ra được nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho quá trình tiến hóa và chọn giống
 - 2. Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền
 - 3. Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi
 - 4. Là hình thức sinh sản phổ biến
 - 5. Thích nghi tốt với môi trường sống ổn định

Những đặc điểm không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở động vật là

- A. (4) và (5)
- B. (2) và (5)
- C. (2) và (3)
- D. (1) và (5)

Câu 6: Xét các phát biểu sau, phát biểu đúng là

- A. Hoa là cơ quan sinh sản hữu tính ở thực vật. Hoa lưỡng tính là hoa có cả nhị và nhụy trên cùng một hoa.
 - B. Hoa đơn tính là hoa có cả nhị và nhụy trên cùng một hoa.
 - C. Hạt do phôi phát triển thành. Bầu nhụy phát thành quả chứa hạt
 - D. Thụ tinh là sự chuyển hạt phấn đến đầu nhụy của hoa. Thụ phấn là sự hợp nhất của giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử. hợp tử phát triển thành phôi
- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy c)

Sản phẩm

HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trong những câu hỏi trên d)

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS hoàn thành cá nhân các câu hỏi trắc nghiệm và tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy vào vở ghi. *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện theo yêu cầu của GV *Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời + HS khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ	1. B 2. A 3. A 4. D 5. A 6. A
*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.	

4. Hoạt động 4. Vận dụng a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức tìm hiểu đời sống b)

Nội dung

HS trả lời các câu hỏi sau:

H1. Chỉ ra các giống vật nuôi mới được các viện chăn nuôi và viện di truyền trong nước thực hiện

H2. Tìm hiểu về đặc tính tốt được di truyền từ bố hoặc mẹ ở các giống dê, bò cừu mà các nhà khoa học lai tạo từ các giống nhập nội với các giống trong nước. c)

Sản phẩm

HS tìm hiểu được thông tin d)

Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho HS trả lời các câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoàn thành cá nhân *Báo cáo kết quả và thảo luận Sản phẩm của cá nhân + HS khuyết tật lắng nghe, ghi nhớ *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS có thể bổ sung thêm và nộp sản phẩm vào tiết sau. GV có thể giới thiệu một số nghiên cứu: Nghiên cứu ứng dụng các giống bò sữa, bò thịt: Lai bò Vàng Brahman với HF cho năng suất sữa cao từ 2200kg/chu kỳ lên tới 5500kg/chu kỳ tương đương năng suất bò sữa của thái lan. Lai BBB với bò lai Zebu sản xuất bò thịt năng suất cao. Nghiên cứu ứng dụng các giống dê, cừu:	H1. Giống lợn nái VCN-08 chọn lọc nhân thuần từ giống lợn nhập ngoại có năng suất sinh sản rất cao với số lứa đẻ nái trên năm $\geq 2,3$, số con sơ sinh sống/ ổ ≥ 15. Giống gia cầm như gà lông màu được viện chăn nuôi chọn lọc lai tạo như R1, R2, MD1..chất lượng thịt thơm ngon, năng suất trứng và thịt cao hơn giống xuất phát 30-35%. Vịt T5, T6, V2...dòng vịt siêu thịt, siêu trứng cho năng suất trứng tăng 10%, năng suất thịt tăng 7-12% so với dòng vịt trước đây. Vịt biển chăn nuôi hiệu quả tại các tỉnh ven biển hải đảo
Giống dê Boer-VCN có khối lượng trưởng thành 75-80 kg/con đực, 65-75 kg/con cái, thịt xẻ đạt 50-55%. Dê chuyên sữa Saanen nuôi thích nghi và nhân thuần cho năng suất sữa 2,83,2 lít/ngày. Cừu Sufort và Dopper có năng suất cao.	

